

làng văn

220

Tháng
12.2001



BÌNH-AN DƯỚI THẾ
CHO NGƯỜI THIỆN TÂM

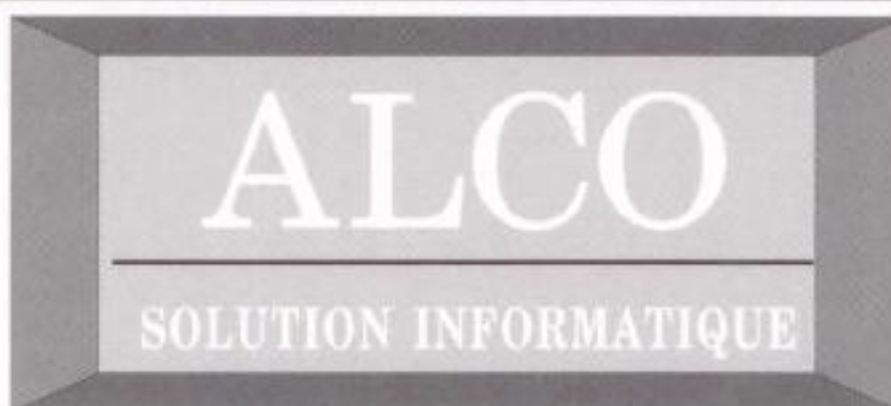
Nha-sĩ NGUYỄN CHÍNH CƯỜNG
Nha-sĩ VÕ THỊ LAN ĐÀI

Chirurgien Dentiste/Clinique Médicale RACHEL
4298 Rue St-Denis, Montréal, lầu hai, phòng 04
(Métro Mont-Royal hoặc Bus 30) **Tel: (514) 849-1038**

Luật-sư
NGUYỄN XUÂN NGHĨA
CHUYÊN VỀ DI-TRÚ VÀO HOA-KỲ

Văn phòng Cali: 19112 E. Center Ave.
Orange
California 92869
Tel / Fax: (714) 633-5997

Văn-phòng DC: 6269 Leesburg Pike
Suite #306
Falls Church, VA 22044
Tel: (703) 237-5273
Fax: (703) 532-7453



ALCO
SOLUTION INFORMATIQUE

95 Ste-Catherine Ouest, Montréal
Tél. (514) 843-3155
www.alco.qc.ca Email: service@alco.qc.ca

Luật sư / Avocat
LƯƠNG VĂN TUẤN
1114 Beaubien Est, Suite 206, Montréal
Tél: (514) 272-0503 - Fax: (514) 270-1143

Chuyên viên Tài-chánh & Bảo-hiểm Nhân-mạng
Châu Võ Thành Tường, B.Sc., A.V.C.
279 Place de la Poudière, Verdun, Qc., H4G 3K5
(Métro Lasalle) - Tél: **(514) 767-2874**

TIỆM VÀNG - BIJOUTERIE
HOÀNG KIM

Mua bán & sửa chữa nữ trang
VÀNG • CẨM THẠCH • HỘT XOÀN
6700 Côte des Neiges #214 **Tel: (514) 344-5692**
Montréal, Québec H3S-3B2 **Fax: (514) 344-8221**
4300 Steeles East, #A-201 **Tel: (905) 944-1900**
Markham, Ontario L3R 0Y5

CẦN THƯ-MỤC LÀNG VĂN?

Xin xem trên báo Xuân, hoặc vi-báo Làng Văn

www.tapchilangvan.com

**MUỐN NGHE NHẠC, ĐỌC TIN MỚI,
BÁO CŨ, THƠ, TRUYỆN CƯỜI,...**

Xin đến viếng vi-báo Làng Văn

www.tapchilangvan.com

Luật sư **ĐÀO XUÂN HÒA**
(Nguyên Luật-sư Tòa Thượng-thẩm Sài-gòn)
7304A St. Denis, Montréal, H2R 2E2
Tel: (514) 279-7540

Văn-phòng Bảo-hiểm và Dịch-vụ
NGUYỄN BÁ DĨNH
4860 Circle Rd., Montréal
Tél: (514) 482-9153

NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG

**CHIẾN TRANH
VIỆT NAM
TOÀN TẬP**

**TỪ TRẬN ĐẦU (ẤP BẮC - 1963)
ĐẾN TRẬN CUỐI (SÀI GÒN - 1975)**



làng văn

Sách in tuyệt đẹp, trình-bày rõ-ràng, hợp-lý
Dày 960 trang khổ lớn, bìa cứng có jacket
Giá 45 mỹ-kim (70 gia-kim) kể cả cước-phí

**Một xuất-phẩm đại-gia-đình cựu quân-nhân
QL/VNCH và con em nên có trong nhà:**

Cuốn sách viết đầy-dủ, công-bằng và
trung-thực nhất về chiến-tranh Việt-nam, qua:

- 53 trận đánh lớn, kèm sơ-đồ, diễn-tiến, kết-quả.
- Nhận-định của tác-giả về chiến-tranh VN.
- Lịch-sử, tổ-chức, ưu-khuyết-điểm của Quân-lực VNCH
- Quân-đội Mỹ tại Việt-nam.
- Quân-đội CS Bắc Việt và Việt Cộng
- Một số chiến-cụ thông-dụng tại chiến-trường Việt-nam.
- Toàn văn Hiệp-định Genève 1954
- Toàn văn Hiệp-định Paris 1973
- Cựu Trung-tướng Trần Văn Trung, Tổng Cục Trưởng Tổng Cục Chiến-Tranh Chính-Trị đọc và viết lời giới-thiệu.
- Với sự giúp-đỡ của 12 cựu tướng-lãnh, 20 cựu đại-tá, 7 cựu trung-tá và 7 cựu thiếu-tá QL/VNCH

Liên-lạc:
LÀNG VĂN
P.O. Box 218 Station "U"
Toronto, Ontario M8Z 5P1
Canada

TRONG SỐ NÀY:

Thế-giới 30 ngày qua.....	2
Cuộc chiến chống khủng-bố.....	4
Trong làng.....	10
Ngoài xã.....	12
Tin Việt-nam.....	13
Chuyện người chuyện ta: Mùa Giáng-sinh, Sơn Tùng.....	21
Kẻ dọn đường, Nguyễn Văn Thông.....	25
Máu thấm lòng đất mẹ, lên Khoan.....	28
Thập bát cơ thạch, Đào Đức Chương.....	35
Tháng chạp tôi về, thơ Nguyễn Văn Ngọc.....	37
Nụ hôn, thơ Vạn Giã.....	40
Sống lâu trăm tuổi, Nguyễn Nhạn Sơn.....	44
Niềm tin cuối cùng, thơ BHT.....	47
Bình-minh, thơ Phan Long Yên.....	48
Thương tiếc, truyện ngắn Ngọc Anh.....	51
Những bông tuyết đầu mùa, thơ Minh Đạo.....	56
Người hầu bàn tốt bụng, truyện ngắn Trần Chính Trực.....	51
Tự-do, thơ Lê Hữu Minh Toán.....	61
Những nụ cười, thơ Tuệ Nga.....	62
Mấy kỷ-niệm Giáng-sinh, truyện Nguyễn Hoài Phương.....	65
Bé Hồng Ngọc, truyện ngắn Diên Khánh.....	70
Tấn-phong, thơ Cao Hoàng Nhân.....	75
Môi mai, thơ Nguyễn Văn Cường.....	77
Bến Tre xanh thấm bóng dừa, truyện dài Xuân Vũ.....	78
Phi điệp, thơ Thuý Sơn.....	81
Vật vờ, truyện dài Nguyễn Hoài Phương.....	82
Lời thu xa, thơ Biển Bắc.....	84
Con bướm đa tình, thơ Từ Lê Ngô.....	87
Tình hận, truyện dài xã-hội đen của Tống Minh Long Quân.....	89
Góc thơ chùa: Ngồi thiền, thơ Phạm Tâm Phố.....	91
Hướng dương, thơ Trần Ngọc.....	93
Hài cú, thơ Cung Vũ.....	94
Độc-giả thắc mắc, Bút Chì.....	95
Nhìn thu lá rụng, thơ Trần Văn Lệ.....	97
Diễn-đàn: Hiện-tượng Nguyễn Gia Kiểng, Lê Văn Tư.....	98
Vài lời xác-minh, Minh Đạo.....	106
Tài-liệu: Một hình ảnh nóng bỏng, Đào Trường Phúc.....	107
Cười chết bỏ, Cả Cười.....	109
Thư đi tin lại, Nguyễn Hương.....	112

Chủ-nhiệm, Chủ-bút:

Nguyễn Hữu Nghĩa

Toà-soạn và trị-sự:

Nguyễn Hương

Cộng-tác thường-xuân:

Bùi Hữu Trí - Bút Chì - Cao Hoàng Nhân - Cung Vũ
Diên Khánh - Dương Thị Vành Khuyên
Đào Trường Phúc - Hoàng Nga - Hồng Huy
Hương Giang Thái Văn Kiếm
Khải Chính - Lãng Nhân Phùng Tất Đắc
Lộc Quy - Lê Hữu Mục - Mỡ Làng Văn
Ngô Nguyễn Dũng - Nguyễn Hương - Nguyễn Phong
Nguyễn Duy Tâm - Nguyễn Đăng Tuấn
Nguyễn Hoài Phương - Nguyễn Hữu Nhật
Nguyễn Huy Phước - Nguyễn Nhạn Sơn
Nguyễn Văn Cường - Nguyễn Văn Ngọc
Nguyễn Văn Thông - Phan Các Chiêu Hằng
Phan Long Yên - P. Đan Hà - Phương Liên
Sơn Tùng - Thuý Sơn - Tuệ Nga - Tự Tình
Tống Minh Long Quân - Trần Ngân Tiêu
Trần Văn Tích - Trần Văn Lệ - Tuỳ Anh - Vạn Giã
Vạn Lam - Văn Nương - Việt Chì - Việt Phương
Việt Thao Đào Đức Chương - Xuân Tước - Xuân Vũ

Đóng góp bài vở:

Bạch Thái Hà - Bùi Xuân Vũ - Cao Xuân Lý - Diệu Tần
Dương Kim - Đặng Thị Quế Phương - Đông Nghi
Hải Ngừ - Hoài Việt - Hoàng Chính - Hoàng Du Thụy
Hoàng Hải Thủy - Hồng Ân - Huy Vũ - Huỳnh Liễu Ngân
Lâm Thúy - Lê Hữu Minh Toán - Minh Đạo
Minh Đức Hoài Trình - Nam Chi Thượng Nhân
Nam Man Lâm Nam Triều Nghiêu Minh - Ngọc Anh
Ngô Du Trung - Nguyễn Hoàng Bảo Việt - Nguyễn Khanh
Nguyễn Bá Đình - Nguyễn Hải Hà
Nguyễn Mạnh An Dân - Nguyễn Thị Vinh - Nguyễn Tư
Nguyễn Ước - Nguyễn Xuân Hiến - Nguyệt Cầm
Phan Nguyễn Minh Minh - Phan Thịnh
Phạm Hồng Đạm - Phạm Quang Ngọc - Phạm Tâm Phố
Phạm Thành Châu - Phạm Thăng - Phùng Nhân
Thiên Di - Thúy Trang - Tôn Nữ - Trần Chính Trực
Trần Mộng Lâm - Trường Sơn Lê Xuân Nhị
Trường Xuân Triệu - TT Máy Trên Ngàn - Vi Vi
Vy Khâm - Võ Phiến

Minh-hoa:

Nguyễn Nhật Tân

Góp tranh, ảnh:

Babui - Bùi Mỹ Hoa - Lê Quang Xuân - Minh
Nguyễn Khai - Nguyễn Đồng - Nguyễn Thị Hợp
Tăng Sở Dương - Thái Tuấn - T. Nguyễn
Vi Vi - Vũ Thái Hòa

Tri-ân các cộng-tác-viên quá-cố:

Thanh Nam, Trần Cao-Linh, Tú-Vi Lang
Bình Nguyễn Lộc, Nguyễn Tất Nhiên
Kính Tân, Phạm Văn Cương, Lê Thao Chuyên,
An Khê, Ngọc Khôi, Duyên Anh, Trương Ái Minh,
Vi An, Mai Thảo, Tô Giang, Nguyễn Đình Hoà,
Nguyễn Văn Ba, Nguyễn Xuân Lê, Vũ Kiện
Quỳ Hương, E.P. (Lê Kiều Phương),
Đình Huỳnh, Đan Quế, Huỳnh Hữu Cửu

Giá báo bán lẻ

Gia-nã-dại: 5 gia-kim; Hoa-kỳ: 5 mỹ-kim
Pháp: 50 quan; Úc: 7 úc-kim; Bắc Âu: 50 kroner
Nhật: 700 yen; các nước khác: 5 mỹ-kim
Mua báo dài hạn: xem Lê Làng trang 119

ĐẠI-DIỆN LÀNG VĂN

. MONTREAL:

Võ Bá Thiện

ĐT: (514) 766-8323

Fax: (514) 766-8531

Page: (514) 202-7256

. MASSACHUSETTS:

Hoàng Thị Kim Sinh

ĐT / Fax: (781) 961-3467

. TEXAS:

Trương Sĩ Lương

ĐT: (817) 265-6356

Fax: (817) 548-8563

. LITTLE SAIGON, CALI:

Ngọc Vân

ĐT: (714) 893-2018

. FLORIDA:

Linh Phương

ĐT: (407) 578-8006

. PA & NEW YORK:

Nguyễn Đăng Tuấn

ĐT: (610) 258-1719

Fax: (610) 258-2037

. NEW JERSEY:

Nguyễn Huy Phước

ĐT: (609) 665-3654

. HAWAII:

Trần Ngọc

ĐT: 808-942-4648

. HÒA-LAN:

Hồ Thị Chiến

ĐT: 0229-231-666

. ĐỨC:

Dr. Ngô Việt Dũng

Điện-thoại: 2316-56949

. NA-UY:

Dương Kim

ĐT / Fax: 9288-8393

. ÚC:

Đan Hà Nguyễn Văn Tà

ĐT: 02-9742-3946

thế-giới 30 ngày qua



Tị- nạn

350 thuyền-nhân đã chết thảm trên đoạn đường biển giữa Nam-dương và Úc, khi chiếc tàu cũ-kỹ của họ bị đắm. Phần lớn nạn-nhân là người Iraq, cùng một số người Iran, Algeria, Palestine và A-phú-hãn. Một số ít thuyền-nhân may-mắn sống-sót, được Hải-quân Úc vớt kịp, cho biết, mỗi người đã phải trả từ 800 đến 1900 mỹ-kim để được xuống tàu. Trước khi rời bến, thuyền trưởng đã biết tàu bị vô nước, nhưng vẫn liều chết ra đi, vì không thể ở lại với chế-độ Saddam Hussein.

Kinh-tế, xã-hội

Tại Mỹ, hãng vỏ xe hơi Firestone và Bridgestone phải thu-hồi và đền một số vỏ xe trị giá 41,5 triệu mỹ-kim. Hãng này lâm nạn vì một số vỏ xe chế-tạo trước tháng 5.1998 nổ tan-tành khi xe chạy, làm vỏ xe nóng lên. Tất cả đã có tới 271 người chết vì tai-nạn nổ bánh xe.

Cũng tại Mỹ, Giám-mục da đen Wilton Gregory, 53 tuổi, đã được bầu làm Chủ-tịch Hội-đồng Giám-mục Hoa-kỳ. Đây là người da đen đầu-tiên trở thành Chủ-tịch Hội-đồng Giám-mục Mỹ; cũng như cựu tướng Colin Powell là người da đen đầu-tiên làm Ngoại-trưởng Mỹ.

Tại Los Angeles, trong khi hàng nửa triệu người mất việc và đất nước đang bị lung-lay tận gốc

rể, khoảng 150 y-tá và nhân-viên cấp-cứu ở Los Angeles đình-công đòi tăng lương 7%. Vụ đình-công gây ảnh-hưởng tại các khu-vực Burbank, Pasadena, Van Nuys, Canoga Park và Glendale.

Tại Ao, Hội-nghị Bộ-trưởng của Tổ-chức các quốc-gia xuất-cảng dầu (OPEC-Organization of Petroleum Exporting Countries) đã quyết-định giảm sản-lượng để tăng giá dầu. Saudi Arabia hô-hào hội-viên OPEC giảm 2,5 triệu thùng mỗi ngày và các nước ngoài hội giảm nửa triệu thùng mỗi ngày. Cần nhắc lại, OPEC thành-lập năm 1961, có 13 nước hội-viên là Algeria, Ecuador, Emirates, Iran, Gabon, Iraq, Kuwait, Libya, Nam-dương, Nigeria, Qatar, Saudi Arabia và Venezuela.

Tại A-châu, các ngân-hàng A-châu lại đối-diện nguy-cơ phá-sản vì cho vay tới 2 ức (2000 tỉ) mỹ-kim mà không đòi được. Ngân-hàng Nam-dương bị quít nợ 60%. Trung Cộng bị quít 40%. Nhật-bản bị quít 26%.

Trung Cộng và Đài-loan đã được thu-nhận vào Tổ-chức mậu-dịch thế-giới (WTO-World Trade Organization) cùng lúc. Trung Cộng gia-nhập với tính-sách quốc-gia, và Đài-loan gia-nhập với tư-cách "vùng quan-thuế riêng biệt."

Tại Nam Hàn, 20 ngàn nông dân biểu-tình phản-đối việc nhập-cảng một số lượng gạo theo Điều-lệ của WTO (Tổ-chức mậu-dịch thế-giới). WTO ra lệnh cho Đại-Hàn phải giảm dần và chấm dứt

tài-trợ cho nông-gia từ nay đến năm 2004, và phải nhập-cảng gạo. Hiện nay gạo nội-địa Đại-Hàn đắt gấp 6 lần gạo nhập-cảng, nhưng chính-phủ vẫn cấm nhập-cảng gạo, để giúp-đỡ nhà nông. Ngoài việc đốt hình nộm viên chức WTO, đoàn biểu-tình còn tấn-công vào trụ-sở đảng Đại-quốc vì đảng đối-lập này chống lại đề-nghị gửi gạo cứu đói Bắc Hàn.

Thiên-tai

Tại Mỹ, cuối tháng 10, tiểu-bang North Dakota chịu một trận bão tuyết và mưa đá quá sớm khiến mọi người không kịp phòng-bị. Khoảng 400 xe bị kẹt trên xa-lộ 29; 2 xe xúc tuyết bị xe vận-tải đụng phải, 125 ngàn căn nhà bị mất điện. Tại phía Bắc tiểu-bang Indiana, 1 người bị bão lốc bốc lên cao hàng trăm mét rồi quật xuống, chết bẹp; 14 người khác bị thương; 50 ngàn căn nhà mất điện. Tiểu-bang Michigan có 75 ngàn căn nhà bị mất điện. Bão tuyết tiếp-tục đổ sang Minesora, Wiscinsin và Michigan.

Tại Phi-luật-tân, bão Lingling với sức gió 144 cây số giờ, mang lại mưa lũ làm làm đất sụt biến thành bùn lỏng trôi xuống phủ trùm lên các vùng đất thấp ở đảo Camiguin miền Nam, khiến 106 người chết, 221 mất-tích.

“Nhân tai”

Tại Trung Cộng, đại nạn kêu án tử-hình bừa-bãi để móc lấy tim, gan và thận tử tội bán cho nhà giàu càng ngày càng trầm-trọng. Theo tin *New York Times*, năm 2000, Trung Cộng đã kêu án và hành-quyết 10 ngàn người, hầu hết là thanh-niên. Để bảo-đảm phẩm-chất tươi cho món hàng, các bác-sĩ được lệnh cắt lấy cơ-

phận ngay trong khi các nạn-nhân chưa chết hẳn, tim còn đập, phổi còn làm việc và đôi khi tử tội hãy còn tỉnh-táo.

Giá một trái thận thanh-niên là 6000 mỹ-kim bán cho người bản xứ, và từ 10 ngàn đến 50 ngàn mỹ-kim bán cho ngoại-kiều. Trong năm 2000, các nhà tù Trung Cộng đã bán được 5000 trái thận. Tại Hàng-châu, có rất nhiều bệnh-viện nhận thay thận và cung-cấp thận, khách hàng chỉ phải chờ từ 1 đến 5 ngày.

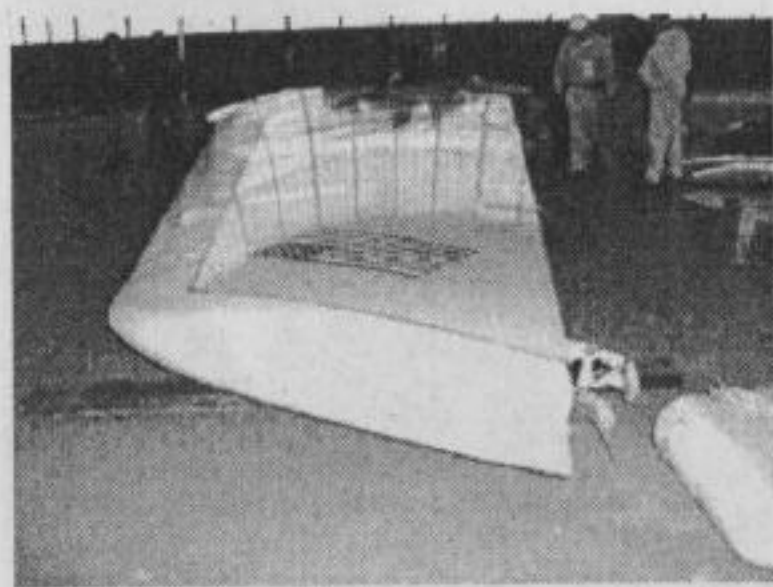
Riêng gan và tim, vì khó thay hơn nên giá rẻ hơn: 5000 mỹ-kim một lá gan và 5500 mỹ-kim một trái tim.

Dịch-vụ bán cơ phận tử tù mang lại lợi nhuận cho nhà nước Trung Cộng hàng trăm triệu mỹ-kim mỗi năm.

Tai-nạn

Tại Mỹ, chiếc Airbus A300 của hãng American Airline chở 260 người từ New York đi Cộng-hoà Dominic đã phát nổ và rơi xuống quận Queen sau khi cất cánh từ phi-trường John F. Kennedy được 3 phút.

Chiếc máy bay bị mất một phần đuôi và một phần cánh, đâm



Phần đuôi và bộ-phận giữ thăng bằng của chiếc Airbus 300 của hãng American Airline đứt lìa khỏi máy bay một cách bí-mật. Các chuyên-gia hàng-không giải-thích: do chiếc phi-cơ hai lần rơi vào lỗ chân-không trong không-gian.

xuống khu dân-cư Rockaway, làm chết toàn bộ hành-khách cùng phi-hành-đoàn, gây tử vong cho 6 người khác trên mặt đất.

Tôn-giáo

Tại Ấn-độ trong tháng 11.2001, có hơn 1 triệu tín-đồ Ấn-độ-giáo thuộc các giai-cấp thấp nhất đã bỏ đạo, qui y Phật. Lý-do theo Phật-giáo là vì Phật dạy “chúng-sinh bình-đẳng.” Các buổi lễ qui-y thường tổ-chức ngoài trời, cạo đầu cho hàng chục ngàn người một lần.

Tại Ấn-độ có 250 triệu người thuộc giai-cấp dalits hèn kém. Luật-pháp cấm kỳ-thị giai-cấp, nhưng xã-hội vẫn theo tập-quán, coi khinh giai-cấp dalits.

Khoa-học

Các khoa-học-gia Úc đã hoàn-tất kế-hoạch chế-tạo một loại phi-cơ bay cao 30 cây số (99 ngàn bộ) với tốc-độ gần 10 ngàn cây số/giờ, nhanh gấp 7,6 lần tốc-độ âm-thanh. Với loại máy bay này, hành-khách đi từ Úc sang Anh-quốc chỉ mất có 2 giờ bay. Trước đây cả Anh lẫn Mỹ đều đã nghiên-cứu về loại máy bay siêu-tốc này nhưng không thành-công.

Chính-quyền

Tại Mỹ, ứng-cử-viên Cộng-hoà Mike Bloomberg, 59 tuổi, đã đánh bại ứng-cử-viên đảng Dân-chủ, trở thành thị-trưởng thành-phố New York, thay ông Rudolph Giuliani mãn-nhiệm. Thị-trưởng Giuliani trong 10 năm làm thị-trưởng đã có công lớn xây-dựng New York thành một thành-phố an-ninh, không băng đảng, không cả hành-khất, nhưng luật bầu-cử thị-trưởng New York chỉ cho phép tái cử một lần. ●

Cuộc Chiến Chống Khủng-Bố

Tổng kết của Làng Văn

Osama bin Laden xác-nhận tấn-công "tháp đôi"

Nhật báo *Telegraph* của Anh-
quốc đã liên-tục đưa ra các bằng-
chứng, gồm băng hình, băng
tiếng, bài viết và ấn-phẩm của tổ-
chức khủng-bố Al Qaeda, xác-
nhận tổ-chức này và chính Osama
bin Laden đã lập kế-hoạch tấn-
công vào Trung-tâm mậu-dịch
quốc-tế, mà Bin Laden gọi là
"tháp đôi New York."

Trong các băng hình phổ-biến
hai tuần trước ngày 11 tháng 9,
bin Laden nói:

*"Lịch-sử sẽ làm chứng rằng
chúng ta là lực-lượng khủng-bố.
Đúng thế, chúng ta giết những*

người vô tội của họ."

Trong cuộc trả lời phỏng-vấn
của báo Anh-văn *Dawn* của Hồi-
quốc hồi cuối tháng 10, bị "nhắc
nhở" rằng kinh Coran cấm giết
người vô tội, ngay trong các cuộc
thánh-chiến, Osama bin Laden cãi
rằng:

*"Tháp đôi WTC là mục-tiêu
hợp-pháp và 4537 người bị các
phi-công cảm-tử của Thượng-đế
Allah hạ-sát, không phải là thường
dân, vì họ đang làm việc cho
Mỹ."*

Osama bin Laden phân-biệt:
*"Có hai loại khủng-bố, khủng-bố
tốt và khủng-bố xấu. Việc chúng
tôi đang làm là khủng-bố tốt.
Chúng tôi sẽ không ngừng giết*

chúng và bất cứ ai ủng-hộ chúng."

Lực-lượng Đồng-minh

Ngoài Anh, Gia-nã-đại và Mỹ
đã đổ bộ các lực-lượng đặc-biệt
vào nội-địa A-phú-hãn, nhiều nước
khác cũng hứa gửi quân, gồm:

- Úc-đại-lợi, hứa gửi 1550
quân Lực-lượng đặc-biệt, 4 chiến-
đấu-cơ, 3 khinh-tốc-đỉnh và 2
phi-cơ tiếp xăng trên không.

- Thổ-nhĩ-kỳ, quốc-gia Hồi-
giáo trong Minh-ước Bắc Đại-
Tây-dương (NATO) hứa gửi 90
biệt-kích-quân và cán-bộ sang
huấn-luyện cho Liên-minh Bắc
quân.

- Đức hứa gửi 3900 quân sang
yểm-trợ chiến-dịch chống Taliban.
Một cách cụ-thể, Mỹ yêu-cầu Đức
giúp 100 biệt-kích-quân, 260 quân-
y, 500 quân điều-hành không-
vận, 1800 quân hộ-tống hải-vận,
800 quân điều-nghiên và do-thám
về nguyên-tử và hóa-học, cùng
một số xe tăng Fuchs.

- Pháp đã gửi sang A-phú-hãn
giúp Mỹ một số chiến-đấu-cơ
cùng binh-sĩ bảo-vệ phi-trường
quân-sự ở Mazar-e-Sharif do Liên-
minh Bắc quân vừa chiếm lại
được.

- Nhật-bản đã gửi 3 khu-trục-
hạm từ Nagasaki sang vùng biển



Thủ-tướng Anh Tony Blair (bên trái), con thoi kết-hợp lực-lượng thế-giới chống
khủng-bố; và tướng Pervez Musharraf, tổng-thống Hồi-quốc, quốc-gia đồng-minh
số 1 trong cuộc chiến chống Taliban, truy-lùng khủng-bố Al Qaeda ở A-phú-hãn



Hàng-không mẫu-hạm Mỹ Peleliu
rời San Diego, túc-trực
ngoài biển A-rập (Hồi-quốc)

A-rập giúp Mỹ. Đô-đốc Hirotaka Honda xác-định: “Nhiệm-vụ của chúng tôi là thu-thập tin-tức và sẵn-sàng ứng-phó với các mối đe-doạ của quân khủng-bố.” Trong khi Hải-quân rời bến, lực-lượng cứu-hoả của Nhật tại Đông-kinh tổ-chức thao-dượt chống vũ-khí nguyên-tử, hoá-học và vi-trùng.

Trong tháng 11, Tổng-thống George W. Bush của Mỹ đã tiếp-kiến nhiều vị nguyên-tử quốc-gia sang họp bàn về cuộc chiến chống khủng-bố, trong số này có Tổng-thống Jacques Chirac của Pháp, Nelson Mandela của Nam Phi và Valdimir Putin của Nga. Tổng-thống Nga và Mỹ đã thoả-thuận tài giảm 2/3 vũ-khí nguyên-tử, và bắt tay xây-dựng chính-phủ liên-hiệp tại A-phú-hãn.

Trong khi đó, một số các vị nguyên-thủ quốc-gia khác sang Anh gặp Thủ-tướng Tony Blair, cũng cùng một mục-đích. Tại London, Quốc vương Abdullah của Jordan trong bài diễn-văn đọc trước Quốc-hội Anh, khẳng-định rằng “cuộc tấn-công tự-sát ngày 11 tháng 9 tại Mỹ đã chống lại toàn-thể nhân-loại.” Bàn về chiến-lược, ông vua trẻ tốt-nghệp quân-sự tại Anh này tuyên-bố: “*nhANH chóng* là yếu-tố quyết-định”. Jordan sẵn-sàng tham-gia cứu-trợ nhân-đạo tại A-phú-hãn, nhưng lo-ngại về việc Mỹ có thể mở

rộng trận chiến sang Iraq, là nước láng giềng không mấy thân-thiện của Jordan.

Mặt khác, Thủ-tướng Atal Behari Vajpayee của Ấn-độ trong chuyến công-du sang Nga, đã ra tuyên-cáo chung với TT Putin, đồng-thanh xác-định ý-chí chống khủng-bố. Thủ-tướng Ấn nói với báo-chí: “Cộng-đồng quốc-tế cần tiêu-trừ chủ-nghĩa khủng-bố khi nó xuất-hiện tại bất cứ nơi nào, cũng như phải canh chừng các quốc-gia đỡ đầu, yểm-trợ hay chỉ-huy quân khủng-bố, coi khủng-bố là quốc-sách.” Tổng-thống Putin nói: “Không thể có tiêu-chuẩn nước đôi về khủng-bố, cũng không có khủng-bố tốt và khủng-bố xấu; cộng-đồng quốc-tế cần trảm kìn bất cứ khe hở nào có thể cho phép quân- khủng-bố khai-thác để đạt mục-tiêu của chúng.”

Tổ-tướng Gerhard Schroeder của Đức đã công-du Hồi-quốc (Pakistan) và Ấn-độ để nhận-định tình-hình tại chỗ.

Tại Mỹ, mẫu hạm John Stennis để dẫn một hạm đội 10 chiếc và thủy-thủ đoàn 5500 người tách bến San Diego, sang biển A-rập thay-thế hạm-đội Carl Vinson về nghỉ sau 30 ngày tham chiến.

Lực-lượng Taliban

Phía Taliban gồm hai khối:

quân-đội Taliban và quân khủng-bố Al Qaeda, gồm nhiều quốc-tịch, phần lớn là A-rập, Ai-cập, Yemen, Hồi-quốc và người A-phú-hãn. Sau vụ khủng-bố bằng “bom bay tự sát” ở Mỹ, khoảng 5000 “thánh-chiến-quân” người Hồi-quốc (Pakistan) đã vượt biên-giới vào A-phú-hãn để chiến-đấu cho Osama bin Laden.

Chính-phủ Hồi-giáo ngăn-cấm công-dân sang A-phú-hãn chiến-đấu, nếu vi-phạm sẽ không được trở về. Khoảng 800 người đã bỏ ý-định ra đi, và trong số hơn 4200 người trốn theo Taliban và bin Laden đã có nhiều người chết và bị thương. Xác chết và thương binh bị cấm nhập-cảnh Hồi-quốc, khiến thân-nhân của họ nổi dậy đốt rụi một đồn cảnh-sát ở Karachi và chiếm-cử lãng quốc-tổ Mohammed Ali Jinnah.

Trận chiến bom đạn tại A-phú-hãn

Trong tháng 11, Liên-minh Bắc-quân A-phú-hãn đã tiến chiếm được hơn 60% lãnh-thổ quốc-gia này, bao gồm cả thành-phố chiến-lược Azar-e-Sharif (ngày 9 tháng 11) ở phía Bắc và thủ-đô Kabul ở miền Trung (ngày 13 tháng 11).

Quân Taliban đã lần-lượt rút khỏi các thành-phố lớn sau khi các phòng tuyến bị pháo-đài bay



Lính Pháp



Trực-thăng Nga

B-52 và oanh-tạc-cơ B-1 của Mỹ ném bom “trải thảm” và “ngắt hoa cúc” với mưa bom 250 kí và bom không-lô 7 tấn.

Bộ Tư-lệnh tiền-phương của Taliban gần làng Qara Muheb ở phía Bắc Kabul đặt trong hang động sâu trong lòng núi xa cửa hang hàng trăm mét, dưới một lớp đá dày 20 mét, đã trúng liên-tiếp hai trái bom 7 tấn, một góc núi sụp xuống, cả bộ tư-lệnh bị chôn vùi trong đá vụn. Mặt trận phía Bắc tan vỡ.

Biệt-kích Mỹ cuối ngựa, hành quân phối-hợp với Liên-minh Bắc quân A-phú-hãn, đã phục-kích giết được 23 cố-vấn Trung Cộng làm việc trong Bộ Tham-mưu Taliban, và 1 phụ-tá cao-cấp của Osama bin Laden.

Quân-đội Liên-minh Bắc-quân lục-soát các cơ-sở hành-chánh của Taliban ở Kabul, đã tịch-thu được một văn-kiện mật ký-kết giữa Trung Cộng và Taliban ngày 11 tháng 9 năm 2001, hợp-đồng kinh-tế và quân-sự có thời-hạn hai năm kể từ ngày ký.

Quân-đội Đồng-minh và Liên-minh Bắc-quân A-phú-hãn quyết-định tiếp-tục tấn-công quân Taliban tại miền Nam thay vì hưu-chiến nhân mùa chay Hồi-giáo kéo dài

một tháng từ giữa tháng 11 đến giữa tháng 12. Phát-ngôn-viên của tổng-thống nước Hồi-giáo Thổ-nhĩ-kỳ cũng tuyên-bố: “Lực-lượng Đồng-minh nên tiếp-tục cuộc tấn-công ngay trong tháng lễ Ramadan vì quân khủng-bố không hề biết tôn-trọng mùa chay.”

Trong 25 ngày đầu cuộc chiến, Mỹ đã tung ra 1600 phi-xuất, phóng ra 6000 quả bom và hỏa-tiên đủ loại, trong đó có 90 phi đạn Tomahawk trị giá 1 triệu mỹ-kim một trái.

Ngày 15.11, có tin nhân-vật số 2 trong Al Qaeda sau Osama bin Laden, là Mohammed Atef, thông-gia của bin Laden, đã tử thương trong một vụ không-tập của Mỹ.

Ngày 17.11, hãng AP loan tin bin Laden lẫn-lút gần biên-giới Pakistan, đã tìm được cơ-hội trốn vào nước này.

Trận chiến ngoài A-phú-hãn

Tại quốc-nội, Mỹ đã đưa 4 thành-viên của tổ-chức khủng-bố Al Qaeda ra tòa-án dân-sự. Trong số này có Khalfan Khamis Mohamed, 28 tuổi và Al-O'whali, 24 tuổi, can tội đặt bom 2 sứ-quán Mỹ ở Phi-châu; và El-Hage, 41 tuổi, quốc-tịch Mỹ, thư-ký riêng

của Osama bin Laden. Cả bốn bị kêu án tù chung thân, bồi-thường cho chính-phủ Mỹ 26 triệu mỹ-kim và bồi-thường cho gia-đình các nạn-nhân 7 triệu mỹ-kim.

Chính-phủ Mỹ, với sự hợp-tác của 9 nước, đã bố-ráp và phong-toả thêm các cơ-sở kinh-tài của tổ-chức khủng-bố Al Qaeda, tổng số gồm 49 tổ-chức, 15 cá-nhân và 23 trường-mục liên-quan đến Osama bin Laden.

Chính-phủ Thụy-sĩ đã bắt giữ 2 chuyên-viên tài-chánh A-rập. Chính-phủ Gia-nã-đại bắt được 1 người, nhưng được toà cho tại ngoại hậu tra sau khi đóng tiền thế chân.

Trận chiến vi-trùng trên đất Mỹ

Trong khi Bin Laden và tổ-chức khủng-bố Al Qaeda đang trốn chui trốn nhủi vì bom ở A-phú-hãn thì “hậu-phương” nhốn-náo vì vi-trùng bệnh than (Anthrax). Bệnh than xuất-hiện lần đầu-tiên ở Florida, làm chết một ký-giả, tiếp theo xuất-hiện ở DC, làm chết 2 nhân-viên bưu-diện và 1 nhân-viên bệnh-viện ở New York (bà Kathy Nguyễn, 61 tuổi, người Việt). Các phong-bì chứa



Kỵ-binh Linh-minh A-phú-hãn ngồi xe tăng T-55



Kỵ-binh Mỹ cưỡi chiến-mã

bào-khuẩn bệnh than xuất-hiện ở nhiều nơi: các cơ-quan báo-chí, truyền hình, Thượng-viện, phòng Bưu-tín tòa Bạch-ốc, v.v. gây xáo-trộn sinh-hoạt nhiều cơ-sở và thiệt-hại lên tới 7 tỉ mỹ-kim.

Bưu-diện Mỹ đã ký hợp-đồng với công-ty Titan ở San Diego, mua 8 hệ-thống khử-trùng bưu-phẩm, trị giá 40 triệu mỹ-kim và đặt thêm 12 hệ-thống nữa.

Trùm khủng-bố Osama bin Laden trong cuộc trả lời phỏng-vấn báo Pakistan đã khẳng-định rằng "không dính-dáng gì" tới vụ gieo rắc vi-trùng bệnh than. Trong khi đó, Cơ-quan Tình-báo trung-ương của Mỹ (CIA) đã nêu đích-

danh Saddam Hussein là nghi-can chính. Cơ-quan này khẳng-định Iraq sở-hữu kỹ-thuật và có vật-liệu chế-tạo bào-khuẩn bệnh than trong các hang động bí-mật ở A-phú-hãn.

Ngoài việc khủng-bố bằng bào-khuẩn bệnh than, Osama bin Laden vẫn nuôi-dưỡng kế-hoạch tấn-công bằng "bom bay tự sát", tức phi-cơ chở đầy xăng và hành-khách. Tổ-chức khủng-bố Al Qaeda đã mượn làn sóng truyền-hình al-Jazeera của quốc-gia Qatar, một đảo quốc ở phía đông Phi-châu, kêu-gọi tín-đồ Hồi-giáo hãy ngưng đi lại bằng phi-cơ và tránh xa các toà nhà chọc trời.

Văn-phòng điều-trang liên-bang (FBI) Mỹ đã bắt được 14 nghi-can tung ra bào-khuẩn bệnh than.

Khủng-bố người khác đạo

Bên ngoài Hoa-kỳ, một số các nước Hồi-giáo đã tấn-công khủng-bố nhắm vào tín-đồ Thiên chúa giáo.

Tại Hồi-quốc, tín-đồ Hồi-giáo đã đốt một loạt 14 nhà thờ, bắn chết 2 cảnh-sát-viên được lệnh bảo-vệ nhà thờ rồi xông vào nơi hành lễ, hạ sát 15 tín-đồ Thiên chúa giáo. Khẩu-hiệu của quân khủng-bố: "Hồi-quốc và A-phú-hãn là mồ chôn tín-đồ Thiên-chúa-giáo."

Tại tỉnh Punjab, khối Hồi-giáo cổ-diễn (Sunni - đa số) còn bạo-hành cả nhóm Hồi-giáo tân-tiến (Shi'ite - thiểu số), mặc dù hai bên cùng thờ một đấng Thượng-đế A-la.

Tại Saudi Arabia và Ai-cập, hai quốc-gia thân Mỹ (ít nhất là ngoài mặt), đã bắt giam và tra-tấn hàng trăm tín-đồ Thiên chúa giáo vì "tội" lên-lút tổ-chức thánh-lễ ở tự-gia. Luật-pháp xứ này cấm hành-lễ bất cứ tôn-giáo nào ngoài Hồi-giáo, cấm đeo thánh giá, tượng Phật và cấm tín-đồ Do-thái-



B-52 "trải thảm" trên đầu quân Taliban và Al Qaeda



Mohammed Atef, thông-gia và là cánh tay mặt của Osama bin Laden (chết)



Mullah Mohammed Oma: "Sẽ tiêu-diệt nước Mỹ theo ý Thượng-đế Allah."



Osama bin Laden: "Chúng ta đã tắm kẻ thù trong máu của chúng"

giáo cư-trú tại nước này. Luật cấm hành lễ và cấm đeo thánh giá áp-dụng cho cả quân-đội Liên-hiệp-quốc và Mỹ công-tác trên lãnh-thổ Saudi Arabia.

Saudia Arabia và Iraq nuôi các tổ-chức khủng-bố

Quốc-gia dầu hoả giàu có nhất thế-giới Hồi-giáo này là lá nhau cung-cấp phương-tiện để nuôi lớn tổ-chức khủng-bố Al Qaeda. Chính Saudi Arabia chứ không phải nước nào khác, đã tài trợ để mở các trường đào-tạo tinh thần quân khủng-bố trên khắp thế-giới, từ Hoa-kỳ, Gia-nã-đại, Âu-châu, Hồi-quốc, A-phú-hãn đến Mã-lai, Nam-dương, Phi-luật-tân, v.v.

Các báo lớn của Mỹ như *New York Times*, *Los Angeles Times* đã đăng nhiều loạt phóng-sự điều-tra, nêu ra các bằng-chứng cụ-thể cho thấy Saudi Arabia đã dốc túi tài-trợ, nuôi dưỡng quân khủng-bố, trong khi A-phú-hãn chỉ là chỗ cho chúng ẩn núp một khi bại lộ.

Hơn phân nửa trong số 19 tên không-tặc trên 4 chiếc máy bay ngộ nạn ngày 11 tháng 9 vừa qua là công-dân Saudi Arabia. Hồ-sơ về các tổ-chức khủng-bố dài dằng dặc danh-sách những phú gia, quan-lại và thành-phần lãnh-đạo

quốc-gia này. Đó là lý-do tại sao Saudi Arabia tuy tuyên-bố đồng ý hợp-tác với Mỹ để diệt khủng-bố, nhưng sự hợp-tác ấy cho tới nay, cũng chỉ nằm trong các bài diễn-văn hay công-điện mà thôi.

Thông-tấn Nga Interfax đưa ra các tài-liệu mới nhất cho thấy, tổ-chức Al Qaeda đã móc nối với các băng đảng mafia Nga hoạt-động ở Đức, Bạch-ngà (Belarus) và Nga để mua vật-liệu chế-tạo vũ-khí nguyên-tử với giá rất cao, mà tài-sản 300 triệu của Osama bin Laden không đủ sức trả nổi.

Ngoài Saudi Arabia, một hàng tướng của Iraq đã trưng ra các tài-liệu chứng-minh Saddam Hussein góp phần huấn-kuyện quân khủng-bố tại căn-cứ quân-sự Salman Pak ở phía Nam thủ-đô Bá-đạt, với các khoá học kéo dài 6 tháng. Các khoá-sinh được dạy cách chiến-đấu bằng tay chân, lưỡi lê, súng, lựu-đạn và vũ-khí sinh-hoá. Khoá-sinh biệt-kích của Iraq được dạy thêm về kỹ-thuật ám-sát và phá-hoại. Khoá-sinh dân-quân Hồi-giáo do Al Qaeda gửi tới được huấn-luyện kỹ-thuật cướp máy bay. Bài học của họ có cả một chiếc máy bay 707 dùng làm học-cụ.

Iraq đã tung rất nhiều tiền, bí-mật thành-lập các tổ hành-động khắp Bắc Mỹ, kể cả cơ-quan

tuyên-truyền nguy-hoà tại các đại-học khét tiếng của Mỹ.

Thiệt-hại kinh-tế ở Mỹ

Thiệt-hại dây chuyền về kinh-tế ở Mỹ có thể lên tới vài ức (ngàn tỉ) mỹ-kim trong 5 năm kể từ ngày 11 tháng 9 vừa qua. Các thiệt-hại tức thì gồm có:

- 27 cao-ốc trong vùng lâm nạn ở New York cùng một góc Ngũ-giác-đài.

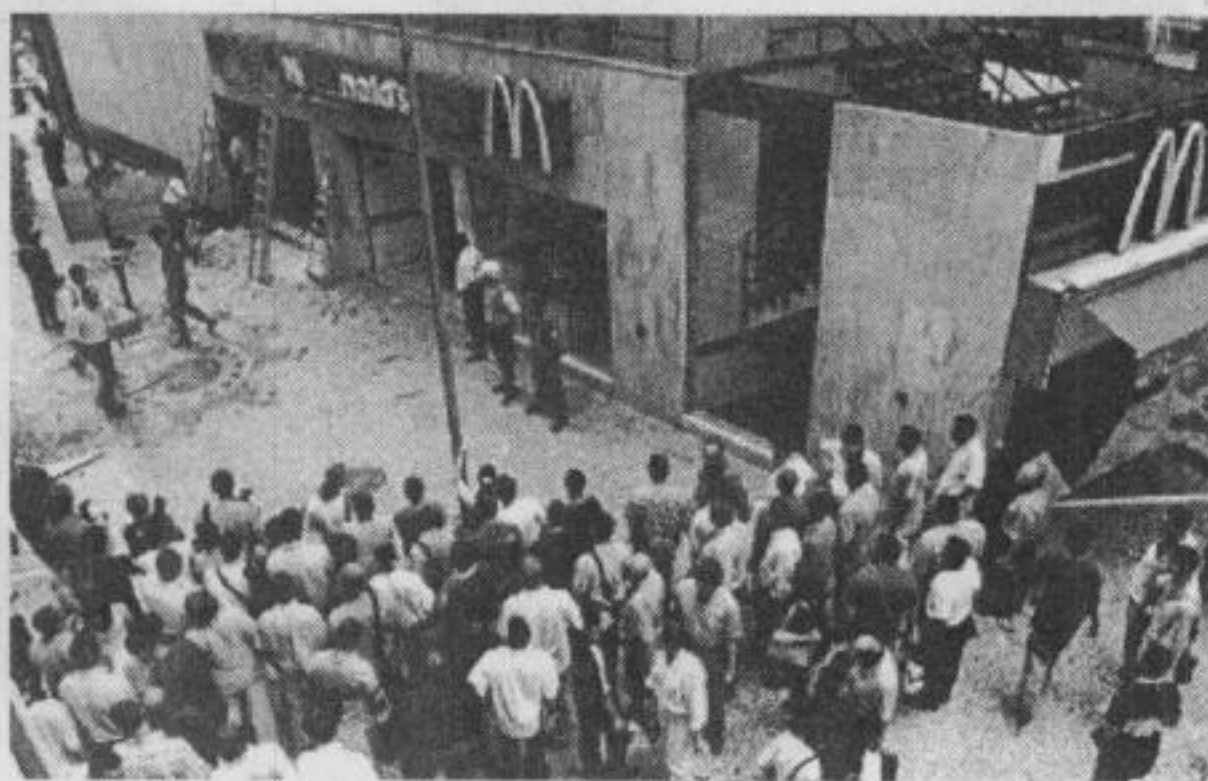
- Nhân mạng và tài-sản trong vùng lâm nạn.

Ngoài ra, những thiệt-hại kinh-tế đáng kể nhất gồm có:

- Hơn 100 phi-trường lớn ở Mỹ giảm 35% dịch-vụ, gây thiệt-hại khoảng 10 tỉ mỹ-kim gồm tiền đậu xe, chi-phí và dịch-vụ bãi đáp cùng các doanh-thu khác.

- Kỹ-nghệ hàng-không của Mỹ sẽ lâm vào tình-trạng phá-sản hàng loạt. Năm 2000, kỹ-nghệ hàng-không Mỹ lời 2,6 tỉ mỹ-kim; và dự-trù lỗ khoảng 2,5 tỉ trong năm 2001, và không ước-lượng nổi mức lỗ trong năm 2002. Chính-phủ đã dành ngân-sách 5 tỉ mỹ-kim để cứu nguy.

- Tỷ-lệ thất-nghiệp ở Mỹ tăng lên tới 5,4%, cao nhất trong 21 năm qua, với hơn 415 ngàn người vừa mất việc. Riêng tiểu-bang California dự-đoán sẽ mất thêm từ



10 ngàn dân Tanzania biểu-tình tôn-vinh bin Laden; Hồi-giáo ở Mỹ đập phá nhà hàng McDonald ở Rio de Janeiro

264 ngàn đến 400 ngàn việc làm từ nay đến giữa năm 2002, chịu nặng nhất là quận Los Angeles, mất 76 ngàn việc. Tiểu-bang mất 1,2 tỉ tiền thuế.

- Kỹ nghệ lắp-ráp xe hơi giảm 16%.

- Kỹ-nghệ xây cất giảm 10%.

- Bưu-điện Mỹ mất 7 tỉ mỹ-kim do hậu-quả dây chuyền từ vụ bào-khuẩn bệnh than. Lượng bưu-phẩm gửi qua Bưu-điện giảm 6,6 tỉ đơn-vị, so với cùng thời-gian này năm ngoái.

Những con số mất-mát trong nước kinh-khủng hơn chiến-phí của Mỹ tại A-phú-hãn rất nhiều. Trong 30 ngày đầu-tiên oanh-kích quân Taliban ở A-phú-hãn, Mỹ chỉ mất 1 tỉ mỹ-kim, trong khi đó riêng khoảng thất thu của Bưu-điện đã nhiều hơn chiến-phí tới 7 lần!

Bù lại, kỹ-nghệ chiến-tranh của Mỹ gia-tăng đáng kể. Chính-phủ đã giao cho công-ty Lockheed Martin một hợp-đồng chế-tạo 3000 chiến-đấu-cơ phản-lực siêu-thanh có khả-năng vượt khỏi mất ra-đa, và lên thẳng, trị giá 200 tỉ mỹ-kim. Hãng này hiện có 10 ngàn nhân viên, và đã nhận thêm 9000 người nữa. Kỹ-nghệ chế-tạo vũ-khí, bom đạn cũng gia-tăng 25% so với các năm trước.

Thiệt-hại kinh-tế thế-giới

Hậu-quả vụ khủng-bố 11 tháng 9 đã gây thiệt-hại toàn cầu, không riêng gì Mỹ.

CSVN, nơi có nhiều người reo hò đắc thắng, và xua hàng ngàn người xuống đường biểu-tình chống Mỹ ngày 14 và 15.9 cũng gánh chịu hậu-quả, khi số du-khách nhập nội giảm 65%, hàng-hoá xuất-cảng giảm 30% và số tiền đồng-bào hải-ngoại gửi về nước giúp thân-nhân giảm 18%; thiệt-hại chung cho nhà nước lên tới

hàng tỉ mỹ-kim.

Đảo-quốc giàu-có Đài-loan, lần đầu-tiên bị suy-thoái kinh-tế kể từ 1950 cho đến nay.

Suy-thoái kinh-tế ở Tân-gia-ba trầm-trọng hơn năm 1997 trước đây.

Nam-dương bị suy-sụp về kỹ-nghệ ngân-hàng.

Tại Nam-Hàn, công-ty Hynix Semi-conductor chuyên sản-xuất ký-phận (memory board) máy vi-tính bị thiệt hại 7,3 tỉ mỹ-kim, có nguy-cơ phá-sản.

Kỹ-nghệ du-lịch thế-giới thiệt-hại trầm-trọng nhất, với số nhân-viên mất việc lên tới 9 triệu người. Các phi-trường Bruxelles (Bỉ) và Zurich (Đức) trở nên hoang-vắng, có thể sẽ phải đóng cửa nếu không được chính-phủ tài-trợ. Hãng hàng-không Canada 3000 đột-ngột tuyên-bố phá-sản và đình-chỉ lập-tức mọi hoạt-động, khiến 50 ngàn hành-khách bị kẹt khắp các nước. Công-ty này có 40 máy bay và 4400 nhân-viên.

Di-dân Hồi-giáo và A-rập, Trung Á bị xét kỹ hơn

Do hậu-quả của vụ khủng-bố 11 tháng 9, và sau đó nhiều tổ-chức A-rập, Trung á và Hồi-giáo tổ-chức biểu-tình đốt cờ Mỹ, chống chiến-tranh diệt khủng-bố, v.v. chính-phủ Mỹ và Gia-nã-đại đã duyệt-xét kỹ hơn các đơn xin di-cư vào hai quốc-gia này, để giữa cho tỉ-lệ giữa các sắc dân và các tôn-giáo được quân-bình. Hiện nay ở Mỹ có 6 triệu tín-đồ Hồi-giáo, và Gia-nã-đại có 600 ngàn người theo đạo này. Sở Di-trú và nhập-tịch hai nước Mỹ và Gia-nã-đại bị chỉ-trích gay-gắt về việc xét đơn di-dân một cách cầu-thả, vô-trách-nhiệm.

Tổng-thống Mỹ George W. Bush tuyên-bố: "Phải ngăn-chặn

quân khủng-bố và những kẻ ủng-hộ quân khủng-bố. Những kẻ đó đã vào Mỹ và đã phạm tội. Chúng ta phải học những bài học đó."

Mỹ tái-lập Tòa-án quân-sự

TT Mỹ George W. Bush đã ký một sắc-lệnh dài 5 trang (không cần Quốc-hội phê-chuẩn), tái-lập Tòa-án quân-sự (Military tribunal) để xét-xử quân khủng-bố.

Loại tòa-án này đã được Mỹ thành-lập từ thế-kỷ 17, gọi là "Ủy-hội quân-sự". Thời đệ nhị Thế-chiến, TT Franklin D. Roosevelt đã triệu-tập Ủy-hội này một lần, khi bắt được quân khủng-bố Đức-quốc-xã bí-mật đổ bộ vào Mỹ năm 1942.

Bản án do tòa-án quân-sự đưa ra thường là chung-thâm, và được thi-hành ngay.

Giai-đoạn 2 của cuộc chiến giải-phóng A-phú-hãn: chính-phủ liên-hiệp

Hội-đồng Bảo-an Liên-hiệp-quốc đã thông qua nghị-quyết thành-lập chính-phủ liên-hiệp nhiều thành-phần A-phú-hãn.

Bản Nghị-quyết ủy-nhiệm cho ông Lakhdar Brahimi, làm ủy-viên công-cán, thay mặt cho ông Tổng Thư-ký LHQ, đứng ra liên-lạc với các phe nhóm liên-hệ để lập chính-phủ cho A-phú-hãn.

Hầu hết các phe quân-sự và sắc-tộc tại A-phú-hãn đều đồng ý lập chính-phủ chung, ngoại-trừ giáo-sĩ Mahammed Omar, lãnh-tụ Taliban và là con rể của Osama bin Laden tuyên-bố hôm 15.11: "Thà chết chứ không gia-nhập một chính-quyền quý với các người lãnh-đạo cũ của A-phú-hãn."

Omar nhấn mạnh "sẽ tiêu-diệt nước Mỹ theo ý Thượng-đế Allah, và nước Mỹ sẽ sụp-đổ!" ●



trong làng

Nhạc sĩ Đoàn Chuẩn qua đời

Nhạc-sĩ Đoàn Chuẩn, thân-phụ của ca-sĩ Đoàn Chính (Montréal), đã qua đời tại Việt-nam hôm 15 tháng 11, sau nhiều năm hôn-mê.

Ông sinh năm 1924 tại Hải-phòng, thuộc khuynh-hướng lãng-mạn tiền chiến, và một trong các nhạc-sĩ đã đặt nền móng cho nền tân-nhạc Việt-nam. Những ca-khúc bất tử của Đoàn Chuẩn hợp soạn với Từ Linh, gồm: *Tà áo xanh*, *Lá thư*, *Thu quyến rũ*, *Lá đỏ muôn chiều*, *Gửi gió cho mây ngàn bay*.

Ông được an-táng tại nghĩa-trang Như Quỳnh, Hưng-yên.

Văn Bút VN Ontario họp Đại-hội Trung-tâm

Trung-tâm Ontario thuộc Văn



Quang-cảnh buổi sinh-hoạt Văn Bút VN Ontario

Bút Việt-Nam Hải-Ngoại đã họp đại-hội lúc 2 giờ chiều Chủ-nhật, 28.10 tại Toronto để đức-kết sinh-hoạt, báo-cáo tài-chánh, hoạch-định chương-trình hoạt-động hai năm tới và bầu ban-chấp-hành cho nhiệm-kỳ mới.

Sau phần thủ-tục khai-mạc, đại-hội chính-thức khai-mạc với 28 hội-viên hiện-diện hoặc ủy-quyền và gửi phiếu bầu, trên tổng-số 36 hội-viên hợp-lệ niên-liêm.

Trong phần tường-trình sinh-hoạt, ban chấp-hành mãn-nhiệm cho biết, trong hai năm 1999-2001, Trung-tâm Ontario đã tổ-chức 13 buổi hội-thảo mở rộng cho công-chúng, thực-hiện 16 bản tin, tham-gia BTC hai kỳ Đại-hội VBVNHN, nhận 8 hội-viên mới (1 hội-viên qua đời, 2 hội-viên xuất hội) và nhận LM Nguyễn Văn Lý (tiểu-luận-gia) làm hội-viên danh-dự của Trung-tâm.

Tiếp-theo phần báo-cáo tài-chánh, ban chấp-hành tuyên-bố mãn-nhiệm, trao quyền điều-hành Đại-hội cho Ủy-ban Bầu-cử.

Theo Nội-qui Trung-tâm, Đại-hội bầu ra 5 ủy-viên Ban Chấp-hành. Các ủy-viên đắc-cử sau đó họp riêng để phân-công vào tân Ban Chấp-hành.

Kết-quả, có 5 hội-viên ứng-cử và đều đắc cử với số phiếu đa-số 50% +1; và thành-phần Ban Chấp-hành nhiệm-kỳ 2001-2003 được công-bố sau đó như sau:

. Chủ-tịch: Nguyễn Hương, nhà báo

. Đệ I PCT: Khải Chính, nhà văn (GS Phạm Kim Thư)

. Đệ II PCT: Tống Minh Long Quân, nhà văn

. Tổng Thư Ký: Cung Vũ, nhà thơ

. Thủ quỹ: GS Đỗ Quang Vinh, nhà văn.

Tân Ban Chấp-hành trình-bày chương-trình hoạt-động. Đại-hội thảo-luận và thông qua, gồm các điểm:

- Văn Bút Ontario sẽ tổ-chức các lớp viết văn, làm thơ,...

- Thu-nhận hội-viên dự-bị (chọn trong số học-viên có nhiều triển-vọng);

- Tổ-chức sinh-hoạt văn-hóa 3 tháng một lần;

- Khuyến-khích giới trẻ sáng-tác bằng ngoại-văn;

- Thực-hiện tuyển-tập chung;

- Xuất-bản tác-phẩm cho hội-viên với giá vốn,...

Các sinh-hoạt tiếp theo của Đại-hội là ra mắt tân Ban Chấp-hành, thuyết-trình, ra mắt sách, ăn tối và văn-ngệ.

Đúng 4 giờ 30, quan-khách trong cộng-đồng đến. Người ta nhận thấy có đại-diện các đoàn-thể: Hội Cựu Quân-nhân, Hội Cựu SVSQTB Thủ Đức, Liên đoàn Lê Văn Hưng, Mặt Trận QGTNGPVN, Hội Người Việt Toronto, Hội Cao Niên Việt-nam Mississauga, Ủy Ban Nhân Quyền, tuần báo Viễn Đông, GS Trần Gia Phụng, GS Vũ Ngô Quý, nhà thơ Lưu Văn Giỏi,...



Nhà thơ Văn Hạc giới-thiệu tân Ban Chấp-hành

Sau phần ta mắt tân Ban Chấp hành, Giáo-sư Nguyễn Hữu Quang thuyết-trình *Lịch-sử Kinh Dịch* tại VN.



Học-giả Nguyễn Bá Triệu, tác-giả *Chinh-phụ-ngâm tập chú*



GS Nguyễn Hữu Quang nói chuyện về *lịch-sử Kinh Dịch* tại VN



Nhà văn Vũ Thị Dạ Thảo

Giáo-sư Phạm Kim Thư giới-thiệu các tác-phẩm: *án tích CSVN* (Trần Gia Phụng), *Bông hồng dâng mẹ* (Vũ thị Dạ Thảo) và *Chinh Phụ Ngâm tập chú* (Nguyễn Bá Triệu).

Các tác-giả được mời lên phát-biểu phát-biểu.

Nhà báo Nguyễn Hương giới-thiệu *Tình hận* (Tống Minh Long Quân), *Cười lẫn* (Cả Cười), *Cười là thang thuốc bổ* (Cả Cười).

Nhà thơ Cung Vũ giới thiệu *Năm con rồng á châu* (Đỗ Đức Thống) và *Tiếng nói Đoàn Thị Điểm trong Chinh-phụ ngâm khúc* (Lê Hữu Mục, Phạm Thị Nhung).

Sau hết là ăn tối và văn-nghe. Được biết Trung-tâm Văn Bút VN Ontario được thành-lập từ năm 1987, và ban chấp-hành mới nhất thuộc nhiệm-khoá 8.

Địa-chỉ liên-lạc:

Văn Bút VN Ontario

P.O. Box 218 Station "U"

Toronto, Ontario M8Z 5P1
Canada

Điện-thoại: (905) 607-8010

Vi-thư:

VanBuOntario@yahoo.com

Theo Điều-lệ, Trung-tâm Ontario thu-nhận hội-viên viên-cư (sinh sống ngoài tỉnh-bang Ontario hoặc ngoài nước Canada).

Trung-tâm Miền Đông Hoa-kỳ bầu tân Ban Chấp-hành

Trung-tâm Văn Bút Miền Đông Hoa-kỳ đã bầu xong Ban Chấp-hành nhiệm-kỳ 2001-2003, thành-phần như sau:

. Chủ-tịch: Ông Hà Bình Trung, nhà văn

. Đệ I PCT: Ông Trần Quốc Bảo, nhà văn

. Đệ II PCT: Bà Lê Thị Ý, nhà thơ

. TTK: Bà Lâm Thuý, nhà thơ

. Thủ-quý: Bà Nguyễn thị Ngọc Dung, nhà thơ.

Địa-chỉ liên-lạc của TT Miền Đông:

TT Miền Đông

C/o: VH Hà Bình Trung

7607 Seabrook Lane

Springfield, VA 22153

USA

Vi-thư: kynghuyenmoi@aol.com

Văn Bút VN Hải Ngoại dự Đại-Hội Văn Bút Quốc-Tế

Cuối tháng 11.2001, phái-đoàn Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại do nhà văn Minh Đức Hoài Trinh (chủ-tịch trung-ương) và nhà văn Nguyễn Đức An (Tổng Thư-ký) đã lên đường sang Luân-đôn (Anh-quốc) dự Đại-hội Văn Bút Quốc-Tế, theo lời mời của Ban Chấp-hành và Ban Tổ-chức.

Đêm ca-nhạc

Trọng Nghĩa & Mộng Lan

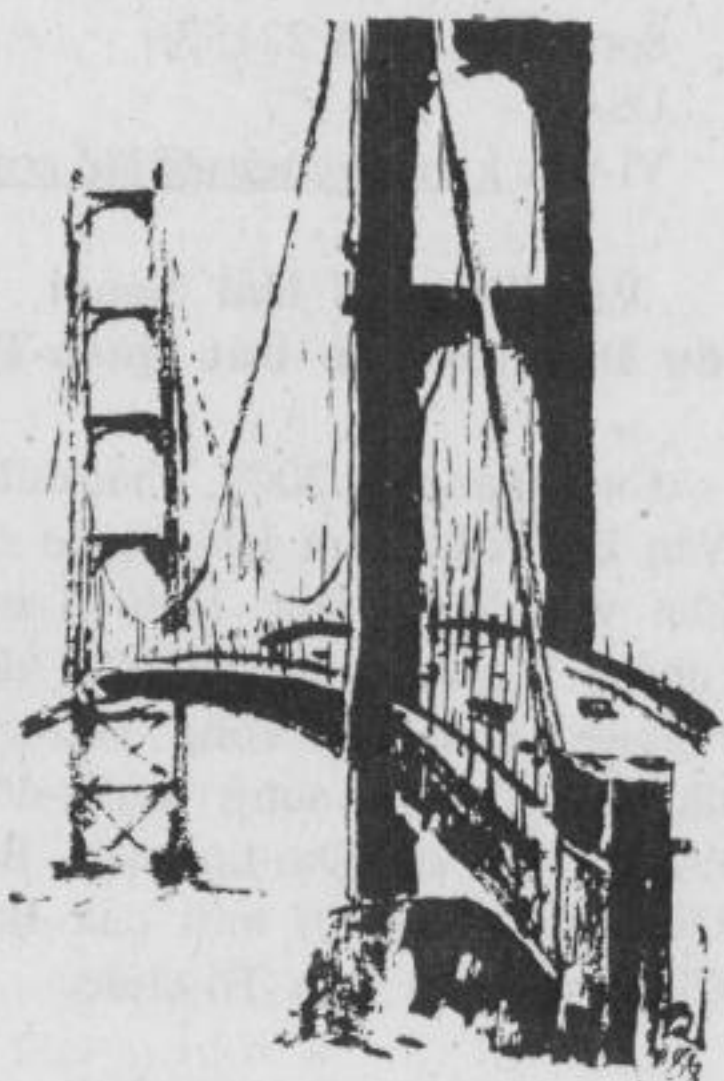
Đôi nhạc-sĩ kiêm ca-sĩ Trọng Nghĩa, Mộng Lan đã trình-diễn hai đêm trong tháng 11 vừa qua tại hội-quán Thuỳ-dương, Nam California, phối hợp cùng nhạc-sĩ dương cầm Lucy Hoàng, nhạc-sĩ vĩ cầm Luân Vũ, cây sáo trúc Hoàng Phái và các nhạc sĩ Trọng Tuấn, Hoàng Trọng Thụy, Hoàng Trọng Bách...

Chương trình chia làm hai phần. Phần một, Trọng Nghĩa trình bày một số nhạc Pháp chọn lọc; Lucy Hoàng, Luân Vũ và Trọng Tuấn trình bày các tác phẩm của Chopin, Mozart, Bethoven... với lời dẫn-giải của Mộng Lan.

Phần hai, vợ chồng Trọng Nghĩa @ Mộng Lan giới thiệu một số ca khúc do cả hai sáng tác gồm những bài đã thu vào CD và cả những tác-phẩm mới chưa thu-thanh.

Buổi trình-diễn đã mang lại không-khí mới lạ và có màu sắc nghệ-thuật cho sinh-hoạt văn-nghe vùng "thủ-đô tị-nạn." ●

ngoài xã



Lập Ban vận-dộng lập hội ái-hữu cựu SVSQ Thủ Đức tại quận Cam

Trưa ngày 21.10.2001, tại văn phòng của Luật sư Đỗ Xuân Hiệp, cựu SVSQ khóa 1/68 Thủ Đức, đã diễn ra một cuộc họp sơ bộ để bàn về việc lập ban dự bị vận động thành lập Hội ái hữu cựu SVSQ Thủ Đức tại quận Cam.

Các cựu SVSQ hiện diện thuộc nhiều khóa đã đề nghị tổ chức buổi họp mặt thân hữu vào mỗi Chủ Nhật hàng tuần tại văn phòng của cựu SVSQ Đỗ Xuân Hiệp để ghi nhận ý kiến của các cựu SVSQ Thủ Đức về việc thành lập ban vận động để tiến hành tổ chức cuộc họp mặt của đại gia đình cựu SVSQ Thủ Đức tại quận Cam.

Xin liên lạc với các cựu SVSQ: Đỗ Xuân Hiệp, ĐT: (714) 775-5243; Nguyễn Chí Hòa (khóa 15): (714) 270-5572,...

**Lễ cầu-nguyện cho
LM Nguyễn Văn Lý**

Sau khi nghe tin Linh Mục Nguyễn Văn Lý bị tòa án CS kết án 15 năm

tù về tội "phá hoại đoàn kết dân tộc" và tội "chống lại quyết định quản chế", Phong Trào Giáo Dân Việt Nam Hải Ngoại tại Nam California đã tổ chức một buổi cầu nguyện cho Linh Mục Nguyễn Văn Lý và các vị lãnh đạo tinh thần các tôn giáo đang bị giam cầm, quản chế, đàn áp tại Việt Nam, đồng thời lên tiếng về vấn đề Tự Do Tôn Giáo tại Việt-nam tại Trung Tâm Công Giáo VN/GP Orange lúc chiều ngày 27 tháng 10 năm 2001.

Trên 500 quan khách gồm đại diện các tôn giáo, cộng đồng, đoàn thể, nhân sĩ trí thức, truyền thông báo chí và đồng hương đã đến dự.

Chương trình gồm hai phần:

- Các vị lãnh đạo tinh thần các tôn giáo VN tại hải ngoại dâng lời cầu nguyện.

- Đại diện đoàn thể và quan khách phát biểu ý kiến về bản án bất chính và phi pháp của CSVN đối với Linh mục Nguyễn Văn Lý.

Đặc biệt, ông Lê Quyền (Đại diện Cộng Đồng Người Việt vùng Hoa Thịnh Đốn, Maryland, Virginia) thông báo sẽ tổ chức cuộc biểu tình trước tòa đại sứ Việt Cộng tại Hoa Thịnh Đốn vào ngày 4 tháng 11.2001 và mời các hội đoàn, đoàn thể, đồng hương tham dự...

**Úc: cựu nghị-viên Ngô Cảnh
Phương bị án chung thân**

Ông Ngô Cảnh Phương, 43 tuổi, cựu nghị-viên thành-phố Cabramatta ở Úc vừa bị tòa chung-thẩm tuyên án tù chung thân về tội sai nhân-viên ám-sát dân-biểu John Newman, thuộc đảng Lao-dộng.

Ông Newman bị bắn hai phút vào giữa ngực ngày 5.9.1994 trước đây.

**LM Chân Tín phản đối
Hiệp-hội Báo-chí
Thế-giới (UCIP)**

Linh Mục Chân Tín vừa gửi thư đến Hiệp hội Báo chí Công giáo thế giới (UCIP), phản đối việc tổ chức này tặng huy chương vàng cho báo Công Giáo và Dân Tộc. Sau đây là những đoạn chính trong thư:

"Người công giáo Việt nam trong nước cũng như ngoài nước hết sức ngỡ ngàng trước việc UCIP trao tặng Huy chương vàng cho báo Công giáo và Dân tộc, vì tờ báo này tuy mang tên công giáo, nhưng lại là cơ quan tuyên truyền của đảng CSVN trong giới công giáo...."

"...Công giáo và Dân tộc là tờ báo của Ủy ban Đoàn kết Công giáo thành phố Hồ Chí Minh. Đây là một cơ quan được Mặt trận Tổ quốc VN thiết lập để vận động người công giáo thi hành những mệnh lệnh của đảng CSVN. Còn Mặt trận Tổ quốc VN lại là một cơ cấu được dựng ra để thực hiện các sách lược của đảng CSVN đối với những thành phần dân tộc ngoài đảng như trí thức, Công giáo, Phật giáo, v.v... (...) Sau khi chiếm miền Nam, đảng CSVN đã chọn bốn linh mục 'quốc doanh' để làm việc này: linh mục Huỳnh Công Minh là đầu não của nhóm và là một trong bốn cố vấn của Tòa giám mục Saigon từ 1975 đến 1989. Năm 1992 Đức cha Nguyễn Văn Bình bị ép buộc chọn ông làm Tổng đại diện, và hiện nay ông vẫn còn tại chức. Ngay từ đầu,



tin việt-nam

sau khi được đảng CSVN chọn làm đại biểu Quốc hội, tại cuộc họp khoáng đại đầu tiên ngày 7/7/1976, ông đã long trọng tuyên bố: "Tôi xin phép nói lên tâm tình của một linh mục công giáo (...) Báo cáo chính trị của Quốc hội càng làm cho tôi xác tín thêm nữa rằng, con người mới, xã hội mới mà mọi người đều mơ ước, mà mọi người tin vào Chúa Ki-tô Giêsu mãi mơ ước, con người mới đó, xã hội mới đó, không thể có được nếu không có đảng Lao động Việt nam (tức đảng CSVN), đội tiền phong của giai cấp công nhân, lãnh đạo và tổ chức. Phần tôi, tôi nguyện suốt đời phục vụ..." (Thông tấn xã VN, 7.7.1976).

"... Linh mục Vương Đình Bích, một trong bốn cột trụ của Ủy ban Đoàn kết Công giáo đã xác nhận: "Đảng CSVN đã gây dựng bốn người (chúng tôi) làm đầu não mọi hoạt động của đảng trong giới công giáo: LM Huỳnh Công Minh (tổng đại diện giáo phận Saigon), LM Trương Bá Cần (chủ nhiệm báo CG & DT), LM Phan Khắc Từ (tổng thư ký Ủy ban Đoàn kết Công giáo) và (tôi) LM Vương Đình Bích (cựu chủ

nhiệm báo CG & DT)."

"Những vị ấy làm cái loa cho đảng CSVN. Theo lệnh đảng CSVN, họ chỉ phối sinh hoạt tôn giáo và các hoạt động bình thường của giáo phận Saigon. Nhà nước coi họ còn trên cả Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình trước kia. Ngoài tờ Người Công giáo Việt Nam ở phía Bắc, tờ Công giáo và Dân tộc là cơ quan truyền thông duy nhất cho cả một cộng đồng gồm 7 triệu kitô hữu. Không có đối kháng, không bị cạnh tranh (trong nhiều năm qua, ý định cho ra một bản tin tôn giáo của Hội đồng Giám mục Việt Nam luôn bị chính quyền cấm đoán!), họ tha hồ múa gậy vườn hoang, làm mưa làm nắng trên mặt truyền tin trong giới công giáo. Ngoài ra, Ủy ban Đoàn kết Công giáo và báo Công giáo và Dân tộc còn có những việc làm phá hoại Giáo hội Việt Nam một cách trắng trợn:

- Sau năm 1975, họ đã tổ chức trục xuất Đức Cha Lemaitre, khâm sứ Tòa Thánh.

- Năm 1978, họ đã hùa với Nhà nước để đột nhập vào 5 tu viện ở Thủ Đức, đuổi các tu sĩ, bắt giam một số người để lấy cơ tịch thu tài sản và cơ sở của các tu viện này.

- Năm 1988, họ được lệnh của

đảng CSVN chống lại việc Phong thánh cho 117 vị tử đạo Việt nam. Họ tổ chức những buổi hội thảo, viết bài trên báo CG & DT, đả kích việc Phong thánh.

- Năm 1993, họ đã hùa với Nhà nước chống đối việc Tòa thánh đặt Đức cha Nicolas Huỳnh Văn Nghi, giám mục giáo phận Phan Thiết, làm giám quản tông tòa tại giáo phận Saigon thay Đức cha Bình bệnh nặng sắp chết.

- Gần đây hơn, mùa Xuân năm 2001, họ đã không ngần ngại xuyên tạc và bôi nhọ cuộc đấu tranh của linh mục Nguyễn Văn Lý cho tự do tôn giáo và dân chủ hóa đất nước..."

"... Với tư cách là một linh mục đã và đang đấu tranh cho tự do tôn giáo và nhân quyền ở Việt Nam, tôi cực lực phản đối việc Hội UCIP tặng Huy chương vàng cho tờ báo Công giáo và Dân tộc (...) Nó là sự xúc phạm, là một vết thương chạm vào danh dự của cộng đồng công giáo Việt nam nói chung, và đặc biệt của những người đã và đang phải trả giá bằng tù đầy, quản thúc, bịt miệng... cho cuộc đấu tranh cho tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tôn giáo tại Việt Nam... Nhân danh những người này, tôi tha thiết yêu cầu quý Hiệp hội xét lại một quyết định mà tôi cho là quý vị đã làm vì thiếu thông tin hoặc chỉ được thông tin một chiều, để tặng lại phần thưởng này cho một cơ quan truyền thông xứng đáng hơn, phù hợp với tôn chỉ và tiêu chuẩn của quý Hiệp hội."

Lời kêu gọi Dân Chủ: Cần thông tin

Chiến lược đấu tranh dân chủ trong nước nên thực hiện ra sao? Theo lời một nhà đấu tranh giấu tên từ Hà Nội, cần phải mở mặt trận thông tin tràn ngập và phá vỡ

lưới tình báo CSVN.

Đề nghị gồm những điểm chính như:

1. Thành lập một tổ chức với tôn chỉ đường lối rõ ràng. Cần có sự đoàn kết thực sự của người dân Việt khắp thế giới chứ không riêng tại Mỹ (vì sức mạnh là ở toàn dân).

2. Thuyết phục được Mỹ và CIA giúp đỡ.

3. Đào tạo và huấn luyện những thanh niên yêu nước học tập về chủ nghĩa tư bản nhằm mục đích tuyên truyền và hình thành một nước Việt Nam ngay bên ngoài lãnh thổ.

4. Chỉ có CIA mới có khả năng đối phó với bọn tình báo Việt-nam.

Những việc cần làm:

1. Xây dựng chat room để có thể nói chuyện trực tiếp với một số người bên đó, nhằm xác định những suy nghĩ, việc làm của họ.

2. Xây dựng một web site để định hướng cho thanh niên Việt nam những việc cần làm để giúp đất nước được tự do (phương châm hành động cụ thể)

3. Cần thực hiện đào tạo trên mạng về Capitalism, lần các địa chỉ web site nhằm thu hút nhiều nguồn lực trong nước.

4. Cần liên lạc với một hai vị tướng lĩnh lúc trước năm 75 để biết thêm ý kiến của họ.

5. Đào tạo những người thuộc ngành viễn thông, vì hiện nay người dân thường chỉ tiếp xúc chủ yếu qua Radio thôi.

6. Cần hợp nhất và đoàn kết!

LM Nguyễn Văn Lý bị kết án 15 năm tù

Hai ngày sau khi Tổng thống Bush ký bản thương ước Việt-Mỹ, Hà Nội mở phiên tòa xử Linh mục Nguyễn Văn Lý.

Ngày 19.10, trong phiên xử

kín kéo dài không đầy 2 tiếng đồng hồ, tòa án Thừa Thiên-Huế đã kết án Linh Mục Tadêo Nguyễn Văn Lý 15 năm tù, về hai tội "phá hoại đoàn kết dân tộc", và "chống lại quyết định quản chế", giam tại trại tù Nam Hà. Ngoài ra Linh mục Lý còn bị quản chế tại gia trong 5 năm sau khi mãn hạn tù.

Trước tòa, Linh mục Nguyễn Văn Lý không có luật sư biện hộ, và không có cả đại diện của Tòa Tổng Giám Mục địa phận Huế.

Đức Hồng Y Tụng đòi CSVN trả đất nhà thờ

Ngày 10 tháng 11 vừa qua, đức Hồng Y Phạm Đình Tụng đã gửi thư lên nhà nước CSVN để đòi lại đất nhà thờ bị Đảng chiếm dụng, khởi đầu cho một cuộc đấu tranh kiên trì, mãnh liệt và có tổ chức.

Hồng Y Phạm Đình Tụng vốn là một nhân vật ôn hoà. Ngài tin tưởng sự nhẫn nại, lòng yêu thương và tinh thần đối thoại của

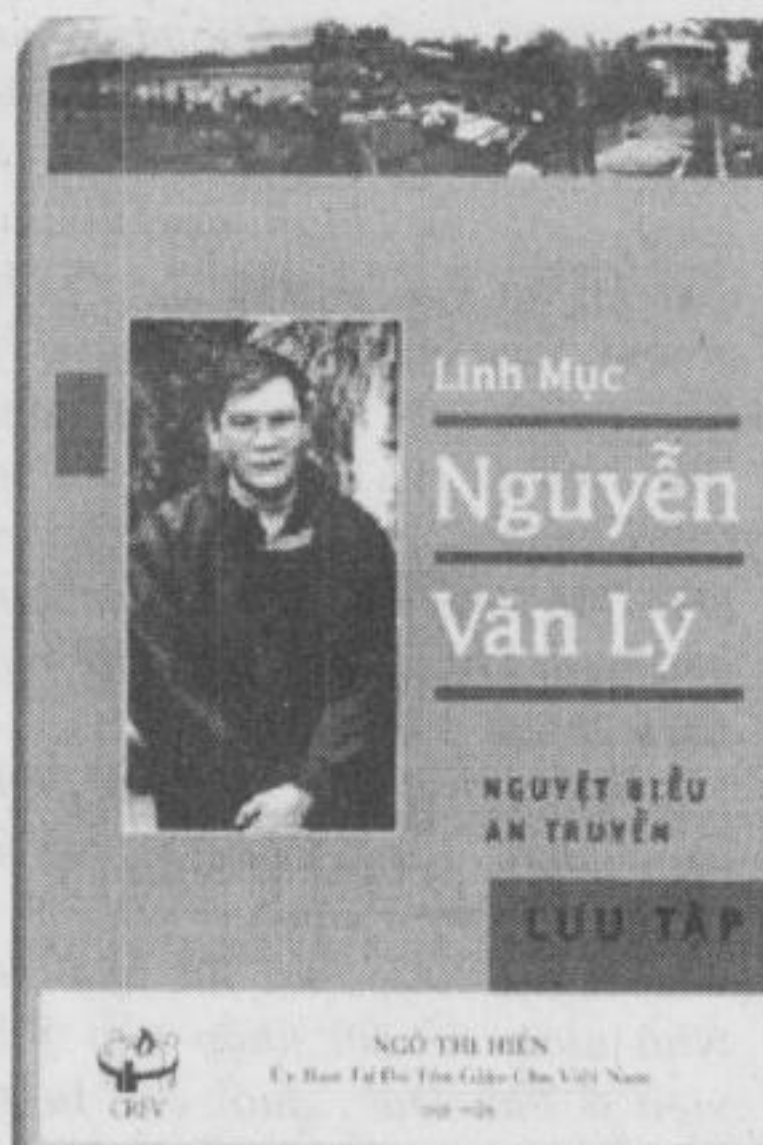
mình có thể cải tạo được những tâm hồn vô sản của chế độ cộng sản Hà Nội. Nhưng mọi nỗ lực của ngài đều đã bị chính phủ gạt bỏ. Do đó ngài và 46 linh mục Hà nội để chính thức lên tiếng yêu cầu nhà cầm quyền Hà nội dừng ngay việc xây dựng công trình vui chơi giải trí trên khuôn viên đất của giáo hội tại số 42 Phố Nhà Chung Hà nội, có bằng khoán điền thổ cấp năm 1933.

Từ năm 1958, trong khuôn viên yên tĩnh của toà Giám mục Hà nội, nơi đào tạo chủng sinh, chính quyền cộng sản đã liên tục biến thành nơi nhảy đầm, đưa những điệu nhạc giết gân và thác loạn réo rắt hắt vào từng khung cửa sổ. Đây là một sự thách thức trắng trợn đức tin và tín ngưỡng của hàng giáo phẩm, chủng sinh, nam nữ tu sĩ và giáo dân Hà nội. Các giáo dân đã luân phiên ký vào đơn đòi lại đất là một minh chứng hùng hồn về ý chí và nghị lực đấu tranh của các tầng lớp giáo dân Hà Nội.

CSVN mượn có bất sự giả để dàn áp Giáo hội PGVNTN

Thổi phồng chuyện có kẻ giả dạng khổ sĩ, Cộng Sản Việt Nam đang mở chiến dịch bôi nhọ Phật giáo nhằm triệt hạ cao trào đấu tranh đòi tự do tôn giáo tại Việt Nam.

Cộng Sản Việt Nam tung tin rằng, ở Sài Gòn có rất nhiều người thất nghiệp từ các tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Bình... đến "hành nghề sư giả". Những người này được mai mối đến khu xóm lá phường 26, Bình Thạnh, nơi có "lò đào tạo sư". Mỗi học viên phải đóng học phí cho một khóa đào tạo từ 200 đến 400 nghìn đồng. Khi tốt nghiệp, họ được cấp giấy chứng nhận của thành hội Phật giáo một tỉnh nào đó, thế



*Tác-phẩm của LM Nguyễn Văn Lý
do Ủy-ban Tự-do Tôn-giáo
tại Hòa-kỳ (Ngô Thị Hiền) xuất-bản*

chứng nhận giới tử, một giấy mời trợ duyên công đức của chùa, sách Phật học, mũ, quần áo nhà chùa, bát công quả.

Báo chí cộng sản cũng tung tin rằng, những lò này còn huấn luyện cả các chú tiểu. Trẻ con 5-10 tuổi được học cách đi đứng, tụng, chào, xin tiền công đức, thuộc một số tên chùa, sư trụ trì, thậm chí còn được dạy cả cách khai báo khi bị công an bắt.

Khi đưa những dữ kiện cường điệu nêu trên, Cộng Sản Việt Nam đã để lộ âm mưu phát động một chiến dịch khủng bố dưới dạng thanh lọc sư giả để triệt hạ các vị tu hành trong Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất như sau: "Ban kiểm tăng, đại diện Phật giáo quận huyện thành phố phối hợp với công an địa phương kiểm tra các tăng ni; bắt họ xuất trình giấy chứng nhận tăng ni, chứng điệp thọ giới, chứng điệp kết hạ, giấy của trường Phật học...".

Như vậy, những tăng sĩ nào không chịu khuất phục Giáo hội Phật giáo quốc doanh, không có giấy tờ chứng nhận của giáo hội này đều bị cộng sản coi là sư giả và tìm cách triệt hạ.

Citibank tiên báo: Hàng Tàu cộng sẽ đè bẹp hàng VN

Citibank, một trong những ngân hàng nước ngoài lớn nhất đang hoạt động tại Việt Nam, cảnh cáo rằng hàng hoá Trung Quốc sẽ là mối đe dọa chính đối với các nhà sản xuất nội địa trong năm tới, khi VN mở cửa rộng hơn để thực hiện các cam kết hội nhập thương mại toàn cầu.

John M. Beeman, Tổng giám đốc Citibank Vietnam, phát biểu trong buổi hội thảo tại Hà Nội, rằng Việt Nam đang chịu sức ép sự gia tăng ảnh hưởng của hàng hoá Trung Quốc trên mọi lãnh

vực kinh tế. Ông cho rằng cách duy nhất cho các nhà kinh doanh Việt Nam có thể làm là nâng chất lượng sản phẩm, giảm giá thành và cố gắng thâm nhập các thị trường mới để có thể tranh đua với các đồng nghiệp Trung Quốc.

Beeman cũng ước tính số vốn cần thiết dành cho các doanh nghiệp quốc doanh vào khoảng 1.5 tỷ đô la/năm dành cho những năm kế tiếp.

Vấn chuyện cá bông lau

Tranh chấp trong việc xuất cảng cá bông lau Việt Nam càng lúc càng phức tạp.

Ngày 3.10, Thượng Viện Hoa Kỳ đã thông qua thương ước giữa Việt Mỹ, theo đó Việt Nam phải tiếp tục đổi mới kinh tế và mở cửa thị trường để đổi lấy sự duyệt xét hàng năm của Mỹ về quan hệ mậu dịch tối huệ quốc đang chờ Tổng thống Bush ký duyệt. Về phía Việt Nam, bản thương ước còn phải được Quốc Hội CSVN thông qua và Chủ tịch Nhà Nước CSVN Trần Đức Lương ký thuận.

Theo doanh nhân Việt Nam ghi nhận, các nhà làm luật Hoa Kỳ đã dùng các điểm tranh cãi trong bản thương ước để đưa vào việc Việt Nam đặt tên sai nhãn hiệu cá xuất cảng. "Họ đang bán loại cá hoàn toàn khác, mà cứ gọi là cá bông lau," Thượng nghị sĩ Blanche Lincoln, Arkansas, nói về cá bông lau nhập cảng từ Việt Nam. "Cá Việt Nam nhập vào thị trường Mỹ không gần gũi gì lắm với cá bông lau, y như bò Tây Tạng và bò Mỹ."

Các nhà sản xuất Hoa Kỳ cho biết, có hơn 1 triệu pounds cá Việt Nam được nhập vào mỗi tháng và việc này đe dọa kỹ nghệ cá bông lau Mỹ, tập trung nhiều nhất ở các trại cá thuộc các tiểu bang miền nam Mississippi, Arkansas và Loui-

siana. Năm ngoái, các trại cá miền Nam Hoa Kỳ có hơn 44.000 ha ao hồ, sản xuất 270 triệu kilogram, khoảng 70% sản lượng quốc gia. Doanh thu hàng năm của kỹ nghệ cá bông lau Mỹ hơn 500 triệu đô.

Đại diện của Hiệp Hội Chế Biến Xuất Cảng Hải Sản Việt Nam (VASEP), ông Nguyễn Văn nói, VASEP sẽ cố gắng chứng minh cá bông lau với tên "basa" và "tra" Việt Nam, đang xuất sang Hoa Kỳ, là khác loại với cá bông lau Mỹ, và cá Việt Nam không bắt chước hay vi phạm nhãn hiệu hàng hay thương hiệu Hoa Kỳ. Ông Văn cho biết: "VASEP sẽ tiến hành đăng kiểm nhãn hiệu chính thức cho cá Việt Nam, nhằm bảo đảm vị trí trên thị trường."

Sách nhập từ hải ngoại bị tịch thu

Theo các nguồn tin từ báo quốc nội, cơ quan kiểm tra văn hóa phẩm xuất nhập cảng của Sở Văn hóa-Thông tin CSVN vừa lập biên bản tịch thu nhiều lô sách do ông Nguyễn Hùng Trương, chủ nhà sách Khai Trí Sài Gòn, nhập từ hải ngoại vào thương cảng Sài Gòn. Lý do là "nhập lậu có nội dung xấu" với những lời cáo buộc áp đặt bằng những ngôn ngữ cường điệu của ngành thông tin văn hóa CSVN. Báo Nhân Dân ghi như sau:

"Ông Nguyễn Hùng Trương định cư ở Mỹ từ năm 1991, xin trở về Việt Nam năm 1996, nhập hộ khẩu tại TP.HCM. Vừa qua, ông Trương nhập 27 kiện văn hóa phẩm dưới dạng phi mậu dịch tại Cảng Sài Gòn khu vực 2. Hải quan cửa khẩu đã yêu cầu Phòng Kiểm tra Văn hóa phẩm xuất nhập khẩu thuộc Sở Văn hóa-Thông tin TP.HCM giám định. Cơ quan kiểm tra văn hóa đã tập trung cán

bộ có năng lực để giám định, phân loại, nhanh chóng trả lại cho chủ hàng 1,613 cuốn sách, tạp chí và đã thu giữ 579 cuốn sách báo vì có nội dung vi phạm quy định về văn hóa phẩm cấm nhập khẩu."

"Trong số 579 cuốn sách bị thu giữ, có tới hàng trăm đầu sách mang nội dung chống đối nhà nước Việt Nam, kích động hận thù, chia rẽ dân tộc được ấn hành ở nước ngoài sau năm 1975 như: Tiếng sông Hương, Nhớ Huế, Đặc san y sĩ Việt Nam Cộng hòa, Y học thường thức và y tế của một số cựu bác sĩ quân y ngụy quân có những bài vu cáo, xuyên tạc chính sách của nhà nước đối với ngụy quân, ngụy quyền sau giải phóng, gây chia rẽ hận thù dân tộc. Một vài tập thơ và sách của Võ Đại Tôn (một kẻ chống phá nhân dân ta điên cuồng đã bị lực lượng Công an Việt Nam bắt giữ) tự ca ngợi hấn như một "chiến sĩ anh hùng". Có hàng chục cuốn sách nước ngoài có nội dung đồi trụy: The Compleat lovers E'rotique au Surrealisme, L'Erotisme, L'amour Sensuel... Còn có khoảng 70 đầu sách tiếng Việt in và xuất bản sau năm 1975 tại Mỹ chưa được phép nhập khẩu của Bộ Văn hóa- Thông tin. Nhiều tạp chí, sách kích động nhục dục, trái ngược thuần phong, mỹ tục Việt Nam."

"Ngoài ra, còn có nhiều báo, tạp chí được đóng tập như: Văn hóa nguyệt san là cơ quan văn hóa của chính quyền ngụy trước đây, Văn đàn là cơ quan ngôn luận chuyên quảng bá cho thuyết nhân vị của Ngô Đình Diệm. Đồng thời có một số ấn phẩm nước ngoài in sau năm 1975, đi ngược lại lợi ích của nhân dân Việt Nam của Lê Tất Điều, Nguyễn Đắc Quỳnh. Cũng có những cuốn từ điển in trước năm

1975 giải thích những danh từ chính trị một cách bậy bạ."

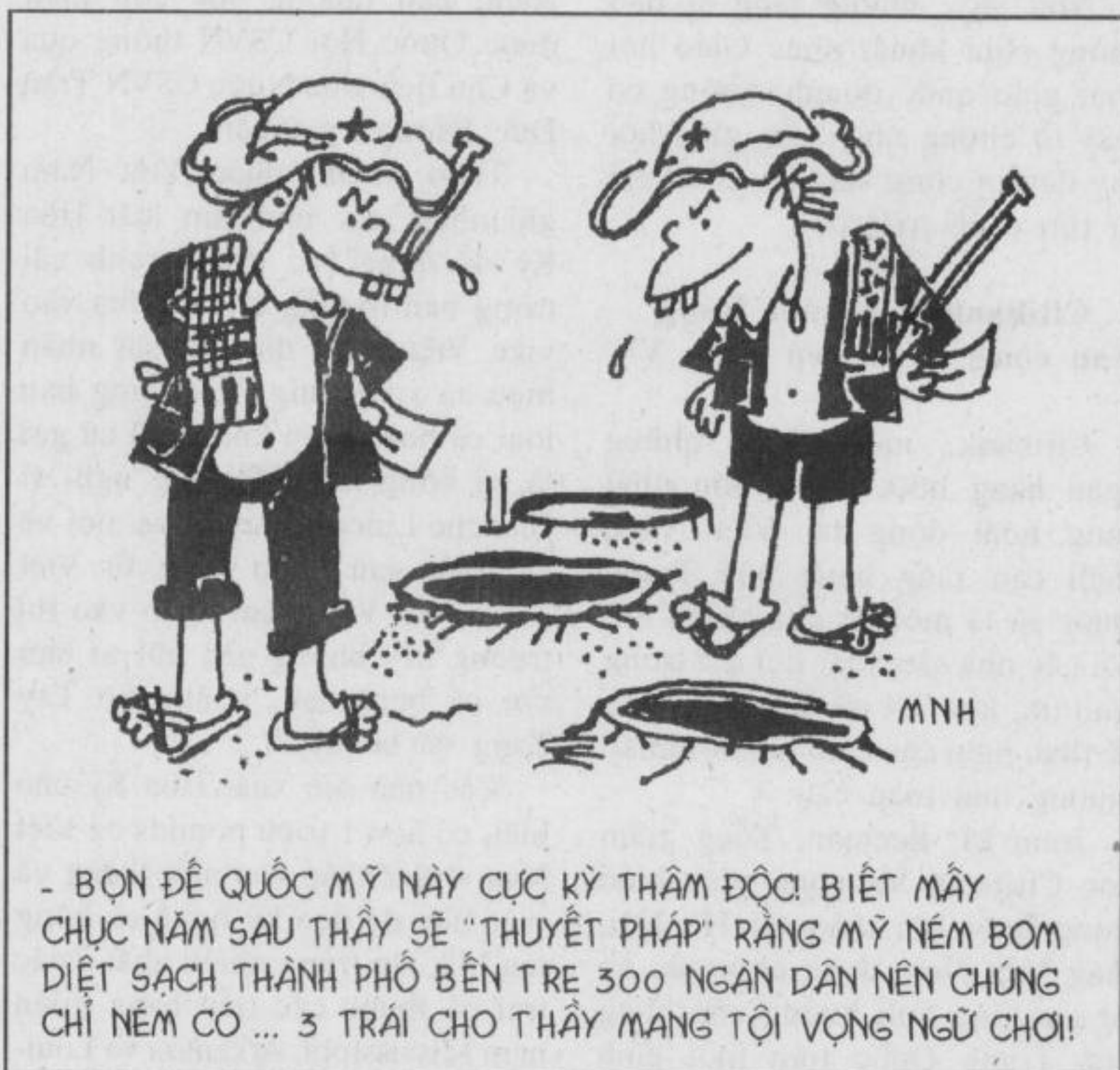
"Rõ ràng ông Nguyễn Hùng Trương đã đem về một số lớn sách nhưng không làm đơn xin phép và kèm theo danh mục, số lượng của từng loại văn hóa phẩm theo quy định tại Điều 14, Quyết định 893. Do đó, về nguyên tắc, hơn 2.000 cuốn sách, báo ông Nguyễn Hùng Trương nhập về là không hợp pháp. Ông Trương đã nhập công khai một số lượng lớn sách có nội dung xấu độc, đồi trụy là vi phạm Điều 22 Luật Xuất bản. Vì vậy, việc cơ quan kiểm tra văn hóa đã thu giữ những sách sai trái nói trên là đúng pháp luật. Hội đồng xử lý những vi phạm về văn hóa thông tin TP HCM đã quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Hùng Trương và giao cho Ban giám định Tư pháp thuộc Sở Văn hóa-Thông tin giám định làm rõ những việc làm vi phạm của đương sự, nhưng đề nghị

miễn xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Nguyễn Hùng Trương trong trường hợp vi phạm pháp luật này. Cơ quan giám định đang xem xét, phân loại, giám định tư pháp, đối với những sách báo không có vi phạm về nội dung thì trả lại cho chủ hàng."

Nhắc lại, khoảng hai năm trước, báo *Tuổi Trẻ* đã phỏng vấn ông Nguyễn Hùng Trương về việc ông hợp tác với thành phố Sài Gòn để lập nhà xuất bản và tiệm sách, lúc đó ông nói rằng nguyện vọng cuối đời ông chỉ muốn đóng góp cho văn hóa VN, và những việc ông làm trong các năm tuổi già này sẽ để lại hết cho nhà nước. Tuy nhiên, với bản tin mới, hình như nhà nước đã không còn kiên nhẫn chờ ông đóng góp nữa.

Tốt nghiệp rồi thất nghiệp

Theo báo cáo được trình bày tại cuộc hội thảo do Viện Nghiên



cứu kinh tế phát triển (ĐH Kinh tế Sài Gòn) tổ chức ngày 24.10.2001, cho biết: "Số sinh viên thất nghiệp ngày một tăng. Tuy chưa có những tài liệu khảo sát riêng cho những SV chuyên ngành kinh tế, nhưng thống kê chung của các ngành cho thấy nếu năm 1999 tỉ lệ thất nghiệp của SV chỉ chiếm 41%, năm 1997 là 64%, năm 1998 là 80%, thì năm 1999 là gần 90%, con số đáng báo động cấp 1. Tình trạng này thể hiện sự yếu kém trong công tác đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực ở VN và cũng là một sự lãng phí rất lớn".

Theo các chuyên viên, một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là do nhà nước CSVN không quy hoạch rõ ràng, mang tính dài hạn để cụ thể hoá cho từng thời kỳ dựa trên nhu cầu thực tế của nền kinh tế.

Báo *Tuổi Trẻ* cho biết: hiện VN có 8 trường đại học chính qui chuyên đào tạo cán bộ kinh tế, chưa kể hàng loạt các trường cao đẳng cộng đồng, trung học, trường kỹ thuật cũng có khoa kinh tế. Trong khi đó, theo tài liệu của bộ Giáo dục-Đào tạo VN, sinh viên các ngành luật và kinh tế hiện chiếm 42.78% lượng sinh viên cả nước.

Sắp có chiến tranh vùng Vịnh Miên-Việt?

Hải tặc trong vịnh Thái lan đang leo thang việc tấn công các ngư thuyền Việt Nam, tảo bạo và ngang ngược hơn trước. Nhiều dấu hiệu cho thấy lực lượng hải tặc này là của Cam Bốt, và đã công khai dùng cả bến cảng của Cam Bốt để giam giữ tàu bè VN chờ đòi tiền chuộc.

Nguồn hải sản đã đi tới chỗ cạn, giá xăng dầu lại lên cao, thêm vào nạn hải tặc hoành hành

khiến việc kiếm sống của ngư dân ven biển VN ngày càng khó khăn. Trong 9 tháng qua, nhà cầm quyền ghi nhận có 68 vụ đụng độ với bọn cướp trên 120 tàu lưới cá. Những vụ này xảy ra ngay tại vùng biển tây nam thuộc tỉnh Kiên Giang và Cà mau, đã gây thiệt hại trầm trọng cho các tàu bè đánh cá của Việt Nam.

Theo báo cáo không chính thức, ngư dân Việt Nam đã phải bỏ ra 20.700 mỹ kim để chuộc tàu bè và các trang thiết bị lưới cá từ tay bọn hải tặc. Nhiều vụ cướp có vũ trang của hải tặc đã xảy ra ngay giữa ban ngày. Bọn hải tặc này đều có súng máy, súng xung kích tự động, máy vô tuyến liên lạc và những tàu cao tốc. Có hai tàu đánh cá Việt Nam bị bọn hải tặc bắt dẫn vào đảo Keo Ngua, ranh giới ngoài biển khơi của Cao Miên, đòi tiền chuộc 23 triệu đồng VN. Theo các nạn nhân, những tàu hải tặc này được sự bao che của chính quyền Cao Miên.

Căn cứ vào những dữ kiện trên, nếu vụ cướp bóc của hải tặc không được giải quyết sớm, một cuộc chiến tranh lớn sẽ bùng ra rất gần giữa hai dân tộc Cao Miên và Việt Nam.

Người Việt hải ngoại bớt gửi tiền về VN

Tiền của Việt kiều từ Hoa kỳ gửi về nước sụt giảm trầm trọng ngay trong thời gian cao điểm, từ khoảng tháng 9 tới Tết Nguyên Đán, theo lời các chuyên gia ngân hàng ở Sài gòn.

"Bị chấn động y hệt như mọi người khác bởi cú khủng bố tấn công ngày 11-9, người Mỹ gốc Việt đã có thái độ dè dặt và xài ít đi, thay vì gửi tiền rộng rãi về cho thân nhân," theo lời Trần Quốc Thịnh, giám đốc hãng gửi tiền Vina USA trụ sở chính ở New

York. Nhưng ông bày tỏ tự tin là tiền gửi về VN từ Việt Kiều sẽ trở lại bình thường, khi mà kinh tế Mỹ có dấu hiệu hồi phục. Các cuộc điều tra về rửa tiền do các tay khủng bố trên nước Mỹ cũng đóng góp vào sự sụt giảm này.

Thịnh nói khối lượng gửi tiền qua công ty của ông đã giảm phân nửa trong tuần lễ ngay sau vụ khủng bố, và bây giờ chỉ còn khoảng từ 10% tới 15% khối lượng bình thường trước kia.

Cán bộ Trần Công Bình của Ngân Hàng Thương Mại A Châu (Asia Commercial Bank, ACB) nói với Thông Tấn VN là dịch vụ gửi tiền hỏa tốc [từ Mỹ về] qua ngân hàng của ông đã giảm hơn 10% sau cú khủng bố, từ mức 8.1 triệu đô la giữa các ngày 11-8 và 10-9 để chỉ còn có 7.2 triệu đô giữa các ngày 11-9 và 11-10.

Ngân Hàng Đông Á (East Asia Bank), nơi thực hiện hầu hết cuộc gửi tiền về VN, bị thiệt hại lớn: giảm mất gần 4 triệu đô hồi tháng trước, so với con số hồi tháng 8 là 25.8 triệu đô. Chi nhánh Sài Gòn của Vietcombank tường trình rằng trong tháng 9, tiền gửi về qua đây là 8.9 triệu đô, giảm 10% từ mức 9.9 triệu đô của tháng trước.

Hiện tượng xổ số

Trong khi nhà cầm quyền CSVN huênh hoang khoe khoang thành tích chống cờ bạc, chính họ đã đưa ra hệ thống xổ số nhà nước sau khi ông Hồ đóng triện chấp thuận năm 1962. Ngày nay, hầu hết các thành phố tại Việt Nam đều có công ty xổ số riêng - do các cán bộ, người của Đảng - mở ra để hoạt động. Trực tiếp hay gián tiếp, những công ty như thế sử dụng hàng trăm người trong số hàng triệu người đang chơi xổ số ở khắp nơi trong nước.

Trên nguyên tắc, số tiền bán vé được chuyển vào các chương trình xã hội như các bệnh viện và các trường học. Nhưng với việc giám định kế toán lem nhem, người ta không thể biết thật sự những khoản tiền đi vào đâu. Theo lý luận thông thường, các khoản tiền trúng số là khoản tiền an toàn nhất tại Việt Nam, không có công an nào dám sờ tới. Một khi biết người nào có vé số trúng độc đắc, những cán bộ tham nhũng săn đuổi cho bằng được, trả một số tiền cao hơn số tiền trúng để đổi lấy tấm vé được giải. Bằng cách đó, các cán bộ có thể đưa ra một giải thích hợp lý về việc tiêu xài quá nhiều so với đồng lương của họ.

Song hành với các xổ số của tỉnh, người dân Việt Nam còn bỏ tiền ra chơi trò may rủi bất hợp pháp như số đề, người mua có quyền chọn một con số theo mầu cờ bạc, nếu trúng sẽ được chung gấp 70 lần số tiền đã bỏ ra đặt mua.

Hiện tượng lạm phát xổ số đã phản ảnh toàn bộ kinh tế của Việt Nam. Dân chúng công khai cờ bạc. Với náo trạng ấy, họ đã bỏ ra rất nhiều thời giờ để theo dõi các mạch kiếm tiền mà không bị phạt: Công nhân của xí nghiệp nhà nước bỏ giờ làm tại sở để đi làm sở tư; thầy và cô giáo tránh né công tác nhà trường để mở các lớp học dạy tư lấy thẳng tiền mặt; các người đầu tư trốn sự kiểm soát chặt chẽ trong việc trao đổi chứng khoán công khai của bảy loại cổ phần, bằng cách mua bán tự do và trao đổi không công khai các cổ phần của 90 công ty theo dạng cờ bạc với tin đồn.

Người mê cờ bạc nào cũng mơ mình thắng, một bà 63 tuổi sống tại Hà-nội cũng không ngoại lệ. "Với số tiền đã chi tiêu vào cờ bạc, tôi có thể tậu được một căn

biệt thự ngay tại cái đất ngàn năm văn vật này," bà cụ thở dài.

Xổ số tại Việt Nam bắt đầu có từ năm 1936 do thực dân Pháp khởi xướng, gọi là Xổ số Đông dương. Vào năm 1960, đảng CSVN đã cho mở ra cuộc rút số hàng tháng tại thành phố Hà-nội theo các dự án được lựa chọn. Trong khi đó hình thức Số Đề của cộng đồng người Hoa phát triển và làm ăn khấm khá tại miền Nam. Vào năm 1950, người Hoa đã biết cách khai thác tâm lý cờ bạc của dân miền Nam, bằng trò chơi Số Đề. Số Đề được lan rộng rất mau tại miền Bắc. Ngày nay chỉ còn có tỉnh Bắc Cạn là một trong 61 tỉnh tại Việt Nam vẫn chưa có một công ty xổ số riêng của tỉnh. (Dân địa phương rất nghèo, theo lời của một cán bộ giải thích).

Cùng với việc phát hành vé số, nhà nước đã chế ra vé số cao cho từng tỉnh, cùng với việc mở xổ số trực tuyến tại Hà-nội. Trong tổng số thu nhập của xổ số cả nước, 80% đến từ 20 tỉnh và các đô thị tại miền Nam. Xổ số lớn nhất chiếm 14% thu nhập của cả nước là của thành phố Saigon với hai kỳ xổ số một tuần.

Khi trực xổ số của Việt Nam thành hình, đô thị miền Nam đã lôi cuốn một số nhân lực từ miền lục tỉnh. Một số dân quê đi ra thành phố và sống chen chúc trong những căn nhà trọ dơ bẩn. Một số khác vì thất nghiệp, quay sang nghề bán vé số dạo để sống qua ngày. Một mạng lưới đại lý bán vé số lan rộng, bao trùm cả thành phố có trên 5,2 triệu người. Đứng đầu mạng lưới này là Công ty Xổ số thành phố Hồ Chí Minh, công ty này in vé số vào giao cho một nhà phân phối bán sỉ có nguyên một lớp người bán lẻ. Những người bán lẻ này đứng trung gian cho những người bán vé số lẻ khác, cùng chia nhau

13% huê hồng do nhà nước ấn định.

Tội nghiệp nhất là hàng trăm em nhỏ đáng thương lang thang trên khắp các đường phố với những xấp vé số trên tay. Trên thực tế, các địa phương đã khuyến khích trẻ em vào nghề bán vé số hơn là trộm cắp hay ăn xin. "Nếu không để các em bán vé số, các em có thể bán những thứ khác, ngay cả việc bán đi chính cái thân của các em," theo lời giải thích của Nguyễn thị Kim Anh, người đang trông nom trung tâm trẻ em bỏ nhà và bỏ học đi hoang. Bà này còn cho biết thêm, các em này dễ bị nguy hiểm, nhất là những em có trách nhiệm giao tiền giải trúng 100 ngàn đồng hay ít hơn. "Có nhiều trường hợp các em bị cướp luôn tất cả vé số," bà cho biết, các em còn bị lường gạt để nhận những vé số trúng giả.

Các cán bộ nhà nước bỏ bỏ là các em này kiếm tiền thêm để trả học phí. Họ xếp các em vào thành phần hưởng lợi xã hội cùng với các thành phần tàn tật để tuyển làm người bán vé số dạo. Có nhiều em bỏ học vì áp lực phải kiếm cho được 400 ngàn đồng hàng tháng cho gia đình bằng cách bán vé số.

Cuộc mở số tại thành phố Hồ Chí Minh là một cuộc vui có phụ diễn cải lương. Năm cô gái mặc áo dài màu đỏ có kim tuyến, bước trình trọng theo tiếng nhạc đi lên sân khấu chói sáng. Những bàn tay nhỏ nhắn thanh lịch đeo gang trắng rút ra những miếng giấy nằm trong năm trái cầu. Đồng lúc, năm cô gái quay mặt về phía khán giả, một tay giơ mảnh giấy nhỏ và tay kia mảnh giấy lớn hơn và dễ đọc hơn, cổ tay cong lên để ngay ngang tầm lưng quần.

Trong khi các khán giả hồi hộp chờ ra, năm khuôn mặt son phấn vẫn giữ nguyên nét mặt

không thay đổi. Năm cô lập lại những tác động theo kịch bản 18 lần, trước khi duyên dáng trở lại đứng lên các bụi cỏ lần nhưng đỏ.

CSVN họp khoáng đại, sửa Hiến Pháp để trình diễn

Đài Tiếng Nói VN loan báo: Đảng CSVN họp khoáng đại để thảo luận về việc tổ chức bầu Quốc Hội trong năm tới, và về việc sửa hiến pháp 1992.

Hội nghị 150 ủy viên trung ương, kéo dài khoảng 10 ngày, cũng thảo luận ngân sách năm tới, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội tới năm 2005, bàn các biện pháp củng cố đảng, diệt tham nhũng và chống lãng phí.

Việc phê chuẩn hiệp ước mậu dịch Việt Mỹ mà Quốc Hội CSVN dự liệu quyết định trong khoá họp bắt đầu ngày 20.11, không thấy được nói tới. Theo đài phát thanh Hà Nội, luật bầu cử 1997 cần được điều chỉnh để bảo đảm thực hiện dân chủ ở mọi bước của tiến trình bầu cử.

Quốc Hội gồm 450 đại biểu là cơ quan lập pháp của CSVN. Cuộc bầu cử quốc hội mỗi 5 năm này dự tính vào tháng 4 năm 2002.

Dự kiến sửa đổi Hiến Pháp kỳ này sẽ "bảo đảm dân chủ tất cả mọi bước trong tiến trình bầu cử và cải thiện phẩm chất các đại biểu quốc hội." Sửa Hiến Pháp còn để tăng quyền khu vực kinh tế tư nhân. Tuy nhiên, dân chúng vẫn không tin vào thiện chí nhà nước, và họ tin mọi chuyện sẽ vẫn như cũ.

Sài gòn có Anthrax?

Một viên chức giấu danh tánh của bộ Y Tế CSVN cho biết, theo kết quả khảo nghiệm sơ khởi của Viện Pasteur Saigon, bột trắng phát giác tại cơ sở của liên doanh

xăng dầu BP Petco có vi trùng Anthrax. Một mẫu bột khác cũng đang được xét nghiệm tại Viện Vệ Sinh và Dịch tễ Hà Nội.

Ông John Kilgour, tổng quản đốc của công ty liên doanh giữa BP của Anh và Petrolimex của VN, cho biết bột trắng khả nghi được tìm thấy hôm 31-10 trong một phòng họp, gói trong một mảnh giấy gấp lại. Tin mới nhất cho biết chất bột này sẽ được gửi về Anh để thử nghiệm. Tất cả 80 nhân viên làm việc trong văn phòng của công ty BP đều được khuyến khích nên đi bác sĩ khám nghiệm và uống thuốc ngừa. Được biết văn phòng này chỉ có 3 nhân viên nước ngoài, còn lại là nhân viên người Việt.

Hồi đầu tháng 10, Hà Nội loan báo sẽ dành một ngân khoản lên đến 750,000 đô la vào mục đích phòng chống trường hợp bị quân khủng bố tấn công bằng vũ khí sinh hoá, và vụ BP là vụ đầu tiên phát hiện được ở Việt Nam.

Theo lời một quan sát viên hải ngoại, nếu đúng là anthrax đã có mặt ở Sài Gòn, thì đây là cú đánh độc hại cho nền kinh tế Việt Nam, nơi hy vọng và đang quảng cáo như là điểm đến du lịch và kinh doanh an toàn nhất khu vực, sau màn khủng bố tấn công Hoa Kỳ.

Dân Thượng tiếp tục bị đàn áp

Trong khi bản thương ước Việt Mỹ đang đi tới giai đoạn cuối cùng, nhà cầm quyền CSVN vẫn thi hành chính sách đàn áp đồng bào Thượng, những người đã từng giúp quân đội Hoa Kỳ trong cuộc chiến ngăn chặn làn sóng đỏ.

Từ tháng 2.01, các thôn làng của người Thượng bị được đặt dưới chính sách thiết quân luật, binh sĩ CS thẳng tay đàn áp, bắt bớ, đánh đập, tra tấn và cầm tù

những giáo dân Thượng. Trong khi các Tổ chức Bảo vệ Nhân quyền, Tổ chức Ân xá Quốc tế và các nhà lập pháp Hoa kỳ lên án những phiên xử chui, những bản án nặng nề mà chính quyền CSVN đã áp đặt lên những đồng bào thiểu số, càng ngày càng có nhiều nạn nhân của chính quyền CSVN, bị xử trong những phiên xử vội vã, không được quyền tự biện hộ hoặc nhờ luật sư biện hộ.

Những giáo dân Công giáo này là những người đã chống lại sự tàn ác của chính quyền CSVN trong việc cưỡng chiếm đất đai của họ, bắt họ phải ngừa thai và phá thai, cấm đoán họ tham dự thánh lễ, buộc họ phải rời nơi chôn nhau cắt rốn, và nhiều điều khác nghiệt khác.

Hội người Thượng khẩn nài các tổ chức Quốc tế hãy gây áp lực với chính quyền Hà Nội buộc họ phải trả tự do cho những giáo dân người Thượng đang bị cầm tù; đồng thời yêu cầu Thượng Viện Hoa Kỳ hãy thông qua và phê chuẩn Đạo luật Nhân Quyền Cho Việt Nam.

Nhà báo Phạm Thái từ trần

Theo cáo phó của Văn phòng Đại diện Hải ngoại Phong trào Thống Nhất Dân Tộc Và Xây Dựng Dân Chủ, nhà báo Nguyễn Ngọc Tân, bút danh Phạm Thái và Bảy Bốp, Phó chủ tịch Hội đồng Chỉ đạo Phong trào Thống Nhất Dân Tộc và Xây Dựng Dân Chủ, đã mệnh chung tại tư gia ở Sài Gòn vào trưa ngày 12 tháng 11.2001 (giờ Sài gòn), hưởng thọ 81 tuổi.

Nhà báo Nguyễn Ngọc Tân là một trong những nhà báo kỳ cựu của làng báo Việt Nam Cộng Hòa, ông là tác giả nhiều bài bình luận, phân tích thời cuộc đã thu hút sự chú ý của đông đảo độc giả miền

Nam trước năm 1975.

Lụt

Trận lụt kéo dài từ đầu tháng 8 tại 6 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long đã gây thiệt mạng cho 406 người. Trong số này có 276 trẻ em.

Tại vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, mực nước tuy có rút dần hiện vẫn nằm ở mức đáng sợ và tình trạng này sẽ còn kéo dài ít ra cũng phải tới cuối tháng 11. Nhà chức trách đã thành lập 859 trung tâm giữ trẻ tạm thời trong các tỉnh thuộc Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long để chăm sóc gần 21.000 trẻ em.

Tại miền Trung, các vụ lũ lụt đã làm 45 người bị thiệt mạng.

Lũ lụt năm nay đã làm 336.600 ngôi nhà bị ngập, nước, các đường giao thông bị sạt lở, đá lăn gây tai nạn, thuyền chìm, cột dây điện đổ gãy tai nạn, mất mùa... Hậu quả là hơn 2 triệu 200 ngàn người đang lâm vào hoàn cảnh hết sức khó khăn. Thiệt hại vật chất vào khoảng 209 triệu mỹ kim.

Tính đến nay, Hồng Thập Tự VN đã nhận được 80,000 mỹ kim cứu trợ của các toà Lãnh sự Belorussia, Tây Ban Nha, Trung Quốc, Pháp, và Nhóm Doanh Gia Úc. Theo tin Reuters, Toà Đại Sứ Hoa Kỳ thông báo tặng 35,000 mỹ kim để mua thuyền và lưới đánh cá cho một số dân vùng lụt

tại đồng bằng sông Cửu Long. Trước đây, sứ quán Hoa Kỳ đã cấp 25,000 mỹ kim cho chương trình tổ chức nhà giữ trẻ.

Trong lúc các viên chức chính quyền bận rộn tham gia công tác di tản và cứu lụt, bọn buôn lậu gia tăng hoạt động. Ông Huỳnh Tham Tâm, quyền giám đốc hải quan tỉnh An Giang, cho biết: họ sử dụng điện thoại cầm tay và xuồng nhỏ để chở thuốc lá lậu, quần áo và hàng điện tử từ Cambodia. Mỹ phẩm, nước ngọt và gạo được buôn lậu từ Thái Lan về. Trong tháng 9, trị giá hàng lậu bị tịch thu lên tới 7 tỉ rưỡi đồng, gấp đôi tháng 8.

Qua mặt đàn ông Hồi giáo

Hồn danh là "Vua nhiều vợ", ông Trần Chu, thợ nề, năm nay 72 tuổi, bắt đầu có đứa con đầu tiên năm ông 17 tuổi và cho đến nay ông vẫn chưa chịu ngừng. Ông Chu đang sống với 10 người vợ tại tỉnh Quảng Trị miền Trung Việt Nam. Ông còn có hơn chục bà vợ khác đang sống tại các tỉnh lân cận, và có nhiều bà đã vượt biên trốn ra ngoại quốc, một bà hiện nay đang sống tại Hoa kỳ.

Ông cũng không biết chắc là ông có bao nhiêu người con. Người con cả, năm nay 53, tên là Trần Viết Định, cho biết có lẽ bố ông có khoảng 64 người con. Kể cả cháu chất, tổng cộng 173

người. Những người dân sống tại làng Hải Chánh, tỉnh Quảng Trị đã gọi gia đình ông là "Cung điện của ông 10 vợ". Những viên chức địa phương công nhận đại gia đình của ông như là một làng nhỏ. "Chúng tôi không thể biết đứa nhỏ nhất mấy tuổi vì các bà vợ của ông cứ thi nhau có bầu", Nguyễn Thảo, một viên chức tại làng Hải Lang cho biết.

Theo như ông Định, có khi hai ba bà vợ của ông Chu cùng sanh con một lúc. Thảo cho biết, cho đến cách đây 5 năm, ông Chu vẫn đi lại các tỉnh miền Trung và làm các bà mang bầu. "Bây giờ thì ông đã già, nhưng vẫn có rất nhiều phụ nữ đến để được ông làm cho mang bầu" Thảo nói "Họ đến và ở với ông khoảng hai tháng rồi biến mất".

Có lẽ ông Chu được hưởng sự may mắn từ cuộc chiến Việt Nam sau khi nó đã giết quá nhiều các thanh niên để lại hàng ngàn thiếu nữ mà bây giờ đang ở trong lứa tuổi 40, không có bạn trai. "Hầu hết những bà vợ của ông Chu là những người bị coi như ế chồng. Họ đến với ông khi họ ở lứa tuổi 35 đến 40, đến một cách tự nguyện," Thảo cho biết. Theo luật lệ hiện hành tại Việt Nam, những người đàn bà không chồng trên 30 tuổi được quyền có con. Luật này nhằm giúp đỡ các thiếu nữ ế chồng vì nạn trai thiếu gái thừa do chiến tranh gây nên.

Tại Việt Nam, đàn ông chỉ được quyền lấy một vợ, nhưng trong trường hợp ông Chu, ông không chính thức lấy tất cả các bà. Thảo cho biết đã đến thăm ông Chu nhiều lần và ông rất lấy làm hãnh diện về thành tích làm các bà mang bầu của mình. Ông vẫn sống với bà vợ cả. Bà này bây giờ là xếp sòng trong hoàng cung của ông. "Điều thú vị là tất cả mọi bà vợ của ông đều sống êm ả" ●





Mùa Giáng Sinh và Những Bóng Ma

Sơn Tùng

Theo dự đoán của các chuyên gia kinh tế, Mùa Giáng Sinh năm nay sức tiêu thụ của dân Mỹ sẽ giảm sút nhiều vì ảnh hưởng của vụ khủng bố ngày 11.9. vừa qua, và nước Mỹ đang thực sự ở trong thời chiến.

Người ta bớt đi máy bay vì sợ không tặc, người ta bớt tới những chỗ đông người vì sợ bom, bớt mua sắm vì thất nghiệp nhiều và tình hình kinh tế có chiều suy thoái.

Nhưng cũng có những nhà kinh tế lạc quan cho rằng kinh tế Mỹ sẽ phục hồi vào đầu năm 2002, nên giới tiêu thụ sẽ tin tưởng trở lại, nhất là với những biến chuyển tốt đẹp của Chiến dịch "Tự Do Bền Lâu" tại Afghanistan.

Chiến dịch này được mở màn từ ngày 7.10 với những trận mưa bom liên tục xuống các cơ sở quân sự của Taliban, phe nhóm Hồi giáo cực đoan cầm quyền tại Afghanistan. Trong hơn một tháng, Mỹ đã sử dụng đủ loại máy bay, đủ loại bom và hỏa tiễn, kể cả loại "bom quái vật" (Monster bom) để oanh tạc mà phe Taliban và Osama bin Laden vẫn có vẻ không nao núng mà còn phản công Mỹ bằng những chiến dịch tuyên truyền, tố cáo Mỹ giết hại thường dân, kêu gọi "thánh chiến".

Tại Mỹ và các nước Tây Âu, một số người bắt đầu đem những bóng ma di vãng ra để dọa dân Mỹ. Nhà báo có, nhà chính trị có, phản chiến có, chuyên viên có, học giả có.

Một số nhà báo và chuyên viên cho rằng Mỹ đã sai lầm khi tấn công Afghanistan. Ném bom sẽ không kết quả vì địa hình địa vật nước này núi non trùng điệp, hang hốc kiên cố, mà đổ bộ binh vào thì sẽ bị tổn thất nặng và cuối cùng sẽ phải rút lui như bài học cay đắng của Liên Xô vào thập niên 1980. Người ta cũng nhắc lại những bài học lịch sử từ thời Trung cổ để hù các ông tướng Mỹ rằng chưa đoàn quân xâm lược nào thắng được người A-Phú-Hãn, một dân tộc rất thiện chiến và hiếu chiến. "Bóng ma Việt Nam" cũng được đem ra để dọa dân Mỹ, rằng Mỹ sẽ sa lầy ở Afghanistan cũng như đã sa lầy tại Việt Nam, rằng hang hốc ở Afghanistan còn dễ sợ hơn địa đạo ở Việt Nam, rằng B-52 sẽ vô hiệu với Afghanistan cũng như đã vô hiệu tại Việt Nam, nhất là cuộc ném bom dữ dội xuống Bắc Việt suốt 12 ngày đêm vào cuối năm 1972 được gọi là Christmas Bombing.

Các phần tử "phản chiến" của thập niên 60 đang ngự trị tại các trường đại học ở Mỹ cũng rục rịch cố tạo dựng lại thời vàng son cũ.

Một hiện tượng ít ai ngờ là 90% (chín mươi phần trăm) giáo sư và những người cầm đầu các trường đại học tại Mỹ đã tỏ cảm tình với bọn khủng bố và chống lại nước Mỹ.

Trong khi khắp nước Mỹ rúng động vì vụ khủng bố kinh hoàng ngày 11.9, các chủ tịch của những trường đại học đã ra những tuyên bố với các từ ngữ chung chung như "thảm kịch" (the tragedy), hay "biến cố ngày 11.9" (the events of September 11) như là nước Mỹ chỉ vừa bị một trận động đất hay một thiên tai nào đó. Họ tránh những chữ mà khắp nước Mỹ đang dùng, như "khủng bố", "tấn công", "phòng thủ" hay "quyết tâm"...

Hiệp Hội Giáo sư Đại Học Mỹ (AAUP: American Association of University Professors) đã phổ biến một bản tuyên bố, hứa "sẽ tiếp tục tranh đấu chống lại bạo động bằng cống hiến mới để hành xử sự tự do suy tưởng và diễn đạt sự tự do ấy trong giảng dạy của chúng tôi"! Không ai hiểu các ông bà giáo sư đại học này muốn nói gì. Bradford Wilson thuộc Hiệp Hội Học Giả Quốc Gia (National Association of Scholars), một tổ chức đang cố phục hồi phẩm cách trí thức tại các khuôn viên đại học Mỹ, gọi bản tuyên bố của AAUP là "vô nghĩa ngu xuẩn" (fatuous).

nonsense) và “mưu mô kiểu Mác-xít” (Marxist claptrap).

Tổ chức Tranh đấu cho Quyền Tự-do Cá-nhân trong Giáo-dục (Foundation for Individual Rights in Education) mới đây đã phải can thiệp vào những trường hợp trong đó các giới chức quản trị đại học đã cố tình bóp nghẹt sự bày tỏ lòng ái quốc và trả thù những người lên tiếng ủng hộ chính phủ Mỹ.

Tại Trường Đại Học Central Michigan, giới chức quản trị đã ra lệnh cho sinh viên tháo gỡ những bích chương ái quốc trên tường và hạ cờ Mỹ treo tại ký túc xá. Nhà trường gọi những thứ này là “chướng mắt” (offensive).

Trường Đại Học Duke ở Bắc Carolina đã đóng trang Web trên Internet của Giáo sư Gary Hull khi ông này phổ biến một bài viết kêu gọi một cuộc trả đũa quân sự mạnh mẽ đáp lại vụ tấn công khủng bố ngày 11.9.

Tại Trường Đại Học Tiểu Bang Pennsylvania, một giáo sư đã bị sa thải vì cổ vũ cho một hành động quân sự để đáp lại cuộc tấn công của bọn khủng bố.

Tại Trường Đại Học John Hopkins, Giáo sư Charles Fairbanks lên tiếng tại một diễn đàn công cộng, ủng hộ một cuộc tấn công vào những nước chấp chứa bọn khủng bố. Ông ta bị buộc tội xúi giục sự thù hận (chống Hồi giáo) và bị cách chức giám đốc Học Viện Trung A.

Tại Trường Đại Học Massachusetts, sinh viên được cho phép biểu tình phản đối chiến tranh chống khủng bố, nhưng sinh viên nào muốn tổ chức biểu tình ủng hộ chính sách của Hoa Kỳ thì bị khước từ giấy phép.

Tại Trường Đại Học San Diego, tiểu bang California, một sinh viên Ethiopia nghe ba sinh viên Ả-rập bày tỏ sự vui mừng về

vụ tấn công Trung tâm Mậu-dịch Thế-giới và Ngũ-giác-đài. Anh Ethiopia liền sửa lưng ba anh Ả-rập nhưng chính anh ta đã bị nhà trường cảnh cáo vì có “thái độ đe dọa và bạo hành”. (Cần nhấn mạnh rằng một sinh viên của trường này đã bị bắt giữ vì có liên hệ tới vụ khủng bố ngày 11.9).

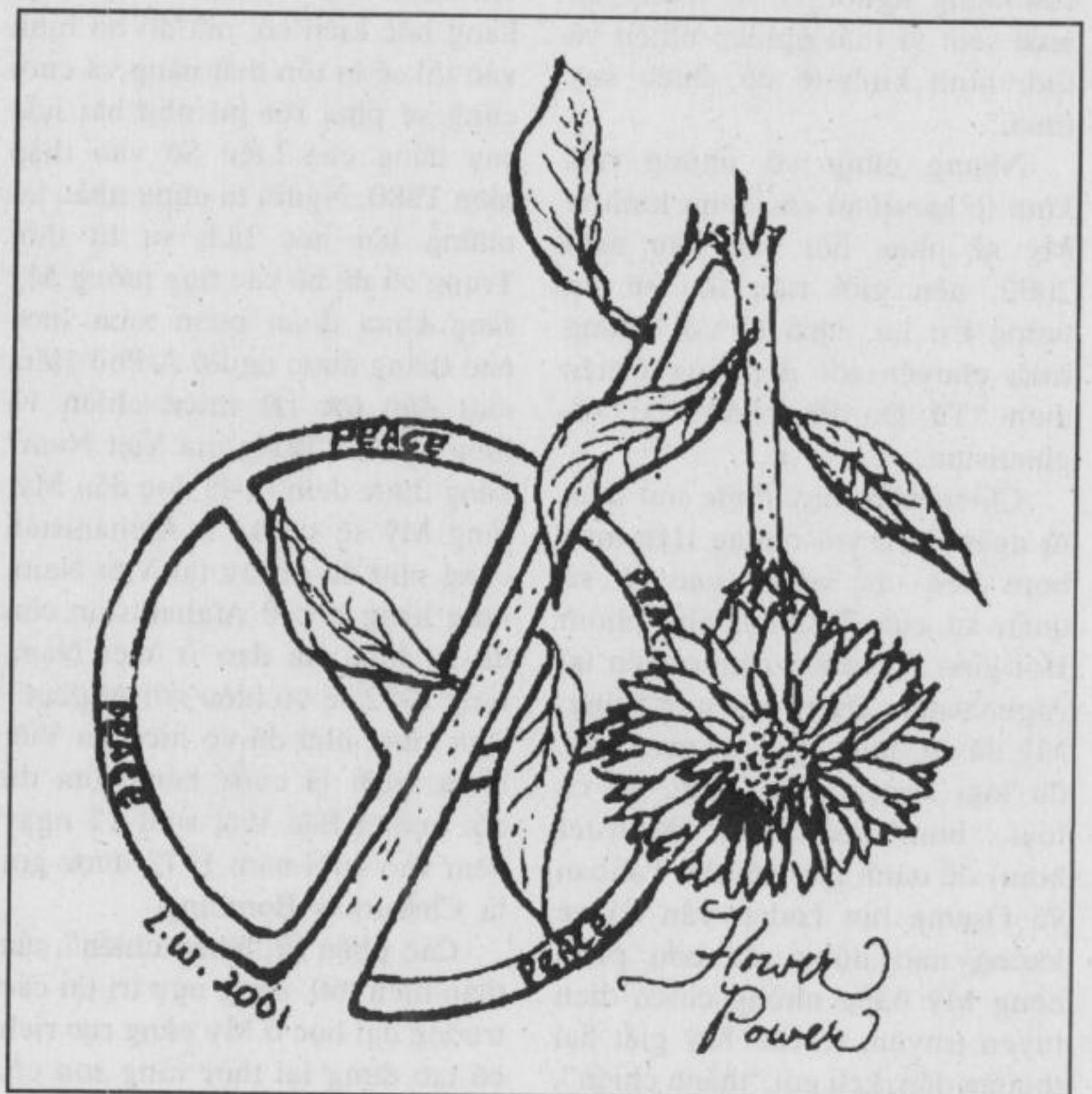
Tại Trường Đại Học Florida Gulf Coast, viên giám đốc thư viện đã ra lệnh cho nhân viên lột bỏ những khẩu hiệu “Proud to be an American” (tự hào là một người Mỹ) khỏi các nơi làm việc của họ với lý do là chúng làm chướng mắt các sinh viên ngoại quốc.

Tại Trường Đại Học Missouri, giám đốc đài truyền hình của nhà trường, KOMU, đã khuyến cáo nhân viên không được mang những băng xanh, trắng đỏ để tưởng niệm những những nạn

nhân của vụ khủng bố ngày 11.9.

Trên đây chỉ là một số trong rất nhiều vụ đã xảy ra tại các trường đại học trên khắp nước Mỹ, chứng tỏ khuynh hướng chống Mỹ và biện hộ cho tội ác của bọn khủng bố. Có thể được phép đốt cờ Mỹ trong khuôn viên đại học, nhưng sinh viên không nên thử treo một lá quốc kỳ!

Để hiểu tại sao có hiện tượng quái đản như trên tại hầu hết các trường đại học trên nước Mỹ, tôi xin trích dẫn một đoạn trong lá thư của một sinh viên vừa tốt nghiệp Trường Đại Học Boston gửi cho ký giả John Leo: “Phần lớn các giáo sư đại học ngày nay là những hippies có bằng tiến sĩ. Trong suốt 40 năm vừa qua, những người bảo thủ đã đi vào hoạt động trong lãnh vực tư trong khi các phần tử phản chiến lười biếng, những trí thức chống Mỹ



tràn ngập vào các khuôn viên đại học. Kết quả là ngày nay gần như không thể bẻ gãy móng vuốt của phe tả đã bám vào hệ thống đại học. Các giáo sư khám phá quan điểm của bạn qua những bài viết và các cuộc thảo luận trong lớp, và họ sẽ không quên. Họ tạo áp lực gián tiếp lên các sinh viên trẻ để chấp nhận lý tưởng khuynh tả bằng cách từ chối trình bày triết lý cạnh tranh."

Theo Craig Shirley, chủ tịch một tổ chức về công vụ tại Washington, trong nhiều năm nay, Trường Đại Học Harvard đã nhận nhiều triệu Mỹ-kim trong ba nguồn tiền tài trợ khác nhau của gia đình bin Laden. Hơn nữa, Harvard còn hợp tác với Hybridon, một công ty sinh học - y khoa tại Cambridge mà một trong những kẻ bỏ tiền đầu tư là em của Osama bin Laden, Yahia bin Laden, và Abdelah bin Mahfour, bà con của một gia đình bị tình nghi đóng góp tiền bạc cho những hoạt động của bin Laden.

Nhưng, những kẻ mệnh danh "phản chiến" vào thập niên 60 và bọn khủng bố hôm nay khác nhau thế nào? Xin đọc đoạn dưới đây trích từ bài viết của Tom Hayden, chồng cũ và đồng chí của Jane Fonda, viết trên tạp chí trí thức *Partisan Review* năm 1966:

"Có lẽ hành động duy nhất thích hợp cho những người nổi giận là bạo động. Có lẽ một nhóm thiểu số nhỏ, bằng cách hoả thiêu New York và Washington, có thể gây tổn thương cho đất nước này mãi mãi trong tòa án của công luận thế giới."

Ngày 11.9.2001, bọn khủng bố Hồi giáo cuồng tín đã thực hiện ước mơ của Tom Hayden. Những bạo động của phe tả vào thập niên 1960 và 70 đã được tiếp nối bằng những khủng bố hiện nay và vẫn được phe tả tại các

trường đại học Mỹ giải thích, biện hộ giống nhau: hậu quả của những tội ác do nền văn minh của người da trắng gây ra.

Giáo sư Douglas Dowd nói tại Trường Đại Học Cornell năm 1970: "Bạo động của phe tả được thực hiện bởi những người đang cố gắng thay đổi sự việc cần phải được hiểu đúng ý nghĩa của nó... Họ đã từ bỏ ý tưởng rằng một phong trào có thể đạt đến bất cứ mục tiêu nào mà không cần bạo động."

Giáo sư Richard Poirier, một trong những chủ bút của *Partisan Review*, viết: "Trước khi đặt câu hỏi về sự thích ứng và các chương trình của những thanh niên bạo động chiếm giữ các cao ốc, đốt xe cộ và giao chiến với cảnh sát, trước tiên hãy hỏi cái thế giới nào đang bao quanh những hành động này."

Và nay, Susan Sontag viết như sau trên tờ *New Yorker* về sự thiêu hủy Trung tâm Mậu-dịch Thế-giới và gần sáu ngàn nhân mạng: "Đâu là sự hiểu biết rằng đây không phải là một cuộc tấn công 'hèn nhát' vào 'nền văn minh' hay 'tự do' hay 'thế giới tự do' nhưng là một sự tấn công vào nước tự nhận là siêu cường của thế giới, được thực hiện như một hậu quả của những liên minh với Mỹ?"

Sontag chính là kẻ đã được Cộng sản Hà-Nội tiếp đón vào lúc cao điểm của chiến tranh Việt Nam, và đã tuyên bố rằng Hoa Kỳ là một "quốc gia tội lỗi, hung ác". Năm 1967, Susan Sontag đã viết trên tờ *Partisan Review*: "Giống da trắng là ung thư của lịch sử loài người; chính giống da trắng và chỉ có giống da trắng, những lý thuyết và những phát minh của nó đã phóng ra những nền văn minh độc quyền và lan tới đâu thì làm mất thăng bằng môi sinh của

hành tinh này, và bây giờ đe dọa ngay chính sự hiện hữu của đời sống."

Ngày 7.11 vừa qua, cựu Tổng thống Bill Clinton, một cựu lãnh tụ phản chiến của thập niên 1960, đã nói với gần 1,000 sinh viên tại Trường Đại Học Georgetown rằng khủng bố đã có mặt trên nước Mỹ từ mấy trăm năm trước và quốc gia này "đang phải trả giá hôm nay" vì chế độ nô lệ tàn bạo trong quá khứ và vì đã chiếm đất đai và tàn sát thổ dân da đỏ. Ông Clinton đã bị chỉ trích là phát ngôn vô trách nhiệm và đã không chứng minh được sự liên hệ giữa vụ khủng bố ngày 11.9 và những bóng ma trong quá khứ.

Có lẽ Clinton cũng bị ám ảnh bởi những bóng ma của thập niên 1960 và chỉ muốn tự biện hộ cho hành động "làm loạn" của mình hơn 30 năm về trước. Clinton đã không có cái can đảm của một số cựu "phản chiến" thú nhận đã sai lầm. Theo nhận định của những nhà trí thức lương thiện, những ngày của thập niên 1960 đã chết. Cuộc đối kháng văn hóa thời ấy đã bị đẩy lùi vào dĩ vãng, và chính Osama bin Laden đã dứt điểm tiến trình đào thải ấy.

Ngày nay, những sinh viên trẻ tại các trường đại học trên nước Mỹ không còn nhầm lẫn đi theo những ông thầy hippies thiên tả. Họ cũng không còn để râu và để tóc dài như một hình thức phản kháng và tự do.

Theo tin AP ngày 1.11 vừa qua, kết quả cuộc thăm dò của Học-viện Chính-trị tại Đại Học Harvard cho thấy 79 phần trăm sinh viên ủng hộ Mỹ oanh tạc Afghanistan và 68 phần trăm ủng hộ sử dụng bộ binh để truy lùng Osama bin Laden. Cũng theo kết quả cuộc thăm dò này, 71 phần trăm nam sinh viên chưa tốt nghiệp cho biết sẽ ghi danh nhập

ngũ nếu chế độ quân dịch được tái lập. Bản tin của AP không nói rõ nhưng có lẽ tỉ lệ này không thấp hơn 92 phần trăm ủng hộ của dân Mỹ vì có nhiều sinh viên ngoại quốc theo học tại Harvard.

Tục ngữ ta có câu “thức khuya mới biết đêm dài”. Vụ tấn công ngày 11.9 của Osama bin Laden là một đòn đau cho nước Mỹ, nhưng nhờ đó dân Mỹ đã trở nên hiểu đời hơn, khôn ngoan hơn, và thông cảm với người khác hơn. Ngày 11.11 vừa qua, ký giả James Zumwalt đã viết trên tờ *Los Angeles Times* về một bóng ma từng ám ảnh dân Mỹ trong nhiều năm nay. Tấm hình Tướng Nguyễn Ngọc Loan xử tử một đặc công Việt Cộng trên đường phố Sài-Gòn trong cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân 1968.

James Zumwalt viết rằng khi

tấm hình ấy xuất hiện trên khắp nước Mỹ, công luận Mỹ đã nhanh chóng nhận thấy sự tàn bạo của chiến tranh trên tấm hình nhưng đã không thấy được sự thật của câu chuyện mà tấm hình không ghi lại. Họ đã làm ngơ về những hành động tàn bạo của quân khủng bố Việt cộng đang tràn ngập thành phố Sài-Gòn lúc ấy để chỉ chú mục vào cái mà họ cho là sự man rợ của một viên chức thuộc chính quyền Sài-Gòn.

Tấm hình ấy đã châm thêm dầu vào phong trào chống đối chiến tranh Việt Nam tại hậu phương Mỹ. Zumwalt viết nguyên văn: “Vào một thời kỳ ngầy thơ, khi chúng ta được che chở khỏi những hành động khủng bố cuồng bạo như vậy tại quê nhà, chúng ta đã đơn giản không thể hiểu được sự nóng giận mà hành động

khủng bố đã giáng xuống những người dân Sài-Gòn - những nạn nhân của khủng bố. Chính thực tại của ngày 11.9 đã làm cho người Mỹ hiểu biết đầy đủ những điều mà nhiều người khác đã phải trải qua trong một phần có ý nghĩa của đời họ. Từ những kinh nghiệm của đời sống chúng ta gạt hái được sự khôn ngoan. Với sự khôn ngoan ấy, chúng ta bắt đầu một tiến trình thanh lọc nhận thức của chúng ta. Với những nhận thức được cải tiến ấy, chúng ta có sự hiểu biết tốt hơn về người khác và hiểu điều chúng ta phải làm để hoàn thành mục đích trong đời sống một cách hữu hiệu nhất.”

Thật ra, mười năm sau khi tấm hình của Eddie Adams được phổ biến với tất cả hậu quả tai hại của nó đối với cuộc chiến đấu tự vệ của miền Nam Việt Nam, anh ta đã thú thật là tên Việt cộng ấy (Bảy Lốp) vừa tàn sát cả một gia đình một viên cảnh sát tại Sài-Gòn. Nhưng sự thật ấy cũng không tạo ra được sự thay đổi nào trong nhận thức của đại đa số dân Mỹ. Khoảng mười năm trước đây, tôi gặp một người Mỹ, một cựu nhân viên tại Tòa Đại sứ Mỹ ở Sài-Gòn. Ông ta cho biết vừa tình cờ gặp ông Nguyễn Ngọc Loan và đã bắt buộc phải bắt tay ông ấy, và đã cảm thấy ghê sợ khi bắt một bàn tay giết người!

Trong đám tang ông Nguyễn Ngọc Loan ba năm trước đây, tôi cũng đã gặp Eddie Adams. Anh ta đã có mặt như để nói lên một sự hối tiếc đối với một nạn nhân của mình. Nhưng, không phải chỉ có một mình ông Nguyễn Ngọc Loan là nạn nhân của tấm hình ấy. Cả miền Nam Việt Nam đã là nạn nhân của tấm hình ấy.

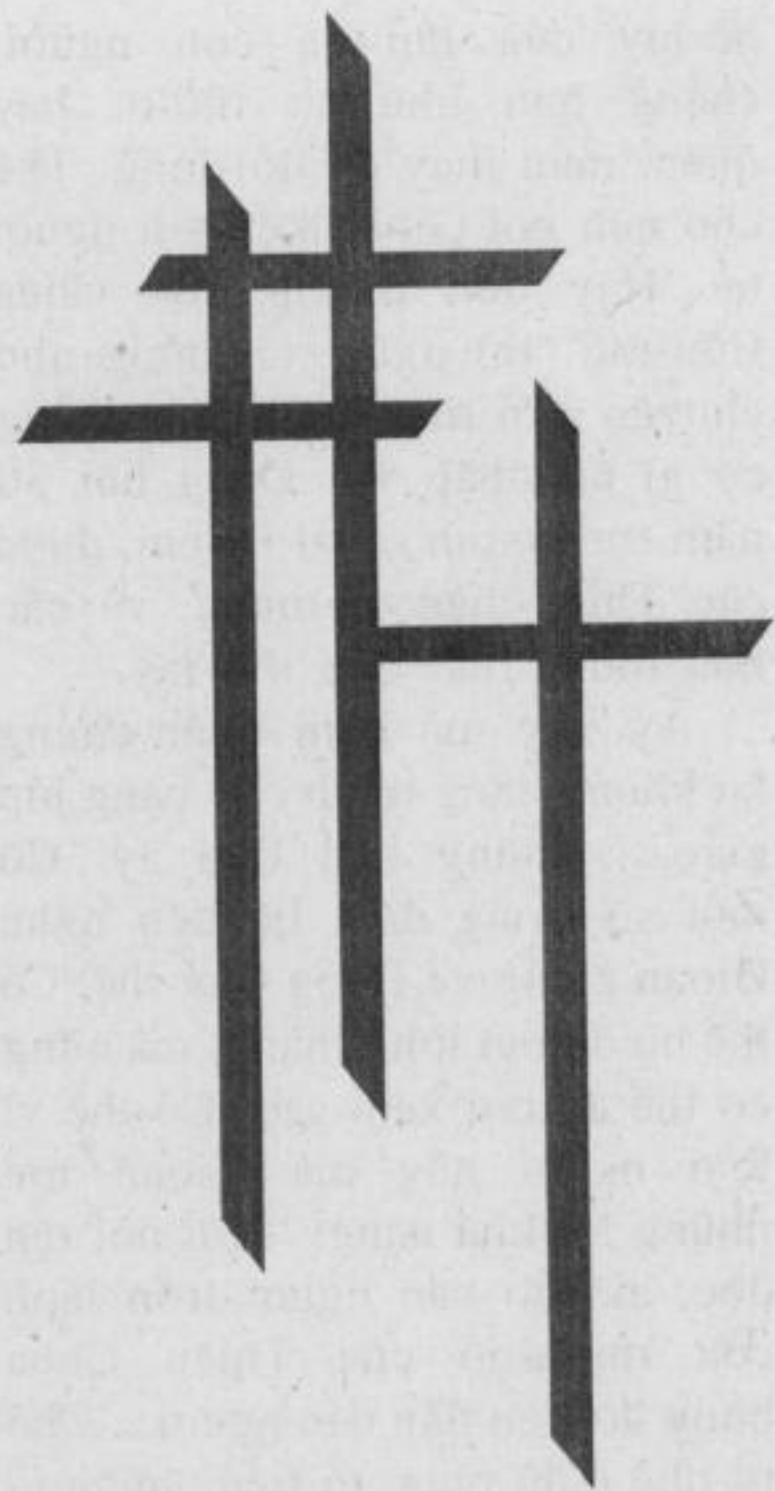
Có lẽ bóng ma ấy đang ám ảnh lương tâm của nhiều người Mỹ, sau ngày 11.9, mà James Zumwalt đã can đảm nói lên.



Ngày 1.2.1968, Chuẩn-tướng Nguyễn Ngọc Loan, Tổng Giám-đốc Cảnh-sát quốc-gia, xử tử Bảy Lốp, Đại-ủy Đặc-công CSVN tại mặt trận Sài-gòn trong vụ Tổng công-kích Tết Mậu Thân. Bảy Lốp bị bắt sau khi vừa tàn-sát trọn một gia-đình nhân-viên cảnh-sát. Vài giờ sau khi xử tử Bảy Lốp, tướng Loan bị trọng-thương vì đạn B-40. Sau 1975, ông định-cư tại Gia-nã-đại, rồi di-cư sang Hoa-kỳ. Ông qua đời tại Virginia ngày 15.7.1998 vì ung-thư, hưởng thọ 67 tuổi. Bức ảnh trên đây đã đem lại giải Pulitzer Prize 1969 cho phóng-viên nhiếp-ảnh Eddie Adams, và trở thành vũ-khí để VC và giới phản-chiến quốc-tế tấn-công, trối tay chính-phủ Mỹ, dẫn tới sự sụp-đổ của VNCH. (chú-thích của toà-soạn)

Kẻ Dọn Đường

Nguyễn Văn Thông



Trước khi Chúa sinh ra tại Belem, xứ Giudea, có một người sinh ra trước đó sáu tháng. Khi lớn lên, ông sống cuộc sống trong sa-mạc và rừng vắng, rồi trở lại mon-men vào giữa dân-chúng mà loan-báo rằng Đấng Cứu-Thế đã đến. Lúc ấy ông được 30 tuổi rưỡi. Ông tên là Gioan, được gọi là Gioan Tiền-hô. Thánh Kinh viết về ông như sau:

“Ngày ấy, Gioan Tiền-hô đến giảng trong xứ Giudea rằng: ‘Hãy dọn đường Chúa, hãy hay gạt lồi Người đi’. Gioan mặc áo lông lạc-dà, thắt lưng bằng dây da thú, ăn châu-chấu và uống mật ong rừng. Bấy giờ dân Thành Giêrusalem, khắp xứ Giudea và các miền lân-cận sông Giordan tuôn đến với ông, thú tội và chịu Phép Rửa.” (Mt 3,3-6)

Thật là vinh-dự, ông Gioan được giữ vai-trò tiền-hô cho Đấng Cứu-Thế, Đấng toàn dân Do-Thái trông-đợi qua bốn ngàn năm. Có vẻ như ông phải rất oai-vệ, hét ra lửa, mưa ra bạc nếu ông muốn. Con cáo đi trước con sư-tử, thú rừng giạt ra hai bên. Con cáo muốn trở mặt quất mắng con thú nào lúc ấy mà chả được.

Nhưng chả lẽ Chúa chọn một con người có thứ lòng dạ ấy để dọn đường cho Người? Lỡ mà Chúa chọn lầm một ông Gioan như thế thì Chúa chẳng còn mặt mũi nào. Chúa chọn ông. Ông đáp

lại tiếng gọi, vào sống trong hoang-địa như một chủng-viện để Chúa đào-tạo con người ông. Ông không dùng tiếng Chúa gọi làm tấm cân-cước rồi đi phát-phơ trong các thị-trấn, phố-xá cho người ta nể mặt. Ông cũng không đến các đền thờ, chùa tam căn-cước ấy ra để kiếm một văn-phòng, ngòi trịch-thượng giải-quyết vài vấn-đề Thánh Kinh rồi ngồi mát ăn bát vàng. Sống trong sa-mạc, hẳn là đói khát thường-xuyên. Hết giờ cầu-nguyện, tối bữa, ông chộp cào cào, chắc cũng hơi sơ qua trên ngọn lửa rồi bỏ bụng. Đó là chất đạm cần cho cơ-thể ông. Chất đường là mật của những tổ ong rừng. Hẳn ông đã từng bị ong chích cho phù người nhiều lần. Chắc ông cũng phải đào bới vài thứ củ thay chất bột ngũ-cốc cho đỡ xót ruột. Ông là vị chân tu. Ông nói thẳng với dân chúng về vai-trò của ông: “Đấng đến sau tôi, quyền-năng hơn tôi, tôi không đáng cúi xuống cởi dây giày Người. Phần tôi, tôi lấy nước mà rửa các người, còn Ngài, Ngài sẽ rửa các người trong Chúa Thánh Thần” (Mc1,7)

Ông Gioan thật là bậc chân-tu, không giống con cáo. Tuy nhiên chúng ta thắc-mắc, chẳng hạn, khi Chúa sinh ra tại Belem, có dấu-hiệu từ trời là ngôi sao lạ chiếu sáng, có tiếng hát thiên-thần đánh thức các mục-đồng; có

dấu-hiệu từ con người là ba nhà thông-thái đến dâng lễ vật và thờ-lạy, thế rồi băng đi đến 30 năm, chẳng ai thềm nhắc-nhở đến Đấng Cứu-thế đã giáng trần, bây giờ mới có ông Gioan đi hô lên là thế nào?

Nếu cứ như ý của chúng ta thì baby Giesu phải được nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa từ nhỏ tới lớn, thiên-hạ sẽ mang quà tới dâng cúng đều đều. Bắt đầu từ 12 tuổi, cậu đã giảng-giải Thánh Kinh cho các bậc luật-sĩ và linh-mục được thì tội gì cậu không bắt đầu giảng dạy về Nước Trời cho thiên-hạ đi có phải được việc không? Phải chờ-đợi đến năm 30 tuổi mới đi giảng, và giảng chỉ được có ba năm rồi chết. Uống mất 18 năm trời quý-hóa, phí bao nhiêu công-việc! Chúng ta nghĩ như thế vì có lẽ chúng ta không cảm-nhận lắm ý-nghĩa Chúa-xuống-thế-làm-người, mang thân-phận con người, gánh chịu những

hệ-lụy của tập-thể con người, chẳng hạn như sự thờ-ơ, hay quên, mau thay dạ đổi lòng. Thế cho nên khi Gioan kêu gọi người ta “Hãy dọn đường đón Chúa Cứu-thế” thì người ta tưởng như chuyện mới tinh, hình như chẳng có gì ăn nhập với Đấng hồi 30 năm trước sinh ra tại Bêlem, được các Thiên-thần ca-mừng, và các nhà thông-thái đến thờ lạy.

Ấy vậy mà đám quần-chúng lại không đáng trách cho bằng lớp giáo-sĩ, thông luật thời ấy. Có một số trong đám họ đến nghe Gioan giảng về Đấng Cứu-thế. Có thể họ đến vì lòng thành, mà cũng có thể để coi xem sao. Có thể vì loại người này mà Gioan nói những lời khá nặng: “Hỡi nòi rắn độc, ai bảo các ngươi trốn lánh cơn thịnh-nộ của Thiên Chúa hòng đổ trên đầu các ngươi... Chớ tự-phụ nghĩ rằng, tổ-tiên chúng ta là Abraham. Vì ta bảo cho các ngươi hay, Thiên Chúa quyền-năng có thể khiến những hòn đá trở nên con cái Abraham. Cái rìu

để sẵn dưới gốc cây. Cây nào không sinh trái tốt, sẽ phải chặt bỏ vào lửa.” (Mt 3, 7-10)

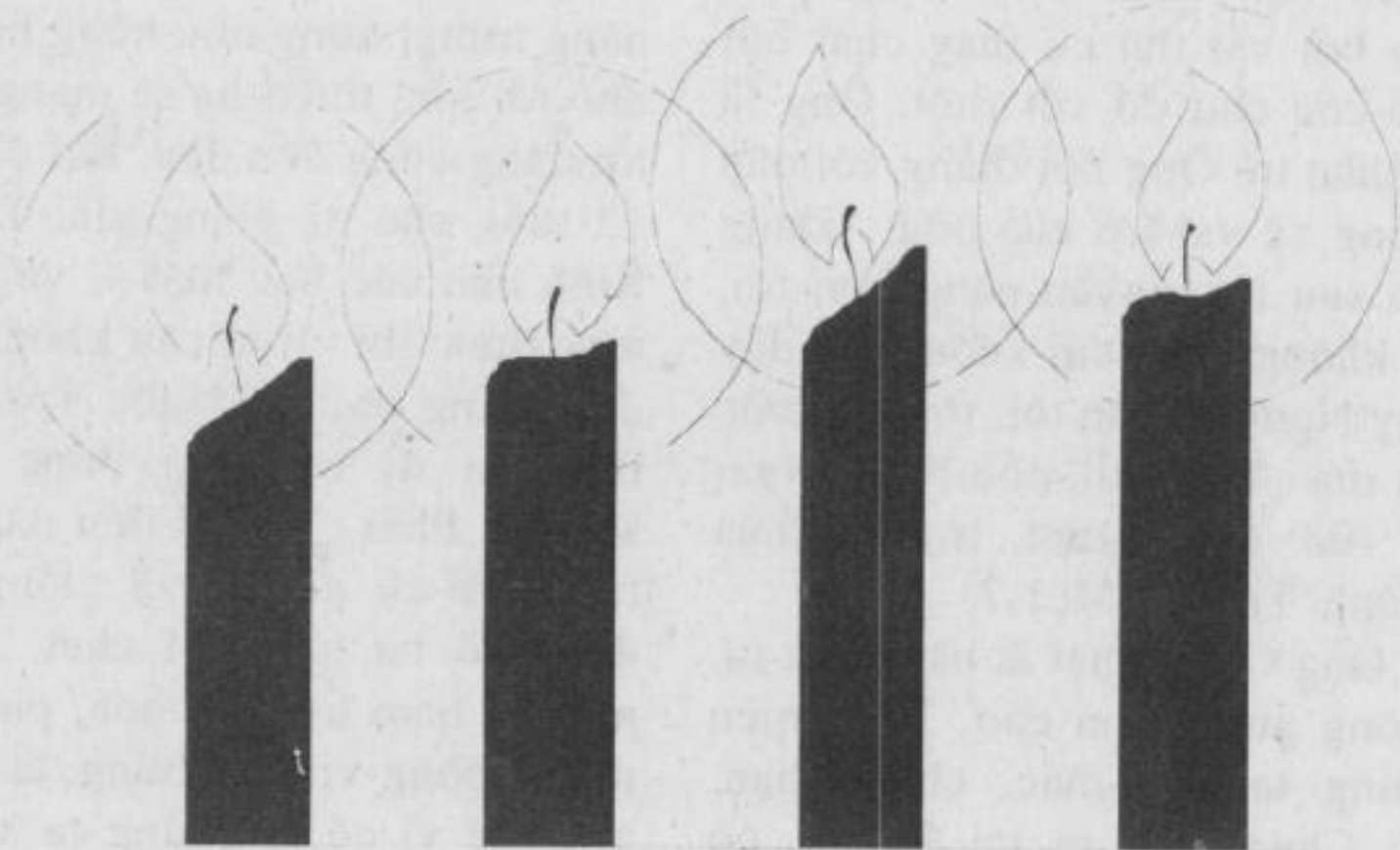
Để sợ thật. Gioan đâu có dùng những lời nặng-nề như thế mắng người bình-dân, mà mắng những bậc kỳ-mục trong dân, những hạng áo choàng có tua dài, thường xuất hiện ở nơi đền thờ. Họ là những người đứng thẳng lưng giữa đám quần-chúng cúi đầu. Họ bòn-rút những đồng bạc của dân nghèo bằng những tiếng cầu kinh ê a. Ăn của dân, chất chồng những gánh nặng trên dân, còn họ thì không muốn động đến cả ngón tay. (Mt 23,4) Khi dân gặp nạn thì bay chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi. Nếu trong dân-chúng có người nào lên tiếng nói, hạng kỳ-mục ấy có thể trưng-dẫn hàng pho Thánh Kinh để tự bảo-vệ, ấy là chưa kể tìm mọi cách cô-lập rồi tiêu-diệt tiếng nói ấy.

Khi Gioan rao giảng rằng: “Hãy dọn đường Chúa cho ngay-thẳng. Hãy lấp mọi hố sâu. Hãy bạt mọi núi đồi” là ông rao-giảng

cho mọi người, nhưng có lẽ sự quanh-co của tấm lòng, hố sâu của sự tham-lam, núi-đồi của những ước-mơ danh-vọng nơi người bình-dân không có là bao so với những hàng kỳ-mục.

Đời nào cũng vậy, tình-ái, tiền-tài, và danh-vọng là ba thứ vẫn lôi-cuốn con người, làm cho con người điêu-đứng. Rượu chè và cờ bạc không phổ-quát cho bằng. Thế cho nên, bậc tu-hành, những người làm công-việc thay mặt Chúa thường khẩn giữ ba nhân-đức ngược lại với ba nguy-hiểm trên: độc-thân, nghèo, và vâng-lời. Vi-phạm chuyện tình-ái dễ bị bắt lăm. Có tiền, khó bắt hơn, vì người ta có thể bảo tiền đó để giúp kẻ nghèo, xây nhà thờ, mà ngay cả xây nhà nhà xứ, xây tòa giám-mục tráng-lệ thì cũng là để các linh-mục, giám-mục được thoải-mái rảnh-rang để viết bài giảng, dạy giáo-lý, làm các bí-tích, để lo tổ-chức làm việc thiện, việc tông-đồ.

Khó bắt lỗi hơn cả là chuyện danh-vọng. Tu làm thầy rồi làm cha, cha quản-hạt, đi du học, làm giám-mục, hồng-y, giáo-hoàng. Tất cả là vì đức-dộ và tài-năng mà được cất-nhắc lên trong việc phụng-sự Chúa đầy chữ. Và khi được thoả-mãn danh-vọng rồi, hai thứ kia nó sẽ quay lại dễ-dàng. Chúng ta nói, thoả-mãn danh-vọng cho những người khát danh-vọng. Chữ còn thiếu gì bậc chân-tu ở bất cứ một địa-vị nào chẳng nữa, họ cũng chỉ biết phục-vụ sự thật và sự thiện, chẳng biết thấp cũng chẳng cần cao. Nhân-loại luôn luôn cần những vị chân-tu ấy. Khổ là thực-tế của bất cứ tổ-chức xã-hội nào thì cũng bị vướng vào vòng trần-tục, nhất là khi một xã-hội đã cố tình hay tạo cơ-hội bơm vào tổ-chức tôn-giáo những nọc-độc như chế-độ cộng-sản với những chính-sách tinh-vi bài-trừ



tôn-giáo.

Thời-đại của ông Gioan Tiên-hô cũng không có luật trừ. Và nó giống y hệt thời-đại của chúng ta cho những ai dám liều mình nói lên tiếng nói ngược lại. Đụng chạm đến ai còn có thể tha-thứ chứ đụng-chạm đến lãnh-tụ, đến phẩm-trật là khó sống. Kể nhất-đảm không thể nhận vai-trò ngôn-sứ của Gioan được. Hoặc chính người ngôn-sứ ấy chỉ được lãnh sứ-mạng sau khi đã thắng được sự nhất-đảm của mình. Hậu-quả gần nhất của ngôn-sứ thường là cái chết. Gioan chẳng bao lâu sau mất đầu vì mẹ con của Herodiade, em dâu và bồ ruột của vua Herode. Nhưng Chúa bảo Gioan: "Hỡi người là kẻ đưa tin mừng cho Sion, hãy trèo lên núi cao. Hỡi người là kẻ đưa tin mừng cho Giêrusalem, hãy mạnh-dạn cất tiếng. Hãy cất tiếng cao, đừng sợ." (Is 40, 9)

Đức Gioan Phaolo đã làm cho lời Thánh Kinh ấy được vang-dội vào cuối thế-kỷ 20 khi ngài lên ngôi Giáo-hoàng. "Đừng sợ" là chủ-đề thông-diệp đầu-tiên của ngài cũng như mai sau này. Chính tâm-hồn can-trường ấy đã đương đầu với khối Cộng-sản Soviet và Đông Âu cho tới khi chúng tan-rã.

Cái gì làm cho người ta không sợ-hãi? Sự ngay-thẳng của tâm-hồn, và niềm tin vào Đấng Thiện-hảo tuyệt-đối. Người được gọi làm ngôn-sứ thi-hành sứ-mạng Thiên Chúa mời gọi họ, nói lời của Thiên Chúa muốn họ nói, làm việc Thiên Chúa khiến họ làm. Họ thi-hành sứ-mạng được trao với hết tâm-huyết và lòng thành. Họ đặt mạng-sống họ trong tay Ngài. Gioan Tiên-hô không sợ. Linh-mục Nguyễn Văn Lý không sợ. Những người khác sợ bởi vì họ đã được gọi, nhưng khi có phẩm-chức, họ bám lấy phẩm-chức mà

quên tiếng gọi. Nhiều khi họ theo ơn gọi như để đạt được một địa-vị trong xã-hội. Cho nên điều lo-lắng thường-trực của họ là phẩm-chức của mình. Tiếng gọi trong họ đã bị nghẹt. Họ sợ nếu mình mở miệng làm ngôn-sứ thì sẽ không còn cơ-hội được ngồi ở nhà xứ này, ở toà nhà nọ; sẽ không mong cơ-hội được tiến chức, nên đành nín thở qua sông.

Phải chăng Gioan can-trường vì sức-vóc của ông? Phải chăng linh-mục Nguyễn Văn Lý không sợ tra-tấn, đối khát của nhà tù cộng-sản Việt Nam vì ông có cơ thể chịu-đựng dẻo-dai? Không phải thế. Lễ Giáng-Sinh nhắc-nhở cho con người, nhất là người Kitô-hữu về một giá-trị cao-cả tuyệt-vời, đó là Thiên-Chúa yêu-thương con người đến nỗi sinh xuống trần để hé mở cho con người biết về tình yêu-thương bao-la của Thiên

Chúa Cha. Tình-yêu ấy là sức-mạnh của Gioan Tiên-hô, của những ngôn-sứ của mọi thời-đại như linh-mục Nguyễn Văn Lý.

Lễ Giáng-Sinh cũng nhắc-nhở cho tất cả những người được gọi làm ngôn-sứ, hãy quay về với mẫu-nhiệm tình-yêu của Thiên-Chúa giáng-trần, hãy kín mức sức-mạnh từ đó chứ không phải ở phẩm-chức đã xa rời với ơn gọi. Đừng sợ nữa, vì trở về với tiếng gọi đích-thực của mình thì không còn lí-do để sợ.

Lễ Giáng-Sinh cũng kêu gọi chúng ta, con người của mọi cảnh-ngộ cuộc đời, hãy lấy sức-mạnh của sự thật và sự thiện, vì chúng đến từ Đấng Chân-Thiện-Mỹ tối cao. Chúng ta được kêu-gọi sống và dùng sự thật và sự thiện để đẩy lui sự gian-trá và ác-độc. Người công-chính, thiện-hảo có thể bị giết chứ sợ thì không●

Mái Ấm Thiên Ân Cảm Ơn

Tháng 10 và tháng 11 MATA nhận được quà của:

- Nhóm các cụ và ông bà ở Winnipeg, Canada: 100.00 US\$
(Cụ Trần Thị Sửu: 20.00 CA\$, OB Nguyễn Văn Đại: 30.00 CA\$, Bà Trần Thị Tinh: 25.00 CA\$, AC Đào Duy An: 50.00 CA\$, OB Vũ Tăng: 34.00 CA\$. Cộng: 159.00 CA\$ = 100.00US\$)

- Anh chị Kim Khanh Chu, San Jose: \$50.00
- Anh chị Phước Võ & Sương, Medford, MA: \$40.00
- Vị ẩn danh, Geneve, Thụy-sĩ: \$70.00

Nhân-dịp đón-mừng Chúa Giáng-Sinh, thầy trò mù của MATA xin cảm ơn tình-thương của Ngài trong suốt năm qua bàn tay yêu-thương của các cụ, các ông bà và các anh chị độc-giả và thân-hữu của báo Làng Văn. Xin On Trên luôn giữ-gìn các cụ, các ông bà và các anh chị được bình-an, khỏe-mạnh và may-lành. (Nguyễn Văn Thông)

Chú-thích của toà-soạn:

1) Xin xem lại bài *Người đau-khổ tạ ơn* của Nguyễn Văn Thông, Làng Văn số 207, trang 30 (hoặc trên vi-báo Làng Văn: www.tapchilangvan.com)

2) Chi-phiếu giúp Mái Ấm Thiên Ân xin đề trả cho "Nguyễn Văn Thông" và gửi về: 42 Himoor Circle, Randolph, MA 02368, USA. Người đại-diện của MATA sẽ đúc-kết và thông-báo cảm tạ trên Làng Văn.

Máu Thấm Lòng Đất Mẹ

Iên Khoan

Dâng về các linh mục, tu sĩ nam nữ, giáo dân đã, đang và sẽ tiếp tục xả thân tranh đấu cho Sự Thật tại Việt-Nam.

*'Ju nghiao cu dué choé Jesu cho den est eoj cho den blen doj'.
(Hãy giữ nghĩa cùng Đức Chúa Giê-su cho đến hết hơi, cho đến trọn đời).*

An-rê Phú Yên*

LTG: Trước bối cảnh lịch sử đầy gian nan thử thách của quê hương, Thượng Đế từ tâm đã không ngừng đổ ơn mưa móc đầy niềm cậy trông, hy vọng xuống trên mỗi linh hồn con dân, qua việc Giáo Hội tấn phong chân phước tử đạo một thanh niên Việt Nam vào tháng Ba năm 2000. Bản văn sau đây được trích tác và tóm lược từ tác phẩm 'Người Chứng Thứ Nhất', được xuất bản tại Saigon năm 1959 của nhà văn kiêm sử gia Phạm Đình Khiêm. Mọi sơ sót xin được niệm tình tha thứ. (Iên Khoan)

Ngày 5 tháng Ba năm 2000, lễ phong chân phước đầu tiên của Đại Năm Thánh đã được tổ chức trọng thể với sự tham dự của hàng ngàn người từ khắp nơi trên thế giới đổ về quảng trường Thánh Phê-rô do Đức Thánh Cha John Paul Đệ Nhị chủ tọa. Ngài phong tước chân phước 44 anh hùng tử đạo của thế giới. Trong số đó có một thanh niên trẻ tuổi dũng cảm của gần bốn thế kỷ trước thuộc miền đất xa xôi tận Viễn Đông,

Việt Nam - vùng đất của Trịnh-Nguyễn phân tranh tương tàn, mà sông Gianh là lần tranh phân chia đôi bờ, vùng đất của buổi khai nguyên nguồn Chân Lý Tình Yêu - một tín ngưỡng vĩ đại của lịch sử nhân loại tại A Đông, và chính tại nơi đây Tình Yêu Thập Tự đã được hùng hồn minh chứng bằng chính máu của một thanh niên tuần tú, kiên trung - vị tử đạo tiên khởi của Giáo Hội Hoàn Vũ tại Việt Nam... Triều thiên vinh quang cao trọng đã được giáo hội Đấng Tình Yêu Toàn Mỹ dành riêng cho thầy giảng An-rê Phú Yên, vị anh hùng tử đạo đầu tiên của buổi khai nguyên truyền bá 'Đạo Tình Yêu' tại Việt Nam.

Theo như tác phẩm *Người Chứng Thứ Nhất* của nhà văn kiêm sử gia Công giáo Phạm Đình Khiêm - tài liệu khảo cứu về buổi ban đầu truyền giáo của giáo sĩ Đắc Lộ (Alexandre de Rhodes) và thân thế cũng như cuộc đời của vị tử đạo tiên khởi - thầy giảng An-rê Phú Yên - được xuất bản tại Sài-gòn năm 1959, đã ghi lại như sau: "*Thầy giảng An-rê Phú Yên tên thật là gì không ai biết rõ, chỉ*

biết sinh ra bên bờ sông Cái, Phú Yên năm 1625. Lúc ấy đạo Công-giáo mới được truyền vào Việt Nam chưa được mười năm và kết quả chưa khả quan lắm. Ông được rửa tội vào năm mười sáu tuổi bởi giáo sĩ Đắc Lộ, lấy tên thánh là An-rê." Hai năm sau quyết định dâng hiến cuộc đời cho Thiên Chúa, làm thầy giảng truyền bá tin mừng cứu độ...

Trong buổi đầu sơ khai, giáo sĩ Đắc Lộ đã cân nhắc được nhu cầu cấp bách và những trở ngại về ngôn ngữ cũng như tình hình chính trị rất phức tạp của cuộc nội chiến giữa hai chúa Trịnh-Nguyễn, nên ngài đã đặc biệt chú ý tuyển lựa chính các giáo hữu bản xứ tương đối có kiến thức, am hiểu phong tục, tập quán, có khả năng học hỏi, và thành lập đoàn thầy giảng đầu tiên mười người, đến từ các tỉnh Đàng Trong. Tất cả cùng một lý tưởng dẫn thân, sẵn sàng hy sinh và rất tận tâm rao giảng tin mừng cứu độ, tất nhiên trong số những hiền nhân tuyên khấn trọn đời đó có chàng thanh niên rất trẻ tuổi, trẻ nhất, nhưng cũng rất trong lành nhân đức - thầy An-rê Phú Yên!

Từ một thiếu niên nơi đồng ruộng, quê mùa chân thật, nhưng không dốt nát và đần độn như nhiều người có thành kiến sai lầm về dân quê. An-rê được hun đúc tôi luyện về trí tuệ cũng như nhân đức cao trọng, để sẵn sàng đón nhận ánh sáng tình yêu của Chúa Giê-su - nguồn mạch tình yêu bất tận. Có thể nói An-rê là đứa con sung sướng nhất, được thương yêu và cưng chiều nhất của một bà mẹ goá bụa, đơn sơ, hèn kém, nhưng lại là một từ mẫu khôn ngoan. Đối với bà, yêu thương đích thực không có nghĩa là đào tạo hướng dẫn con mình trở thành một người ích kỷ tham cuồng tiền tài danh vọng, để rồi sẽ tuyệt vọng vì mất

tất cả, bởi vì tất cả như vua Solomon từng nói- “tất cả đều là hư ảo, đều là phù vân!”

Bà đã can đảm âm thầm, sau khi An-rê được rửa tội vào năm mười sáu tuổi, bỏ hai năm trời chăm sóc dạy dỗ, khai hóa tâm hồn trong trắng nguyên trinh kia thành một thanh niên nhân ái vị tha, vững vàng niềm tin yêu hy vọng nơi Thiên Chúa, và khiêm tốn mở tung cánh cửa linh hồn đón nhận ánh sáng tình yêu chan chứa hồng ân để thăng hoa, thánh hóa tâm hồn mình. Và hạnh phúc trường cửu, không bao giờ chết của tình yêu ở thiên đàng mới là ước vọng của tình thương chân thật mà bà mẹ hằng ấp ủ. Từ đó An-rê thừa hưởng những đức tính cao đẹp của mẹ và cảm nhận được ơn gọi thiêng liêng: đem tình yêu cứu độ của Thiên Chúa truyền bá cho tha nhân.

Dịp may đã đến, khi giáo sĩ Đắc Lộ trở lại Phú Yên năm 1642, An-rê ngỏ ý tình nguyện đi theo giúp việc truyền giáo. Thoạt đầu, giáo sĩ từ chối không nhận, vì nghĩ rằng thời buổi cấm đạo, không nên đem nhiều người theo. Và lại An-rê hãy còn nhỏ tuổi, chưa biết giảng dạy cho bốn đạo, mà chữ nghĩa cũng còn ít. Nhưng An-rê năn nỉ mãi, lại cậy nhờ những người quen thuộc nói giúp, sau cùng cả hai mẹ con cùng đến

van nài, giáo sĩ phải nhận lời.

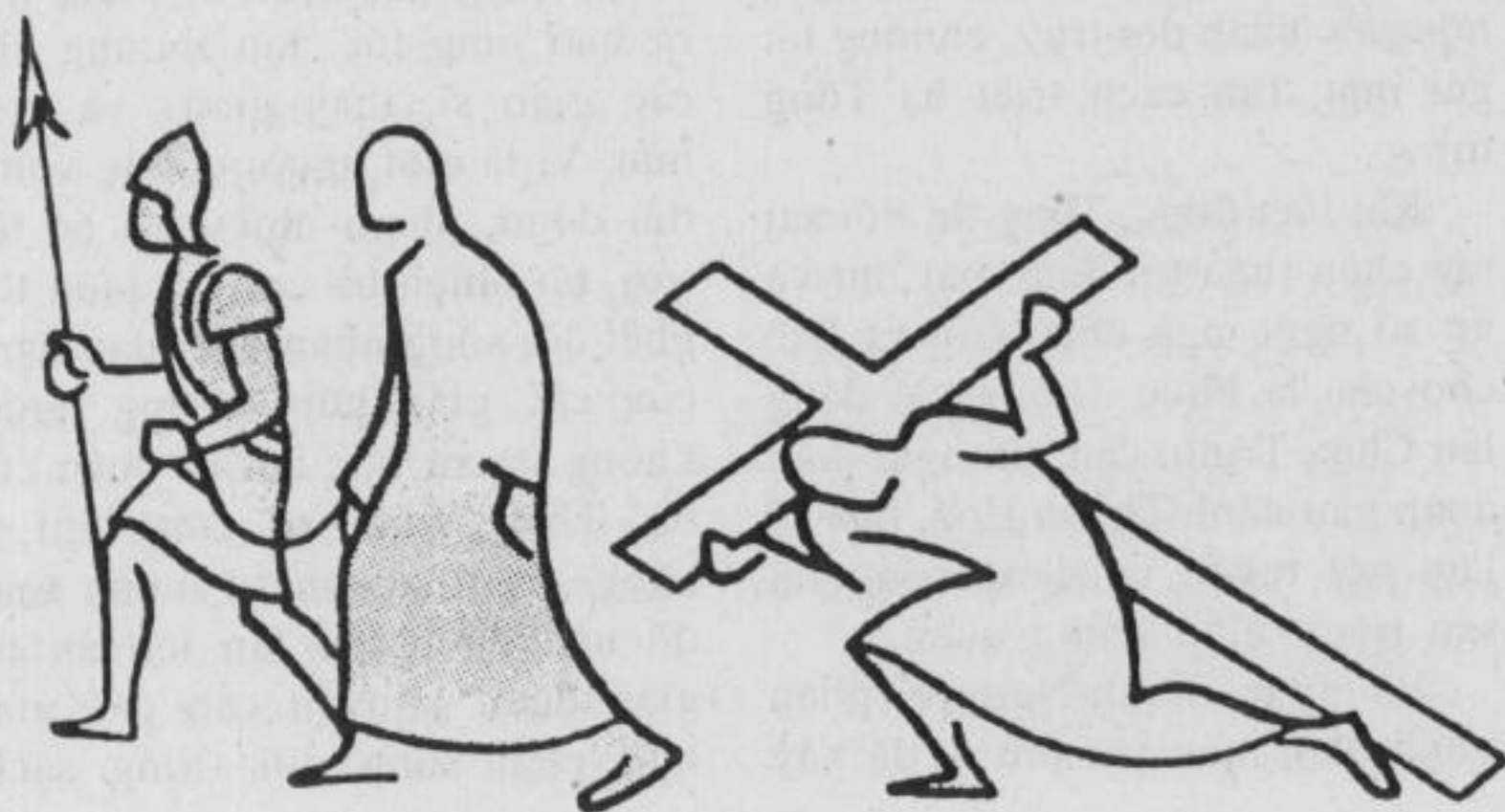
Khởi đầu tập sự tại hai địa điểm của giáo đoàn: Đà Nẵng và Hội An. Tại Chủng Viện hay Trường Thầy Giảng đầu tiên này tại Đà Nẵng, giáo sĩ Đắc Lộ vừa là giám đốc, linh hướng vừa là giáo sư chính. Ngài đã đem hết tinh hoa trong nguyên tắc, lề luật của Dòng Tên, do thánh Y-nhà-xô (Ignatius) sáng lập, áp dụng hiệu quả trong công tác chăm lo đào tạo nhân đức, mở mang trí thức, nâng cao trình độ văn hóa các bậc anh dũng tông đồ xứ Nam. Vừa học vừa hành, đoàn thầy giảng di chuyển không ngừng, rày đây mai đó giống hệt như mười hai thánh tông đồ của Chúa ngày xưa.

Lễ tuyên khấn được cử hành trọng thể tại nhà thờ Hội An, đông nghẹt giáo dân tham dự. Ngay sau lễ, giáo sĩ Đắc Lộ chỉ thị cho các thầy giảng những việc phải làm trong khi ngài vắng mặt. Đoàn thầy giảng - mười người - được chia làm hai toán: Một do thầy Y-nhà-xô cầm đầu, sẽ hoạt động ở các dinh phía Bắc, đến tận sông Gianh. Một toán phụ trách các phủ miền Nam, đến tận đèo Cả, dưới quyền điều khiển của thầy Đa-ma-cô. An-rê thuộc toán đi về phía Bắc.

Y-nhà-xô, trưởng toán miền Bắc, được đề cử kiêm lãnh nhiệm vụ chỉ huy toàn thể các thầy

giảng. Đó là một thanh niên sĩ khí, nguyên quán tại Liêm-Công, gần cửa Tùng, tỉnh Quảng Trị, sinh năm 1609, đời Chúa Nguyễn Hoàng. Học thức rộng, tinh thông kinh sử, được bổ nhiệm làm quan trong dinh tổng trấn Nguyễn Phúc Khê, con bà Minh Đức Vương thái phi. Ông đã lập gia đình, song vợ chết sớm. Ông trở lại đạo cùng một năm với thầy giảng An-rê (1641) lúc 32 tuổi, nhờ một người chú có đạo giới thiệu với cha Đắc Lộ, và được rửa tội tại Quảng Nam. Giáo sĩ đặt tên thánh Y-nhà-xô vì nhận thấy ông là người sáng trí, học đạo rất mau và thông hiểu nhiều lẽ cao siêu, xứng đáng là môn đệ của vị Thánh sáng lập Dòng Tên. Sau đó ông từ quan, bỏ hết của cải, danh vọng để gia nhập đoàn thầy giảng. Thầy Y-nhà-xô lớn tuổi hơn hết, có khả năng hơn hết, và nhất là cũng rất nhân đức như các thầy khác. Ngoài ra, ông còn có tài thuyết giảng, đến nỗi nhiều khi giảng suốt đêm mà người nghe không biết chán, chỉ muốn ông giảng mãi thôi.

Trên đường rao giảng tin mừng cứu độ, thầy An-rê Phú Yên rất nhiệt thành, luôn luôn làm việc đến quên mình, nhiều khi mắc bệnh trầm trọng, tưởng khó lòng sống sót nếu Thiên Chúa không gìn giữ. Lòng bác ái của thầy đã được thể hiện qua các hoạt động: kiên nhẫn giảng đạo cho người ngoại giáo, dạy dỗ kẻ tân tòng, dọn dẹp nhà thờ rất sạch sẽ, trang hoàng nhà thờ những ngày lễ lớn quanh năm, khéo léo đến độ làm cho các bốn đạo tăng thêm lòng sốt sắng và cả người ngoại giáo cũng đem lòng kính trọng mầu nhiệm của đạo. Trong thời gian ngắn ngủi, phái đoàn miền Bắc, do Y-nhà-xô lãnh đạo, đã tỏ ra rất đắc lực, mà kết quả là chỉ trong thời gian ba tháng, phái đoàn đã



rửa tội được hơn ba trăm người.

Theo gương các môn đệ xưa, lúc nào trên đường công tác cũng phải luôn luôn đi hai người để nâng đỡ nhau, các thầy giảng Việt Nam cũng thường theo cung cách đó. Thầy An-rê đã được cha Đắc Lộ phó thác cách riêng cho thủ lãnh Y-nha-xô coi sóc, hướng dẫn và chỉ dạy tận tình. Cuộc hành trình truyền bá phúc âm càng lúc càng khó khăn và gian nan vì thái độ hiềm khích của các sĩ phu, quan chức. Một số người quyền thế, nhiều vợ, bất mãn vì các giáo sĩ bài bác tục đa thê, trong khi một số các quan lo sợ bị mất ảnh hưởng đối với Chúa Nguyễn vì trong triều, lúc bấy giờ Công Thượng Vương (Chúa Hiền) rất có cảm tình và dành sự dễ dãi cho giáo sĩ Đắc Lộ, nhất sau khi toàn thắng cuộc hải chiến với Hòa Lan. Lý do có lẽ một phần do nhà vương biết rõ giáo sĩ là người của Tòa Thánh Công Giáo, đạo của giáo sĩ rao giảng đối lập với đạo Thệ Phản của Hòa Lan và giáo sĩ lại thân với người Bồ Đào Nha, đang giúp chúa Nguyễn về nhiều phương diện. Tại đây có bà Minh Đức Vương thái phi, mẹ ông Tống Trán Nguyễn Phúc Khê, đạo đức và sáng láng, thủ lãnh các giáo hữu ở Kinh Đô, trợ giúp rất hăng say đắc lực, trong việc tông đồ.

Vương thái phi là dì của chúa Thượng, hay giúp đỡ các thầy giảng, khiến cận thần bức mình nên thường dèm pha khiến chúa Thượng nghi ngờ bà lợi dụng các giáo sĩ Dòng Tên - là những người giỏi toán pháp, thiên văn, địa lý - giúp bà tìm hướng tốt, đất lành cho mồ mả nhà mình, và như vậy sẽ chiếm được nghiệp chúa về cho con cháu mình. Nhà Vương đâu có biết rằng người đàn bà đạo đức ấy chỉ cần giáo sĩ giúp đỡ để đoạt ngôi báu trên nước thiên đàng mà thôi!

Ngoài sự chống đạo cực đoan của các sĩ phu, quan triều như đã nói trên, một âm mưu cực kỳ đen tối đã được sắp đặt bí mật trong hậu cung để bách hại giáo hữu và giáo hội tiên khởi, bởi một người đàn bà lằng loàn, sa đọa, đầy tham vọng và ác độc có một không hai trong lịch sử Việt Nam. Người đó không ai khác hơn là Vương phi Tống thị, vợ của Hoàng tử Kỳ (Nguyễn Phúc Kỳ, trưởng nam Chúa Sãi) Trán thủ dinh Quảng Nam, có ba con trai nên được sủng ái.

Khi Hoàng tử Kỳ chết, cha Tống thị là quan Sai Cơ Tống Phúc Thông không còn chỗ nương tựa để hưởng bổng lộc ưu đãi của Nguyễn triều trong Nam nữa, đã đem cả gia quyến trốn ra Bắc Hà và đã được Chúa Trịnh Tráng đàng ngoài trọng dụng vì có con gái ở lại làm nội tuyến trong triều. Nhưng với tham vọng điên cuồng, Tống Thị đã gian dâm với em ruột chồng là Chúa Thượng Nguyễn Phúc Lan, làm các giáo sĩ có mặt trong dinh lên án như vị Tiên hô John The Baptist (trong kinh thánh) đã kết án vua Herode gian dâm với vợ của em mình. Vì lẽ đó mà Tống thị để tâm đem lòng thù ghét các giáo sĩ và đạo Thiên Chúa từ đó.

Con trai thứ tư của Sãi Vương, Tôn Thất Trung, em trai của Thượng Vương đã nổi cơn thịnh nộ trước cảnh đồi trụy, chương tai gai mắt, tìm cách triệt hạ Tống thị.

Khi biết được, Tống thị vội sai tay chân thân tín đem mật thư và vô số ngọc ngà châu báu ra Bắc cho cha là Phúc Thông, để dâng lên Chúa Trịnh, cầu xin ngài đem quân vào đánh Thuận Hoá, hứa sẽ làm nội tuyến và dâng cúng tài sản riêng giúp lương quân.

Và cuộc Trịnh-Nguyễn phân tranh đẫm máu lần thứ tư đã xảy

ra vào năm 1641: xác chất đống thành núi, máu chảy thành sông, muôn dân đọa đầy làm than khổ ải vì cảnh chém giết tương tàn. Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên! Thượng Vương đã phá tan quân Chúa Trịnh tại sông Gianh, ngăn cản quân Trịnh tiến về Kinh Đô và kế hoạch ngoại công nội kích của Tống Thị trở nên vô dụng! Đoàn quân chiến thắng về đến Phá Tam Giang thì Thượng Vương bạo bệnh lìa trần. Hiền Vương Nguyễn Phúc Tần lên nối nghiệp.

Thua keo này bày keo khác, hành tung chưa bị bại lộ, Tống thị lại bắt đầu một âm mưu mới thâm độc và tàn nhẫn hơn. Lần này phải phá tan cho bằng được cơ nghiệp nhà Nguyễn bằng chính hoàng thân quốc thích tạo phản từ bên trong và kẻ tay sai hèn hạ đó không ngờ lại chính là kẻ đã từng dự định triệt hạ bà - Chương Cơ Tôn Thất Trung! Bằng những mánh khoé khéo léo lằng lờ, bà đã cám dỗ và tư tình với Trung, rỉ tai xúi giục Trung làm phản đoạt ngôi. Nhưng âm mưu bị phác giác, bại lộ! Trung bị giam vào ngục cho đến chết, còn Tống Thị bị đem ra trảm quyết ngay lập tức, tài sản bị tịch thu và đem phân chia cho quân dân.

Trong những năm trước khi bị giết, lúc còn nhiều uy thế và vây cánh trong triều, bà đã từng gây ra bao tang tóc đau thương cho các giáo sĩ, thầy giảng và giáo hữu. Vì là một người cuồng vọng, thủ đoạn, phạm nhiều tội ác tày trời, tất nhiên bà ta luôn luôn thù ghét đời sống nhân đức, đạo hạnh của các giáo hữu, những người không ưa sự trác nết vô luân của bà. Thầy Y-nha-xô cũng chỉ vì hăng say thi hành sứ mệnh tông đồ nên đã nhiều lần lên án tội gian dâm, khuyến cáo các giáo hữu phải sống đời trong sạch,

tuân giữ mười điều răn của Đức Chúa Trời trong đó điều răn thứ sáu đã ghi rõ: 'Chớ làm sự dâm dục'. Có tật giết mình, Tống Thị cho rằng thầy Y-nha-xô cố ý ám chỉ bà nên càng thù cay ghét đắng và rắp tâm hãm hại.

Và cơ hội bằng vàng đã đến! Khi một tay sai thượng hạng của bà - ông Nghè Bộ có dịp lên kinh đô, bà tức tốc bí mật gặp và ra mặt lệnh quan Nghè thi hành kế hoạch triệt hạ cho bằng được thầy Y-nha-xô và nhóm truyền giáo.

Nạn nhân đầu tiên là một trùm trưởng An-rê Sơn, 73 tuổi, giáo hữu tiên khởi cũng là thầy giảng nhưng có vợ con nên phải sống ngoài đời. Nhà ở sát dinh Trấn, nơi các bốn đạo thường hay lui tới đọc kinh cầu nguyện và dự lễ Mi-sa khi có giáo sĩ đến, ông cũng đã từng bị Nghè Bộ bắt bớ và đánh đập vì giảng đạo Thiên Chúa, lần này ông cũng vẫn kiên gan tuyên xưng đức tin nên bị đóng gông và tống giam vào ngục thất.

Chưa hoàn thành được mục tiêu chính là thủ lãnh đoàn Y-nha-xô, quan Nghè đã ra lệnh cho một toán lính, khi nghe tin đoàn thầy giảng trở lại Hội An, đi lùng bắt tức thì. Bất ngờ xông vào nhà để không ai kịp tẩu thoát, nhưng họ chẳng thấy thầy Y-nha-xô đâu cả, chỉ có một mình An-rê ở lại để chăm sóc một thầy giảng khác đang bị bệnh. Viên đội trưởng liền cật vấn An-rê nhưng không gặt hái được kết quả nào. Cảm nhận điềm dữ ghê gớm cho thầy Y-nha-xô, An-rê can đảm tuyên bố: "Nếu các ông muốn bắt thầy Y-nha-xô thì vô ích vì thầy không có nhà. Còn muốn bắt tôi thì rất dễ dàng: Tôi là giáo hữu, hơn nữa là thầy giảng. Tôi có cả hai tội mà các ông ghép cho thầy Y-nha-xô để bắt thầy ấy. Nếu thầy có tội thì làm sao tôi vô tội được."

Đang bối rối vì không bắt được thầy Y-nha-xô, nay lại nghe có người tự nguyện như vậy nên họ liền bắt trói thầy An-rê ngay. Thầy đã không chống cự mà còn phụ giúp lính trói mình. Nhưng thầy đã nổi cơn thịnh nộ khi thấy lính xúc phạm đến ảnh Chúa và Đức Mẹ. Thầy trách cứ dữ dội hành động phạm thượng và yêu cầu được gói các ảnh thánh cẩn thận mang theo người. Bọn lính chần động tinh thần vì sự cương trực của thầy nên cởi trói cho thầy để thầy gói, xấp các ảnh tượng lại.

Cùng lúc ấy, thầy để ý thấy lính lúi ở giường ra một thầy giảng đang đau, định bắt giải đi. An-rê trước phản đối, sau dùng lời ngọt ngào thuyết phục bọn lính. Họ liền để cho thầy kia được tự do, trong khi chính kẻ biện hộ đắc lực lại sắp sửa vào tù.

Thầy giảng An-rê mang xiềng xích đi giữa bọn lính, nét mặt vui vẻ, khiến người ta có thể tưởng như chính bọn lính kia mới là kẻ đau khổ chứ không phải thầy. Sau khi xuống thuyền, tưởng chừng như đứng trên toà giảng, thầy lên tiếng rao giảng Đức-Tin cho bọn lính. Lời lẽ khôn ngoan và sốt sắng của thầy làm bọn lính ngơ ngác nhìn nhau có vẻ cảm động. Tuy lúc ấy không ai tỏ ý trở lại đạo, nhưng thầy An-rê đã không làm một việc vô ích: chính những lời giảng ấy đã đem lại cho thầy phúc tử đạo, bởi vì quan Nghè Bộ dựa vào chứng cứ ấy để giết thầy trong khi không bắt được thầy giảng Y-nha-xô.

Trong lúc tấn tuồng bách đạo đang xảy ra thì giáo sĩ Đắc Lộ và các thầy giảng trở lại Quảng Nam và sắp sửa bước vào dinh Trấn, một thương gia người Y, quen biết thân thiết với giáo sĩ chạy vội tới, cấp báo đầy đủ diễn biến và hành vi ác độc của quan Nghè, khuyên

giáo sĩ đưa các thầy giảng đi lánh nạn ngay lập tức.

Kinh ngạc trước tin sét đánh, cha Đắc Lộ ra lệnh cho các thầy giảng đi tìm chỗ trốn tránh. Khi các thầy đã đi khỏi, cha Đắc Lộ mới bình thần bước vào dinh để chào mừng quan, làm như không hay biết gì hết.

Trong cuộc gặp gỡ mặt đối mặt này, ông Nghè đã buông lời trách móc để lấp liếm hành động ác nhân của mình khi báo cho cha Đắc Lộ rằng: "Thượng Vương giận dữ về việc ông truyền giáo, nhưng vì ông là người ngoại quốc nên không nỡ hại ông, nhưng ông phải rời khỏi xứ ngay." Ông buộc giáo sĩ Đắc Lộ phải lên tàu của người Bồ Đào Nha khi tàu này nhổ neo về Ao Môn (Ma-caô) trong mấy ngày nữa. Giữa lúc ấy cuộc truy lùng thầy Y-nha-xô vẫn tiếp tục.

Hai tay bị trói thúc ké ra phía sau, thầy An-rê được giải ra trước mặt quan Nghè. Diện mạo sáng láng nhân hậu không hề lộ chút sợ hãi nào, đã khiến ông Nghè Bộ rung động, bèn lên tiếng hỏi viên đội trưởng:

"Người này là ai sao bây bắt? Sao không bắt Y-nha-xô theo lệnh truyền?"

Viên cai đội liền tường trình từng chi tiết cuộc bố ráp: "Chúng tôi không tìm thấy Y-nha-xô, chỉ có tên này hấn tự xưng là thầy giảng trong nhóm, nên chúng tôi bắt đưa về đây. Suốt dọc đường y không ngớt giảng cho chúng tôi nghe về Chúa và còn xúi giục chúng tôi bỏ đạo ông cha..."

Quan sát kỹ, quan Nghè chừng như tỏ vẻ khinh thường người thanh niên non sữa này. Thoạt tiên ông dùng lời ngon tiếng ngọt, nhẹ nhàng khuyến dụ An-rê bỏ đạo, nhưng chàng vẫn cương quyết trước sau như một, khẳng

khái và từ tốn trả lời quan Nghè: Không một ai và không một quyền lực nào lay chuyển được tấm lòng kính yêu Chúa Giê-su của thầy.

Dụ ngọt không xong, Nghè Bộ liền đổi thái độ, giận dữ dọa sẽ xử tử nếu không từ bỏ đạo Thiên Chúa. An-rê vẫn hiên ngang đối đáp lời son sắt: thà chết chứ không bao giờ phụ rẫy tình yêu của Chúa! Giận tím gan, Nghè Bộ truyền lệnh đóng gông và tống ngục thầy An-rê.

Ngay sáng hôm sau, ông Nghè đã triệu tập một phiên tòa chớp nhoáng. Không thèm nghe lời khuyên của cựu quan Trấn Nguyễn Phúc Vinh đề nghị đưa vấn đề lên Phủ Chúa cứu xét và định tội vì nhà Vua cho phép các giáo sĩ truyền đạo, ông Nghè Bộ đã dối trá tuyên bố ông được quyền Chúa Thượng cho phép phạt tử hình những người theo đạo Ki-tô.

Bước đi vững mạnh hiên ngang, vẻ mặt rạng rỡ, hai An-rê ra trước mặt quan không một câu hỏi, không một lời biện minh. Ông Nghè Bộ cấp tốc tuyên án tử hình hai tín hữu và đốt các đồ đạo đã tịch thu! Liền sau đó lính điệu hai tội nhân về ngục, và cho biết bản án sẽ được thi hành trong nội ngày hôm ấy.

Tin về cuộc bố ráp nhà giáo sĩ Đắc Lộ và việc bắt giữ thầy An-rê đã lan truyền thật nhanh trong dân chúng. Rúng động nhất là các giáo hữu Việt nam và các thương gia Bồ Đào Nha. Cha giáo sĩ là người lo lắng hơn cả: vừa lo cho số mạng của hai thầy An-rê, lại vừa lo cho các đồ thánh bị xúc phạm nặng nề.

Cấp tốc cha đi gặp 11 thương gia Bồ có tàu đậu ở bến Hội An, nhờ họ lên dinh Trấn dùng ảnh hưởng vận động xin tha cho hai bốn đạo và xin lại các đồ thánh.

Thuyền ngược dòng Sài-giang rất chậm vì gặp phải những cơn sóng to gió lớn. Chưa kịp đặt chân lên bờ, họ đã nghe tin hai thầy giảng bị kết án tử hình, còn đồ thánh sẽ bị đem đốt cho dân chúng xem.

Tại dinh Trấn, một người Bồ nói tiếng Việt sành sỏi đã nài nỉ xin lại được một ít ảnh. Riêng cuộc vận động cứu mạng hai tử tội An-rê đã phải trải qua cuộc tranh luận gay go giữa giáo sĩ Đắc Lộ và ông Nghè Bộ. Cuối cùng quan Nghè chỉ đồng ý thả trùm trưởng An-rê Sơn vì già yếu, còn thầy giảng trẻ không thể tha được vì: “Y cứng đầu cứng cổ... đã tuyên bố thẳng thừng, thách thức tôi rằng y là tín hữu thờ phượng Đức Chúa Trời, dẫu cách nào cũng không bỏ, sẵn sàng chấp nhận mọi hình phạt, cả đến mất mạng sống nữa... Nó cứng lòng như vậy thì nó phải chết! Không ai xin xỏ gì được cho nó đâu”.

Cha Đắc Lộ và các thương gia Bồ Đào Nha đã cố gắng hết sức giải thích cho ông Nghè biết người thanh niên An-rê này cũng vô tội, ăn nói ngay thẳng chỉ vì muốn biểu lộ đức tin của mình mà thôi, chứ không hề có ý định khinh mạn quan.

Ông Nghè không thêm mảy may chú ý đến lời phân minh, tự ái vì quyền hành tối thượng “định đoạt mạng sống” bị va chạm, bị thách đố dữ dội, dùng dùng nổi giận phán: “Tôi đã nhiều lần xin y nghe lời khuyên của tôi, nếu không, sẽ thấy hiệu quả cơn thịnh nộ của tôi. Y nói y có đạo, y muốn giữ đạo, y thà chết còn hơn nghe lời tôi, y không làm theo ý tôi thì tôi sẽ làm theo ý y. Các ông xin cũng không được. Y phải chết! ... Còn ông vì ông là người ngoại quốc, nhà Vua chỉ truyền lệnh cho ông phải ra khỏi đất nước, nếu không tuân ông cũng sẽ bị xử

tử như tên cứng đầu kia, nội ngày hôm nay nó sẽ phải bỏ mạng!”. Nói xong, quan Nghè quay lưng đi khỏi.

Không chần chừ phái đoàn đi thẳng đến tận nhà lao, tại đây hai thầy chưa biết gì về cuộc vận động của cha giáo sĩ và các thương gia Bồ, cứ tiếp tục cầu nguyện sốt sắng và suy ngẫm chặng đường tử nạn của Chúa Giê-su để dọn mình chờ chết vì đạo. Các giáo hữu đến thăm viếng đều được hai thầy khiêm tốn xin họ cầu nguyện cho mình được vững lòng tin cậy vào tình yêu Chúa, để có đủ can đảm đổ máu tuyên xưng đức tin.

Khi cha giáo sĩ thông báo cho trùm trưởng An-rê Sơn biết đã được tha, tức thì như mặt trời mất sáng, đang vui bỗng hóa ra sầu, hai hàng lệ tuôn rơi: ông buồn tủi vì mất phúc tử đạo. Xong ông già giờ đến người trẻ, cha nhào đến ôm chầm lấy An-rê Phú Yên, hôn cây thánh giá của thầy, hai mắt ứa lệ, nghẹn ngào không nói được nửa lời. Tất cả những người Bồ Đào Nha lúc ấy cũng quì xuống dưới chân thầy, vừa hôn vừa khóc rờn, xin người về Thiên-đường nhớ cầu nguyện cho mình. Các giáo hữu và những người có mặt cũng bắt chước làm như vậy.

Cảm thấy hổ ngươi và không xứng đáng nhận lãnh sự kính chuộng ấy, thầy ngửa mặt lên trời: “Tôi là kẻ có tội”, và xin mọi người cầu nguyện cho mình đủ kiên trì chịu đựng đau đớn cho đến chết. Tiếp đến, thầy biểu lộ niềm tin cậy vững bền bằng lời trung chính: thầy chẳng sợ cơn điên dại của kẻ dữ chỉ có thể giết mình phần xác, thầy chỉ sợ Đức Chúa Trời là đáng có quyền phạt cả hồn và xác đời đời.

Ngạc nhiên trước phong thái can trường và ngôn từ đầy chính khí của một thanh niên An nam

trẻ tuổi, những người Bồ đều nói rằng thanh niên có phúc này được Chúa Thánh Thần chẳng những ngự trong lòng, mà còn hiện ra ngoài dung nhan nữa.

Quân lính và đông bào ngoại giáo thấy cảnh tượng các người Âu Châu, từ vị giáo sĩ đến ông chúa tàu và các thương gia, đều tôn kính một con trẻ nước mình như vậy, lấy làm ngạc nhiên vô cùng. Chẳng mấy chốc tiếng đồn lan ra khắp phố phường. Thiên hạ kéo đến đông nghịt chung quanh nhà lao, đủ mọi hạng người, lớn bé, đàn ông, đàn bà, bốn đạo hoặc bên lương. Thầy An-rê đón tiếp mọi người niềm nở, và cảm ơn họ. Với anh em giáo hữu, mỗi lời thầy nói ra như một tia lửa yêu mến làm cháy lòng người. Thầy nói: “Hỡi anh em, đối với Chúa Giê-su rất yêu dấu của ta, ta hãy lấy tình yêu đáp lại tình yêu. Chúa đã chịu chết đau khổ vì ta, ta hãy lấy sự sống đáp lại sự sống”.

Khoảng bốn giờ chiều, được thông báo cho biết đã sắp đến giờ ra pháp trường, thầy An-rê chợt mừng rỡ hẳn lên, diện mạo như thiên-thần. Nhóm người Bồ Đào Nha vẫn nấn na chờ xem vụ xử án, hậu sẽ tường trình làm chứng sau này, cảm thấy lòng phấn chấn vì sẽ được tận mắt chứng kiến người thanh niên sáng láng thánh thiện này sẽ là Người Chứng Thứ Nhất, vị thánh tử đạo tiên khởi của Giáo Hội sơ khai Việt Nam.

Đúng năm giờ chiều. Cha giáo sĩ, 11 thương gia Bồ-đào-nha cùng với số đông tín hữu bất dậy, im lặng. Đội binh bốn mươi người rầm rộ tiến vào nhà lao, họ mở cửa tù nhưng không tháo gông cho thầy An-rê. Tiếng rao oang oang của người lính đi trước: “Vì theo đạo Portuguese phải phạt”. Hai người khác khiêng thanh la đánh từng hồi ngân vang sâu thẳm

ủ ẻ cả phố phường. Theo sau là hai hàng binh nghiêm chỉnh, võ trang giáo, đồng, mã đao trông oai nghi uy vệ lắm. Thầy giảng An-rê đeo gông đi giữa, do một người lính áp giải, tay trái y nắm đầu gông thầy, tay phải cầm một ngọn giáo hai lưỡi, mỗi lưỡi dài tới hai gang, rộng bằng ba ngón tay.

Người đầu tủa ra khắp ngã, nhập bọn như một đám rước. Ai nấy đều phải chạy theo cho kịp vì bọn lính đi rất mau, riêng thầy An-rê đầu phải mang gông nặng nề cũng đi khá nhanh. Dọc đường thầy giảng An-rê tỏ ra rất bình tĩnh, vui vẻ, vừa đi vừa giảng đạo cho những người lính gần mình, ước mong họ được cứu rỗi. Cha giáo sĩ thường đi sát bên cạnh thầy để an ủi và khuyến khích. Thỉnh thoảng bọn lính xô người ra, nhưng giáo sĩ lại áp tới. Và rồi phút vinh quang hằng mong hằng đợi cuối cùng cũng đến...

Cách nhà lao khoảng hai cây số, pháp trường là một cái gò đất nhô cao giữa cánh đồng Thanh Chiêm, sau này bị gọi trại đi là Gò Sứ (Gò Xứ thì đúng hơn vì nơi đây là nơi dùng để xử trảm tội nhân). Thầy An-rê tự quỳ xuống và bọn lính cũng tự động bao quanh thầy vào giữa. Mất ngược thẳng nhìn Trời, thầy khẩn nguyện xin được lòng kiên trung can đảm chịu hành hình.

Cha Đắc Lộ van nài và được viên đội trưởng cho đến gần. Cha vội vàng ôm lấy thầy, an ủi khuyến khích thầy vững lòng tin trong phút lâm tử gam go và thẳm sâu này. Sau đó cha trải cái chiếu mới tinh ra để thầy quỳ lên, cha có ý muốn máu trong sạch của thầy đổ ra không rớt xuống đất. Khiêm tốn, thầy xin cha giáo sĩ cho phép được quỳ yên như trước, để được bắt chước Chúa Giê-su đã đổ máu xuống đất.

Gông đeo cổ được gỡ ra, nhưng thầy lại bị trói ngang bằng dây thừng. Xoay qua các giáo hữu, thầy ngỏ lời từ biệt lần sau hết: “Hỡi anh em, ta hãy trung tín cùng Đức Chúa Trời cho đến chết; cho đến chết, không một điều gì có thể dập tắt lòng kính mến Chúa Giê-su Ki-tô trong trái tim ta”. Đến đây thầy An-rê đọc kinh Kính Mừng nhiều lần rất sốt sắng, và kêu gọi tên Chúa Giê-su và Đức Mẹ Maria tỏ tường.

Người hành quyết biết rằng người thanh niên này nhân lành thánh thiện, nên đã ngửa mặt lên trời cầu xin được tha thứ vì y chỉ là kẻ thừa hành. Nói rồi, y tiến đến sau lưng thầy An-rê, đâm một mũi giáo vào khoảng giữa hai bả vai, xuyên từ sau lưng ra trước ngực, thò ra ngoài tới hai gang tay. Máu tuôn xối xả... Ngay lúc ấy, thầy An-rê xoay qua nhìn cha giáo sĩ, ánh mắt sáng rực niềm tin yêu. Cái nhìn ly tan từ biệt ấy như ngọn giáo đâm xuyên qua trái tim cha, cha chợt bật khóc, tuôn lệ ròng ròng. Bấy giờ thầy An-rê ngửa mặt nhìn trời, và cứ nhìn như vậy mãi, trong phút giây còn sống, miệng không ngớt đọc tên cực trọng: Giê-su! Ma-ri-a!

Như muốn đâm cho trúng tim, người lính rút ngọn giáo ra khỏi lưng thầy thật nhanh, và đâm lại thêm phát nữa, rồi thêm phát nữa. Ai nấy đều bàng hoàng run rẩy. Trời ơi! Ba nhát giáo đâm xuyên lồng ngực, máu phóng thành vòi. Nhưng lạ lùng thay, người thanh niên chân phước kia chẳng những không ngã quỵ, mà cũng không hề lay chuyển, vẫn sừng sững như tượng; diện mạo vẫn bình thản trước sau như một, sắc mặt không hề biến đổi. Thầy An-rê vẫn không ngớt kêu tên Chúa Giê-su... Bấy giờ một người lính khác mới tuốt gươm ra, chém một nhát

manh vào phía bên trái cổ và một nhát nữa ở phía trước, cắt đứt cuống họng, khiến đầu lìa khỏi cổ, chỉ còn dính sơ một chút da.

Theo những người chứng hôm ấy, “ngay lúc đầu thầy đã rời khỏi cuống họng, và nằm ngả trên vai phải, tên Chúa Giê-su vẫn tiếp tục được phát ra rõ ràng từ vết thương nơi cổ. Thánh danh Giê-su không thể phát ra đằng miệng thầy nữa, thì lại phát ra từ trái tim thầy, ngay đang lúc thôi đập, để tỏ rằng trái tim này đầu có chết, cũng còn giữ mãi thánh danh kia, và khi không thể dùng miệng lưỡi mà ca ngợi tên Giê-su được, thì thầy dùng chính vết thương mình mà ca ngợi danh Chúa.”

“Thầy An-rê muốn được bằng số vết thương của Chúa, thầy chỉ nhượng bộ, và chỉ bỏ mình sau thương tích thứ năm, như vậy là muốn hoàn toàn bắt chước Chúa Giê-su trong mọi sự.

“Bấy giờ, xác thầy mới ngã xuống đất, và linh hồn thong dong bay về trời; viên cai đội và quân lính lập tức rút về, chỉ còn chúng tôi (lời cha Đắc Lộ) và các giáo hữu ở lại, vây quanh thánh cốt. Tôi đã mang sẵn một tấm vải trắng lớn, dùng vải ấy liếm xác thầy; bao nhiêu máu chảy ra từ năm nguồn mạch oai hùng kia, tôi vẫn giữ từ ngày ấy như một thuốc thơm và một linh dược chữa mọi bệnh nạn.

“Tất cả các bốn đạo cùng làm như vậy, nhất là những người Bồ Đào Nha, họ hứng lấy mọi giọt máu đào kia, lấy làm quý hơn hết các kho tàng.

“Một trong những người đó có một người tên là Francisco de Azevedo đòi cho kỳ được tấm áo của thanh niên có phước kia mới bằng lòng; ông ta muốn lấy áo ấy và nói rằng ông sẽ giữ mãi trong nhà mình, như một linh dược chữa mọi bệnh nạn hiểm nghèo, vì áo

ấy đã được đâm thủng và được nhuộm máu trong một cuộc chiến đấu do đó mà chúa Giê-su Ki-tô đã ban triều thiên cho một vị tử đạo mới của giáo hội.

“Người ấy chẳng lằm trong sự hy vọng của mình vì ít lâu sau, trở về Ao-môn, thấy vợ mắc bệnh cực nguy nan và hầu như không phương cứu chữa, bỗng nhớ đến bảo vật của hiền nhân An-rê, ông ta không hề e thẹn với các thầy thuốc, lấy áo kia ra, đắp lên mình người vợ gần hấp hối; xác bà ấy vừa chạm đến áo, cơn rét liền lui ngay, và bà được lại sức khỏe, khiến cả thành phố ngạc nhiên. Chính ông ta đã kể lại với tôi việc này khi trở lại Ao-môn để lên đường về Âu-châu. Đức Chúa Trời đã trọng kẻ trung thành và xưng danh Người như vậy.”

Thầy giảng An-rê không còn nữa, nhưng hình ảnh và gương mẫu của người tồn tại mãi với thời gian... Ngày lịch sử ấy là ngày 26 tháng 7 năm 1644.

Tự tay cha Đắc-lộ gói cẩn thận thủ cấp thầy An-rê và bỏ vào một cái hộp. Giáo-sĩ đợi lúc tàu của người Bồ-đào-nha sắp nhổ neo, mới ngỏ lời xin họ chở xác vị Tử Đạo về học viện của Dòng Tên ở Ao-môn (Ma-caô), một hải cảng ở ven biển tỉnh Quảng-đông, mạn nam Trung-quốc, thuộc quyền Bồ-đào-nha từ giữa thế kỷ XVI. Còn người thì tìm cách trốn ở lại Việt-nam thêm gần một năm nữa, để hướng dẫn và nâng đỡ giáo-đoàn còn phôi thai và đang bị bách hại, khủng bố rất khốc liệt.

Đầu tháng 7 năm 1645, cha Đắc-lộ bị bắt, bị tuyên án trục xuất vĩnh viễn và bị cưỡng bách lên tàu người Bồ tại Hội-an. Trôi nổi lưu lạc qua nửa bán cầu: Từ Việt-nam đến Jakarta/ Nam-dương, rồi Goa/Ấn-độ, Aspaan/Ba-tư. Chính tại Ba-tư cha quyết định đi về La-mã bằng đường bộ, sẵn

sàng chấp nhận mọi hiểm nguy bất trắc vì phải đi qua các lãnh thổ Hồi giáo rất hiểm khích hận thù Công-giáo, nhưng cha không muốn liều lĩnh đánh mất “kho tàng quý giá nhất” nên đã cấp tốc gửi thủ cấp vị Tử-đạo An-rê cùng với ít nhiều đồ vật khác về cho các cha Dòng-tên ở Goa để chờ dịp chắc chắn sẽ gửi về La-mã.

Cuộc hành trình tiếp tục lên Azerbaidjan/ Nga-sô ngày nay, đi bộ đúng một năm xuyên qua lãnh thổ Thổ-nhĩ-kỳ mới tới hải cảng Smyrne trên bờ Địa-trung-hải. Từ đó cha đón tàu Y-đại-lợi về La-mã. Gần ba năm đợi chờ mòn mỏi, cuối cùng niềm vui sướng hân hoan cũng đến: Thật là kỳ lạ! chỉ còn lại thủ cấp vị Tử-đạo An-rê Phú-yên tới La-mã mà thôi, những vật dụng khác đều bị tước đoạt hết ở Goa... Và di tích ấy vẫn còn lưu giữ trong nhà mẹ Dòng-tên ở La-mã cho đến ngày nay.

Dòng máu tử đạo anh hùng ấy đã đổ xuống thấm lòng đất mẹ, hạt giống tình yêu của buổi sơ khai ấy đã gieo xuống, đã rửa nát trong luống đất khô cằn sỏi đá để rồi bùng bùng trỗi dậy phục sinh, nảy lộc đâm chồi, đơm hoa kết trái: Hơn một trăm ba mươi ngàn anh linh nữ kiệt, những đứa con yêu của Giáo Hội trăm thống anh dũng Việt-Nam, bước đi hiền ngang lên đoạn đầu đài, theo gương vị Tử-đạo tiên khởi của giống nòi An-rê Phú Yên, tuyên xưng đức tin bằng chính máu xương mình. ●

* Tài liệu tiếng Bồ-đào-nha ghi chép trực tiếp và phiên âm lời thầy An-rê Phú yên.

Nhiều phép lạ đã xảy ra ngay sau khi vị tử đạo bị trảm tử, được thâu lượm, ghi chép đầy đủ, xuất bản thành sách bởi cha Đắc Lộ và cơ sở Dòng Tên tại Ao-môn. Hồ sơ xin phong thánh đã hoàn tất và đệ trình lên tòa thánh La-mã năm 1649.

Tây Sơn Thập Bát Cơ Thạch

Đào Đức Chương

Đại Nam thực lục tiền biên, quyển 11¹, chép việc khởi binh của Tây Sơn như sau: “Giặc Tây Sơn là Nguyễn Văn Nhạc nổi loạn, giữ thành Qui Nhơn. Nhạc là người thôn Tây Sơn, huyện Phù Ly², phủ Qui Nhơn, trước làm Biện lại, tiêu mất thuế tuần, bèn cùng mưu với em là Lữ và Huệ vào núi dựa thế hiểm làm giặc, bề đảng ngày một đông, địa phương không thể ngăn giữ được. Đến đây đem đồ đảng đánh úp phủ Qui Nhơn. Tuần phủ Nguyễn Khắc Tuyên bỏ chạy. Nhạc bèn chiếm giữ lấy thành, thả tù ra, lừa dân làm binh, dựng cờ hiệu Tây Sơn và cho bề đảng chia nhau đi cướp bóc. Trăm họ náo động. Việc báo lên, Chúa sai bọn Chương cơ Nguyễn Cửu Thống (con Nguyễn Cửu Thông, lấy Công chúa Ngọc Huyền), Nguyễn Cửu Sách (con Nguyễn Cửu Pháp, lấy Công chúa Ngọc Anh), Cai cơ Phan Tiến, Cai đội Nguyễn Vệ, Tổng nhung Tống Sùng Tán lý Đỗ Văn Hoảng đem quân đi đánh không được. Sùng và Hoảng đều chết ở trận. Bấy giờ binh tinh đã lâu, tướng sĩ không quen trận mạc, khi phải đi đánh, phần nhiều thác cớ cầu miễn. Trương Phúc Loan thì lại ăn hối lộ mà sai người khác, mọi người đều căm oán, ra trận là chạy ngay...”

Là những sử gia nhà Nguyễn, viết về kẻ thù số 1 của bản triều,

thêm vào đó sự ràng buộc của nền quân chủ chuyên chế kết hợp với quan niệm trung quân ái quốc, dù cho khách quan đến đâu họ không thể viết hoàn toàn trung thực; nếu tệ hơn, còn hạ thấp uy tín của đối phương và bào chữa cho triều đại họ đang phục vụ.

Theo tài liệu sử nhà Nguyễn, nguyên nhân cuộc nổi dậy rất tầm thường: Nguyễn Nhạc làm Biện lại ở Văn Đồn (?), đánh bạc thua sạch tiền thuế năm Tân Mão (1771), bị Đốc trưng Đàng truy tố, phải trốn vào núi, dựa thế hiểm, tụ binh làm giặc.

Cũng theo các tài liệu sử, công cuộc nổi dậy của Tây Sơn mạnh như thác đổ, tiêu diệt cả hai thế lực Nguyễn Trịnh và hai cuộc xâm lăng của ngoại bang. Thế thì không thể một sớm một chiều làm nên việc lớn, phải có sự chuẩn bị từ lâu, có nhân lực vật lực hùng hậu, người lãnh đạo đầy mưu lược và thu phục nhân tâm.

Thật vậy, cuộc khởi nghĩa bắt nguồn từ lúc anh em Tây Sơn thọ giáo Trương Văn Hiến, gốc người Hoan Châu (Hà Tĩnh), một nhân sĩ văn võ song toàn. Thầy giáo Hiến có người anh thúc bá là quan Nội hữu Trương Văn Hạnh, một đại thần đời chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738 - 1765), dám phản đối Trương Phúc Loan chuyên quyền nên bị giết. Trương Văn Hiến sợ bị vạ lây, trốn khỏi Phú



Xuân vào ẩn dật ở An Thái, mở trường dạy văn võ, mong tìm người tài đức trừ nạn quyền thần. Giáo Hiến hy vọng anh em Tây Sơn có thể làm nên việc lớn nên hết lòng rèn luyện từ văn đến võ, cấy vào tư tưởng cách mạng và hun đúc ý chí quật khởi. Riêng về võ, Nguyễn Nhạc học kiếm, Nguyễn Huệ luyện đao, Nguyễn Lữ sức yếu nên theo môn miên quyền.

Lớn lên, Nguyễn Nhạc nối nghiệp buôn tràu nguồn của thân phụ, mở rộng thương trường và dời nhà từ ấp Phú Lạc sang ấp Kiên Mỹ khách hộ, thôn Vĩnh An, thuộc (tức là tổng) Thời Hòa, huyện Tuy Viễn (nay hai thôn Phú Lạc và Kiên Mỹ thuộc xã Bình Thành huyện Tây Sơn). Lợi dụng nghề nghiệp, ông mở rộng giao thiệp, quy tụ hào kiệt, kết nạp phú gia và học sĩ, thân thiện với các

từ trưởng dân tộc Bana ở Tây Sơn Thượng. Còn Nguyễn Lữ theo đạo Ma Ní tức Minh Giáo, trở thành thầy pháp nổi tiếng chữa lành nhiều con bệnh, được các bộ lạc người Thượng sùng bái như thánh sống. Trong khi đó, Nguyễn Huệ vẫn tiếp tục học thầy giáo Hiến, được dịp quen biết nhiều bậc cao thủ có hàng trăm môn đệ.

Thiên thời, địa lợi, nhân hòa đã đến, cần thêm sức mạnh tâm lý để củng cố nhân tâm. Có một thầy địa lý người Tàu đi dạo khắp vùng sông núi Tây Sơn tìm địa cuộc. Nguyễn Nhạc khéo dàn cảnh cộp vô huyệt thầy địa lý ở núi Ngang, ấp Trinh Tường (nay là thôn Trinh Tường, xã Bình Tường, huyện Tây Sơn), rồi đánh tráo quách đựng hài cốt của song thân để được táng nơi địa huyết phát vương.

Lại nhân nhà có giỗ lớn, Nguyễn Nhạc mời bà con, bạn bè, khách khứa đến hàng trăm, bỗng nửa đêm trên hòn Trung Sơn (cao 422 mét, thuộc ấp Phú Lạc) chiêm trống vang rền, ánh lửa lập lòe, mọi người đến xem nhưng chỉ Nguyễn Nhạc được thần linh gọi lên núi để Ngọc hoàng ban chiếu phong vương.

Một hôm, Nguyễn Nhạc cùng đoàn tùy tùng trên đường từ đèo An Khê về Kiên Mỹ, khi đến Hoành Sơn tức núi Ngang, ngựa lồng lên làm đứt dây cương, chạy thẳng vào chân núi, rồi ông té nhào, trặc chân không đứng dậy được. Khi đoàn tùy tùng đến thì "tình cờ" Nguyễn Nhạc thấy được chuỗi kiếm trong vách đá.

Nguyễn Nhạc bèn tổ chức cầu đảo ba ngày đêm, khẩn nguyện nếu quả có chân mạng đế vương, xin trời ban cho ấn. Đến đêm thứ ba, lúc giữa khuya, một vòi lửa vụt bay từ hòn Một đến hòn Giải (hai ngọn núi nhỏ nằm trước mặt núi Ngang), rồi nổ lớn như sét

đánh. Sáng hôm sau Nguyễn Nhạc dẫn mọi người lên hòn Giải, tìm chỗ có tiếng nổ, thấy một mảng đất ở sườn núi bị sạt lở, cây cỏ cháy sém. Nguyễn Nhạc nhặt được giữa đồng đất đá ngổn ngang, một quả ấn bằng vàng, mặt có khắc "Sơn hà xã tắc" bằng chữ Hán, viết lối triện. Từ đấy, núi Giải mang tên mới là hòn Ấn, núi Ngang là hòn Kiếm, nay vẫn còn gọi.

Câu chuyện Nguyễn Nhạc được trời phong quốc vương còn cho cả ấn kiếm, lan truyền khắp phủ Qui Nhơn; nhân sĩ hào kiệt qui tụ rất đông vì tin ông có chân mạng đế vương. Năm Tân Mão (1771) đời chúa Định Vương Duệ Tông Nguyễn Phúc Thuần (1765-1775), tương đương niên hiệu Cảnh Hưng thứ 32 vua Lê Hiển Tông, mọi người tôn Nguyễn Nhạc làm Tây Sơn Vương.

Lực lượng và uy quyền đã có nhưng Nguyễn Nhạc chưa vội khởi binh, cần thời gian xây dựng hậu phương vững mạnh, chiến khu an toàn. Vương cho dời Tổng hành dinh từ Tây Sơn Hạ lên Tây Sơn Trung (gần chân đèo An Khê), ông và bộ tham mưu đóng ở ngọn núi phía nam, nay vẫn còn tên gọi là núi ông Nhạc³, chia nhân sự làm ba khối: Quân sự do Nguyễn Huệ, Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng và Võ Đình Tú chỉ huy, đóng ở ngọn núi phía bắc, người đời quen gọi là núi ông Bình⁴, nơi đây tổ lò rèn đã sáng chế ra một vũ khí mới gọi là Hồ⁵. Việc hành chánh, ngoại giao, tuyên vận giao cho Võ Xuân Hoài và Trương Mỹ Ngọc đảm nhận. Về kinh tế, tài chánh có Nguyễn Lữ, Nguyễn Thung và Bùi Thị Xuân chuyên trách. Cơ sở kinh doanh Trường Trầu, Nguyễn Nhạc giao cho vợ cả là Trần Thị Huệ quản lý để kinh tài cho tổ chức. Vấn đề quân lương, ngoài những

trung tâm sản xuất có sẵn như đồng Hưu (ở Phú Phong), đồng Vu (Trinh Tường), đồng Quang (Thuận Ninh) thuộc Tây Sơn Hạ, còn có cánh đồng Thượng Giang ở Tây Sơn Trung. Nguyễn Nhạc còn cho phá rừng Mộ Điều ở Tây Sơn Thượng thành đồng lúa màu mỡ, rộng hàng nghìn mẫu, giao cho người vợ thứ, con của vị đầu mục người Bana, cai quản, ngày nay nơi đây còn mang tên gọi là đồng Cô Hầu.

Để tăng cường quân số, Vương rút Nguyễn Lữ từ ban tài chánh, sung vào ban tuyển mộ, rồi cùng em lên Tây Sơn Thượng đi khắp các buôn làng để tuyển binh và đưa xuống Tây Sơn Trung cho Nguyễn Huệ luyện tập khép vào đội ngũ. Vì vậy Nguyễn Nhạc lấy trọn số tiền thu thuế năm 1771 để sung vào quỹ nuôi quân thì đúng hơn, nhưng đối với quan trên Biện Nhạc phải nói thác là thua bạc để che mắt chính quyền. Sử gia nhà Nguyễn vin vào cớ ấy để hạ thấp giá trị của cuộc khởi nghĩa của Tây Sơn.

Từ ngày bị truy nã đến khi khởi nghĩa (1771-1773), Nguyễn Nhạc có hai năm kiện toàn lực lượng, tuy chưa xuất đầu lộ diện nhưng vùng đất Tây Sơn đã nằm trong tầm ảnh hưởng của phong trào Tây Sơn. Và có thể nói Nguyễn Nhạc có tài dùng người, đã cảm hóa những tay anh chị, thảo khấu trở thành những vị tướng tài ba, đức độ. Người đời thường nhắc nhở Tây Sơn thập bát cơ thạch, tức 18 tảng đá làm nền móng cho nhà Tây Sơn; ý muốn nói đến những người đầu tiên giúp Tây Sơn làm nên nghiệp lớn, gồm 7 vị tướng, 6 nhân sĩ và 5 bậc anh thư.

Thất Hồ Tướng

Thật xứng đáng với danh hiệu

người đời dành cho 7 vị tướng của Tây Sơn, đó là Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng, Lê Văn Hưng, Nguyễn Văn Tuyết, Võ Đình Tú, Nguyễn Văn Lộc và Lý Văn Bưu.

1. Trần Quang Diệu (?- 1802)

Họ Trần quê quán ở tổng Trung huyện Bồng Sơn phủ Qui Nhơn, nay thuộc thôn Vạn Hội (Vạn Đức và Đông Thắng hợp nhất) xã Ân Tín huyện Hoài Ân tỉnh Bình Định. Họ Trần có ông tổ làm thượng thư dưới thời chúa Nguyễn, nay mộ vẫn còn⁶.

Trần Quang Diệu học võ từ nhỏ, lớn lên được thọ giáo cụ Diệp Đình Tông, một cao thủ của thôn Vĩnh Thạnh huyện Tuy Viễn (sau tách ra là huyện Vĩnh Thạnh) nhưng phải ẩn náu trong rừng Kim Sơn (nay thuộc huyện Hoài Nhơn) vì thuở tráng niên giết tên quan huyện sở tại khét tiếng tham ô dưới thời chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738- 1765). Họ Diệp có đủ 5 môn binh khí: côn, thương, đao, kiếm, cung nhưng ông Diệu chỉ học môn đại đao suốt 5 năm, từ cách đánh trên bộ, trên ngựa, trên thuyền đều tinh thông nên được thầy cho xuất môn. Khi từ giã, thầy tặng cho thanh Huỳnh Long bảo đao lưu truyền từ đời nhà Trần và căn dặn: “Thời thế nhiều nhượng, con nên kíp xuống núi đem sở học làm sở hành kéo uống phí đời trai”⁷.

Một hôm ông Diệu từ Vạn Hội đến Kiên Mỹ thăm Nguyễn Nhạc, bạn mới quen nhưng rất tương đắc. Khi ông đi qua vùng Thuận Ninh, ở phía bờ bắc sông Côn (nay thuộc huyện Tây Sơn) gặp cọp chặn đường. Lỡ không mang theo vũ khí, họ Trần phải đánh nhau với cọp bằng tay không từ sáng sớm đến trưa nên đuối sức, may gặp Bùi Thị Xuân đi săn, ra tay cứu thoát.

Họ Trần yêu cầu đưa về Kiên

tháng chạp tôi về

*Cuộc nhốt, giữ dài gần bảy năm
một ngày tháng Chạp, tôi được thả
rời trại giam trong nỗi-vui-câm
chiếc áo tù còn nguyên chữ số!*

*Bạn đồng cảnh mấy thằng tôi tả
quán bên đường ngồi đứng lơ ngơ
đợi chuyến xe trở về quê cũ
chia tay mà cứ tưởng như mơ.*

*Tháng Chạp về lại ngôi nhà xưa
ngâm ngùi nhìn vách xiêu, mái đổ
cha nằm đau căn bệnh trầm kha
tóc mẹ trắng theo đời khổn khổ.*

*Tháng Chạp về thương em gái nhỏ
tuổi mười hai, nghỉ học, mưu sinh
gánh rau bán, ngược xuôi buổi chợ
ấu thơ em, cơ cực, tội tình!*

*Tháng Chạp về buồn bã đi quanh
đếm tàn phai con đường, góc phố
cô bạn xưa cũng phải đoạn đành
bỏ phấn, bâng, bên trời liêu xú!*

*Tháng Chạp về nơi tôi đã ở
mang nỗi lòng Từ Thức xa xăm
chỉ còn biển miền man sóng vỗ
chào tôi về bằng những hư âm!*

nguyễn văn ngọc



Mỹ, Nguyễn Nhạc rất mừng vì gặp được Bùi Thị Xuân bấy lâu nghe tiếng nhưng chưa có dịp làm quen. Ba chí lớn gặp nhau, vườn đào kết nghĩa, rồi Nguyễn Nhạc làm môi giới cho Trần Bùi nên duyên cầm sắt.

Trần Quang Diệu là một trong bảy người hợp tác sớm nhất⁸ với Nguyễn Nhạc, trong thời kỳ trước khởi nghĩa ông được phân công vào ban quân sự đầu tiên gồm 4 người⁹ và đã cùng với Nguyễn

Huê rèn luyện số tân binh người Thượng do Nguyễn Nhạc và Nguyễn Lữ tuyển mộ ở vùng rừng Mộ Điền.

Rằm tháng tám năm Quý Tỵ (tháng 9.1773), Tây Sơn Vương Nguyễn Nhạc làm lễ xuất quân, lập đàn tế cáo trời đất giữa đèo An Khê, nơi nghèo Cây Khế có trảng đất rộng rợp bóng mát của hai cổ thụ, tục gọi là cây Ké và cây Cây. Trần Quang Diệu được phong Đô đốc thống lãnh đạo

quân thứ hai, có Võ Văn Dũng và Lê Văn Hưng bên võ, La Xuân Kiều và Cao Tác Tựu bên văn công tác; theo đường núi ra Bắc, đánh chiếm hai huyện Phù Ly và Bồng Sơn¹⁰.

Trần Quang Diệu ra quân trận đầu dễ như trở bàn tay. Quốc kỳ thêu kim tuyến vàng chữ Tây Sơn Vương trên nền đỏ hình vuông, viền tua xanh; và quân kỳ cũng nền đỏ, tua xanh, thêu tên họ chức vụ cấp chỉ huy bằng chỉ vàng, bay phát phới trên các huyện đường.

Bình Định xong hai huyện Phù Ly và Bồng Sơn, Trần Quang Diệu giao binh quyền cho hai tướng Võ Văn Dũng và Lê Văn Hưng cùng hai quan văn là Cao Tác Tựu và La Xuân Kiều ở lại trấn giữ, ông đem quân vào Tuy Viễn hợp với đạo quân thứ hai của Nguyễn Nhạc, đánh phủ thành Qui Nhơn¹¹.

Ở mặt trận mới, Trần Quang Diệu chỉ trợ chiến, giữ an ninh vòng đai để phòng bị quân viện bao vây. Hạ thành Qui Nhơn xong, ông được giao trấn giữ để đạo quân Nguyễn Nhạc tiến chiếm hai kho lương quan trọng ở Càng Rang và Nước Ngọt¹².

2. Võ Văn Dũng (?- 1835)

Họ Võ người thôn Phú Phong¹³ thuộc (sau gọi là tổng) Thời Hòa huyện Tuy Viễn phủ Qui Nhơn. Ông là vị tướng cao cấp của Tây Sơn thoát khỏi sự trả thù tàn nhẫn của Gia Long, thọ trên 90 tuổi.

Võ Văn Dũng sinh trưởng trong một gia đình giàu có, cha mẹ rước thầy về nhà dạy văn luyện võ, ông học chữ thì tối, còn võ, học đâu nhớ đó, mỗi năm phải rước thầy mới để thay.

Năm 20 tuổi, ông vào Phú Yên buôn ngựa, gặp được bậc cao thủ, hậu duệ của Lương Minh Chánh, truyền cho môn trường kiếm và đoản đao. Sau 5 năm tập luyện,

thông thạo cả cách đánh dưới đất và đánh trên ngựa cùng sự phối hợp hai môn trên, Võ Văn Dũng được thầy cho xuất môn và căn dặn: "Học võ để phòng thân và dẹp nổi bất bình khi gặp, chớ không phải để đấu sức khoe tài"¹⁴.

Ông là bạn cố giao của Nguyễn Nhạc, là một trong bảy người được Nguyễn Nhạc mời hợp tác sớm nhất¹⁵.

Năm Tân Mão (1771) Nguyễn Nhạc được những người cộng tác tôn làm Tây Sơn Vương, tổng hành dinh dời lên vùng núi gần đèo An Khê, Võ Văn Dũng được sung vào tổ quân sự đầu tiên gồm 4 người¹⁶.

Ngày khởi nghĩa (tháng 9.1773), trước ba quân, ông được phong phó Đô đốc, chỉ huy phó đạo quân của Trần Quang Diệu, lãnh trách nhiệm đánh chiếm huyện Bồng Sơn, rồi cùng với học sĩ Cao Tác Tựu trấn giữ huyện này để Trần Quang Diệu rảnh tay đem quân tăng viện đánh chiếm phủ thành Qui Nhơn.

3. Lê Văn Hưng

Ông người làng An Đông, nay là thôn Kiên Đông xã Bình Thành huyện Tây Sơn, có ngọn roi xuất chúng, đánh ngã hàng trăm người. Lê Văn Hưng cầm đầu một đảng cướp có vài chục thủ hạ; cũng giống như Chàng Lía trước kia, ông cấm đồng bọn không được xâm phạm tài sản của người cùng huyện. Ông chuyên đi cướp ở vùng xa, của cải lấy được chia làm ba, để lại khổ chủ 1 phần, cho dân nghèo 1 phần và đảng cướp đem đi 1 phần. Vì vậy, ông được lòng dân địa phương và cả dân chúng ở những vùng bị cướp cũng thương mến che chở.

Lê Văn Hưng rất gan dạ, lúc xông vào cướp thì cầm roi tiên phong, lúc rút luôn luôn thủ vai cản hậu, gặp chống cự chỉ đánh

ngã chứ không đánh chết hoặc gây trọng thương. Có một lần vào cướp ở Phú Yên, gặp khổ chủ là bậc cao thủ quyết chặn đường rút của toán cướp, trời gần sáng, ông phải xuống độc chiêu, đối thủ học máu chết tại chỗ. Tuần phủ Phú Yên hợp cùng quan phủ Qui Nhơn ra lệnh tầm nã, ông phải lẩn trốn trong vùng rừng núi Tây Sơn.

Năm 1771, nghe tin Nguyễn Nhạc được dân trong vùng tôn làm Tây Sơn vương, Lê Văn Hưng dẫn thủ hạ ra thú và xin gia nhập. Trong quân, được Nguyễn Huệ và Trần Quang Diệu rèn luyện, tài năng ông phát hiện, thăng nhanh chóng từ lính lên cai, đội và sau là tướng.

Ngày khởi nghĩa (1773) ông được phong Đề đốc, làm thuộc tướng của Trần Quang Diệu. Khi nghe tin Nguyễn Nhạc đã chiếm huyện lý Tuy Viễn ở An Thái, Trần Quang Diệu chia đạo quân của mình làm ba đội. Một giao cho Lê Văn Hưng giữ bộ chỉ huy làm lực lượng trừ bị, còn hai đội kia hành quân chiếm huyện lý Bồng Sơn và Phù Ly. Sau đó, ông và học sĩ La Xuân Kiều được lệnh trấn giữ huyện Phù Ly.

Mùa đông năm Quý Tỵ (1773), Nguyễn Nhạc mở mặt trận phía nam, ông được cử làm phó tướng cùng với Ngô Văn Sở và Nguyễn Văn Lộc vào chiếm Phú Yên, Diên Khánh và Bình Thuận. Bình định xong ông cùng với Nguyễn Văn Lộc ở lại trấn giữ.

4. Nguyễn Văn Tuyết

Họ Nguyễn quê quán ở thuộc Thời Đôn huyện Tuy Viễn nay là xã Nhơn An huyện An Nhơn. Nguyễn Văn Tuyết, lúc nhỏ thích đánh lộn, lớn lên có sức mạnh phi thường, nhấc bổng tảng đá lớn như bưng nồi cơm, đồng bọn tôn làm đầu nậu chợ Gò Chàm, ai đến đây mãi võ phải xin phép Tuyết.

Một hôm, ông lão râu tóc bạc phơ và hai thiếu nữ đến chợ Gò Chàm ngang nhiên khua chiêng múa võ. Tuyết giận lắm, dẫn thủ hạ đến hỏi tội. Ông già không trả lời và cũng không chống đỡ mặc cho côn quyền tới tấp giáng vào người. Tuyết sợ hãi bỏ đi. Đồ biết ông ấy nghỉ đêm tại miếu thổ địa sau chợ, Tuyết cầm gươm đến phục thù. Ông lão và hai thiếu nữ ngủ say, Tuyết đâm mạnh nhất kiếm vào yết hầu ông lão, sức cần dội lại, kiếm gãy. Thất kinh, Tuyết toan bỏ chạy nhưng không kịp, ông lão đã nắm chặt cổ tay Tuyết và ôn tồn nói: “Người tư chất thông minh, sức mạnh hơn người, sao không lo rèn võ luyện văn để giúp đời, lại theo bọn thảo khấu, tiếng tăm lu mờ!”

Tuyết quì xuống bái phục, xin theo làm môn đệ. Ông lão tên là Trần Kim Hùng, một cao thủ nổi tiếng ở thôn Trường Định thuộc Thời Hòa huyện Tuy Viễn, con trai duy nhất mất sớm để lại hai cháu nội gái, ông buồn đi khắp nơi cho khuây khỏa và tìm người chân truyền mạch võ. Gặp Tuyết, biết là quý nhân, ông lão rất mừng, hết lòng dạy dỗ. Sau 5 năm học văn luyện võ, ông lão cho Tuyết xuất môn với lời căn dặn: “Thời thế nhiều nhương, con phải đem sở học làm việc nghĩa”.

Nghe Tuyết trở lại quê quán, bọn đồ đảng cũ đến thăm, ông khuyên nên hoàn lương. Một ngày trong năm 1771, nghe tin ở vùng Tây Sơn có Nguyễn Nhạc đang chiêu mộ hào kiệt, ông cùng một số thủ hạ tìm đến sơn trại đầu quân. Nguyễn Văn Tuyết được sung vào ban chỉ huy trường huấn luyện quân sự¹⁷ các tân binh người Thượng, ở Tây Sơn Thượng (nay là An Khê).

Ngày khởi nghĩa (tháng 9.1773) Nguyễn Văn Tuyết được tuyên phong Tả Đô đốc, sung vào đạo

quân thứ nhất do Nguyễn Nhạc trực tiếp chỉ huy. Sau lễ tế cáo trời đất tại đền An Khê, Nguyễn Nhạc cho quân trực chỉ hướng đông, dừng chân nghỉ đêm ở thung lũng chân núi Bà Phù, mở tiệc khao quân và đãi yến các tướng lãnh. Nhân đây, Nguyễn Nhạc cải danh núi bà Phù là Tâm Phúc và nay người địa phương vẫn quen gọi thung lũng này là Hóc Yến.

Mục tiêu đầu tiên của Tây Sơn Vương là chiếm gọn huyện đường Tuy Viễn, ở nam ngạn sông Côn, gần thị tứ An Thái (nay là thôn Mỹ Thạnh, xã Nhơn Phúc, huyện An Nhơn) để làm nức lòng tướng sĩ. Tả Đô đốc Nguyễn Văn Tuyết và phú thương Huyền Khê được lệnh trấn giữ lý sở này để Nguyễn Nhạc đem đại binh vây thành Qui Nhơn¹⁸.

5. Võ Đình Tú

Ông là con của đại phú gia ở Phú Phong, tính can đảm và lòng thương người. Có một nhà sư, không ai rõ tông tích, thường ghé ngang ngồi ngồi nghỉ chân ở cổng ngõ nhà họ Võ. Bọn trẻ trong làng thấy nhà sư mặt mày lem luốc, quần áo rách rưới bèn kéo nhau đến chọc ghẹo. Võ Đình Tú mới 14 tuổi nhưng không theo hùa với đám bạn trẻ, trái lại ông rất lễ phép với nhà sư và thường đem cơm nước, bánh trái ra cúng dường.

Tương truyền, một hôm trời mưa to gió lớn, không ai dám ra đường, đến chiều trời tạnh thì gia nhân mới phát hiện Võ Đình Tú mất tích, từ ấy cũng không thấy nhà sư lui tới nữa. Mọi người đinh ninh rằng ông bị nhà sư bắt cóc.

Bằng đi mười năm, Võ Đình Tú trở về nhà, là một thanh niên cao lớn, cường tráng, tính tình điềm đạm, ít nói, suốt ngày đóng cửa đọc sách, không lập gia đình và chỉ kết thân với Võ Văn Dũng.

Những ngày đầu tụ nghĩa, ông được Võ Văn Dũng tiến cử với Nguyễn Nhạc, Vương thân hành đến rước. Từ ấy Võ Đình Tú trở tài thao lược, binh pháp tinh thông, Nguyễn Nhạc rất trọng nể. Ông kết thân với Nguyễn Huệ và thường đàm đạo về sự tương quan giữa võ thuật và chiến thuật. Bà Bùi Thị Xuân tặng ông một lá cờ nền đỏ, thêu bốn chữ “Thiết côn vô địch” bằng kim tuyến vàng.

Ngày khởi nghĩa, quân chia làm 3 đạo, ông được phong Đại tổng lý, sung vào đạo quân thứ ba, cùng với Nguyễn Huệ, Bùi Thị Xuân và Võ Xuân Hoài lo mặt hậu cứ như: tuyển mộ và huấn luyện quân sĩ, thúc đẩy sản xuất, giữ an ninh vùng Tây Sơn để cho đạo quân thứ nhất và thứ hai đánh chiếm các thành lũy mở rộng lãnh thổ.

6. Nguyễn Văn Lộc

Lúc nhỏ, ông đi ở chăn trâu cho một phú nông ở làng Kỳ Sơn (nay là thôn Kỳ Sơn, xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước), không có tiền thuê thầy dạy võ, chỉ học lóm nhưng nhờ thông minh và chịu khó nên trở thành bậc cao thủ lúc nào không hay biết.

Tương truyền một hôm Nguyễn Văn Lộc đi chơi về khuya bị quân canh bắt, ngỡ là kẻ trộm, trói vào cột đình. Ông dùng miệng sành cắt dây, đánh gục tuần đinh và chạy thoát vào cánh đồng lúa chín. Mồ báo động vang lên từ làng này sang làng nọ, đám đông vây chặt, ông phải giựt gậy của quân canh, đánh tháo vòng vây, rồi trốn lên Tây Sơn.

Nghe tin Nguyễn Nhạc tụ tập quần anh, ông đến xin yết kiến. Nguyễn Nhạc biết ông là người tài, trọng dụng ngay. Ngày khởi nghĩa, Nguyễn Văn Lộc được phong hữu Đô đốc, sung vào đạo quân thứ nhất do Nguyễn Nhạc thống lãnh, trách nhiệm đánh

chiếm huyện đường Tuy Viễn và phủ thành Qui Nhơn.

7. Lý Văn Bru

Người đời còn gọi tên ông là Mưu, quê quán ở ấp Đại Khoan khách hộ, phường Đại An, xã Phỉ Lam, tổng Trung, huyện Phù Ly (nay thuộc huyện Phù Cát).

Nơi đây là vùng đồi thấp và gò đồng, nhiều cỏ dại, thích hợp việc chăn nuôi, săn bắn. Ông chuyên nghề nuôi ngựa chiến, lại có tài vừa phi ngựa vừa múa kiếm, bắn cung, phóng lao trăm phát trăm trúng. Người đương thời tặng ông danh hiệu Phỉ Văn Báo tức con heo bay trong mây.

Nghe danh, Bùi Thị Xuân đến làm quen và học nghề luyện ngựa chiến, rồi tiến cử lên Nguyễn Nhạc. Ông được trọng dụng, giao cho việc luyện tập ngựa chiến và đào tạo kỵ quân.

Nhờ tài thao lược, ông được Tây Sơn Vương phong Đô đốc và vó ngựa của ông giẫm nát trên các mặt trận trong Nam ngoài Bắc.

Lục Kỳ Sĩ

Người đời gọi danh hiệu này

nụ hôn



*môi mật ngọt
ru lời tình tự.
nụ hôn trao
âu yếm lần đầu
và từ đó
đôi lòng tha thiết
xin một đời
giữ mãi tình nhau...
vạn giả*

là muốn nhắc tên tuổi 6 học sĩ đã đóng góp vào cuộc khởi nghĩa Tây Sơn thành công, đó là Nguyễn Thung, Võ Xuân Hoài, Trương Mỹ Ngọc, Cao Tác Tựu, La Xuân Kiều và Triệu Đình Tiệp.

8. Nguyễn Thung

Ông là một phú nông có trang trại khá đẹp ở vùng Tuy Viễn, quen biết với Nguyễn Nhạc từ lúc anh em Tây Sơn còn thọ giáo thầy Trương Văn Hiến. Nguyễn Thung có nhiều gia nhân, ban đầu làm ruộng, sau buôn muối; chở hàng lên Tây Sơn Thượng đối sản phẩm miền núi, đem về đồng bằng bán lấy lời.

Tính ông hào phóng, đãi người rất hậu nên thu phục được nhiều người, trong đó có đảng cướp Nhưng Huy và Tứ Linh. Tương truyền, Nhưng Huy lập gánh hát bội nhưng chỉ để dụ người đến xem hát, quên việc tuần phòng, nhân đấy cho thủ hạ đi cướp những nhà giàu; địa bàn hoạt động từ Phú Yên trở vô nên tránh được tai tiếng nơi bản quán là phủ Qui Nhơn. Nguyễn Thung còn kết nạp được bọn cướp biển Tập Đình, Lý Tài (người Hoa) và một phú thương ở cửa Giả (nay là thành phố Qui Nhơn). Biết uy tín của Nguyễn Thung rất lớn ở vùng Tuy Viễn, Nguyễn Nhạc tìm cách thuyết phục ông ta về với Tây Sơn trong những ngày trước khởi nghĩa. Sự kết hợp lực lượng và chia quyền hành đã thành công tốt đẹp, theo *Chính biên liệt truyện* (quyển 30, trang 2b và 3a) Nguyễn Nhạc tự xưng là Đệ nhất trại chủ, Nguyễn Thung làm Đệ nhị trại chủ và Huyền Khê¹⁹ làm Đệ tam trại chủ.

9. Võ Xuân Hoài

Quê quán của ông ở Bình Khê (nay là huyện Tây Sơn), theo nghiệp bút nghiên từ nhỏ, giỏi

văn chương, thông kinh sử. Ông là bậc hiền sĩ, đức cao, hiểu rộng, mọi người đều kính nể.

Ngày khởi nghĩa, ông được phong Đại học sĩ, sung vào đạo quân thứ ba do Nguyễn Huệ thống lãnh, lo việc hậu phương yểm trợ tiền tuyến.

10. Cao Tác Tựu

Chỉ biết ông người phủ Qui Nhơn, nhưng không rõ chi tiết về quê quán. Tương truyền ông rất đẹp trai, học rộng lại thông binh pháp. Ông vốn trầm tĩnh nhưng khi bàn quốc sự thì nói năng lưu loát, đầy thuyết phục và hiển nhiều kế hay, mọi người kính nể.

Ngày khởi nghĩa, ông được phong Hiệp biện Đại học sĩ, sung vào đạo quân thứ hai do đô đốc Trần Quang Diệu thống lãnh. Sau khi chiếm huyện lỵ Bồng Sơn, ông được giao tổ chức chính quyền cho huyện này.

11. La Xuân Kiều

Ông là một văn gia nổi tiếng của huyện Phù Ly (nay thuộc huyện Phù Cát), giỏi Nôm, thông Hán tự, rành điển tích. Ông lại có tài bắn cung, cưỡi ngựa rất hoạt bát. Văn võ kiêm toàn, thật hiếm có.

Ngày khởi nghĩa, La Xuân Kiều được phong Hiệp biện Đại học sĩ, sung vào đạo quân thứ hai, sau khi chiếm huyện Phù Ly, ông được giao việc cai trị ở huyện nhà.

12. Triệu Đình Tiệp

Không rõ quê quán, tương truyền ông rất nghiêm nghị, chuộng thực tế, ghét xa hoa, lại cẩn trọng việc làm, giữ mình thanh khiết và trọng chữ tín. Tiếng đồn ông hay chữ, cai trị giỏi, mọi người nể trọng. Ông cũng được phong Hiệp biện Đại học sĩ trong ngày khởi nghĩa.

13. Trương Mỹ Ngọc

Nếu ở Phù Cát (nguyên là Phù Ly) có La Xuân Kiều, ở Bình Khê (Tuy Viễn tách ra) có Võ Xuân Hoài thì ở An Nhơn (Tuy Viễn cũ) có Trương Mỹ Ngọc là ba ngôi sao văn học của tỉnh Bình Định (tức phủ Qui Nhơn cũ).

Trương Mỹ Ngọc là người có khí phách, được uy tín với dân trong vùng, thấy cảnh nhiều ruộng của bọn tay chân Trương Phúc Loan, ông theo giúp Tây sơn, được Nguyễn Nhạc trọng dụng, phong Hiệp biện Đại học sĩ. Với tài kinh bang tế thế, ông giúp Tây Sơn Vương rất nhiều trong việc xây dựng guồng máy hành chánh trước và sau khởi nghĩa.

Ngũ Phụng Thư

Nét độc đáo của lực lượng Tây Sơn, không những có Thất hổ tướng, Lục kỳ sĩ mà còn xuất hiện Ngũ phụng thư là 5 bậc anh thư đã đóng góp không nhỏ trong cuộc khởi nghĩa thành công; đó là Bùi Thị Xuân, Bùi Thị Nhạn, Trần Thị Lan, Nguyễn Thị Dung và Huỳnh Thị Cúc.

14. Bùi Thị Xuân

Tương truyền Võ Văn Dũng và Bùi Thị Xuân có chung một nguồn gốc. Thời chúa Nguyễn (1533-1775), hai anh em Lê Kim Bảng và Lê Kim Bôi gốc người Nghệ An vào lập nghiệp ở vùng Phú Phong. Để tránh sự chú ý của chính quyền về gốc tích của mình, họ hẹn nhau khi sanh con, cải sang họ mẹ. Sau Lê Kim Bảng lấy con gái họ Bùi ở Phú Phong, sinh hạ Bùi Thị Xuân, Bùi Thị Thu và Bùi Thị Nhị, không có con trai. Lê Kim Bôi làm rể nhà họ Võ ở Phú Mỹ (?) sinh được con trai, Võ Văn Dũng là con út²⁰. Vậy Bùi Thị Xuân và Võ Văn Dũng là chị em

thúc bá.

Một thuyết khác cho rằng nữ tướng Bùi Thị Xuân là ái nữ của Bùi Đắc Chí và gọi Bùi Đắc Tuyên bằng chú, quê quán ở ấp Xuân Hòa khách hộ, thôn An Hòa, thuộc Thời Đôn, huyện Tuy Viễn. Sinh trưởng trong một gia đình khá giả, bà được theo đòi nghiên bút, lại khéo tay nổi tiếng viết chữ đẹp và công dung ngôn hạnh vẹn toàn. Tuy vậy, địa thế và phong thổ ảnh hưởng rất lớn đến con người, quê hương bà chỉ có phía tây liền với Phú Phong, còn phía đông lầy lội làm ranh giới, nam giáp núi, bắc giáp sông; bà được hun đúc bởi đất hiểm nên không theo nếp nữ nhi thường tình mà thích võ hơn văn, lơ là việc trang điểm và thường mặc áo hiệp sĩ.

Năm 12 tuổi, một hôm thầy đồ có việc phải đi, giao lớp lại cho trưởng tràng coi sóc. Bọn học trò trai đem Bùi Thị Xuân ra giễu cợt bèn ra câu đối: "Ngoài trai trong gái, dưa cải dưa môn". Một người trong bọn đối lại: "Đứng Xuân ngồi thung, lá vông lá chóc". Cả bọn cười ầm lên. Bùi Thị Xuân giận đỏ mặt, vung tay đi quyền tới tấp vào hai người ấy rồi bỏ về, từ ấy quyết theo nghiệp võ.²¹

Họ Bùi học võ với một bà lão suốt ba năm, đêm nào cũng luyện tập từ đầu hôm đến gà gáy. Học xong môn quyền rồi đến song kiếm, lại còn học nhảy xa, nhảy cao, nhảy sào... môn nào cũng điêu luyện, tiếng đồn bay xa khắp vùng. Xuất sư, bà mở trường dạy võ cho nữ giới, môn sinh có đến vài chục người, xuất sắc nhất là Bùi Thị Nhạn.

Từ ngày cứu Trần Quang Diệu thoát khỏi nanh vuốt của mãnh hổ, Bùi Thị Xuân gia nhập phong trào Tây Sơn. Ngày khởi nghĩa bà được phong Đại tổng lý, sung vào đạo quân thứ ba lo việc củng cố hậu phương yểm trợ tiền tuyến.

15. Bùi Thị Nhạn

Bùi Đắc Lương, một cự phú ở ấp Xuân Hòa, sinh hạ 3 trai là Bùi Đắc Chí, Bùi Đắc Trung, Bùi Đắc Tuyên và hai gái là Bùi Thị Loan, Bùi Thị Nhạn. Bùi Thị Xuân là trưởng nữ của Bùi Đắc Chí, còn Bùi Thị Nhạn là quý nữ của Bùi Đắc Lương, nên mặc dù vai vế trong gia tộc là cô cháu nhưng bà Xuân lớn tuổi hơn bà Nhạn²².

Bùi Thị Nhạn thông minh, có năng khiếu về võ nghệ, là môn đệ xuất sắc nhất trong võ đường Bùi Thị Xuân. Bà mau chóng trở thành một nữ kiếm khách và là một sĩ quan cao cấp trong đạo quân của Bùi nữ tướng.

Sau bà Nhạn kết duyên với Nguyễn Huệ, khi người vợ trước là bà Phạm Thị Liên qua đời.

16. Trần Thị Lan

Cũng theo Nhà Tây Sơn của Quách Tấn và Quách Giao, Trần Thị Huệ và Trần Thị Lan là con của Trần Kim Báu và cháu nội của võ sư Trần Kim Hùng, quê quán ở ấp Trường Định khách hộ, thuộc (tổng) Thời Hòa, huyện Tuy Viễn, phủ Qui Nhơn nay là thôn Trường Định, xã Bình Hòa, huyện Tây Sơn (quận Bình Khê cũ).

Tương truyền, lúc Thị Huệ 8 tuổi và Thị Lan 3 tuổi thì mẹ mất, cha buồn phiền bỏ nhà vào huyện Quảng Phước phủ Bình Khương²³ mở trường dạy võ, gửi hai con sống với ông bà nội ở quê nhà. Lớn lên Thị Huệ học nữ công với bà nội, Thị Lan thích theo nghiệp võ của ông nội, học chuyên về kiếm thuật và luyện thân lạnh lẽ như chim én nên lấy biệt hiệu là Ngọc Yến.

Chín năm sau, Trần Thị Lan được 12 tuổi thì cha mất. Ông nội phải dẫn hai cháu vào Ninh Hòa thọ tang, để có tiền lộ phí ông phải bày kế mãi võ. Khi về đến

chợ Gò Chàm, ông đang mãi võ thì gặp sự xung đột với Nguyễn Văn Tuyết nhưng tiền hung hậu kiết.

Sau này Trần Thị Huệ kết duyên với Nguyễn Nhạc, Trần Thị Lan lên thăm chị ở cơ sở kinh doanh Trường Trầu (ấp Kiên Mỹ) gặp được Bùi Thị Xuân, hai bên kết nghĩa và nằm trong đội quân Bùi nữ tướng. Khi Nguyễn Văn Tuyết tìm đến Tây Sơn, lại gặp Trần Thị Lan, cháu nội của thầy mình, cả hai rất mừng và kết duyên cầm sắt.

17. Nguyễn Thị Dung

Bà Dung là em của Nguyễn Văn Xuân, người làng Lạc Phố huyện Mộ Đức tỉnh Quảng Ngãi. Nghe tiếng thầy Trương Văn Hiến ở An Thái, anh em đến xin thọ giáo. Trường không thu nạp nữ sinh nên chỉ có Nguyễn Văn Xuân được nhận, còn Nguyễn Thị Dung thì Giáo Hiến giới thiệu đến võ đường của Bùi Thị Xuân ở Xuân Hòa.

Nguyễn Thị Dung sở trường về kiếm, tham gia vào cuộc khởi nghĩa của Tây Sơn là một sĩ quan cao cấp trong đội nữ binh của Bùi Thị Xuân. Sau Nguyễn Thị Dung kết duyên với Trương Văn Đồ người làng Mỹ Khê huyện Sơn Tịnh (cùng tỉnh), một danh tướng của Tây Sơn.

18. Huỳnh Thị Cúc

Thị Cúc là em của Huỳnh Văn Thuận, người làng Đông Quang huyện Sơn Tịnh tỉnh Quảng Ngãi. Huỳnh Văn Thuận và Nguyễn Văn Xuân là bạn tâm giao, cả hai đều có tài văn học và cùng thọ giáo Trương Văn Hiến. Như trường hợp của Thị Dung, bà Huỳnh Thị Cúc cũng được họ Bùi thu nhận vào võ đường.

Trong hàng môn đệ của Bùi Thị Xuân, đều đứng dưới cờ khởi

nghĩa của Nguyễn Nhạc, sau đó họ lần lượt kết hôn với các tướng lãnh Tây Sơn. Duy có Huỳnh Thị Cúc quyết không lập gia đình, suốt đời gắn bó với đoàn nữ binh của Bùi Đại tướng.

Trên đây là 18 người đầu tiên đến với anh em Nguyễn Nhạc, họ là những tảng đá đắp móng xây nền dựng lên cơ nghiệp nhà Tây Sơn.

Nói vậy, công thần buổi ban đầu của Tây Sơn không chỉ có thế, phải còn nhiều người nữa, chẳng hạn bên võ có: Đô đốc Đặng Văn Long tự là Tử Văn, hiệu là Đặng Thiết Tý (cánh tay của họ Đặng cứng như sắt), người huyện Tuy Viễn; Nội hầu Phan Văn Lân, học trò Giáo Hiến, người miền ngoài, không rõ phủ huyện; Nguyễn Văn Xuân, tì tướng của Trần Quang Diệu, sau khi hạ thành Quy Nhơn được theo phò tá Nguyễn Nhạc ở mặt trận phía bắc; Tư mã Ngô Văn Sở lãnh cờ hiệu Chinh nam Đại tướng quân, tiến chiếm gọn ba phủ Phú Yên, Diên Khánh và Bình Thuận... Ngoài các tướng, bên văn cũng có các học sĩ theo giúp Tây Sơn như: Mã Vĩnh Thắng người huyện Tuy Viễn, nức tiếng về thơ và từ; Võ Văn Cao quê nhà ở chân núi Cù Mông phía địa phận tỉnh Phú Yên, tính cương trực, làm việc cẩn trọng và nghiêm túc, ghét thơ văn phù phiếm, chuộng Nho giáo, chống tư tưởng Lão Phật; Lưu Quốc Hưng người Phú Yên, bản chất chính trực và cương quyết; Huỳnh Văn Thuận người Quảng Ngãi, hay chữ từ nhỏ, thông kinh sử, có tài thuyết phục; Nguyễn Văn Huấn và Nguyễn Văn Danh tổ tiên ở Nghệ An bị chúa Nguyễn bắt vào huyện Mộ Đức tỉnh Quảng Ngãi, nhà nghèo nhưng hiếu học, anh em đều thọ giáo thầy Trương Văn Hiến...

Các nhân vật vừa nêu trên có thể họ đến với Tây Sơn sau ngày khởi nghĩa, hoặc vì một lý do nào khác mà người đời không liệt vào hàng Thập bát cơ thạch. Có điều đáng tiếc cho lịch sử Việt Nam, cuộc khởi nghĩa của Tây Sơn chỉ cách nay trên 200 năm, thế mà những gì đã xảy ra ở triều đại này rất mơ hồ, nhiều tài liệu còn trái ngược nhau, chẳng hạn như giữa Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ, ai anh, ai em? Lại lịch những công thần và diễn biến của cuộc khởi nghĩa ra sao? Ngày nay chỉ còn biết căn cứ vào các bức thư của giáo sĩ, vào sự tương truyền, vào rất ít ở chính sử, liệt truyện của triều Nguyễn và Thanh sử...

Ai đã gây ra nạn khan hiếm tài liệu về Tây Sơn? Nguyễn Anh, khi lên ngôi (1802) không những trả thù tận gốc rễ những người theo Tây Sơn mà còn có cả một sách lược dài hạn tiêu hủy tàn tích Tây Sơn, tận diệt nền văn hóa Tây Sơn. Chính sách ấy được duy trì suốt triều đại nhà Nguyễn (1802-1945).

Năm 1885-1887, Mai Xuân Thưởng người làng Phú Lạc xã Bình Thành huyện Tây Sơn, ứng nghĩa Cần Vương chống Pháp ở Bình Định, bị triều đình Đồng Khánh kết tội "Dương vị Hàm Nghi khởi nghĩa, âm vị Nguyễn Nhạc phục thù". Bản án trăm quyết 11 người, ngoài 5 tướng lãnh như Bùi Điền (Thống trấn), Nguyễn Đức Nhuận (Hiệp trấn)...., 7 người còn lại đều là Mai tộc gồm: Mai Xuân Thưởng (Nguyên Soái) cùng bà con liên hệ với ông như Mai Xuân Quang (anh ruột), Mai Xuân Khánh (em ruột) cũng bị xử tử với tội danh "không biết can ngăn"; 4 người anh em họ là Hòa, Văn, Nghi, Dao bị xử chém với tội danh "đã nhận chức hàm". Các người khác trong Mai tộc tuy không can dự cũng bị liên

lụy như 3 người bác là Chắt (72 tuổi), Đức (65 tuổi), Hanh (62 tuổi); 4 anh họ thân là Dư, Dương, Tuyết, Ngân và 5 người em họ thân là Cẩm, Hoán, Dũng, Hóa, Pháp đều bị giải về quê quán giao cho chính quyền địa phương quản thúc²⁴. Bản án khắc nghiệt với Mai tộc chỉ vì Mai Xuân Thường có bà cao tổ cô Mai Thị Hạnh là vợ của Nguyễn Phi Phúc, tức thân mẫu của Nguyễn Nhạc.

Ghi chú

(1) Bản dịch của Nguyễn Ngọc Tĩnh, Đào Duy Anh hiệu đính, tập 1, trang 243.

(2) Địa danh huyện chép sai, đúng ra Nguyễn Nhạc ở huyện Tuy Viễn phủ Qui Nhơn, sau tách ra là huyện Bình Khê và nay là huyện Tây Sơn.

(3,4) Hai núi này cao và rậm, nằm phía đông đèo An Khê. Từ hòn Ông Nhạc núi trùng điệp, lớp chạy thẳng về nam, lớp rẽ xiên về đông nam. Đối diện với núi Ông Nhạc là núi Ông Bình, cao 793 mét, địa thế hiểm trở và kỳ bí tưởng như không có lối vào (*Nước non Bình Định* của Quách Tấn, trang 53).

(5) Hỏa hổ là binh khí độc đáo của Tây Sơn, cán dài đầu có gắn liềm móc, vừa là bó đuốc tung nhựa đầu rái đang cháy vào hàng ngũ đối phương, vừa có thể phóng đoản côn gắn dây móc câu khi xáp trận (*Sông Côn mùa lũ* của Nguyễn Mộng Giác, tập 1, trang 386).

(6) *Non nước Bình Định* của Quách Tấn, trang 360.

(7,10,14,18,21,22) *Nhà Tây Sơn* của Quách Tấn và Quách Giao, các trang 47,34,41,37,42,57.

(8,15) Bên văn có Nguyễn Thung, Võ Xuân Hoài, Trương Mỹ Ngọc; bên võ có Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng, Võ Đình Tú, Bùi Thị Xuân.

(9,16) Nguyễn Huệ, Trần Quang

Diệu, Võ Văn Dũng, Võ Đình Tú.

(11) Phủ Qui Nhơn có 3 huyện: Bồng Sơn, Phù Ly và Tuy Viễn. Huyện Bồng Sơn nay chia làm 3 huyện là Hoài Nhơn, Hoài Ân và An Lão; huyện Phù Ly nay chia 2 huyện là Phù Mỹ và Phù Cát; huyện Tuy Viễn nay chia làm 5 huyện là Vĩnh Thạnh, Tây Sơn (Bình Khê), An Nhơn, Tuy Phước và Vân Canh.

(12) Càng Rang và Nước Ngọt thời ấy thuộc huyện Phù Ly, nay thuộc huyện Phù Cát.

(13) Hai thôn Phú Phong và Xuân Hòa xưa, nay ghép thành xã Bình Phú huyện Tây Sơn (tức quận Bình Khê cũ).

(17) Ban chỉ huy quân trường gồm Nguyễn Văn Tuyết, Võ Đình Tú và Lê Văn Hưng.

(19) Không rõ tên họ, chỉ biết biệt hiệu.

(20) Theo *Những mẩu chuyện về Tây Sơn*, trang 53.

(23) Địa danh này thay đổi nhiều lần: phủ Thái Khương (1653), phủ Bình Khương (1690), phủ Bình Hòa (1803), phủ Ninh Hòa (1831), tỉnh Khánh Hòa (1832). Từ năm 1910 hệ thống phủ huyện không như trước, mà phủ và huyện đều trực tiếp cai quản một số tổng; nơi nào quan trọng gọi là phủ, nơi bình thường gọi là huyện. Và huyện Quảng Phước cải danh là phủ Ninh Hòa.

(24) *Việt Nam những sự kiện lịch sử* của Dương Kinh Quốc, tập 1, trang 311.

Sách báo tham khảo

1. *Non nước Bình Định* của Quách Tấn, Nam Cường xuất bản, Sài Gòn, 1967.

2. *Nhà Tây Sơn* của Quách Tấn và Quách Giao, Nxb Trẻ, Sài Gòn 2000.

3. *Lịch sử nội chiến ở Việt Nam* của Tạ Chí Đại Trường, Nxb Văn học sử, Sài Gòn 1973, An Tiêm tái bản, California 1991.

4. *Gió lộng cờ đào*, tiểu thuyết lịch sử của Mộng Bình Sơn, Nxb

Tổng hợp Tiền Giang, năm 1989.

5. *Sông Côn mùa lũ*, tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Mộng Giác, Nxb Văn học tái bản, năm 1998.

6. *Danh nhân Bình Định* của Bùi Văn Lăng, tác giả xuất bản, Hà Nội 1942.

7. *Nhân vật Bình Định* của Lộc Xuyên Đặng Quý Định, soạn giả xuất bản, Sài Gòn 1971.

8. *Những mẩu chuyện về Tây Sơn*, nhiều tác giả, ty Văn hóa và Thông tin Nghĩa Bình, năm 1979.

9. *Những phát kiến về triều đại Tây Sơn* của Hứa Hoành, nguyệt san *Làng Văn* số 114, tháng 2.1994.

10. *Quang Trung Nguyễn Huệ* của Hoa Bằng, Đại Nam tái bản tại Hoa Kỳ.

11. *Những vì sao đất nước*, tập 4 và 5, nhiều tác giả, Nxb Thanh niên, Hà Nội 1985.

12. *Xứ Đàng Trong (1558-1777)* của Phan Khoang, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn 1970.

13. *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim, Tân Việt tái bản, Sài Gòn 1964.

14. *Việt sử tân biên* của Phạm Văn Sơn, quyển 3, tác giả xuất bản, Sài Gòn 1959.

15. *Đại Nam thực lục tiền biên*, bản dịch của Nguyễn Ngọc Tĩnh, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb Sử học, Hà Nội 1962.

16. *Từ điển Nhân vật lịch sử Việt Nam* của Nguyễn Quang Thắng và Nguyễn Bá Thế, Nxb Khoa học Xã hội, Sài Gòn 1992.

17. *Việt Nam Danh nhân từ điển* của Nguyễn Huyền Anh, Nxb Khai Trí, Sài Gòn 1972.

18. *Việt Nam những sự kiện lịch sử 1858-1945*, tập 1, của Dương Kinh Quốc, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội 1981.

19. *Giáo tử gia* của Minh Tân Phạm Hà Hải, Nxb Tổng hợp Đồng Tháp, năm 1996.

20. *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn*, Bình Định, tập 1, của Nguyễn Đình Đầu, xuất bản tại Sài Gòn 1996.

Sống Lâu Trăm Tuổi

Nguyễn Nhân Sơn

Đây không phải là lời chúc của Tú Xương, mà là lời hứa của liên công ty dược phẩm Bristol-Meyers-Squibb Pharmaceutical Group của Gia-Nã-Đại. Họ không khẳng định, cũng không nói rõ, nhưng có ý ngầm bảo rằng: Nếu bạn nghe theo lời khuyên của chúng tôi, thì có thể bạn sẽ sống tới trăm tuổi. Tám bích chương có tiêu đề: *One Hundred Ways To Live To One Hundred* (Trăm cách để sống tới trăm tuổi). Phía dưới, kê đủ 100 lời khuyên. Tôi đọc lướt qua, nhận thấy có những câu như có tính cách vui đùa, chẳng hạn như “make love” (hãy làm tình), “bake a pie” (hãy làm một cái bánh), “feed the birds” (hãy cho chim ăn), tôi tính bỏ qua. Nhưng đọc kỹ, thấy có nhiều điều hữu lý, nên hôm nay mới đưa ra đây để cùng các bạn nhận xét lại.

Nói thật, tôi cũng không tính sống tới trăm tuổi. Và có lẽ các bạn cũng vậy. Nhưng tôi biết chắc một điều là chúng ta ai nấy đều muốn được khỏe mạnh và thư thái trong những năm tháng cuối đời. Tùy cốt cách và tiên thiên, tùy hoàn cảnh và điều kiện, chúng ta có đời sống dài ngắn khác nhau, kể bảy chục, người tám, chín chục. Nhưng mong ước chung vẫn là không bị đau nhiều về thể xác và không bị khổ lắm về tinh thần, lúc về già. Mong ước chính đáng và khiêm tốn đó, tôi nghĩ là chúng ta có thể tự mình đạt được, với một ít hiểu biết và ý chí. Những

lời khuyên mà tôi sắp giới thiệu có lẽ sẽ giúp ích được một phần về cả hai mặt trí (hiểu biết) và tâm (ý chí).

Sau đây, tôi sẽ kể đủ, không lược bỏ những điều chủ quan cho là không hữu ích. Tôi để các bạn tùy nghi. Gặp điều nào mới nghe như phi lý, hoặc khó thực hiện, tôi sẽ bàn kỹ. Những điều đặc biệt hữu ích, tôi cũng sẽ bàn kỹ. Tôi sẽ tuần tự đi theo thứ tự trong tám bích chương, điều nào họ nói trước, tôi sẽ nêu ra trước. Những lời khuyên không được qui thành nhóm, như về thể dục thì xếp riêng với thể dục, mà để lẫn lộn với những lời khuyên loại khác, như thể là gặp đâu nói đó. Ban đầu, tôi đã định xếp lại, nhưng sau, lại muốn giữ nguyên thứ tự của họ. Cuộc sống nhân sinh vốn dĩ bất thường, cái gì quá sức trật tự, sẽ trở thành đều đặn và nhàm chán. Tôi nghĩ nhóm được sĩ kia đã có lý khi cho những lời khuyên khác lẫn lộn chen lẫn với nhau. Như kiểu trong một bữa ăn Việt-Nam, thực khách tùy ý gắp món nào trước cũng được. Có lẽ như vậy sẽ ngon hơn. Gặp chỗ nào cần, tôi sẽ ghi lại nguyên văn lời khuyên bằng tiếng Anh.

Đây, chúng ta bắt đầu:

1. *Enjoy yourself*. Bạn nên tự cảm thấy vui sướng, tự cảm thấy bằng lòng với chính mình. Đây là điều kiện để yêu đời, để vui sống. Nếu trí không nhận thấy đủ, thì tâm nên cảm thấy đủ. Biết đủ thì

đủ.

2. Cố giữ tâm hồn và tấm lòng trẻ trung.

3. Nên cư xử thành thật và cởi mở với mọi người.

4. *Look for rainbows*. Hãy tìm những chiếc mống trời (cầu vồng).

Hiểu theo nghĩa gần: Không nên cả ngày vùi đầu vào việc làm ăn, học hành. Cũng nên dành thì giờ để ngắm cảnh thiên nhiên. Như vậy, thể xác và tinh thần mới được thư giãn. Hiểu theo nghĩa xa: Nên hi vọng ở một ngày mai tươi sáng hơn.

5. Nên đi bộ đến chỗ làm việc và trở về nhà cũng bằng đi bộ. Tất nhiên, đoạn đường phải không xa lắm, và có đủ thì giờ. Đi bộ là môn thể dục rất tốt cho mọi lứa tuổi. Kết hợp việc đi làm với thể dục, thì vừa lợi cho sức khỏe, vừa tiết kiệm được thì giờ. Đi tới sở mất một tiếng, đi trở về mất một tiếng, thì kể như ngày đó bạn đã tập thể dục được hai giờ.

6. Nên chọn cầu thang hơn thang máy. Đi cầu thang là cách tập cho đôi chân được khỏe mạnh. Những bạn có chứng “thống phong” (gout) nên kết hợp việc chữa bằng thuốc men, ăn uống theo chế độ thích hợp, với đi bộ, và thường xuyên lên xuống cầu thang.

7. *Keep your curiosity*. Trí não cũng như thân thể, không năng tập luyện thì yếu đi. Năng động tìm hiểu những điều chưa hiểu là một phương pháp “trí dục”. Gặp điều gì chưa hiểu, không nên bỏ qua. Hãy cố gắng học hỏi.

8. Đừng hút thuốc. Nếu đang hút, thì cố gắng bỏ cho được.

9. *Listen to your body*. Có người hay coi thường những trực giác nhẹ trong cơ thể của mình. Không nên như vậy. Một chỗ đau dù nhỏ, một triệu chứng dù nhẹ, cũng nên để ý coi chừng xem có cần chữa trị gì không. Để ngăn ngừa những gì nặng nề hơn có thể

xảy ra.

10. *Watch what you eat.* Lời khuyên này cùng một ý với câu “bệnh tòng khẩu nhập” (bệnh từ miệng mà vào) bên Đông-Phương. Bệnh sinh ra trong người chúng ta do nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chính vẫn là do đồ ăn thức uống. Trong khi đang bệnh phải kiêng cử đã đành, trong khi khoẻ mạnh cũng phải tránh những thứ mà chúng ta biết là sẽ gây bệnh.

11. *Watch what you say.* Lời khuyên này cùng ý với câu “họa tòng khẩu xuất” (họa từ miệng mà ra) của Đông-Phương. Người ta khuyên câu này để chúng ta “sống lâu trăm tuổi”. Thật sao? Tôi suy thế này: Bạn muốn sống lâu, bạn ăn uống điều độ, năng tập thể dục, và luôn luôn giữ lòng dạ thanh thản. Nhưng một hôm, tại một quán cà-phê, bạn vô tâm nói một lời xúc phạm đến một tên du đảng. Tên này nổi giận đấm đá bạn, khiến bạn bị thương. Chưa biết là bao lâu, nhưng trận đòn chắc có làm bạn giảm thọ. Có lẽ người đưa ra lời khuyên luận theo ý vui, nhưng tôi nghĩ theo hướng nghiêm túc: Nói một lời ác độc có hại cho người khác tức là đã mang lấy khẩu nghiệp. Mang khẩu nghiệp là mang mầm tổn thọ.

12. *Dành thì giờ cho con cái.* Lời khuyên này hợp cho những người còn trẻ phải đi làm, mà cũng hợp với những người đã già. Nhiều cặp vợ chồng phải lo đi làm kiếm sống, con nhỏ phải gởi cho người khác, hoặc nhờ các trường mẫu giáo trông coi. Đó là chuyện bất đắc dĩ, không tránh được. Nhưng nếu bạn ở trong trường hợp đó, và nếu bạn không nghĩ là mình đã làm tròn bổn phận, thì bạn vẫn có thể làm hơn. Nghĩa là bạn vẫn còn thì giờ để gần gũi với các con, hơn hiện nay. Trước kia, bạn chơi đùa với con,

dạy con nói, dạy con hát, là bạn vì con của bạn. Bây giờ, bạn nên hiểu thêm là bạn làm việc đó, cũng là vì chính bạn. Gần gũi trẻ con càng nhiều, bạn càng cảm thấy mình trẻ ra, yêu đời hơn.

Những người đã già, nhất là những ông bà cụ người Việt đang sống ở nước ngoài, thường cảm thấy cô đơn, khi ở nhà một mình đã đành, mà càng cảm thấy cô đơn ngay trong khi con cháu đang có mặt trong nhà. Một điều giản dị có thể làm ngay, là các cụ hãy nói chuyện với con cháu nhiều hơn. Và hãy cười với chúng. Một thang thuốc trường thọ đấy.

13. *Don't rest on your laurels.* Câu này có nghĩa: Xin đừng ngủ yên trên vòng nguyệt quế của bạn. “Vòng nguyệt quế” là sự thành công. Câu này khuyên chúng ta đừng tự mãn, phải luôn luôn cầu tiến. Nhưng tôi thật tình không hiểu cầu tiến thì có liên hệ gì tới chuyện sống lâu. Phải chăng người khuyên muốn chúng ta luôn năng động trong cuộc sống, để được khỏe mạnh?

14. *Nên uống nhiều nước.* Nước nói đây là nước trong, không pha một chất gì khác. Nếu không sẵn nước lọc, thì uống nước nấu chín để nguội. Nếu thích uống nước để lạnh, thì trữ nước chín vào tủ lạnh. Nên hiểu lượng nước cần để cơ thể khoẻ mạnh nhiều hơn lượng nước uống để hết khát. Nói một cách khác, uống nhiều nước nghĩa là phải uống thêm nước những khi không khát. Và không được kể là nước, những thức ăn có nhiều nước như canh, cháo, và các thứ nước ngọt.

15. *Nên có lòng tin ở người khác.* Lòng tin này khiến chúng ta vui sống hơn.

16. *Thường tản bộ trong công viên.* Thể xác và tâm trí có thể trở nên dễ chịu hơn.

17. *Nên biết tha thứ.* Nhớ mãi

lỗi lầm của người khác, chỉ thêm nặng lòng, không thể nào vui sống được.

18. *Nên sống lạc quan.* Tất nhiên không thể nào nhìn mọi sự trên đời qua cặp kính màu hồng, nhưng cũng đừng nhìn qua cặp kính màu xám để rồi chỉ thấy toàn điều xấu, chuyện dở. Cố gắng tìm cái may trong cái rủi, cái tốt trong cái xấu. Chuyện “tái ông thất mã” thật ra là chuyện của mỗi người, ai cũng làm được “tái ông”.

19. *Make love.* Lời khuyên chỉ ngắn ngủi như thế, vậy nên hiểu ra sao? Chắc người khuyên cũng hiểu rằng đây là chuyện tự nhiên, cái “muốn” với cái “làm” luôn luôn đi đôi với nhau, không cần tới một sự nhắc nhở. Nhưng thiết tưởng lời khuyên đôi khi cũng cần cho những ai nghĩ rằng chuyện ái ân làm mất sức khỏe. Ý nghĩ này đúng, nếu là quá lạm. Ngoài ra, tình dục điều hòa cũng là một trong những yếu tố giữ quân bình cho sự sống.

20. *Trượt tuyết viết dã.* Lời khuyên này chỉ dành cho những người đã quen với môn thể thao này.

21. *Discover romance.* Hãy khám phá tính cách lãng mạn, thi vị của sự vật. Lời khuyên này giống ý lời khuyên thứ 4, muốn chúng ta dùng nét đẹp của sự vật, của thiên nhiên, để di dưỡng tinh thần.

22. *Tập thể dục đều đặn.* Nếu không coi thể dục là niềm vui, thì nên cố gắng coi đó là bổn phận phải làm tròn đối với chính mình.

23. *Tập Thái-Cực-Quyền.*

24. *Thử tập Yoga.* Thái-Cực-Quyền (tai-chi) ai tập cũng được, nhưng Yoga có những động tác và bộ vị khó tập, ai chưa từng tập lúc còn trẻ, đến khi cao tuổi, khó thực hành. Người ta đưa ra đây nhiều hình thức thể dục, để ai thích môn nào, tự thấy thích hợp với môn

nào, thì chọn môn ấy, không phải là khuyên tập tất cả.

25. Làm vườn. Đây cũng là một hình thức thể dục, nhưng có thêm cái lợi là có rau mà ăn, có hoa mà chưng. Bên cạnh cái lợi nhỏ về vật chất đó, làm vườn còn là một sinh hoạt gần gũi với thiên nhiên.

26. Ăn thật nhiều trái cây. Người có bệnh phải kiêng thịt, ăn nhiều rau, nhiều trái cây đã đành. Người đang khoẻ mạnh ăn giảm thịt, thay vào bằng rau và trái cây, thì cũng rất tốt cho sức khỏe.

27. Đánh "golf". Nên hiểu đây là một lời khuyên nhiệm ý, cũng như đối với những môn thể thao khác.

28. Nuôi một con vật nào đó, như chó, mèo. Những con vật này có thể đem lại niềm vui cho chúng ta.

29. Hãy cười to lên, và thường cười. Cười làm cho con người trẻ lại, khoẻ lên, yêu đời hơn, và sống lâu thêm.

30. Nên sống tích cực. Sống tích cực nghĩa là sống có trách nhiệm với bản thân, với gia đình, với bè bạn và xã hội. nếp sống tích cực khiến con người trở nên phấn chấn, yêu đời và khoẻ mạnh. Ngược lại, nếp sống tiêu cực, uể oải, có thể khiến con người cảm thấy không được khoẻ mạnh, rồi trở thành ốm đau thật.

31. *Give, don't take*. Lời khuyên này có vẻ khó theo, phải không các bạn? Sống ở đời mà cứ "cho", mà không "nhận", thì liệu có ổn không? Nếu hiểu "cho" và "nhận" ở đây thuộc phạm vi vật chất, như tiền bạc, thì cho mãi làm sao đủ sức? Và trong tình cảnh túng thiếu, mà không nhận, thì có sống lâu được không? Vậy, có lẽ nên hiểu theo nghĩa tinh thần. Người vị tha (vì người khác) thường nghĩ đến kẻ khác, lo lắng cho kẻ khác. Người vị kỷ (vì mình) thường chỉ

nghĩ đến mình, thường chờ đợi sự giúp đỡ của kẻ khác, chứ không giúp đỡ ai. Người vị tha có tâm hồn trong sáng hơn, nhờ đó có cơ thể khang kiện hơn.

32. Hãy cưới người mình yêu. Lời khuyên mới nghe thì hơi lạ, nhưng ngẫm kỹ thì hợp lý đối với những đôi nam nữ chỉ muốn sống với nhau trong tình trạng "nhân ngãi", không muốn thực sự trở thành vợ chồng. Họ nặng về tự do cá nhân và sợ trách nhiệm, nên không muốn tự ràng buộc, và cũng không muốn ràng buộc người bạn tình. Nhưng một cuộc sống như thế không bao giờ ổn định. Mà sống không ổn định, thì làm sao sống lâu?

33. Hằng năm, nên tổ chức kỷ niệm ngày thành hôn. Làm vậy, ngoài chuyện tạo dịp vui cho nhau, còn là hành vi trân trọng nghĩa vợ chồng. Bao nhiêu xích mích cũng nhân đó mà quên đi, và vui sống hơn.

34. *Enjoy being single*. Chữ "single" này nên được hiểu theo nghĩa "độc thân cả đời", cho nghiêm chỉnh. Chớ nếu đã có chồng, có vợ, mà "enjoy" tình trạng độc thân tạm thời, thì thật nguy hiểm, không sống lâu được đâu! Vậy, nhìn xung quanh, thấy ai cũng có đôi có cặp, mà đi sớm về trưa một mình, thì đôi khi cũng buồn. Nhưng đã quyết chí sống một mình, thì phải cố đổi buồn thành vui. Hãy nghĩ đến những cái lợi về cả hai mặt tinh thần và vật chất, mà chỉ những người độc thân mới có.

35. Nghỉ ngơi cho nhiều. Nên để ý, có hình thức nghỉ ngơi hợp với người này, nhưng không hợp với người khác. Chẳng hạn, đối với người làm công việc chân tay, thì đọc sách là nghỉ ngơi. Nhưng đối với người cả ngày tâm trí phải suy nghĩ, thì đọc sách có khi chỉ làm thêm mệt trí. Vậy, nên nghỉ

ngơi thế nào cho thể xác và tinh thần được hoàn toàn thư thái, đúng theo nghĩa chữ "relax" của tiếng Anh.

36. Hãy ăn các thứ rau mà bạn trồng. Nói theo ngôn ngữ thời thượng ở Việt-Nam bây giờ, thì lời khuyên này "kinh tế" đấy, các bạn. Ăn nhiều rau trái, ăn ít thịt, thì lợi cho sức khỏe. Nhưng ăn nhiều rau trái, mà khỏi mua, thì còn lợi cho ngân quỹ gia đình. Cuộc đất sau vườn là tập thể dục, là sống với thiên nhiên; trồng cải, trồng cà chua, trồng zucchini, là vui thú điền viên ngay giữa thành phố; đem những thứ ấy vào bếp mà nấu, thì là tiết kiệm. Thật đúng như người ta nói đùa: Nhất cử tam tứ tiện.

37. Chơi "bun" (bowl, boule) trên bãi cỏ. Đây cũng là một lời khuyên không ràng buộc. Ai thích và chơi được môn gì thì chơi môn ấy, cốt là giữ cho thân thể được cường tráng.

38. *Do nothing in excess*. Đừng làm chuyện gì đến mức thái quá, ngay cả chuyện có lợi trên nguyên tắc. Thí dụ: Tập thể dục có lợi cho sức khỏe, nhưng nếu tập những động tác nặng không thích hợp với tuổi, với sức, thì chỉ có hại. Đi bộ là môn thể dục nhẹ nhàng ai tập cũng được. Nhưng nếu ham đi, mỗi ngày đi ba bốn tiếng, đến nỗi chân căng rã rời, thì chắc chắn là không nên.

39. *Do everything in excess*. Nghe có lạ không, các bạn? Mới vừa khuyên đừng làm điều gì quá mức, sao đây lại khuyên điều gì cũng nên làm quá mức? Cái "group" được sĩ này chơi chữ chằng? Tôi không trực tiếp hỏi họ được, nên đành phải suy đoán. Có lẽ yên chí rằng chúng ta đều là người biết cân nhắc, nên họ không cần nói rõ khi lời khuyên có vẻ đặc dị. Lời khuyên này chỉ áp dụng cho những trường hợp có

lợi cho sức khỏe, nhưng dễ gây chán, gây sự không thích. Ăn rau tốt cho sức khỏe, nhưng không ngon miệng. Vậy, nên cố gắng ăn nhiều một chút. Buổi sáng tập thể dục, mới tập được nửa tiếng đã thấy chán, chỉ muốn nghỉ. Nhưng biết là cần phải tập, nên ai này đều phải tập nhiều hơn. Người cẩn thận còn tập đôi ra mười phút để bù những ngày không tập được.

40. Ăn mì gà. Đây cũng chỉ là một lời khuyên có tính cách gợi ý.

41. *Practice what you preach.* Hãy làm những điều bạn khuyên người khác làm. Ở đời, khi khuyên bảo người khác, ai cũng nói những điều phải, điều nên. Nhưng có khi, chính chúng ta lại không làm được những điều ấy. Chẳng hạn, khuyên một người bạn lười cố gắng tập thể dục thì rất dễ, nhưng ngày nào cũng tập thể dục thì bản thân lại thấy chán. Khuyên người khác nên sống lạc quan, nhưng chính mình thì lại thường coi nặng những điều không như ý nhỏ nhặt.

42. *Look before you leap.* Nên hiểu lời khuyên này theo nghĩa đen, để có một chút vui nhẹ nhàng. Nhảy mà không nhìn trước thì có khi hụt chân. Gãy cẳng thì làm sao sống vui, sống lâu được?

43. Dành thì giờ cho bạn bè. Đây cũng là một cách sống cởi mở, sống vì kẻ khác, để chính mình được sống vui.

44. Hãy giảm bớt lượng cholesterol trong thực đơn của bạn. Cholesterol là chất có thể gây sạn thận và làm thành động mạch xơ cứng, do đó sinh nhiều bệnh nguy hiểm. Trong thức ăn thường ngày, có một số chứa nhiều cholesterol, tránh ăn thì rất có lợi cho sức khỏe. Chất mỡ động vật, lòng đỏ trứng, tôm là những thứ chứa nhiều cholesterol.

niềm tin cuối cùng

*Còn mỗi niềm tin dâng đến Người
Tình thương ban rải khắp nơi nơi
Từ Người, mặt đất muôn loài có,
Có cả con tim biết khóc cười.*

*Người cho ánh sáng rọi hồn con
Xuyên qua lửa giận với mây hôn
Rời vòng tham dục, xa mê muội
Để thấy trời cao che đỉnh non.*

*Người ở trong tâm, người ở quanh
Dù dắt con qua những thác ghềnh
Tang thương mấy cuộc, đời dâu biển
Vẫn chẳng nghi ngờ Đấng Cứu Sinh.*

*Còn mỗi niềm tin dâng đến Người
Ngôi nhà vĩnh cửu vốn không nơi.
Biết đường về cội, con thanh thân
Từ giữa nhân gian với nụ cười.*

b.h.t.



45. Đi ngủ sớm và thức dậy sớm. Lời khuyên này chỉ áp dụng cho những người không làm "ca" đêm. Các bạn thử tập thành thói quen: Ngoại trừ trường hợp bất ngờ, ngày nào cũng đi ngủ trước 11 giờ tối, và thức dậy khoảng 6 giờ sáng, là vừa phải. Cứ đều như vậy, thì trong người sẽ thấy dễ chịu. Bằng chứng là khi gặp trường hợp phải thức khuya rồi hôm sau dậy muộn, thì ai cũng thấy cả tinh thần lẫn thể xác đều không thư thái.

46. Đừng bao giờ ỷ rỗi, chán nản. Tất nhiên khi gặp thất bại, thì làm sao tránh khỏi buồn rầu? Nhưng một khi nhận chân được điều dù sao mình vẫn phải sống, thì nên có thái độ phải chăng hơn. Gặp trường hợp bất như ý, đừng nên nằm nhà ôm nỗi thất vọng. Cố gắng coi như không có chuyện

gì, và đi ra ngoài, hoặc tìm gặp bè bạn. Cái gì rồi cũng qua đi.

47. Hãy làm thử những chuyện mới. Đây cũng là cách tự tạo điều kiện để vui sống. Trước nay, bạn chưa chơi quần-vợt, chỉ đánh vũ-cầu. Lúc nào tiện, bạn thử tập đánh xem sao. Có thể, bạn không đánh giỏi, nhưng môn chơi mới sẽ đem lại cho bạn một ít sinh thú.

48. Nên tắm biển.

49. Nên thường viết thư cho bè bạn. Đây cũng là cách sống cởi mở, và giải toả gánh nặng của tâm trí.

50. Chơi quần vợt.

51. Sống nhiều với thiên nhiên. Những người phải làm việc suốt ngày trong văn phòng, trong công xưởng, sinh hoạt ngoài trời ở một nơi thoáng đãng, là điều kiện rất cần. Hơn nữa, cố gắng giữ tâm hồn hoà đồng với núi sông, cây

cỏ, để giảm bớt áp lực của nếp sống bon chen không tránh được.

52. *Sing in a car*. Người hát là người lái xe, hay là người khỏi lái đây? Có lẽ cả hai đều hát được, và cũng nên hát. Miễn là đừng để bị phân tâm, hoặc làm phân tâm tài xế, ở những đoạn đường cần thận trọng.

53. Làm thơ. Chà, lời khuyên này coi bộ đặc thù đây. Không biết làm thơ, thì làm sao? Thì đọc thơ, ngâm thơ. Mục đích vẫn là giải trí.

54. Huýt sáo trong khi làm việc. Tôi xin thêm: Nhưng cũng nên coi chừng những ông chủ khó tính, nếu là người đi làm ăn lương.

55. Đọc sách. Nên để ý, có loại sách đọc để giải trí, làm cho tinh thần dễ chịu, tươi sáng hơn. Nhưng cũng có loại sách làm mệt trí, hoặc làm cho trong lòng cảm thấy nặng nề, tâm hồn vẫn đục.

56. Nên uống thuốc đúng theo toa bác sĩ.

57. Nên coi nhẹ những chuyện xảy ra không vừa ý mình.

58. Nên coi trọng những điều xảy ra vừa ý mình. Mừng với những điều này, mà quên đi những điều không vui.

59. *Indulge yourself*. Không nên quá nghiêm khắc đối với chính mình. Thỉnh thoảng cũng nên “tự nuông chiều” về cả hai mặt, tinh thần và thể chất. Chẳng hạn, một nhà nghiên cứu khoa học cả ngày vùi đầu trong phòng thí nghiệm hoặc tài liệu nghiên cứu, thỉnh thoảng cũng nên đọc tiểu thuyết ái tình hoặc chuyện thần tiên, để giảm áp lực cho tâm trí. Một người kiêng rượu, thỉnh thoảng cũng có thể tự cho phép mình uống một ly bia. Như vậy, sẽ cảm thấy vui hơn.

60. “*Carpe diem*”. Đây là lời khuyên của Horace (65-8 trước TC), nhà thơ La-Mã theo chủ nghĩa “hưởng lạc” của triết gia Hi-Lạp Epicure (341-270 trước TC). Nhà thơ khuyên người đời nên tận hưởng cuộc sống hiện tại, đừng bận tâm đến ngày mai. Dịch ra tiếng Anh, chữ này là “seize the day”; dịch ra tiếng Pháp, là “cueillez le jour”. Thay vì dịch ra tiếng Việt, tôi xin đưa vào đây bài Tự Khiển của La ẩn (Đường):

*Đắc tức cao ca, thất tức hưu.
Đa sầu đa hận, diệc du du!
Kim triêu hữu tửu, kim triêu túy;*

Minh nhật sầu lai, minh nhật sầu.

(Được thì cất tiếng ca vui; thua thì bỏ hết, cuộc đời còn chi. Buồn nhiều hận lắm ích gì? Bữa nay có rượu, ta thì cứ say. Ngày mai, buồn tới hãy hay ...)

Hai người, một Tây một Tàu, khuyên hơi giống nhau. Các bạn nghĩ kỹ, theo được thì theo.

61. Trong bất cứ công việc gì, cũng nên biết tiến thoái. Cũng như người đi đường, luôn luôn rào

bước mà không có lúc ngừng nghỉ, thì sẽ mau mệt, không đi lâu dài được. Trong công việc, ngừng nghỉ là để dưỡng sức, mà cũng là để chuẩn bị cho giai đoạn tiếp theo.

62. Nếu bạn đã có lần bị tai biến mạch máu não (stroke), rồi bây giờ cảm thấy tình trạng có vẻ ổn định, muốn ngưng dùng thuốc hạ huyết áp, hoặc thuốc làm loãng máu, thì nên hỏi ý kiến của bác sĩ trước đã. Bác sĩ khám lại, đồng ý cho ngưng, thì mới ngưng. Đừng nên tự ý.

63. *Cuddle*. Chữ này có nghĩa là “ôm ấp”, “vuốt ve”. Nhưng ôm ấp, vuốt ve ai? Và ôm ấp vuốt ve cho nhiều thì được sống lâu sao? Có lẽ cũng nên hiểu lời khuyên này theo kiểu tương đối, như lời khuyên “make love” trên kia.

64. Dùng đầu olive trong việc nấu nướng. Đây là một lời khuyên thực tế mà các bà nội trợ có kinh nghiệm đã áp dụng lâu rồi.

65. Ăn cải bắp Brussel Sprouts. Thứ rau này có bán ở các chợ Tây, hương vị không có gì đặc biệt, nhưng các nhà dinh dưỡng học đã xác nhận là tốt cho sức khỏe.

66. Đang khoẻ mạnh, thì đừng để thể trọng tăng lên. Ăn uống điều độ, cảm thấy vừa đủ thì ngưng, đừng ăn nhiều quá mức cần thiết do sự thích khẩu. Nếu bác sĩ Tây khám, mà nói “you’re gaining weight” (ông đang lên cân đấy), thì nên thận trọng những lúc ngon miệng.

67. Chọn một nghề mình yêu thích. Lời khuyên này dành cho những người mới bắt đầu công cuộc mưu sinh. Hằng ngày làm một công việc đúng với sở thích, thì không còn gì đáng mừng bằng. Nếu ai cũng chọn được cho mình một nghề ưng ý, thì cuộc sống nhân sinh là “thiên đường hạ giới”, và chắc chắn ai cũng sống lâu.

bình minh



*Bình minh mở cửa ra
Gió lùa tuyết vào nhà
Chim trời không nơi trú
Mơ hồ bước chân ma.*

phan long yên

68. Năng động trong cộng đồng của mình. Sống có người có ta, sống có trách nhiệm với kẻ khác, sống hòa đồng với đồng nghiệp đồng hương, chắc chắn sẽ vui hơn.

69. Nên đọc báo. Không chỉ là để biết tin tức, mở mang kiến thức, mà cũng là tìm nguồn vui. Báo chí ngày nay nhiều, tiết mục cũng dồi dào. Nếu có chủ ý là đọc để giải trí, thì cũng có nhiều tờ, nhiều mục để chọn lựa.

70. Khi ngồi, cố giữ lưng cho thẳng. Đây là điều kiện đầu tiên để giữ cho xương sống khỏi lệch, lưng được thẳng, và nội tạng hoạt động dễ dàng.

71. Giữ trí óc năng động. Để trí óc u trệ, tức lười suy nghĩ, thì trí óc sẽ cùn đi.

72. Nên du lịch. Tất nhiên phải có tiền, thì mới đi đây đi đó được. Nhưng du lịch có lợi gì cho sức khỏe? Lợi nhiều lắm. Du lịch là sinh hoạt ngoài trời, là gần với thiên nhiên, là cơ hội tiếp cận với người khác. Sau một chuyến du lịch trở về, ai cũng sẽ linh hoạt và yêu đời hơn.

73. Ngâm mình trong bồn tắm, với nước nóng, và nếu cần, với một thứ dược phẩm do chuyên viên vật lý trị liệu chỉ định.

74. Đừng giữ lòng đố kỵ đối với bất cứ ai. Trong giao thiệp, cố gắng nhớ đến ơn của người, nghĩ đến những điều tốt của người, và cố gắng quên đi những điều ngược lại.

75. Mỗi ngày ăn một trái táo. Câu này giống câu *An apple a day keeps the doctor away* (Mỗi ngày ăn một trái táo thì không cần tới bác sĩ). Tất nhiên, "mỗi ngày một trái" chỉ là một cách nói. Trong thực tế, mỗi ngày ăn hai trái, ba trái vẫn được. Và có ngày, không ăn trái nào, thì cũng không hại gì. Nhưng trong việc dùng thực phẩm để giữ gìn hoặc tăng cường sức

khỏe, thì đều đặn vẫn tốt hơn. Tôi đọc nhiều tài liệu y khoa và dinh dưỡng, thấy ở đâu cũng khuyên ăn táo. Vậy, trái táo tốt cho sức khỏe là điều chắc chắn.

76. *Be generous with hugs.* "Hug" là động tác "ôm chặt để tỏ dấu hiệu thương yêu". "Be generous" là "hãy hào phóng", là "đừng hà tiện". Nhưng chúng ta nên cẩn thận, đừng nhầm lẫn nghe theo lời khuyên này. Nếu hào phóng đến nỗi gặp ai cũng xông vào ghì chặt để tỏ tình thân, với người khác giới, thì có khi cũng gặp phiền phức.

77. *Make time for your partner.* Có lẽ nên hiểu chữ "partner" này theo nghĩa rộng. Là người phối ngẫu, là người đồng nghiệp, là người cùng làm một việc gì đó. "Dành thì giờ cho ai" tức là chân tình quan tâm tới người đó. Người "partner" vui, tức là mình vui.

78. Giữ liên lạc với gia đình. Liên lạc thường xuyên với gia đình cũng là một điều kiện tạo niềm vui cho chính mình. Có người tránh liên lạc với gia đình, vì sợ phải bận tâm tới những khó khăn của người thân mà mình không muốn giúp đỡ, hoặc sợ phải nghe những lời trách cứ. Nhưng nếu có thể giảm nhẹ lòng ích kỷ, nặng ý vị tha hơn, thì sẽ thấy lời khuyên này là phải. Đông-Phương có câu: Làm điều thiện, trước hết phải bắt đầu từ người thân của mình.

79. *Bake a pie.* Nghe như nói đùa cho vui. Sao lại làm một cái bánh? Nhưng nên hiểu đây cũng chỉ là một cách nói. Ý của lời khuyên là muốn chúng ta tìm vui trong những sinh hoạt nhỏ, như nấu ăn, làm vườn, dọn dẹp nhà cửa. Nên coi những việc nhỏ ấy cũng đáng làm, cũng cần cho cuộc sống tinh thần như làm giám đốc, như đấu thể thao. Làm được như thế thì cuộc sống tinh thần sẽ

quân bình và ổn định.

80. Ăn nhiều cá. Đứng liền sau rau trái trong một thực đơn có lợi cho sức khỏe, là cá. Cũng có vài thứ cá mà người bệnh nên tránh, nhưng nói chung thì cá là món ăn tốt cho đa số. Nhớ đừng ăn gan và da.

81. Sinh hoạt nhiều ở nơi không khí trong lành. Nếu làm việc nhiều giờ trong văn phòng hay công xưởng, thì cuối tuần phải cố gắng đi ra ngoài cho nhiều để bù lại. Nếu là người già thường ở trong nhà, thì nên giữ cho căn phòng được thoáng. Mỗi buổi sáng, nên tập thể dục ở gần cửa sổ mở rộng để lấy không khí tươi mát. Nếu có ánh nắng ban mai chiếu vào thì càng tốt. Cách ngôn Tây có câu: Ở đâu mà ánh nắng đã vô, thì thầy thuốc không vô nữa (*Là-où le soleil entre, le médecin n'entre pas*).

82. *Be yourself.* Sống bình thường. Đừng làm điều gì không bình thường, vì những chuyện không bình thường có hại cho một nếp sống ổn định, do đó hại cho sức khỏe.

83. Bơi lội. Đây là một môn thể dục có tính cách toàn diện, nghĩa là tập cả toàn thân cùng một lúc, không thiếu một bộ phận nào. Tất nhiên, người không biết bơi, hoặc biết bơi mà không có hoàn cảnh, thì vẫn có thể dùng môn khác thay vào.

84. Dành thì giờ cho các cháu nhỏ. Đây là phương pháp hữu hiệu hơn hết để làm trẻ lại tâm hồn.

85. Đừng bao giờ nổi giận, vì nổi giận thì hại tim.

86. *Share.* Chia sẻ đây là chia sẻ vui buồn. Có buồn mà chia với người thân, thì bớt buồn; có vui mà chia với người thân, thì thêm vui. Sẵn sàng chia sẻ buồn vui của người khác là cách sống hòa đồng.

87. *Take nothing for granted.* Đừng yên trí về bất cứ điều gì. Đừng cho điều gì là đương nhiên. Lời khuyên này cũng hơi khó hiểu. Người hay yên trí về mọi sự thì không sống lâu hay sao? Có lẽ nên luận như vậy: Người dễ tin, thường yên trí về mọi sự xảy ra, thì lười suy nghĩ. Lười suy nghĩ thì trí óc càng ngày càng trì trệ, không khoẻ mạnh được; vả lại, lúc nào cũng sẵn sàng tin, thì cũng dễ gặp thất bại trên đường đời.

88. Đang dùng thuốc để chữa bệnh, thỉnh thoảng cũng nên hỏi bác sĩ của mình về những thứ thuốc mới. Có thể thuốc mới công hiệu hơn, hoặc ít tác dụng phụ (side effect) hơn thuốc đang dùng.

89. Có thể đi dạo trong một trung tâm mua sắm (shopping centre) để tập thể dục. Không khí cũng tốt, mà ngoại cảnh lại vui mắt.

90. Tránh thói quen trì hoãn công việc. Việc có thể làm xong, thì làm cho xong, đừng để lại. Thói quen trì hoãn công việc làm cho mình mất chủ động, bị lệ thuộc vào công việc, lúc nào cũng bận bịu. Trong tiếng Anh, có câu cách ngôn: *Never put off till tomorrow what you can do today* (Đừng bao giờ để qua ngày mai việc gì bạn có thể làm hôm nay). Nghe thì đơn giản, nhưng nếu theo được thì câu này có thể giúp chúng ta ổn định được nếp sinh hoạt hằng ngày, để có thể vui sống.

91. Chấp nhận những gì mình không thể thay đổi. “Những gì” nói đây có rất nhiều trong cuộc sống của mọi người. Khuyết tật của cơ thể, sự suy yếu của tuổi già, nghịch cảnh trong gia đình ... Một khi đã cố gắng đúng mức để vượt qua, mà không vượt qua được, thì chấp nhận. Thế là “tùy ngộ nhi an”.

92. Đừng bao giờ uống rượu mà lái xe. Làm như thế thì chỉ chết yếu, hoặc giảm thọ cho mình và người đồng hành.

93. *Create solutions, not problems.* Câu này có nghĩa “giải quyết vấn đề, đừng gây vấn đề”. Ý muốn khuyên chúng ta nên bình dị hóa cuộc sống, đừng gây thêm phiền phức cho người, và cho chính mình.

94. Thân thiện với mọi người. Một lối sống kết đoàn, có người có ta, là điều kiện để sống vui.

95. Cho chim ăn. Lời khuyên đặc thù này làm cho tôi nhớ lại một hình ảnh: Trong những ngày sống tại nhà một đứa con gái ở Fountain Valley, phía nam Cali, tảng sáng nào tôi cũng thấy bên kia đường, một bà cụ khoảng ngoài tám mươi, bung một tô ngũ cốc ra kêu quạ xuống ăn. Tại khu này, quạ rất nhiều. Như đã quen lệ, nghe bà cụ gõ cách cách vào cái tô, và cất tiếng “*Babies, come down for grains*”, là lũ quạ sà xuống, tíu tít mổ quanh chỗ bà cụ đứng. Bà cụ bước đi bước lại giữa đám quạ, mà chúng vẫn cầm cúi ăn, không sợ hãi gì cả. Hỏi ra, tôi biết bà cụ sống một mình, tự lo lấy chuyện ăn uống. Mỗi tuần một lần, có cô cháu tới đi chợ giúp. Hằng ngày, bà cụ săn sóc hoa, đọc sách, và cho chim ăn. Bà cụ nói cho chim ăn là vui hơn cả.

96. *Pamper yourself once a day.* Ý câu này giống câu 63. “Pamper” là nuông chiều. Trong cụ thể, “tự nuông chiều” có nghĩa như “tự cho phép mình lười biếng”, “tự cho phép mình ăn một món lẽ ra nên kiêng”. Nhưng kể ra, mỗi ngày một lần thì cũng hơi nhiều. Mỗi tuần một lần, thì vừa phải hơn.

97. Đi câu cá. Môn này vừa là sinh hoạt ngoài trời, vừa là thể dục, vừa là giải trí.

98. Nên mỉm cười cho nhiều. Trên kia (29), là cười to, ở đây, là cười mỉm. Mỉm cười với người khác, hay mỉm cười một mình, cũng được. Gặp cái gì đáng cười, thì đừng kìm lại, cứ để tự nhiên cho tình cảm phát lộ.

99. Gặp hoa thơm, nên ngửi. Hoa đây là hoa thật, không phải “hoa biết nói”. Gặp “hoa biết nói” nào cũng ngửi, thì có khi ăn tát. Nhưng hoa thật, thì cũng tùy cái mà ngửi. Có hoa mùi thơm hiền, ngửi thì cảm thấy thư thái; có hoa mùi thơm độc, ngửi có thể bị dị ứng ở mũi.

100. Nên nghe lời khuyên của bác sĩ.

Xin các bạn đặc biệt chú ý những lời khuyên được in đậm. Những lời khác có thể tùy nghi theo hoặc không, nhưng những lời này quan trọng, nhất thiết phải theo. Ngoài ra, cũng nên để ý một điều: Những lời khuyên này nhắm vào người Tây, những người có thói quen dùng rượu thay nước, nên không có lời nào cấm rượu. Nhưng chúng ta phải hiểu rượu có thể làm hư lá gan, có khi không chữa được.

Cuối cùng, xin mượn một câu Kiều để kết thúc. Khi gặp Thúy Kiều tại Quan-Âm-Các, biết không có cách giúp cho người yêu, Thúc Sinh than:

Thẹn mình đá nát vàng phai,
Trăm thân dễ chuộc một lời được sao!

“Trăm thân” mà không chuộc được một lời! Vậy, “trăm lời” liệu có chuộc được “một thân” không đây? Tôi tin là được đấy, các bạn. Tùy hoàn cảnh, tùy thể trạng, tự mình lựa chọn những lời khuyên đích đáng mà theo. Có sống tới trăm tuổi được không, cái đó chưa biết. Nhưng sống vui và khoẻ mạnh hơn, thì là điều khỏi phải nghi ngờ.

Thằng bé đứng chờ đã hơn nửa tiếng đồng hồ, lòng thấp thỏm chỉ sợ bà cụ hứa mà không đến! Hôm qua vào giờ này bà đã có mặt tại nơi đây. Nó nóng ruột, nhưng cuối cùng chiếc xe ôm với bóng dáng quen thuộc của bà cụ cũng xuất hiện.

Hôm đầu nhìn dáng người phương phi của bà, nó đoán là Việt kiều. Ở cái đất Biên Hoà này chỉ có Việt kiều dù già, da dễ nhăn nheo nhưng vẫn trắng trẻo và không xếp lớp hay khô đét như mấy bà già dưới xóm. Trông bà cụ không thể trên bảy mươi. Nó đoán cho vui, chứ tuổi tác của Việt kiều khó bề đoán nổi. Điều quan trọng là bà cụ đã trở lại, và đời nó xem như lên hương. Trước kia năm khi mười hoạ mới có người đến viếng mộ, mượn nó giấy cỏ mộ thân nhân của họ và một hai năm mộ chung quanh. Mộ thân nhân thì họ bắt nó phải giấy thật kỹ, còn của láng giềng với người chết thì giấy đại khái, xem như tình lân bang. Những lần đó một mình nó phải cáng đáng tất cả mọi việc, người mượn đứng xem, sau đó may mắn họ trả cho nó được vài ngàn bạc.

Bà cụ thì khác, bà ngồi bệt trên đất. Vì không có cuộc bà đã tận dụng đôi bàn tay run rẩy vì tuổi già để rón sức kéo bật rễ từng nắm cỏ nhỏ. Bà thực hiện công việc làm sạch ngôi mộ hết sức kỹ lưỡng. Khi nó vừa làm sạch cỏ ở ngôi mộ thứ nhất, bà muốn ngôi mộ thứ hai cũng phải được tươm tất như thế, chưa kể còn cần thận mang theo cọ và sơn trắng để sơn phết mộ. Làm kỹ, nhưng tiền công bà trả thì hết ché, nó đòi mười ngàn, chẳng những không cò kè trả giá, bà đưa ngay cho nó một xấp tiền dày cộm. Lúc chiếc xe ôm chở bà đi khuất, ngồi đếm đi đếm lại, nó tưởng mình hoa mắt vì số tiền lên đến một trăm ngàn.

Đây là lần đầu tiên trong đời nó kiếm được số tiền lớn như vậy trong một ngày. Điều hơi lạ là sau khi cúng vái xong, trước khi về bà dặn đi dặn lại nó mỗi ngày cứ vác

cuốc ra nghĩa địa khoảng sáng sớm để phụ bà làm cỏ và sơn phết thêm một số nắm mộ nữa. Nó thắc mắc, sao con cháu của bà cụ lại chết đông đến thế? Điều đó xui

Thương Tiếc

Ngọc Anh



cho bà mà hên cho nó, nếu không, cao tay lắm người ta chỉ thuê nó một lần rồi thôi, nghĩa là hai bên không bao giờ gặp lại, hoặc lâu lắm mới gặp lại, đầu tận dụng trí nhớ cũng khó nhớ mặt.

Có lẽ nó không để ý đến nghĩa trang này làm gì, nếu không kiếm được tí tiền công cuộc đất giấy cỏ từ một số người thỉnh thoảng lắm mới đến thăm thân nhân còn nằm tại nghĩa trang. Lúc vắng người, không kiếm được tiền, nó lại ước phải chi người ta đừng cất những ngôi nhà lụp xụp bên trên những ngôi mộ để bây giờ từ hàng ngàn ngôi mộ chỉ còn lại vài trăm như thế này, và nhất là công an đừng làm khó dễ khách viếng mộ thì có lẽ hàng ngày nó kiếm đủ sống nhờ việc giấy cỏ, phụ sơn phết lại những ngôi mộ của người chết.

Cũng may là còn sót lại vài trăm ngôi mộ nó mới kiếm được tí tiền phụ vào những đồng tiền ít ỏi mẹ nó kiếm được nhờ vào việc buôn bán qua quýt. Và có lẽ nhờ hấp thụ tánh của mẹ nó, ưa tin vào sự linh thiêng, đầu nhà nghèo, nhưng kệ thờ người đã khuất trong nhà bao giờ cũng thơm tất. Mẹ nó bảo nếu không tin thế, chẳng đủ sức chịu đựng giữa thời buổi "mật ít ruồi nhiều" này. Cứ trông khu nghĩa trang này đủ biết, mỗi lần thấy có người thăm mộ là có khối thằng xông vào giành giật. Nó tin vào sự siêng năng, cần mẫn nhưng nó cũng tin có sức lực vô hình nào đó xô đẩy để người ta chú ý đến nó. Tuy không thể kiểm chứng để biết vì lòng tin hay do bản tánh ít ham chơi, nó thường quanh quẩn khu nghĩa trang, nên kiếm được nhiều tiền hơn những thằng khác. Đầu sao chẳng nữa, gặp bà cụ này xem như nó được người chết phù hộ, nếu không thế, chẳng thể nhận được tiền bo hậu hĩnh như vậy.

Thấy bà cụ đến, nó hăm hở đất bà trở lại nơi hai ngôi mộ đã được làm sạch vào ngày hôm qua. Bà bảo nó giấy sạch cỏ thêm mấy ngôi mộ chung quanh. Làm như chỗ này ít người qua lại nên cỏ ống mọc thật cao. Thân hình nó nhỏ, nhưng sức bà cụ cũng không nhiều nên nó ăn đứt bà cụ trong việc giấy cỏ. Nó nghĩ, ăn tiền của người ta thì phải làm cho đàng hoàng, cho nên tuy trời nắng chang chang nó vẫn tiếp tục cắm cúi cuộc những nhất cuộc, chẳng bao lâu cỏ đã vun cao thành đồng.

Phía thằng bé cỏ đã nằm rạp. Phía bà cụ những cây cỏ ống vẫn còn cao nghệu, che gần khuất năm mộ và gần khuất luôn cả thằng nhỏ. So sức lực bây giờ với thời xưa, bà thấy mình yếu lắm rồi, ngay như việc nhổ cỏ, phải cố gắng lắm, lâu lâu mới kéo bật rễ được một nắm. Mới nhổ được vài nắm đã thấy mệt. Bà đứng tay nhìn quanh khu nghĩa trang. Trời đẹp và khu nghĩa trang lặng ngắt, ngoại trừ tiếng cuộc bập vào đất và tiếng sột soạt của cỏ bị vứt vào thành đồng từ phía thằng nhỏ lẫn với tiếng xe chạy từ phía xa lộ Biên Hoà vắng vắng vọng lại tạo thành một thứ âm thanh kỳ lạ, như hư như thật làm bà có cảm giác đó là tiếng của những hồn ma cô đơn đang râm rì rên rĩ. Không còn ai và không còn thứ âm thanh nào khác. Bà tự hỏi không biết thân nhân của những người nằm bên dưới các nắm mộ bây giờ ở đâu? Có lẽ họ cũng giống như bà, mấy chục năm ôm ấp nỗi sợ hãi, con cái nằm đây, thân nhân nằm đây mà mỗi lần đến thăm đều bị làm khó dễ, phải nhìn trước nhìn sau sợ bị công an theo dõi, sợ bị làm khó dễ, riết rồi vì nỗi sợ hãi, vì không muốn bị phiền phức bà cũng như họ đã cố gắng hạn chế tối đa việc thăm viếng, cố nghĩ người chết rồi coi như đã yên,

cũng hiểu và thông cảm cho người còn sống. Đến chừng liều mạng trở lại, hình con cũng mất mà nắm mộ của nó cũng không còn. Bà đau lòng biết mấy mà không làm gì được cho người ngoại được nỗi đau đó. Bà thở dài, mới đây mà đã hai mươi mấy năm, chừng như thời gian không bước những bước rón rén mà giẫm sầm sập vào cuộc đời bà.

Còn đâu mộ của con bà! Còn đâu những ngôi mộ trắng toát được xây cùng một kiểu nằm ngay hàng thẳng lối! Còn đâu ngôi chùa nhỏ lúc nào cũng đầy người đến nhang khói thờ phụng! Còn đâu cảnh người thân tấp nập đến viếng mộ vào dịp Thanh Minh! Còn lại là những bia mộ lem luốc đổ vỡ. Còn lại nơi chùa là những bờ tường đen sạm vì rêu phong, những bình nhang vỡ vì bàn tay người. Còn lại là sự tiêu điều hoang vắng. Còn lại là nỗi đau thấm tận đáy lòng!

Bây giờ đứng trước những ngôi mộ, bà không khỏi tự chất vấn, tại sao nỗi sợ hãi lại có thể lấn át tình máu mủ ruột thịt, lấn át tình thương, lấn át tình người với người khiến bà thiếu sót bốn phần thăm viếng đứa con thân yêu đã từng nằm tại nghĩa trang này. Lúc đó bà sợ đủ thứ, sợ đói, sợ kinh tế mới, sợ con cái bị khổ, sợ những buổi tối phải đến phường ngồi nghe những người trẻ bằng con cháu bà, chữ nghĩa còn tệ hơn người buôn gánh bán bưng ở ngoài chợ lên lớp dạy bảo. Một tiếng động nhỏ nơi cửa vào ban đêm bà cũng thấy sợ, một người bạn quen của thằng con trai đã chết đến viếng, bà cũng nhìn trước nhìn sau. Bà biết rõ bà không sợ chết, nhưng không biết tại sao bà lại sợ những thứ đó. Cứ thế bà sống lây lất với nỗi sợ hãi lẫn đau khổ, thù ghét, giận dữ, tất cả ứ đầy cho đến giờ này khi tuổi

đời đã chông chất, không biết ra đi ngày nào mà những nỗi khổ tâm đó vẫn tiếp tục tràn đầy trong lồng ngực và không ngớt nung nấu tâm can để bà quyết định phải quay trở về.

Tuổi đời đã quá bảy mươi. Gia đình thì đề huề với dâu, rể, cháu nội, cháu ngoại ở Mỹ, thế sao tâm bà ngày ngày vẫn chìm đắm trong nỗi bất an? Phải rồi, làm sao tâm bà yên cho được khi đứa con đầu, đứa con bà thương yêu nhất đã không thể nằm yên, xác mất mà mộ cũng không còn. Rồi đây làm sao bà có thể yên tâm nhắm mắt đi gặp lại nó nơi thế giới bên kia?

Bà nhìn về hướng chiếc bệ. Đứa con ngày nào được ngồi thành thoi trên đó, giờ biến mất chỉ còn chiếc bệ sứt mẻ, đen sạm vì màu thời gian, trơ trọi đứng một cách vô duyên giữa khu nghĩa trang sập xệ. Người ta thường bảo “nghĩa tử là nghĩa tận”, chết xem như là xong một cuộc đời ở trần thế này; người chết chẳng còn có thể làm hại ai, thế tại sao sự thù oán vẫn còn dai dẳng đối với những người đã nằm yên dưới mồ? Nhiều lúc bà tự hỏi, liệu người chết còn biết giận hờn, đau đớn hay không? Bà không thể trả lời giùm cho người chết, nhưng bà biết rõ bà, người mẹ có đứa con nằm dưới mồ, bà vẫn đau khổ, giận hờn và còn tức tối hơn nữa khi những người không từng bị mất mát, lại bảo bà phải quên giận, quên hờn, quên đi sự dày xéo lên trên những nấm mộ của người đã chết, và quên luôn sự hành hạ đối với người còn sống. Họ có biết là khi họ mở miệng nói lên những điều đó, thì đồng nghĩa họ bảo bà hãy chết đi, đừng nên tiếp tục sống trong cuộc đời này.

Hình ảnh một buổi trưa cách nay hơn ba chục năm hiện rõ trước mắt bà. Giữa trưa bà đang

nhúm bếp lửa để sửa soạn bữa cơm cho gia đình thì nghe tiếng giày botte de saut, rồi đứa con trai lớn nhất của bà đã hiện ra trước mắt. Dáng cao lớn của nó đứng chật hết khoảng cửa thông từ nhà trên xuống căn bếp nhỏ xiu ám đầy khói. Rồi nó đến gần cúi vào tay bà mấy tờ giấy bạc.

- Lương lính của con đó mẹ. Mẹ giữ chút ít cho các em.

- Thôi con ạ! Đồng lương con đâu được bao nhiêu mà đưa cho mẹ.

Bà cúi lại mấy tờ trăm vào tay thằng con.

- Con đủ tiêu rồi, mẹ giữ lấy cho các em.

Bà nhìn thằng con. Đứa con hiếu thảo mà bà thương nhất nhà. Bao giờ mẹ lại chẳng thương con trai, nhất là con trai đầu lòng, bà an lòng với ý nghĩ như vậy. Bà thấy da nó chùng như đen hơn. Trông nó có vẻ dạn dày hơn ngày bà tiễn nó vào quân trường Quang Trung cách nay mấy tháng. Thời buổi giặc giã này, nhà nào có con trai lớn đều sợ con phải đi lính, sợ con phải ra trận. Những bà mẹ như bà đâu bao giờ muốn con mình phải cầm súng giết người. Lắm khi bà tự hỏi, tại sao cuộc đời bà không bao giờ được yên? Cha mẹ bà đã bị đầu tố chết ở miền Bắc. Bà sợ hãi lén trốn theo họ hàng vào Nam từ năm năm tư. Bây giờ họ lại vào đây, bà không biết chạy đâu nữa bây giờ, có lẽ vì thế mà con bà buộc phải đi lính.

- Con chọn binh chủng Thủy Quân Lục Chiến.

- Hả, con nói gì!

Bà hoảng sợ tưởng mình nghe lầm. Thủy Quân Lục Chiến! Sao nó lại chọn cái binh chủng dữ dằn như vậy? Tại sao nó không chọn Địa Phương Quân cho gần nhà? Như thế là con bà sắp sửa thật sự xa bà. Bà thấy thẳng thốt. Người

bà tê cứng. Hình ảnh bà bạn hàng xóm gục đầu bên chiếc quan tài được phủ lá cờ vàng ba sọc đỏ của đứa con trai nằm chệnh vênh nơi căn phòng khách chật hẹp, với mấy ngọn nến leo lét giữa buổi chiều chạng vạng hiện rõ trước mắt bà. Cảnh tượng thê thảm này ám ảnh trong tâm khảm bà mỗi lần bà nhìn mấy thằng con trai, nhất là thằng con đầu ngày một lớn như thổi. Nó là nỗi ám ảnh không nguôi đối với những bà mẹ như bà có con trai ở tuổi quân dịch. Nhiều lần bà cố xua đuổi hình ảnh tang thương đó và bà cố ăn ở hiền lành, để tin rằng những chuyện như thế chỉ có thể xảy đến cho ai khác, chứ nhất định không bao giờ có thể xảy đến cho cá nhân bà. Nghĩ đi rồi nghĩ lại, có lúc bà đâm nghi ngờ và ôm mối sợ hãi. Có đúng thế không? Trường hợp của cha mẹ bà thì sao? Có bao giờ bà nghĩ đến trường hợp cha mẹ bà lại có thể bị đầu tố? Cái buổi tối cha mẹ bà bị lôi ra trước đám đông dưới ánh lửa lập lòe của những ngọn đuốc, quần quai dưới trận mưa đá và gạch của dân làng... Những hình ảnh khủng khiếp đã từng xảy đến cho bà một lần, liệu có bao giờ xảy đến lần nữa? Không thể nào có chuyện đó, bà tự trấn an, có lẽ trước kia bà đã không ăn chay, niệm Phật, không bố thí đủ, nên mới gặp cảnh khổ như thế. Bây giờ bà đã hết lòng với ông bà, với Trời, với Phật thì chẳng lẽ Ông Bà, Trời Phật không có mắt, lại bỏ bà, hơn nữa bà cũng tin tưởng những chuyện thương tâm không thể cứ mãi xảy đến cho một người. Hằng đêm bà tiếp tục cầu nguyện. Ngày rằm bà đi chùa, ăn chay cầu cho con bà tai qua nạn khỏi, cho chiến tranh chấm dứt trước khi con trai bà đến tuổi quân dịch.

Chiến tranh mãi vẫn không

chịu chấm dứt. Con bà đã bước vào tuổi quân dịch. Bà nghĩ đến chuyện cho con trốn lính. Nhưng trốn bằng cách nào đây? Nghĩ để mà nghĩ chứ thực lòng bà biết nó đâu chịu trốn chui trốn nhủi, để rồi sống không ra sống. Thằng con vào lính rồi, bà lại cầu cho nó được ở lại thành phố dù thấy mình không phải, vì nếu ai cũng như bà thì lấy ai đánh giặc, và quân Việt cộng ở ngoài Bắc tràn vào thì chạy đâu bây giờ? Biết thế, nhưng mẹ nào không thương con, mẹ nào lại chẳng sợ mất đi đứa con yêu dấu của mình? Thôi thì chỉ còn biết cầu nguyện Trời Phật độ trì cho gia đình bà.

Đứa con nhìn bà cười:

- Mẹ à! Lỡ đi lính thì phải cho ra lính. Muốn yếu xù thà trốn lính còn hơn.

- Nhưng con phải nghĩ đến mẹ và các em chứ? - Mặt bà đầm chiêu - Mà này, bây giờ có cách gì đổi sang binh chủng khác không?

- Đã đăng vào binh chủng nào thì phải chịu. Mẹ sao khéo lo. Binh chủng nào cũng thế, con người có số cả.

- Biết thế, nhưng mình tránh đạn, chứ làm sao đạn biết tránh mình. Mà chừng nào con ra đơn vị?

- Con chưa đi ngay. Còn được ở Sài Gòn này lâu. - Mặt thằng con rạng rỡ.

- Thật hả? - Bà cười, bứt căng thẳng - Bao lâu vậy con? Có cách gì mẹ lo cho con ở lại Sài Gòn luôn không? à này, mày thay đồ nghỉ ngơi đi, để mẹ nấu cơm cho ăn.

- Con đã ăn ở ngoài rồi. Lo sao nổi mà lo hả mẹ? Vả lại lính Thủy Quân Lục Chiến thì phải ra trận, ai lại ở thành phố bao giờ! - Người lính nhìn xuống nét mặt lo lắng của bà mẹ thấp hơn anh cả cái đầu, chợt nghĩ đến câu nói vô

ý của mình vừa rồi, anh vội trấn an mẹ. - Số con đặc biệt lắm không dễ chết đâu. Mẹ coi đó, trong mấy ngàn tân binh mà họ chọn có mình con.

- Mày nói gì mẹ chẳng hiểu. Họ chọn mày để làm gì mới được chứ?

- Họ cho con ở lại đây làm người mẫu cho người ta tạc tượng. Chừng nào tượng tạc xong thì mới phải ra đơn vị.

- Tượng gì thế hả con? Họ tạc bao lâu mới xong?

- Con nghe nói là tượng để đặt ở Nghĩa Trang Quân Đội. Con còn ở lại đây cả năm trời lận.

Chưa kịp nghĩ nên lòng bà chợt reo vui. Như vậy là bà còn được gần con trong một thời gian nữa. Bà không cần biết tượng được đặt ở đâu và đó là tượng gì, tại sao phải tạc. Chỉ biết là con bà chưa phải ra trận và biết đâu chừng, tượng tạc xong đôi bên hưu chiến và chiến tranh sẽ chấm dứt, hoặc một phép lạ nào đó, con bà sẽ tiếp tục được ở Sài Gòn.

Bà nhìn tướng tá cao lớn của thằng con trong bộ đồ lính rằn ri của quân chủng Thủy Quân Lục Chiến. Bà đến gần đưa tay chạm vào bắp tay rắn chắc của nó rồi ngược nhìn lên khuôn mặt tuấn tú giờ đã sạm nắng, bà mang cảm giác băng kuàng khác lạ. Đứa con thật gần mà như thật xa. Vốn là phần máu thịt của bà và bà thấy nó là của bà, nhưng có một cái gì đó làm bà có cảm tưởng nó không hẳn thuộc về bà mà thuộc về một cái gì đó hơn bà. Tại sao giữa hàng ngàn tân binh trong quân trường Quang Trung người ta không chọn ai lại chọn ngay nó để tạc tượng, nhất định bà phải có được một đứa con thật đặc biệt. Nhưng tại sao tượng đó lại đặt trước nghĩa trang? Bà chợt nghĩ đến cái huân. Nhiều người tin như vậy. Lòng bà nhóm lên chút

sợ hãi.

Con bà cứ hàng ngày đi đi về về. Bà gần như quên bằng nỗi lo một ngày đó con trai mình phải ra đơn vị. Bây giờ trong đầu bà toàn những câu chuyện thằng con kể về những ngày nó ngồi làm mẫu để được người ta tạc tượng. Bà nhớ vanh vách những chi tiết liên quan đến bức tượng. Người nặn tượng con bà là nhà điêu khắc Nguyễn Thanh Thu, tượng sẽ được đúc bằng đồng, và có thể cao đến năm mươi thước. Bệ đá để bức tượng cũng sẽ cao độ ba mươi thước. Mỗi lần kể chuyện này với mấy bà bạn và thấy vẻ trầm trồ xuýt xoa của họ bà không khỏi thầm hãnh diện. Làm sao mà bà không hãnh diện cho được khi trong cả nước chỉ một mình con bà được ngồi làm mẫu cho bức tượng vĩ đại để mỗi lần ngắm bức tượng, người ta phải nghĩ đến con bà.

- Mẹ, tượng xong rồi, ngày mai con phải ra đơn vị. - Tại sao? - Bà hốt hoảng.

Thằng con cười xoa:

- Ai chẳng phải đi. Con thế là may, người ta đã đi hết rồi!

Nỗi lo sợ tràn ngập tâm trí bà. Có lý nào người mẫu của bức tượng vĩ đại như vậy không được đối xử một cách đặc biệt? Tình mẫu tử của bà nồng nàn biết bao nhiêu, tại sao không đủ cảm chân con bà? Còn ít tiền trong túi, bà tất tả chạy ra chợ, bà muốn làm điều gì đó cho đứa con thân yêu ngày mai phải ra đi. Thằng đó thích ăn thịt kho tiêu, những hạt tiêu xay nát vừa phải, được rắc lên những miếng thịt heo xắt mỏng kho trong nước màu nâu đậm. Bà rắc tiêu thật nhiều bởi nó thích như vậy, những miếng thịt vừa mặn, vừa cay được ăn với những hạt cơm trắng và nóng. Bà cẩn thận xắt từng miếng thịt. Cẩn thận thắng nước màu.

Cẩn thận quay đều cần trục của chiếc máy xay tiêu để những hạt tiêu được rót đều trên nồi thịt kho. Tình yêu thương của bà như thế đó, nó gói ghém vào nồi thịt kho có chất nước sền sệt, vừa mặn mặn, ngọt ngọt, cay cay. Ngày nó còn ở trong quân trường, tuy cực khổ, nhưng bà được dịp thăm nuôi nó hay cuối tuần nó được phép về nhà và bà lại có dịp trở tài kho thịt cho con. Còn bây giờ thì nó sắp thật sự xa bà, rồi đây lấy ai kho thịt cho nó ăn!

- Bà ơi! Cỏ sạch hết ở ngôi mộ này rồi, bà còn muốn giẫy thêm năm mộ bên cạnh không?

Tiếng thằng nhỏ làm bà sực tỉnh. Thằng nhỏ chỉ độ mười một, mười hai tuổi là cùng. Lần đầu gặp nó, bà đã sợ nó không đủ sức giúp bà làm sạch cỏ một năm mộ, nói gì đến chuyện sơn phết hay làm sạch đến năm mộ thứ hai, thứ ba. Nào ngờ thằng nhỏ siêng năng dữ, chừng như rất quen thuộc với công việc giẫy cỏ mộ. Bà gặt đầu bảo nó làm sạch và làm kỹ thêm ngôi mộ thứ tư.

Mỗi ngày nó đều đi vòng vòng quanh khu nghĩa trang thê lương, tàn tạ này. Nó quanh quẩn ở đó để chờ đợi. Người đến viếng tuy vắng, nhưng đó là chút ánh sáng hy vọng giúp cho cuộc đời nó đỡ khổ. Bây giờ gặp bà cụ này, nó thấy cuộc đời nó thật sự đang gặp cơ may. Nó ngược lên liếc mắt về phía bà cụ.

Nhớ hôm đầu tiên, khi chiếc xe ôm vừa ngừng lại trước khu nghĩa trang, bà bước xuống trả tiền cước xe và dặn dò anh phu xe khoảng xế trưa thì trở lại đón. Vừa bước đi được mấy bước tiến vào khu nghĩa trang thì thằng nhỏ tay cầm chiếc cuốc đã lẻo đẻo theo sau với giọng Bắc lờ lợ của nó.

- Bà đi giẫy mộ phải không?

Con giẫy lẹ lắm, bà muốn con nhé?

Trước khi đến đây bà có nghĩ đến sức lực giới hạn của một bà già nên nghĩ đến việc mượn người và có ý lo không biết tìm người ở đâu để mượn. Nào ngờ chuyện mượn được người lại đến dễ dàng như vậy, có điều trông tướng tá loắt choắt của thằng nhỏ, bà không mấy tin tưởng vào sức lực của nó. Tuy nhiên thà có một thằng nhỏ như nó bên cạnh còn hơn chỉ một mình lủi thủi nhỏ cỏ với đôi bàn tay không, và có lẽ suốt ngày bà cũng không thể nào hoàn tất việc làm sạch đầu chỉ một năm mộ. Đến chừng nhìn cách giẫy cỏ của thằng nhỏ thì bà thấy ý tưởng về thằng nhỏ lúc ban đầu hoàn toàn sai lầm. Những nhát cuốc của nó lao vào đám cỏ tranh hết sức thành thạo. Thằng nhỏ bảo bà cứ ngồi nghỉ để một mình nó làm, nó dám đoan chắc với bà, một ngày mình nó giẫy vài ba năm mộ như chơi. Nhìn thằng nhỏ làm việc, bà biết nó có lý nhưng đầu làm được ít hay nhiều, bà muốn chính bà phải có công trong việc làm sạch năm mộ; không phải một năm mộ mà nhiều năm mộ. Nhìn những nhát cuốc của thằng nhỏ bổ sầm sập vào đám cỏ, nhìn dáng dấp nhỏ thó của nó, bà tự hỏi không biết thằng bé còn chịu đựng với bà được bao ngày nữa? Thuở thằng con lớn của bà còn nhỏ, nhà bà cũng nghèo, tuy không đủ sức cho nó học hết trung học, nhưng nó cũng không phải cực khổ như thế này. Rồi cái chết của nó. Rồi năm bảy năm. Rồi thằng kế vượt biên. Xứ người ta có khác. Một mình thằng này xoay sở, bảo lãnh được cho cả nhà. Tất cả các con bà đều khá, mấy đứa lớn có đứa mở tiệm, có đứa học được nghề giỏi đi làm được khá tiền, mấy đứa nhỏ tiếp tục học hành, đều ra trường cả.

Còn thằng nhỏ này, từng tuổi này đã phải làm những công việc quá sức như thế, bỗng dưng lòng bà dâng lên mối xót thương.

- Này cháu, nghỉ uống nước cho khoẻ rồi hãy làm tiếp.

- Cháu chưa mệt, để cháu làm nốt chỗ này đã.

Thằng nhỏ ngừng cuốc ngược lên nhìn bà cụ.

- Mệt thì cứ việc nghỉ nhé cháu. Cứ từ từ, còn dưỡng sức vì bà cần cháu nhiều ngày nữa.

Thằng bé vừa ngẩng đầu đủ nói tiếng vâng, lại cắm đầu xuống cuốc mạnh vào đám cỏ còn đầy đặc bao quanh ngôi mộ. Lòng nó mừng khắp khối nghĩ đến những đồng tiền và thấy số nó sao may mắn, chỉ cầu cho công an đừng làm khó dễ mà thôi.

Vừa dứt lời, bà lần trong túi xách mang theo bên mình lấy ra hai gói xôi, chục quả trứng và bốn quả cam, cùng bó nhang khá lớn. "Chỉ tiếc là mình không còn đủ sức để mang thêm", bà lầm thầm trong miệng. Rút ra vài cây nhang, bà nhìn tấm mộ bia đã bị ai đó đập phá làm tấm ảnh của người chết chỉ còn những chấm đen trắng, chẳng còn hình thù rõ nét. Lòng bà thấy nhói, nhớ đến bức hình của thằng con nằm trên đầu chiếc quan tài nhẹ hồng được phủ lá cờ vàng ba sọc đỏ, bên cạnh đó là những nén hương và những ngọn nến màu đỏ với ánh sáng leo lét. Mà không, bà nhớ lại thời gian trước đó nữa. Những ngày tháng chờ đợi và những lời cầu nguyện cho con được bình an.

Bức tượng con bà nghe nói đã được dựng lên đâu ngoài xa lộ Biên Hòa. Bà muốn xem bức tượng tròn méo như thế nào, nhưng tối ngày cứ quanh quẩn trong nhà lo cơm nước cho cả gia đình, chẳng đi tới đâu là đâu cả. Bà hy vọng ngày nào đó thằng

con về phép sẽ dắt bà đến xem bức tượng một lần cho biết. Bà đếm từng ngày, từng giờ. Tháng thứ nhất qua đi, bà nhận được bức thư của thằng con gửi về với cái địa chỉ ở đâu bà cũng không biết, chỉ thấy nơi đâu bì thư có mấy chữ KBC. Trong thư nó không nói đang thật sự ở đâu. Chỉ vắn tắt cho biết là vẫn bình an và bảo với bà đừng lo vì lớn rồi nó biết lo thân. Con viết như vậy, nhưng làm mẹ, làm sao bà yên tâm cho được. Bà cố suy nghĩ, không biết KBC là ở đâu, cuối cùng bà đoán K có lẽ là Kontum, nhưng còn B còn C thì bà chịu, hết đoán ra. Từ trước đến giờ trong nhà đâu ai đi lính để gửi những bức thư như thế này. Bà đi hỏi người chung quanh, cuối cùng thì biết K không phải là Kontum mà có thể là Pleiku, là Quảng Ngãi, Bình Định hay bất cứ nơi nào của bốn vùng chiến thuật.

Nỗi lo của bà đã biến thành sự thật. Con bà không bao giờ còn dịp trở về để đưa bà đi xem bức tượng. Bởi đứa con trai của bà bây giờ là tượng và tượng chính là đứa

con thân yêu của bà. Xác của nó không có dịp trở về với bà. Người ta xác nhận con bà đập trúng mìn, thân xác nó chỉ còn là những mảnh vụn bầy nhầy. Xác nó đã nhập vào đất, vào sông, núi, cây, cỏ; hồn nó không thể nhập vào xác, bà tin hồn con bà đã thật sự nhập vào bức tượng.

Cuối cùng bà cũng được dịp nhìn thấy bức tượng. Chiếc quan tài với ít da thịt của con bà chiếm một chỗ trong nghĩa trang. Mộ nó trông giống như bao nhiêu năm mộ khác. Có điều lúc bà nhìn chiếc bệ với tượng con bà được đặt ngồi bên trên, bà nghĩ chính nơi đây mới thật là nấm mộ của con bà. Trông bức tượng không khác xương thịt của đứa con trai. Nét mặt cứng rắn mà khoan hoà. Thân thể đầy nhựa sống đang ngồi trong tư thế nghỉ ngơi với khẩu súng đặt trên đùi. Hai tay nó đặt trên súng, mắt nhìn vào một chân trời xa xăm nào đó thật bình an mà bà chắc chắn không có những hận thù, chém giết. Mỗi lần nhớ con, bà lại leo lên xe lam đến nghĩa trang nhìn ngắm bức

tượng và cảm thấy được an ủi. Lắm lúc bà có cảm tưởng không phải chỉ mình linh hồn của con bà nhập vào tượng mà chừng như hàng ngàn linh hồn đã thật sự hoà nhập vào đó. Mỗi lần bà đứng bên mộ con thấp nhang, cảm giác mất con lại dâng lên và lại khiến bà sụt sùi thương nhớ con. Ngược lại, đứng trước bức tượng nguyện cầu, cảm giác mất mát đó dường như biến mất, dường như con bà còn lẩn quẩn đâu đây, đang vỗ về an ủi bà. Những lúc ấy, dường như không phải chỉ một linh hồn của đứa con trai yêu dấu mà là hàng ngàn các linh hồn của những thanh niên chết trẻ đã cùng trở về an ủi những người mẹ như bà.

Có hàng loạt bài báo viết về bức tượng. Cả nước biết đến con bà. Ngày hôm nay có bài báo viết về sự linh thiêng của bức tượng. Lối xóm gần khu nghĩa trang cho biết đã nhìn thấy bức tượng, hay chính thật là con bà, cao lêu khêu, tay cầm nón sắt đi vào trong xóm xin nước. Bà lật đặt nấu nước pha trà cúng con, rồi mang theo nước và nhang đèn tất tả leo lên chiếc xe lam đến cúng mộ con và cúng trước bức tượng. Hết tờ báo này viết về đứa con của bà, đến tờ báo khác. Hôm nay thì một tờ báo đoán chắc là nhiều người nhìn thấy con bà đứng đây vờn vai. Bà tin những câu chuyện như thế có thật. Người bị thương ở trận mạc bao giờ cũng bị mất máu, bởi thế nếu con bà hay những linh hồn nơi những nấm mộ bị khát nước phải đi xin nước cũng là chuyện rất thường. Còn những bài báo, bà mua về đọc xong cất ra để dành, giờ nào rảnh lại mang ra đọc tiếp.

Bà không theo đạo nào, ngoại trừ cúng giỗ người chết. Linh hồn của những người thân sẽ theo phù trợ gia đình. Người chết nuôi người sống. Người sống phải có

những bông tuyết đầu mùa

Tuyết rơi
Và tuyết rơi rơi
Ghi dấu chân người qua lại
Dọc ngang những nẻo đường oan trái
Anh tìm hoài không thấy dấu chân em.
Những bông tuyết đầu tiên
Cùng mùa Đông đến vội!
Lững lơ bay giữa trời phơi phới
Như niềm vui
Không đọng giữa tay người
Niềm vui đọng giữa lòng người
Nở thành hoa rực rỡ ... đáng em xưa!

minh đạo



bốn phận biết ơn người chết. Bà tin tưởng tất cả những điều đó. Theo bà, ngày nào người chết không được đối xử tử tế, ngày đó người sống không thể làm ăn khá giả. Những nấm mồ ở nghĩa trang này bị tàn phá như thế, bị bỏ phế như thế, hèn gì lúc ở Mỹ, bà nghe nói nước Việt Nam là nước nghèo nhất thế giới. Suy đoán ra bà thấy điều đó cũng phải. Chưa kể ông bà mình còn nói “đoàn kết thì sống, chia rẽ thì chết”, đối với người chết mà còn tạo ra sự chia rẽ, thì người sống không thể hợp tác để xây dựng đất nước.

Thằng nhỏ ngừng cuộc, mở nút chai nước mang theo ngựa cổ ực từng ngụm, trong lúc quay về hướng bà cụ, nó thấy bà lộ rõ nét mệt mỏi. Thằng bé tính mở miệng hỏi mối liên hệ giữa bà cụ với người nằm dưới mộ, nhưng nghĩ lại thấy không nên, sợ gây mối thương tâm. Ngay như người bố dựng nó đã qua đời trước năm 75, mẹ nó cũng đâu bao giờ kể chi tiết về cái chết của ông. Đối với ông là người trong nhà mẹ nó còn thế, huống gì với bà cụ vốn là người dung, hơn nữa nó chỉ là người đi làm công lấy tiền, bà cụ trả tiền nó cuộc đất, không trả tiền để trò chuyện. Hơn nữa nó sợ bị hiểu lầm là làm biếng muốn kiếm chuyện nói để đỡ làm việc, nhớ bà cụ đâm ghét không thèm mướn nó nữa.

Đã qua ngày thứ tư, bà và thằng nhỏ gặp nhau quanh những nấm mồ. Hôm nay thằng nhỏ thấy bà cụ ra chiều mệt mỏi rõ rệt. Trời nắng chang chang thế này mà ngày nào cũng lên đây nó còn thấy mệt huống gì bà cụ. Gần chục ngôi mộ đã được làm sạch, được sơn phết lại, tuy không đẹp bằng những ngôi mộ nơi bố dựng nó nằm, nhưng so với lúc

đầu thì đã tươi tắn gấp bội. Xong ngôi mộ nào bà cụ cũng cúi vái, cũng thăm thì nói chuyện thì sự tò mò ở nó đã lên cao độ.

- Bà ơi! Trời nóng quá, bà dùng miếng nước nhé!

Thằng bé đưa đầy, đầu đã biết trước câu trả lời của bà cụ.

- Cháu cứ uống, bà có mang nước của bà rồi.

Bà cụ ngược mặt lên nhìn thằng nhỏ mặt đang đỏ gay vì nắng rồi nghĩ thầm, thằng nhỏ thật giỏi và thật tốt, không có nó thì mình không cách gì làm nổi, hôm nay phải cho nó thêm tiền.

- Sao bà liên hệ với nhiều người ở đây thế?

Nó hỏi thật nhanh, như sợ nếu không hỏi sẽ chẳng còn cơ hội để hỏi.

Bà suy nghĩ không biết phải trả lời thế nào để cho thằng nhỏ hiểu. Ngập ngừng trong chốc lát, rồi bảo:

- Tất cả là con của bà.... bà xem tất cả như con...

Khuôn mặt thằng bé vẫn còn lộ rõ thắc mắc. Nói thế nào cho nó hiểu nhỉ? Có nói có lẽ chẳng bao giờ nó hiểu. Lòng bà đau vì cái chết của thằng con. Lòng bà đau vì nấm mồ của thằng con giờ đã bị đào phá, vĩnh viễn không còn được yên nghỉ nơi nghĩa trang này. Lòng bà đau vì hình ảnh con bà ngày nào trên bệ giờ cũng nát tan mãi mãi không còn được ngồi bình yên nơi chiếc bệ. Con bà và những người nằm đây đã làm gì nên tội? Họ bảo con bà mang nợ máu với nhân dân. Ai nợ ai? Họ còn sống, con bà chết. Họ bảo con bà mang tội ác vì đã chống lại nhân dân. Ai mang tội với ai? Chính họ vào đây tìm giết con bà. Trong đời sao có thứ người ăn nói ngược ngạo đến thế, thứ người vừa ăn cướp vừa la làng. Họ bảo con bà là kẻ thù của nhân dân. Ai thù ai? Cha mẹ bà bị họ giết. Con

bà bị họ giết. Con của biết bao nhiêu người mẹ bị họ giết. Con của bà bị đào mồ xới mả. Con của biết bao nhiêu bà mẹ bị họ bỏ tù. Con của hàng triệu bà mẹ như bà đã phải sống dở chết dở với cảnh đói khát. Con của hàng triệu triệu những bà mẹ như bà đã bị lừa đi kinh tế mới, bị chết nơi rừng thẳm. Rồi vụ Trần Trường và lá cờ máu. Bà muốn tìm bình yên trong lòng. Bà muốn tìm sự an bình cho những đứa con còn lại. Bà muốn quên tất cả để xây lại tương lai cho những đứa con còn sống. Bà đã bỏ chạy xa đến một nửa vòng trái đất. Bà đã thu người thật nhỏ giữa cộng đồng người ngoại quốc to lớn. Vượt thắng nỗi cô đơn. Vượt thắng nỗi nhớ nước. Vượt thắng nỗi nhớ nhà. Chỉ mong đời sống ngắn ngủi còn lại được nhìn những đứa con đứa cháu nhớn nhỡ lớn, nhớn nhỡ cấp sách đến trường, nhớn nhỡ xây dựng tương lai. Tại sao họ không để bà yên? Tại sao họ còn muốn rượt đuổi? Nửa vòng trái đất chưa đủ xa hay sao? Bà suy nghĩ. Bà thắc mắc. Bà tự đặt câu hỏi. Từ đó hình ảnh cũ sống dậy. Bà đau. Bà giận. Lòng giận lòng đau của bà lây lan sang những người trẻ. Lòng giận của những bà mẹ như bà tràn ngập cả khu Sài Gòn Nhỏ. Bà đã đến đó mấy chục ngày đêm. Bà bỏ công, bà bỏ của, bà giờ cao ngọn cờ, bà giờ cao ngọn nến. Hằng đêm, hằng ngày những bà mẹ như bà tràn ngập khu Bolsa. Trần Trường phải thua. Hồ Chí Minh phải thua. Sài Gòn Nhỏ là của bà, của những người mẹ như bà dành cho sự yên lành, dành cho sự tự do cho những đứa con còn lại. Sài Gòn Nhỏ là niềm tin trong hiện tại. Sài Gòn Nhỏ là niềm tin ở tương lai. Bà phải duy trì niềm tin này. Các bà mẹ như bà không bao giờ có quyền đánh

mất niềm tin tưởng đã mất nay được vun quén trở lại.

Lá cờ máu biến mất. Trần Trường cũng biến mất khỏi Sài Gòn Nhỏ. Nghe nói những đứa con của ông ta nheo nhóc. Nghe nói ông ta sắp bị nhốt tù. Bà lại thấy tội nghiệp. Bà lại thấy mùi lòng như bao lần bà đã mùi lòng. Bà lại muốn tha thứ như bao lần bà đã tha thứ.

Những đồng tiền của bà đóng góp. Những đô la Mỹ được mấy chục ngàn người đóng góp với mục đích dùng nó để đền bù cho những người bị thiệt hại và đền ơn cho những người từng chịu đựng gian khổ trong cuộc đấu tranh. Thế mà người ta đành lòng dùng số tiền đó để tậu building, làm tài sản riêng phục vụ cho bước đường công danh của một vài kẻ cơ hội. Rõ ràng bà đã bị phản bội...

Ngày tháng qua nhanh. Tóc bà trắng xoá. Chân bà bước chậm. Tay bà run rẩy. Nhưng nỗi buồn rầu, tức tối, giận dữ vẫn tiếp tục ứ đầy trong từng ý nghĩ, trong từng hơi thở. Rồi làm sao bà yên lòng nhắm mắt. Trán bà hằn thêm nhiều vết nhăn vì sự suy nghĩ.

Thằng nhỏ vẫn còn ngược nhìn bà như chờ đợi câu trả lời rõ ràng hơn thế. Bà chậm rãi hỏi nó:

- Cháu từng ghét ai bao giờ chưa?

- Có. Cháu bị thằng bạn chơi ăn giựt, suýt nó ra.

- Vậy cháu còn muốn chơi với nó nữa không?

- Muốn, nhưng nó phải ngưng ăn giựt của cháu.

- Bà cũng thế. Cũng bị người ta quít. Bà chờ đợi người ta trả lại những món nợ đó cho bà, chờ từ lúc bà còn bé như cháu cho đến giờ đầu tóc đã bạc cũng chẳng ai chịu trả. Bây giờ trải qua hàng bao nhiêu năm học hỏi, tìm tòi mới nghiệm được là người tham

thì chỉ muốn vợ thêm, không bao giờ chịu nhả, và như thế mình sẽ không bao giờ lấy lại được những thứ đã mất. Muốn lấy lại, mình chỉ còn cách tự ra công sức để tìm lại, có thể mới hết ghét người đã ăn quít mình. - Bà cụ nhìn thằng nhỏ cười, - Cháu biết bà tìm bằng cách nào không?

- Không.

Mặt thằng bé lộ vẻ ngơ ngác.

- Phải tìm cách xây dựng. Chỉ có sự xây dựng mới tạo được cái đẹp. Con người sẽ quên đi giận, hờn, đau khổ nếu được bao quanh bởi cái đẹp. Cháu còn nhỏ, cháu đủ thì giờ để làm một điều gì đó giúp cháu nguôi ngoai sự giận dữ đối với thằng bạn ăn quít cháu. Bà già rồi, trước khi bước sang bên kia thế giới, nợ ai bà muốn trả, ai nợ bà muốn đòi; không trả được cách này bà tìm cách khác để trả, không đòi được con nợ, bà phải tự tìm cách xoá nợ, có thể lòng bà mới thanh thản tìm về chỗ vĩnh hằng.

Câu hỏi của nó thật đơn giản là những người nằm dưới mộ liên quan thế nào với bà cụ. Câu hỏi chỉ có thế mà bà lại trả lời vòng vo, hỏi một đằng trả lời một nẻo, chẳng hiểu thế nào cả. Có lẽ già rồi nên bà cụ trở nên lảm cẩm. Nghĩ đến số tiền công lớn lao sẽ nhận được vào buổi chiều, nó lật đặt trở lại ngôi mộ đang cuộc dở dang, bỏ nhanh những nhát cuốc vào đám cỏ rậm rạp.

Thằng nhỏ đi rồi, bà cầm nửa bó nhang chia làm bốn, bật diêm đốt cháy rồi cắm những cây nhang vào đầu ngôi mộ vừa mới làm sạch, chừa lại một ít rồi sang mấy ngôi mộ đã được làm sạch vào mấy hôm trước cắm vài nén vào đầu những bia mộ rồi ngồi xuống lâm râm khấn vái.

Nắng gắt, và trời không có lấy một ngọn gió, bà thấy người bà

chùng như nóng hơn và thấy nhói nơi lồng ngực. Ngược mặt về hướng thằng nhỏ, bóng thằng nhỏ chỉ còn mấy nét chấm phá mờ...

*

* *

- Bà ơi bà! Bà sao thế?

Thằng nhỏ cuốc thêm được một lúc, ngược mặt lên bỗng thấy bà cụ đang nằm sóng xoài trên mặt đất, lật đật bỏ cuộc chạy lại lay người bà cụ và thấy người bà cụ cứng đờ.

Ý nghĩ bà cụ đã chết làm nó hốt hoảng, lật đật đứng dậy bỏ chạy. Chạy được một quãng, nghĩ sao lại vội vã quay lại lục chiếc túi bà cụ mang theo, rồi soát nhanh nơi người bà cụ. Không thấy giấy tờ gì, ngoài xấp tiền Việt Nam và xấp đồng đô với con số một trăm rớt ra. Mất nó sáng lên lật đật nhặt những đồng đô và xấp tiền Việt nhét vội vào túi quần, nghĩ sao lấy một nửa xấp đồng Việt bỏ trở lại túi bà cụ rồi lật đật chạy.

Nhưng thế nào công an cũng biết nó đã ở đây với bà cụ, đầu nó làm nhanh một con tính. Hay là báo với công an rồi mặc cho công an làm gì đó thì làm. Nó thấy hình như nó đang ăn quít bà cụ. Hay là đưa những đồng tiền cho mẹ, cho mẹ nó biết về cái chết của bà cụ. Có thể mẹ nó sẽ nhận đại bà cụ là bà con, có thể không ai còn dám gièm pha việc nó làm có giúp bà cụ và biết đâu chẳng xin được phép chôn bà cụ. Nghĩ đến những đồng tiền đang nằm trong túi. Chôn cất xong cho bà cụ vẫn còn dư khối tiền. Chẳng cần chôn đâu xa, cứ chôn bà ngay đây cho tiện, như thế con cháu bà cũng dễ tìm. Yên lòng với ý nghĩ đơn giản đó trong đầu, thằng bé lật đật chạy nhanh về hướng có những căn nhà lụp sụp nằm bên phải khu nghĩa trang. ●

Người Hầu Bàn Tốt Bụng

Trần Chính Trực



Dù rất bận rộn phục vụ thực khách của cái nhà hàng trong khách sạn Tứ Hải này, nhưng Phượng Liên lúc nào cũng không rời mắt khỏi cái bàn trống khuất trong góc tường. Trông nàng như lo âu điều gì, và cũng vì quá chú tâm mà Phượng Liên chút nữa đã đánh đổ đồ ăn xuống sàn. Cô quản lý nhìn Phượng Liên dò hỏi: - Có chuyện gì mà phải lo ra như thế?

- Bà Bội Lan - Phượng Liên trả lời, mắt vẫn không rời cái bàn trống - đã hơn nửa tiếng rồi mà chưa thấy bà ấy tới. Không biết có chuyện gì xảy ra...

- Thôi, hơi đâu mà lo cho cái bà già ấy! - người quản lý gạt ngang - thế nào bà ta cũng tới mà!

Tuy vậy Phượng Liên vẫn áy náy, cặp lông mày nhíu lại làm lộ các nếp nhăn trên vầng trán lấm tấm mồ hôi. Mười phút sau, bà Bội Lan xuất hiện nơi ngưỡng cửa.

Bà Bội Lan, dáng người mảnh khảnh, nét mặt lạnh lùng, điểm thêm vào đó hàng loạt lớp nhăn tạo cho khuôn mặt bà như một thây ma. Không ai biết chính xác bà bao nhiêu tuổi nhưng Phượng Liên biết bà ta rất già, có lẽ cũng phải chín mươi là ít.

- Chào bà Bội Lan. Bà hôm nay có khỏe không?

Phượng Liên tươi cười, hai tay tựa trên bàn, miệng ghé sát tai bà Bội Lan:

- Tôi đang lo không biết có gì trục trặc mà không thấy bà đến. Nhưng thôi, bây giờ bà ăn gì? Vẫn như thường lệ nhé?

- ừ, ừ, vẫn như thường lệ.

Vừa nói bà jào vừa dùng hai bàn tay run rẩy mở rộng tấm khăn ăn.

- Bà có chắc trong người vẫn thường chứ? Nếu có đau yếu gì thì nhớ cho con biết nghe!

Phượng Liên giọng quan tâm.

- À, thì trong người cũng thấy khó chịu chút đỉnh - Bà Bội Lan mỉm cười - nhưng bây giờ thì khỏe rồi.

- Sao bà không kêu bác sĩ? Con thấy bà có hơi yếu đó nghen..

- Hừ! Bác sĩ! Ta không muốn nghe nói đến chữ bác sĩ. Đã hơn ba mươi năm nay ta không biết bác sĩ là gì, kể từ ngày cái ông bác sĩ Thất Tài nói là ta sẽ chết trong vài vài tuần lễ... - Bà vỗ nhẹ lên tay PL - nhưng cảm ơn con đã lo cho ta, Phượng Liên. Thật là hiếm có được một người như con biết lo cho người khác.

Phượng Liên xúc động, nước mắt rơm rớm. Nàng quay lưng đi vào bếp lấy thức ăn cho bà Bội Lan. Thật ra, trong tám năm bà ăn ở cái nhà hàng này, thực đơn không hề thay đổi một chút nào: một ly nước cam, hai bát cơm, một đĩa thịt thái mỏng, một tô canh và một bình trà nóng.

Phượng Liên bày thức ăn trên bàn, giúp bà Bội Lan cắt nhỏ các miếng thịt, dù nó cũng đã được cắt thật nhỏ rồi. Trong những năm gần đây, từ ngày sức mạnh của hai bàn tay bà lão giảm sút, nàng vẫn giúp bà trong các bữa ăn.

- Con là một người con gái tốt.

Giọng bà nhỏ nhẹ, mắt bà theo dõi các cử chỉ lanh lẹ của Phượng Liên.

Nàng bật cười:

- Bà ơi. Con năm nay cũng đã hơn bốn mươi rồi, chứ đâu còn là con nít nữa. À, mà bà có cần thêm cái gì nữa không để con đi lấy?

- Không, mọi thứ đều đủ rồi. Nay Phượng Liên, hôm nay con có dư chút thì giờ không. Ta có một chuyện muốn nói với con.

- Dạ, chắc được. Vậy bà chờ con nghe.

Đến mười giờ thì nhà hàng đóng cửa. Phượng Liên kéo ghế ngồi xuống cạnh bà Bội Lan.

- Sao, bà có gì muốn nói với con hôm nay?

- Ta muốn nói chuyện về con.

- Về con? - Phượng Liên bật cười, tay vuốt mái tóc còn vương mùi thức ăn - Con thì đâu có gì mà cần phải nói.

- Ta muốn biết con có hài lòng với cuộc sống bây giờ không? À, còn cái cậu em mà con thường hay nhắc đến độ này ra sao?

- Cuộc sống của con thì chả có gì thay đổi, vẫn ngày ngày đi làm. Còn cậu Mạnh thì vẫn trông coi cái tiệm thuốc tây nhỏ, lợi tức chẳng được bao nhiêu, nhưng nói chung thì hai chúng con cũng đủ sống. Không có gì phải than phiền.

- Con nói vậy chứ, qua mấy lần nói chuyện trước với con, ta thấy con vẫn thương và có vẻ lo cho cậu em nhiều lắm, phải không?

- Dạ... dù sao cậu ấy cũng là em út trong nhà. Cha mẹ chúng con mất sớm, chúng con phải tự lập. Cậu ấy còn ham chơi lắm, chắc bà cũng biết.

- Dĩ nhiên! - Bà lão húng hắng ho.

- Bà cần thêm nước? Phượng Liên ân cần.

- Thôi, không cần con ơi. Hôm nay ta muốn nói với con một chuyện khá quan trọng. Chẳng qua những ngày gần đây, ta cảm thấy trong người không được khỏe, có lẽ vì tuổi già. Mà già rồi thì phải chết và cái chết xảy đến lúc nào thì chẳng ai hay. Nghĩ đến cái chết thì ai chẳng sợ, nhưng nếu chúng ta làm được một việc gì hữu ích trước khi chết để khi mất đi thì cũng chẳng hối hận cho lắm.

- Không, bà trông còn khỏe lắm, bà không chết đâu.

Phượng Liên an ủi

- Mà con có biết ta định nói cái gì không?

- Không, thưa bà.

- Ta nói về tiền. Con có bao giờ nghe người ta gọi ta là bà goá phụ triệu phú hay không? Ta, từ nhỏ đã thừa hưởng một gia tài cũng tạm gọi là khá, kèm thêm đó ông chồng của ta cũng thuộc loại giàu có, đến khi ông mất đi, ông để thêm cho ta một số vốn cũng không nhỏ lắm. Ta có một đứa cháu gái ở xa nhưng đã từ lâu, nó chả màng thăm hỏi gì đến ta, nên ta đã coi nó như người xa lạ. Nay thấy con là người tốt bụng, nên ta muốn giúp con.

- Giúp con?

Phượng Liên cắt ngang, vẻ mặt nửa ngờ ngàng, nửa ngờ vực.

- Đúng. Trong vài năm gần đây, con là người duy nhất chăm sóc ta tận tình. Ta ghi ơn con nhiều lắm, do đó mỗi đêm ta suy nghĩ phải làm gì để giúp con và cậu em của con. Tháng trước, ta đã ra văn phòng luật sư cho tên của con vào trong di chúc của ta. Đến ngày ta ra đi, con sẽ rời nơi này và sẽ dùng số tiền đó mà tạo dựng cuộc đời mới.

- Nhưng bà... bà không cần phải làm thế. - Phượng Liên đáp ứng - Con cũng tiếp bà như mọi người khác thôi. Thấy ai cần thêm thì con giúp thêm như bà vậy!

- Nhưng ta muốn như thế. Tiền của ta càng ngày càng sinh lời. Nhờ nó mà ta có một cuộc sống khá sung túc. Nay ta muốn con cũng được sung sướng như ta vậy.

Sau một hơi dài, bà BL bỗng ho sù sụ như khó thở. Bà lấy tay ôm ngực, mắt nhắm lại.

- Bà ơi, bà ơi... bà có sao không? Phượng Liên run sợ.

- Không sao đâu. Rồi cũng sẽ qua. Ta bị chứng này đều đều mà, riết rồi cũng quen. - Bà lão mở đôi mắt nhìn cô hầu bàn, tiếp - Nay con, chắc ta không còn sống được bao lâu nữa vì gần đây ta cứ mơ mẹ ta về dẫn ta đi chơi. À, mà con

có tin vào giấc mơ hay không?

- Thưa bà con không biết...

Về đến nhà thì Phượng Liên đã thấy Mạnh đang nằm dài trên ghế bành coi truyền hình, tay cầm miếng bánh mì.

- Cậu về hồi nào vậy?

- Cũng hơn một tiếng rồi.

Mạnh âm ừ trả lời, mắt vẫn dính vào khung ảnh máy truyền hình.

- Trời ơi, cậu làm ăn thế mà làm sao sống nổi. Cậu không nhớ ba vẫn thường dặn là sau mười giờ đêm khách người ta mới đến nhiều, bộ cậu quên rồi sao?

Phượng Liên dẫn giọng.

Mạnh ngồi im không trả lời. Phượng Liên nhìn em mà như không thể tin rằng Mạnh cũng đã ba mươi lăm tuổi rồi.

- À cậu Mạnh này, tôi có cái tin này muốn cho cậu biết...

- Tin gì vậy? Chắc chị bị đuổi sở rồi phải không? Mạnh chế giễu.

- Đừng có nói bậy. Cái tin này hấp dẫn lắm, mà nó cũng có liên quan đến cậu nữa đấy.

Đến đây, Mạnh vận nhỏ tiếng trong đài truyền hình rồi quay qua nhìn chị.

Phượng Liên kể lại cho em nghe về cuộc nói chuyện với bà Bội Lan tối nay. Mạnh chăm chú lắng nghe, không hề ngắt lời. Khi Phượng Liên chấm dứt, khuôn mặt của Mạnh thừ ra, chàng đuổi người nằm hụp trong cái ghế bành, thỉnh lặng.

- Chị ước đoán gia tài bà ấy có độ bao nhiêu? - Tiếng của Mạnh như phát ra từ trong cơn mơ - Máy chục triệu không?

- Chị không biết. Chả ai biết rõ lợi tức của bà từ đâu đến. Chỉ biết là chồng bà là chủ một công ty lớn, khi mất đi để lại cho bà một số vốn. Chắc bà dùng số tiền này kinh doanh và trở nên giàu

tự do

Ta mơ một dòng sông
Êm đêm con nước chảy
Hai bên đục và trong
Vẫn là nguồn dịu ngọt

Ta múc dòng nước mát
Uống từng ngụm no đầy
Không thấy gì đói khát
Hạnh phúc là chốn đây.

Ta mơ một cánh rừng
Tự tay ta hái quả
Muôn đời rừng thủy chung
Với suối nguồn hoa lá.

Ta gom bầy thú hoang
Nghe chim trời kể chuyện
Trên đời này vẫn còn
Người giết người tranh sống.

Loài người nói với nhau
Có bao giờ hiểu nghĩa
Người chỉ biết chôn nhau
Cho con trùng rúc rĩa.

Diễm phúc thay loài thú
Chúng lại hiểu được nhau
Sống hoà bình đoàn lũ
Tự do theo nhu cầu.



Ôi! Tự do! Tự do!
Không là điều bí mật
Sao người giấu Tự do
Đìm nhau cho đến chết!

Người ơi! Xin hãy nhớ
Con người là Tự do
Đừng coi nhau nô lệ
Xin đừng gieo oán thù...

lê hữu minh toán

có. Tuy vậy, mấy tháng gần đây chị cũng nhận thấy sức khoẻ của bà ấy yếu đi nhiều lắm...

- Phải chi bà ấy chết sớm thì chúng ta khoẻ biết mấy! Mạnh buột miệng.

- Cậu đừng nói vậy không nên!
- Phượng Liên trách em - Chúng ta tránh đừng nên quở bà ta như vậy. Hãy đợi đến khi nào bà ta ra đi rồi chúng ta mới nên bận tâm về vấn đề tiền bạc.

- Hừ, chờ cho đến bà già đó ra đi...

Mạnh lâu bầu, với tay tắt máy truyền hình, đứng dậy bước ra ngoài đường...

Hai tháng trời trôi qua, bà Bội Lan vẫn đến quán ăn Tứ Hải. Thời giờ cũng thất thường, lâu lâu lại vắng một ngày, nhưng lúc nào bà cũng ngồi đúng cái bàn do Phượng Liên hầu tiếp. Có một điều là bà yếu đi nhiều đến nỗi người quản lý nói đùa là có một ngày nào đó bà ta gục chết trên bàn ăn thì không biết phải làm sao. Điều này không làm cho Phượng Liên quan tâm nhiều lắm. Trái lại nàng chăm sóc bà ta kỹ lưỡng hơn. Nàng chịu khó cắt vụn các miếng thịt, dút cho bà từng miếng cơm. Sở dĩ nàng làm như vậy một phần vì nàng vốn đã thường làm nhưng

kể từ cái hôm bà lão nói chuyện với nàng thì nàng thấy cần phải chiều bà lão hơn. Nàng không thấy hổ thẹn hay tội lỗi vì nàng nghĩ giờ đây nàng phải có trách nhiệm không những cho riêng mình mà còn cho Mạnh nữa.

Một tháng nữa trôi qua. Bà Bội Lan vẫn còn đó tuy có yếu hơn. Cái câu hỏi "tại sao bà này vẫn chưa chết" bắt đầu nhúm lên trong lòng Phượng Liên. Khi ý tưởng này mới nhú lên, nàng gạt ngay đi nhưng rồi nó trở nên dai dẳng và lớn dần.

Bà Bội Lan không chết. Mỗi đêm, ngọn lửa sống trong thân hình gầy gò của người đàn bà gần như tắt rụi thì bất thành linh nó lại phụt cháy trở lại. Có một lần bà ngất xỉu trên bàn ăn, đúng như sự lo sợ của người quản lý, nhưng rồi bà lại tỉnh lại. Rồi có một tuần lễ, vì bà quá yếu nên Phượng Liên phải đem đồ ăn lên phòng cho bà.

Cứ mỗi lần mang đồ ăn lên, trong lòng Phượng Liên lại hy vọng một bữa nào đó, khi mở cửa phòng của bà ra, nàng sẽ không nghe tiếng nói hay hơi thở của bà già này nữa.

Oái oăm thay. Bà Bội Lan vẫn cứ sống. Xuân qua, hè tới. Bà lão tuy có yếu hơn nhưng vẫn còn cử động. Mùa đông lạnh giá tưởng đã giết chết các ông, bà lão lớn tuổi nhưng chả làm gì được bà Bội Lan. Hàng đêm, bà vẫn có mặt tại cái bàn cuối góc.

- Chị Phượng Liên này. Tôi chán cái cảnh chờ đợi này lắm rồi. Sao cái bà già đó sống dai quá vậy?

- Cậu đừng nói thế! Phượng Liên chận ngang.

- Thôi chị ơi. Bây giờ không những chán mà chị còn bắt đầu ghét cái bà già sống dai như đĩa đó rồi chứ gì?

- Ghét? Cậu nói cái gì vậy?

Tôi vẫn còn thương bà ta lắm chứ.

- Phải. Đó là chị tự nhủ lòng mình mà thôi! - Mạnh bật cười - Cứ nhìn cử chỉ, nhìn hành động của chị tôi cũng biết thừa là tình cảm của chị đối với bà ta nay đã khác. Có phải bà ấy đang gây khó khăn cho chị phải không?

- Đừng có nói tầm bậy.

Phượng Liên nạt nhưng không nhìn mặt Mạnh. Hắn nói đúng. Gần đây quả bà ta có gây khó khăn cho nàng nhiều hơn. Bà Bội Lan bắt đầu đòi hỏi nhiều thứ không tưởng, chê bai đồ ăn không ngon, kết tội nàng không tiếp đãi tử tế. Nàng cho đó là một điều tự nhiên vì người lớn tuổi và đau yếu nào cũng khó khăn như vậy.

- Cứ nhìn mặt chị là tôi biết chị mỗi ngày mỗi ghét bà già đó. Chị thắc mắc tại sao bà ta sống dai quá vậy, phải không?

- Thôi, tôi không muốn nghe cậu nữa.

Phượng Liên gạt ngang.

- Đã tám tháng rồi, - Mạnh tiếp tục - Cứ theo đà này chắc bà ta sẽ sống đến một trăm!

- Nhưng... nhưng bà ta bệnh quá mà... - Phượng Liên cãi.

- Thế tại sao bà ta không chết?

- Cậu Mạnh!

- Nếu bà ta chưa chịu đi thì tại sao chúng ta không giúp bà một tay, chị nghĩ sao?

Tiếng Mạnh đều đều. Phượng Liên giật mình quay nhìn Mạnh. Khuôn mặt Mạnh lúc này thật bình thản. Các câu nói như đã được sửa soạn trong tâm trí của hắn từ lâu rồi, nay mới có dịp thoát ra. Nàng choáng váng không trả lời.

- Cũng dễ thôi! - Mạnh tiếp - Chúng ta không làm gì sai lầm cả vì chúng ta giúp một người lớn tuổi, đang chịu đựng sự đau đớn của bệnh tật, ra đi một cách thoải mái. Chị có thể làm được việc này mà.

những nụ cười

Tôi gom lại những nụ cười
Nụ cười thơ ấu, nụ cười hồn nhiên
Tôi gom những nụ cười duyên
Của người thiếu nữ mắt huyền như mơ.

Tôi gom nụ cười mùa xưa
Ngoại cười hóm hém vui đùa cháu ngoại
Tôi gom nụ cười hân hoan
Mẹ hiền vuốt tóc thương con dịu dàng.

Tôi gom những sợi nắng vàng
Mùa xuân tuổi trẻ thênh thang biển trời.
Tôi gom tất cả nụ cười
Vườn nhân gian đẹp tình người thủy chung.

Nụ cười từ ái bao dung
Nụ cười của Ngoại, sáng dòng thơ tôi
Ơi những nụ cười tuyệt vời
Nụ cười làm đẹp cuộc đời, như thơ...

tuệ nga



- Cậu Mạnh! Tôi không muốn nghe nữa!

Phượng Liên gào lên, hai tay bịt tai, mắt nhắm nghiền.

- Dễ lắm. Chị làm được mà. Nếu cần, tôi sẽ giúp một tay - Tiếng Mạnh đều đều - Mọi người ai cũng biết là bà ta yếu quá, có thể chết bất cứ lúc nào và cũng chả ai thắc mắc tại sao bà ấy chết.

- Im đi!

Phượng Liên rú lên.

- Và chị có biết ta làm cách nào không? - Tiếng Mạnh như giọt nước tiếp tục nhỏ - Bằng đồ ăn! Đồ ăn mà chị vẫn dọn cho bà ta hàng ngày đó. Bà ta chẳng bao giờ để ý tới, vả lại cái khẩu vị của bà ta cũng chả nhận ra sự khác biệt cơ mà. Mỗi đêm một ít thuốc bột, ngày này qua ngày kia, cho đến...

- Cậu điên rồi. Cậu này điên thật rồi!

- Chị nghĩ lại đi. Ở ngoài tiệm của tôi có đủ các thứ bột, khi nào cần chị cứ cho tôi biết. Với bà già yếu đuối đó, chắc cũng chả cần nhiều... Chúng ta chỉ làm công việc sát-nhân nhân-đạo mà thôi.

Phượng Liên lão đảo đứng lên bước ra khỏi phòng, đầu óc quay cuồng. Mạnh không buồn nhìn chị.

Một tháng nữa trôi qua. Mạnh cũng chẳng nhắc nhở gì đến cái đề nghị trong lần nói chuyện tháng trước. Phượng Liên chờ mãi không thấy Mạnh đề cập đến đành phải gọi ý:

- Tội nghiệp bà Bội Lan!

- Chị nói gì?

- Tôi nói tội nghiệp bà Bội Lan. Càng ngày bà ấy càng yếu, đi đứng không còn vững. Thấy bà đau yếu, nghĩ cũng thương, nay nghĩ lại, thấy cậu có lý. Về cái việc giết người nhân đạo...

Mạnh lặng thinh một lúc rồi mới lên tiếng:

- Được rồi, tối nay tôi sẽ đem một ít bột từ dược phòng về cho chị dùng.

- Ừ.

Phượng Liên nói như trong mơ, không hiểu mình nói gì.

Như thường lệ người đầu bếp bỏ một cành hoa nhỏ vào cái khay đồ ăn của bà Bội Lan trước khi trao cho Phượng Liên. Và cũng theo thói quen, nàng luôn luôn liếc sơ mâm đồ ăn dù cho các món ăn đã từ tám năm nay không có gì thay đổi. Nhưng hôm nay, trên đường ra bàn bà lão, nàng ngừng lại nơi góc khuất, len lén rút trong túi áo một túi giấy màu nâu nhạt, mở ra rồi nhẹ rắc một ít bột trên đĩa thịt.

Bà Bội Lan vẫn đánh vật với các món ăn như mọi ngày. Phượng Liên, trái lại, tuy vẻ mặt bề ngoài rất bình thản, nhưng hai tay nàng run cầm cập, phải giấu dưới tấm khăn tạp dề. Bữa ăn rồi cũng qua đi, bà lão đứng dậy ra về. Không có triệu chứng nào khác hơn mọi ngày.

Rồi ngày thứ hai, thứ ba và những ngày kế tiếp cứ theo nhau mà đi và bà Bội Lan vẫn chưa chết.

- Thật khó hiểu! - Mạnh thắc mắc - Chị thấy bà ấy thế nào? Có yếu đi, có ối mửa hay có bất cứ triệu chứng gì lạ không?

- Không, chả thấy có gì lạ, vả lại với con người ốm yếu như bà ta thì nếu có thay đổi gì thì cũng khó mà nhận ra được.

- Chị nói đúng. Thôi chúng ta cứ từ từ chờ đợi vậy.

Tối hôm sau, bà Bội Lan không đến. Phượng Liên lòng chột vui. Có lẽ bà này đã ra đi rồi. Nhưng cái vui của nàng chẳng kéo dài được lâu vì ngay ngày sau đó, bà lão lại có mặt nơi cái bàn trong góc. Bà cho biết là hôm

trước bà ngủ hơi quá giấc, đến lúc thức dậy thì đã quá nửa khuya nên nhin luôn cho đến sáng.

Thêm một tuần lễ nữa. Bà Bội Lan vẫn chưa chết.

- Nay cậu Mạnh. Cậu có chắc cái bột cậu đưa cho tôi là thuốc độc không?

Phượng Liên hỏi một cách mạnh dạn, không ngần ngại như các lần trước.

- Chắc mà. Tôi bảo đảm mà. Nếu vậy chắc chúng ta phải tăng lượng thuốc lên mới được. Với liều lớn thế nào ta cũng giúp bà ta đi sớm được.

Mạnh quả quyết.

- Nhiều lúc nhìn bà ta tôi tưởng là bà ấy không bao giờ chết, bà ấy là một người bất tử!

Phượng Liên giọng chán nản, bỏ cuộc.

- Không ai sống mãi đời đời được! - Mạnh gằn giọng - Tăng liều thuốc lên!

Từ đêm đó, số lượng thuốc càng ngày càng gia tăng trong mâm đồ ăn của bà Bội Lan. Lúc đầu Phượng Liên chỉ cho vào thức ăn nhưng bây giờ nàng đổ cả vào nước uống nữa.

Hai tuần lễ qua đi. Mười bốn bữa ăn với đầy thuốc độc. Bà BL vẫn chưa chết, trái lại bà ta trông có vẻ khoẻ hơn lên. Điều này làm Phượng Liên và cả Mạnh bắt đầu lo.

- Thuốc đã dùng liều tối đa mà không thấy tia hy vọng nào cho thấy là bà ta sắp ra đi. Chẳng may, nếu bà ta kéo dài cuộc sống này rồi đến một lúc nào đó bà ta thấy mình khoẻ mạnh, bà lại đổi ý, xóa tên của chị ra khỏi di chúc thì làm sao?

Mạnh hỏi chị.

- Chị không nghĩ bà ta sẽ làm như vậy.

Phượng Liên chống chế.

- Thôi chị ơi. Trên đời này cái gì cũng có thể xảy ra được.

Mạnh lớn tiếng.

- Nhưng chị sẽ không để bà ta làm như vậy! Cậu cứ tin đi.

Phượng Liên quả quyết.

Tối hôm đó, Phượng Liên đi làm với một thái độ mới, quyết liệt. Không còn nhân nhượng, ngại ngùng gì nữa. Lần này thì phải thành công.

Mười giờ tối mà bà Bội Lan vẫn chưa thấy tới. Phượng Liên sốt ruột hỏi người tiếp viên:

- Bà Bội Lan đâu, sao giờ này chưa thấy tới?

- Ai mà biết được. Chắc lại ngủ quên rồi chứ gì!

- Chắc tôi phải tìm bà ta. Để tôi gọi điện thoại lên phòng xem bà ta ra sao?

- Nhưng cô còn hai thực khách phải tiếp mà.

Phượng Liên như không nghe, miệng lầm bầm:

- Chắc bà ta đau nặng, chắc bà cần giúp...

- Thôi được rồi. Cô đi gọi điện thoại đi, để tôi tiếp hai người khách kia cho cô.

Người tiếp viên nhượng bộ.

Phượng Liên bước ra ngoài hành lang, nhắc điện thoại, gọi về phòng bà Bội Lan. Sau ba hồi chuông reo, tiếng bà Bội Lan trả lời từ đầu giây, giọng nhỏ nhẹ. Không, bà không đau yếu gì, chẳng qua là không thấy đói. Vậy bà có cần nàng đem chút gì lên không. Không, không cần thiết. Cuối cùng, thấy Phượng Liên năn nỉ quá, bà đồng ý để nàng đem lên cho bà một chút trà.

Phượng Liên vào bếp, đổ nước sôi vào ấm trà, tính bỏ thuốc vào nhưng lại thôi vì sự có mặt của người đầu bếp và cô tiếp viên.

Khi bước vào phòng bà lão, Phượng Liên đã nghe bà nói:

- Cám ơn con. Con thật là người tốt bụng. Hôm nay ta tự nhiên thấy lười không muốn

xuống nhà hàng. Và lại cũng không thấy đói lắm.

- Con hiểu.

Phượng Liên trả lời, quay lưng lại bà lão, đặt bình nước nóng xuống cái bàn cạnh cửa sổ. Nàng bỏ hai túi trà vào trong ấm nước rồi cho tay vào túi áo tạp dề định lấy ra gói thuốc. Nhưng túi áo trống trơn. Nàng đã bỏ quên gói thuốc!

- Con quên không mang cho ta đường?

Bà Bội Lan gượng đứng lên.

- Không! - Phượng Liên bỗng bực dọc - Tôi quên không mang đường cho bà hôm nay.

- Con biết ta không thể nào uống trà mà không có đường. Có thể nào con đi lấy cho ta được không?

- Mệt lắm, tôi không muốn đi. Bà rán uống một lần không có đường cũng được chứ sao?

Phượng Liên lớn tiếng.

- Không được! Không được! Từ nhỏ đến giờ ta chưa bao giờ uống trà mà không có đường. Con cũng biết thế. Đó là cái thói quen không bỏ được...

- Tôi không đi đâu! - Phượng Liên bật khóc - Bà có biết đời tôi chưa bao giờ tôi có được cái gì tôi muốn. Bà có hiểu không?

- Nhưng...

- Tôi đi làm ở đây là để sống còn. Bà nghĩ tôi muốn làm hầu bàn vì tôi yêu thích nghề đó hay sao. Bà nghĩ là cái nhà hàng này là nhà tôi và nghĩ là tôi yêu thích cái căn bếp mỡ màng, các chõng chén đĩa dờ dáy thêm vào đó một bà già khó tính...

Bà Bội Lan ngỡ ngàng:

- Con không nên nói đến ta như thế...

- Bà im đi! Tôi muốn nói gì về bà thì là quyền của tôi, bà biết không?

Miệng bà Bội Lan há hốc:

- Sao con tàn ác quá vậy? Ta

vẫn nghĩ con là người hiền lành. Nay nếu con nghĩ là ta chịu ngồi yên nghe con sỉ nhục thì con đã làm. Ta sẽ gọi luật sư xóa tên con trong bản di chúc...

Vừa nói bà lão vừa đưa tay ra với cái điện thoại.

- Bà chớ có đụng đến cái điện thoại đó!

Phượng Liên hét lớn, chồm đến hất tay bà lão.

- Hãy để yên cho ta...

- Tôi đã hơn bốn mươi tuổi, tương lai của tôi còn dài... bà không thể làm như thế được!

Phượng Liên gào lên. Nàng không màng đến ai nữa, óc nàng trống rỗng, không còn suy tính gì nữa. Nàng như một con thú điên, chồm tới, giơ hai tay bóp chặt vào cái cuống họng nhỏ bé của bà Bội Lan....

Hai hôm sau, Phượng Liên vẫn như ở trong mơ. Tất cả chẳng qua là nàng lo cho Mạnh quá nhiều và chính Mạnh là người đã xúi nàng đầu độc bà Bội Lan.

- Nhưng tại sao cô lại phải giết bà Bội Lan? Tại sao cô không chờ? Với một bà già đau yếu đó...

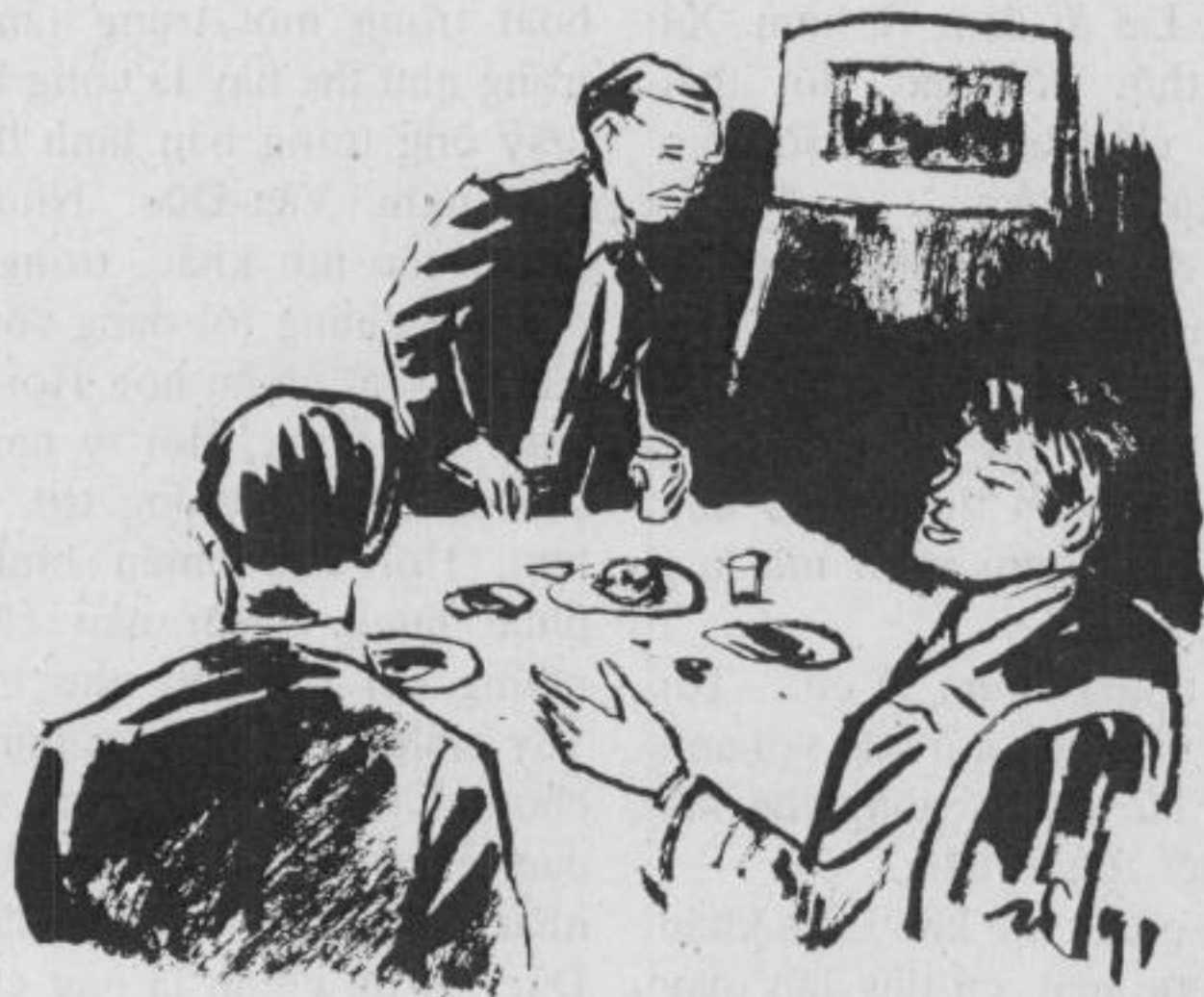
Người cảnh sát thẩm vấn hỏi

- Đau yếu! - Phượng Liên phá ra cười ngây dại - Hừ. Bà già ấy đâu có ốm...

- Tại cô không biết đó thôi, bà ấy đã bị ốm từ lâu. Trong lúc giáo nghiệm tử thi, bác sĩ thấy trong người bà có rất nhiều sán. Mà cô biết với cái tuổi chín mươi như bà Bội Lan đây thì sán lãi là một mối nguy hiểm đến sức khỏe của bà ta lắm. Nếu để yên chắc bà cũng đã chết vài tháng trước vì sán rồi. Nhưng sở dĩ bà ta sống lâu đến ngày nay là nhờ các liều thuốc độc có chứa chất arsenic mà cô cho bà ta mỗi ngày! Chất thuốc arsenic này đã giết chết các con sán trong người bà Bội Lan giúp bà ta khỏe mạnh lại!

Mấy Kỷ-Niệm Giáng-Sinh

Nguyễn Hoài Phương



Có một dạo tôi làm biên tập viên cho chương trình Việt ngữ của một đài phát thanh trong thành phố. Ngày ấy, như các sắc dân Nga, Thổ, Ý, Libanon... và một số quốc gia khác, người ta đều dành cho chương trình của chúng tôi mỗi tuần một giờ đồng hồ vào chiều thứ bảy.

Với những tay mơ đại loại như tôi, việc chuẩn bị cho sáu mươi phút phát thanh ấy thật chẳng ngon lành chút nào. Phải theo dõi báo chí, phải leo lên lưới, phải nghe ngóng các đài khác để nắm được những tin tức mới nhất xảy ra trong nước và các nơi khác trên thế giới. Để có được phần tin tức cộng đồng tương đối chính xác, kịp thời, chúng tôi phải lập một mạng lưới cộng tác viên ở nhiều

tiểu bang, nhiều vùng, lại cũng phải quan hệ với các vị lãnh đạo các tổ chức, hội đoàn khắp nước Đức... Mà đấy cũng mới chỉ được có mục thời sự. Còn những mục khác như ca nhạc, thể thao, tôn giáo, văn hóa văn nghệ nữa chứ, muốn người ta nghe không chối tai, mục nào cũng cần phải đầu tư thời gian và công sức thật là nhiều.

Tôi được ông trưởng ban biên tập giao cho phụ trách phần văn nghệ. Đấy là khoảng thời gian khoảng mười đến mười lăm phút cuối chương trình. Lúc các quý vị thính giả đã biết được một cách cơ bản rằng trong một tuần qua ở trong nước có những vụ tai nạn giao thông, cháy rừng, tham nhũng, móc ngoặc, lút lợi hoặc hạn hán

nào tiêu biểu, ở ngoài nước có những vụ máy bay hoặc tàu hỏa nào đâm nhau, nơi nào mới xảy ra nội chiến, đã biết rõ tỷ số của các trận then chốt trong các giải bóng đá, tennis hoặc bóng bàn, bóng rổ, đã nắm được thành tích của các vận động viên điền kinh, đã nếm thử một số món ăn, đã tìm hiểu thêm được vài ba phong tục lạ lùng của một dân tộc nào đó trên thế giới, đã biết được tối nay sẽ đi nhảy disco ở đâu..., nói chung là đã tương đối no nê đủ các loại thông tin thì đến tiết mục văn nghệ. Nhiệm vụ của tôi là cố gắng duy trì hưng phấn của thính giả đến tận cuối chương trình.

Tôi khoái nhất là trong tuần tự nhiên lại bắt cóc được một ông nhà thơ hoặc nhà văn nào đó đến tham quan thành phố. Ai mà chẳng biết đây là những người rất thích được một ai đó nói về mình. Không thì họ phải tự nói. Với được các vị, bao giờ tôi cũng phải tổ chức một buổi phỏng vấn. Đại để là: - Thưa anh, anh cầm bút viết văn từ bao giờ ạ? - Thưa anh, con đường nào đã dẫn anh đến với văn chương, đến với thi ca? - Thưa anh, tại sao anh lại chọn nghề cầm bút, một nghề lao lực, vất vả mà chẳng gặt hái gì nhiều? - Thưa anh, trong số các tác phẩm đã được phát hành, anh cảm thấy tâm đắc với tác phẩm nào nhất? - Thưa anh, nhân vật này nhân vật nọ có thật ở ngoài đời không? - Thưa anh,... vân vân... và... vân vân... tôi có thể đặt ra một ngàn linh một câu hỏi ngớ ngẩn cũng như không ngớ ngẩn nhất trong đời, để tất nhiên, cuối cùng bao giờ cũng đề nghị anh đọc cho thính giả của chương trình chúng tôi một số bài thơ hoặc một cái truyện ngắn tiêu biểu.

Tuy nhiên, những cơ hội bằng vàng như thế này không có nhiều. Không phải tuần nào cũng có con

mời tự đến nộp mạng. Vậy nên, thường là tôi phải tự lực cánh sinh. Phải bỏ ăn bỏ ngủ, nai lưng ra mà đọc, mà chọn. Phải chạy đến vất chân lên cổ mà tìm bài vở, tìm tài liệu. Không kể nguồn trong nước, thơ ca, trường ca, truyện ngắn, truyện dài, hồi ký, bút ký, tùy bút, phóng sự, ghi chép... trên các sách báo, tạp chí hải ngoại rất nhiều, nhưng vàng thau lẫn lộn, vậy nên, muốn chọn được một cái gì đó hay hay, tương đối hợp lỗ nhĩ của đại đa số thánh giả trong khu vực vẫn là cả một công việc hết sức khó khăn vất vả quá sức đối với tôi.

Tổng biên tập của chúng tôi là một gã tốt bụng, khá vui tính và cái chính là rất có trách nhiệm. Tuy nhiên hơn tôi đến ba bốn tuổi nhưng gã vẫn coi tôi như bạn bè. Gã gọi tôi là ông, xưng tôi và rất hay rủ tôi đi uống bia ở một cái quán rất gần trụ sở của đài.

Đôi khi, cứ như những tay nhà báo chính hiệu, bên cốc bia, thỉnh thoảng tôi với gã cũng mang chuyện dài dóm của mình ra bàn. Một lần, tôi phàn nàn:

- Anh có thấy là trong chương trình của mình, cánh biên tập làm ăn tương đối được. Bài vở có chọn lọc, phong phú, độc đáo, hấp dẫn. Cánh kỹ thuật cũng không đến nỗi nào... Chỉ có cánh phát thanh viên là hơi căng. Từ thời sự cho đến văn nghệ, mục nào cũng giống mục nào, quanh đi quẩn lại cũng chỉ có hai giọng đọc. Em e rằng nghe mãi người ta chán.

- Tôi thấy chứ, ông. - Gã đồng tình với tôi. - Ông phải biết, đôi lúc tôi còn lo là, nếu không may chúng nó có việc gì phải đi đâu đó, hay tự nhiên chúng nó lại lăn ra ốm, mất giọng thì không biết lấy ai ra mà thay vào. Mấy bà biên tập viên của mình thì giọng bà nào cũng the thé the thé như là uống giấm thanh, còn mấy ông

thì khăn khăn thuốc lá đá thuốc Lào.

Tôi thấy điều gã lo là có cơ sở. Hai vợ chồng con bé phát thanh viên của chương trình chúng tôi chỉ được cái giọng tốt chứ thể lực thì rất kém. Đứa nào cũng gầy lẳng nhằng, yếu như sậy. Chúng nó lại cùng đi làm ở một quán ăn. Mà quán Tàu thì tuần nào cũng phải sáu ngày. Ngày nào cũng ít nhất là mười hai mười ba tiếng đồng hồ. Lại đi đêm về hôm. Xứ sở này thời tiết thay đổi thất thường... chuyện cảm mạo, ốm đau dễ xảy ra lắm.

- Vấn đề gay gắt nhất của mình giai đoạn này là phát thanh viên. - Gã bảo tôi. - Phải tìm bằng được mấy đứa mới. Ông cố gắng giúp tôi nhé. Nếu tâm tía được ở đâu thì phải bằng mọi cách mà kéo chúng nó về.

- Tất nhiên là em sẽ cố. - Tôi nhận lời. - Nhưng nói thật với anh là nhiều lúc cũng cuống lên mà chẳng biết tìm ở đâu.

- Ông phải chịu khó la cà khắp nơi... Trước mắt, cứ thử đến mấy tụ điểm vui chơi giải trí, karaoke hay disco xem thế nào. Dù sao thì ở những chỗ đông người như vậy cũng dễ phát hiện nhân tài hơn.

Tôi đồng ý với gã. Và một hôm nhân nhận được một cái quảng cáo mời đồng bào quanh vùng đến dự buổi sinh hoạt văn nghệ mừng Giáng Sinh của một hội người Việt nhờ phát trên đài thì cơ hội đã đến với chúng tôi.

Dạ hội mừng Chúa Giáng Sinh được tổ chức ở một hội trường Nhà Văn Hóa thành phố khá rộng và đẹp ở ngay trung tâm. Nói cho thật thì nếu phải bỏ tiền quỹ ra thì chẳng hội đoàn nào dám thuê dù chỉ một gian của cái hội trường hiện đại này. Gì chứ một vài ngàn Mark là cái chắc. Tôi cũng đã từng đi dự dạ hội tết, dạ hội trung

thu... Trong những dịp này, dù rộng rãi lắm thì các vị trong ban tổ chức cũng chỉ dám thuê một cái quán Tàu khoảng trăm rưỡi đến hai trăm chỗ. Nghĩa là khoảng bốn hay năm trăm Mark một tối. Đàng này là cả một hội trường rộng mênh mông cả bảy tám trăm chỗ với đầy đủ các thiết bị ánh sáng, âm thanh rất hoàn hảo.

Chuyện thỉnh thoảng cộng đồng người Việt tại đây được sinh hoạt trong một trung tâm sang trọng như thế này là công lao của mấy ông trong ban lãnh đạo hội hữu nghị Việt-Đức. Như phần nhiều các nơi khác, trong thành phố mà chúng tôi đang sống đây cũng có rất nhiều hội. Hội ty nạn cộng sản vùng, Hội ty nạn cộng sản miền, Hội tương trợ, Hội ái hữu, Hội cựu chiến binh, Hội phục hưng... Hội nào cũng có những cái tên kêu như chuông. Tuy nhiên, trong số những ông chủ tịch hoặc thư ký trông hết sức đạo mạo và đáng kính ấy, duy nhất chỉ có một vị có vợ là người Đức. Vị đó chính là ông chủ tịch Hội hữu nghị Việt-Đức. Bà vợ ông này không phải là một người Đức bình thường mà có chân trong Hội đồng lãnh đạo thành phố và phụ trách ngành văn hóa. Tất nhiên, với cương vị này, bà ta có điều kiện giúp đỡ được ông chồng cùng cái hội của ông rất nhiều, và trong đó có cả việc sử dụng hội trường của Nhà Văn Hóa.

Hội trường được trang hoàng rất đẹp với trung điểm là một cây thông cao đến năm mét ở chính giữa. Một cây thông xanh biếc, thật trăm phần trăm và có lẽ mới được bứng ngoài rừng vào. Người ta đã kịp mắc, kịp treo vào các cành thông rất nhiều những bóng đèn nhỏ xíu đủ màu sắc, những băng giấy trang kim sáng lấp lánh cũng như những món quà nho nhỏ được bọc trong những gói giấy

màu...

Chương trình dạ hội dự định là sẽ khai mạc vào hồi tám giờ tối, nhưng mới bảy giờ số người tham dự đã rất đông. Bọn trẻ con đứa nào cũng háo hức chờ đến lúc được ông già Nicolau phát quà, còn người lớn, nhất là đám thanh niên trẻ trung thì hồi hộp chờ màn hát Karaoke và nhảy disco.

Tất nhiên là cả ban biên tập chương trình phát thanh Việt ngữ của chúng tôi phải có mặt trong buổi dạ hội này. Gã trưởng ban biên tập quán triệt:

- Bỏ qua một sinh hoạt quan trọng như thế này của cộng đồng thì thật là có lỗi với thính giả.

Gã phác qua một cái sườn cho anh em dựa theo đấy mà làm. Đại để: Phải ghi âm những giai điệu, những tiết mục văn nghệ đặc sắc. Thí dụ như các bài *Đêm Thánh Vô Cùng* của ban nhạc Cây Tre, bài *Mừng Chúa Ra Đời* của ban nhạc Ba Con Mèo, bài *Cây Thông Xanh* của Hội Trống Cơm chẳng hạn. Phải có một cuộc phỏng vấn nhỏ với ông chủ tịch hội cùng các vị khác trong ban tổ chức. Phải hỏi cảm xúc khi được tham dự dạ hội của mấy cháu bé, của một hai bậc phụ huynh và ba bốn cô cậu thanh niên. Gã cũng không quên nhắc tôi là phải phục xem có ông hoặc bà nhà thơ nhà văn nào bén mảng đến đây không. Nếu có thì phải tiếp cận ngay, vì ý kiến của những vị này rất giá trị, đôi khi gặp đến mấy người bình thường.

- Và... - Cuối cùng, gã nhấn mạnh. - Ông đặc biệt lưu ý cái khoản phát hiện phát thanh viên đấy nhé. Theo tôi, đây là một cơ hội hiếm lắm đấy. Chẳng gì thì tối nay, ở đất này có bao nhiêu trai tài gái sắc đều tụ tập về đây cả.

Người Việt, hình như cứ gặp nhau là phải ăn uống. Vậy nên, trong một dạ hội đông vui như thế

này, chuyện phục vụ ẩm thực cho các quý khách là một điều rất quan trọng đến mức được đưa vào chương trình nghị sự của ban tổ chức. Phải có đến ba bốn nhà hàng được mang đồ ăn, đồ uống của mình tới để bán ở đây. Ngoài bia, rượu và rất nhiều đồ uống khác, tôi thấy nhà hàng nào cũng dùng chiêu đặc biệt của mình để dụ khách. Đây là những món đặc sản. Vợ chồng ông Cương già có món lươn. Lươn bung với chuối xanh, cháo lươn, miến lươn, lẩu lươn. Chị em cô Lan Dương có món dê. Tiết canh dê, rượu pha máu dê, tái dê, chả dê. Anh em chú Quảng Béo có món lợn. Thịt lợn quay dòn, lòng lợn, tiết canh, chân giò luộc, giả cầy. Cô cháu bà Khuyên Tròn thì có mấy món đồ biển. Sò hấp, tôm luộc, hà nướng...

Trước giờ khai mạc dạ hội ít phút, tôi tóm được nữ thi sĩ có bút danh là Trúc Đào ở quầy bán đồ biển. Trên bàn, trước mặt chị là một đĩa hà vừa lấy trong lò ra còn bốc khói nghi ngút, một đĩa muối tiêu, mấy lát chanh tươi và một cốc rượu vang. Giữa lúc nữ sĩ đang măm mồm măm mồm lợi dùng dao ăn để cạy vỏ hà thì tôi cùng một gã kỹ thuật viên sắp đến:

- Chào chị Trúc Đào... - Sau khi nói mấy câu giới thiệu về cái đài của mình, tôi tiếp tục. - Nghe danh chị đã lâu nhưng mãi đến hôm nay anh em chúng tôi mới có dịp hân hạnh được tiếp xúc.

Tôi thấy hình như đã là thi sĩ thì bất kỳ là già trẻ, trai gái gì thì cũng phải đeo kính. Không kính cận, kính viễn thì cũng phải kính mát. Nữ sĩ đặt con hà đã bị mẻ hết mép xuống đĩa, ngẩng lên, dương đôi mắt kính to bự như kính bảo hiểm của thợ đá lên nhìn chúng tôi:

- Vâng. Tôi cũng rất hân hạnh được gặp gỡ các anh.

Nữ thi sĩ có giọng cao và chua như chanh, loại chỉ có thể trả lời một vài câu phỏng vấn chứ không bao giờ trở thành phát thanh viên được.

- Nhân dịp một Giáng Sinh và một năm mới nữa lại sắp đến, chương trình của chúng tôi muốn xin phỏng vấn chị một đôi điều. Rất mong chị vui lòng... - Tôi đặt vấn đề. Rồi không cần đợi bà chị với thân hình chẳng có tí trúc, tí đào nào có đồng ý hay không, tôi tiếp tục tấn công luôn. - Thưa chị, nếu có thể được xin chị cho thính giả của chương trình biết qua đôi nét về bản thân mình?

Nữ sĩ, hình như cũng đã có lần tiếp xúc với cánh báo chí hoặc phát thanh truyền hình ở chỗ khác rồi nên có vẻ khá tự nhiên:

- Lại phỏng vấn nữa hả? Thôi thì mình cứ nghĩ sao nói vậy rồi các bạn biên tập sau nhé. Câu nào không hay thì cắt đi... - Nữ sĩ lại cầm con hà sút mép lên. - Mình sinh ra ở vùng châu thổ sông Hồng, nơi có những bãi mía nương dâu xanh ngắt. Quê hương mình có nhiều đặc sản. Nhiều lắm. Nhưng có lẽ nổi tiếng nhất là những quả nhãn. Ngày trước, nhãn của quê mình được dùng để tiến vua đấy. Còn ngày nay, ngày của thời buổi kinh tế thị trường thì đến đâu có người Việt người ta cũng thấy có nhãn lồng. Không có nhãn tươi thì có nhãn sấy khô. Không sấy khô thì đóng hộp...

- Thưa chị... Đấy có phải là Hưng Yên không ạ?

Tôi cắt ngang vì không muốn sa đà vào món hàng đặc sản quá nhiều. Ngoài nhãn lồng ra, hình như cái vùng châu thổ sông Hồng kia còn có cả vải thiều nữa, cứ con cà con kê thì có mà hết đêm.

- Vâng, chúng ta cứ tạm gọi là Hưng Yên...

Nữ sĩ vừa đáp thì chợt phát hiện một cái khe nhỏ trên cái vỏ

hà xù xì. Giống hà, tuy cũng có hai vỏ như trai hoặc hến nhưng phát triển rất không đều. Nhiều khi, vỏ dưới rất to còn vỏ trên thì bé tí tẹo. Ai không biết hoặc không tinh mắt, cứ ở giữa mà chọc thì nhầm là cái chắc.

- Thưa chị... Ngọn gió nào đã đưa chị đến nước Đức?

Tôi hỏi tiếp lúc thấy con dao ăn của nữ sĩ đã thọc được vào trong ruột con hà.

- Không phải gió mà là cả một hành trình. - Nữ sĩ vừa đáp vừa xoay mạnh con dao làm hai nửa vỏ hà mở toang ra để lộ một thứ bầy nhầy, lệt sệt trắng như nước gạo gọi là thịt hoặc ruột hà. - Tôi đi thanh niên xung phong lúc đang học dở phổ thông... Sau đó, tôi được chuyển ngành vào làm ở nhà máy quốc phòng Z 141. Từ nhà máy này tôi được chọn đi lao động hợp tác ở Tiệp và từ Tiệp lại chạy sang Đức.

- Vàng đúng là một hành trình thật... Nhưng còn thi ca. Thưa chị, con đường nào đã dẫn chị đến với thi ca?

Tranh thủ lúc nữ sĩ rắc muối tiêu vào ruột hà, tôi hỏi thêm.

Nữ sĩ lấy miếng chanh vắt vào hỗn hợp muối tiêu và ruột hà:

- Thưa anh... Như tôi đã nói, ngoài chuyện là nơi sản sinh ra nhiều loại đặc sản, vùng quê nơi tôi sinh ra cũng còn là quê hương của ca dao, dân ca và nhiều nhà thơ nữa. Chắc anh cũng đã có lần nghe nhắc đến nhà thơ Bảo Tiến với những tập thơ như *Bão biển lòng ai*, *Một ngày vắng em*, *Hoa trên cồn cát*. Hoặc nhà thơ Minh Nguyệt với các tập thơ *Đường sang làng bên*, *Con sông ngày ấy*, *Sóng nhạc trào dâng*. Hay nhà thơ Quang Viễn với các tập thơ *Chân mây cuối trời*, *Mưa ơi đừng tanh*, *Một nhánh sông đời*... Cùng rất nhiều, rất nhiều các nhà thơ khác. Tôi yêu quê tôi, tôi yêu dân ca,

yêu ca dao, yêu thơ. Thơ thấm vào trí não, vào huyết mạch tôi, vào đến từng tế bào sâu kín nhất. Từng hơi thở của tôi cũng thấm đẫm hơi thơ và chuyện tôi biết làm thơ lúc nào thì chính tôi cũng chẳng còn nhớ nữa.

- Thưa chị... Chị có thể nhớ được là mình đã làm được bao nhiêu bài thơ không? Và đến thời điểm này, bao nhiêu tập thơ của chị đã được trình làng?

Nữ sĩ hớp một ngụm rượu vang, tôi tưởng tiếp theo chị sẽ húp hết số ruột hà đã rắc muối tiêu và vắt chanh. Nhưng không, chị chỉ nói:

- Về số bài thơ đã làm từ trước đến nay thì tôi không nhớ chính xác đâu. Nhưng chắc là vào khoảng trên dưới một ngàn năm trăm bài. Còn số tập thơ, không kể những tập in chung với các tác giả khác, riêng của mình, tính tới thời điểm này tôi đã cho ra mắt bạn đọc gần một chục tập.

- Thưa chị... Chị có thể kể cho thính giả biết tên một số tập được không ạ?

- Được anh ạ. Tôi nhớ là có các tập: *Tình theo gió bay*, *Tình không chờ ai*, *Chuyện tình còn dài*, *Mãi mãi tình yêu*, *Con đường tình chiều*, *Đường không tình yêu*, *Tình trong cô liêu*, *Ai ơi cuộc tình*, *Chạy đi tình ơi*, *Tình đừng đợi ai*... Vàng! Gần một chục tập.

- Một con số thật tròn trịa. Nhưng chắc vẫn chưa phải là số cuối cùng? Thưa chị... Nếu có thể được xin chị bật mí cho thính giả biết tên những thi phẩm sẽ phát hành trong những ngày tháng gần đây?

- Trong những năm tới tôi sẽ cố gắng để ra mắt bạn đọc một số tập thơ mới nữa. Thí dụ như các tập *Đường tình nào đây*, *Cuộc tình mãi mãi*, *Những cuộc tình xinh*, *Trăm năm cuộc tình*...

- Có người nói chị là một nhà thơ của tình yêu?

- Họ nói không sai. - Nữ sĩ lại hớp thêm một hớp vang nhưng vẫn chưa ăn hà. - Thế giới này, cuộc đời này sẽ ra sao nếu như không có tình yêu. Tình yêu rất cần. Đôi khi nó còn cần hơn cả nước để uống, cả không khí để thở... Tình yêu cũng rất quý. Quý hơn tiền, hơn vàng, hơn kim cương... Vàng. Quý lắm. Có thể nói là quý vô giá. Vì thế nên tôi nguyện suốt đời chỉ có viết về tình yêu. Vàng. Chỉ có tình yêu. Tình yêu muôn thuở.

Giống hà, như một số người có kinh nghiệm về khoản ăn uống nói là phải ăn nóng. Và đã mở ra là phải ăn ngay. Không thì sẽ rất tanh. Mặc dù đã bỏ muối tiêu và vắt chanh, nhưng tôi vẫn cảm thấy có mùi gợn gợn từ chỗ thìa ruột hà của nữ sĩ Trúc Đào thoảng sang. Để lâu hơn nữa, chắc chắn là nó sẽ chuyển mùi khác. Cảm thấy cuộc phỏng vấn đã đạt khoảng bảy tám mươi phần trăm, tôi nghĩ là cần phải kiếu để nữ sĩ còn giải quyết hậu quả. Tôi bèn ngỏ lời cảm ơn sự nhiệt thành của nữ sĩ và trước khi chào tạm biệt, tôi còn xin được thi tập mới nhất của bà với lời đề tặng tử tế, gọi là có chút kỷ niệm nhỏ đối với dài.

Công tìm được một giọng phát thanh viên mới thuộc về già trưởng ban biên tập chương trình của chúng tôi. Đêm lúc ấy đã khuya lắm. Bọn trẻ con, sau khi đã nhận được mỗi đứa một phần quà của ông già Nicolau đã đòi bố mẹ cho về nhà. Những đứa còn ở lại thì cũng đã ngủ lăn ngủ lóc trên những cái ghế được xếp lại ở góc nhà hoặc một chỗ khuất nào đó. Trong ánh đèn màu nhấp nháy, chớp chớp nhấp nháy liên tục và tiếng nhạc âm âm, tôi đang ngồi xem thiên hạ nhảy nhót thì cảm

thấy như có ai vỗ vỗ vào vai mình, lúc ngoảnh lại thì thấy đấy là gã. Gã ghé sát vào tai tôi:

- Ra ngoài này uống nước với tôi đi.

Tôi đứng dậy. Thì đi. Thực tâm mà nói thì tôi đã muốn về từ lúc nãy nhưng ngặt là không có ai chờ về và lúc này thì cũng muốn uống một chút gì đó cho đỡ buồn ngủ.

Chúng tôi đến một cái bàn ở góc phòng. Đã có một cô gái ngồi sẵn ở đó và trên bàn là mấy cốc cà phê. Gã trưởng ban biên tập kéo ghế cho tôi rồi giới thiệu từng người:

- Đây là Bình. - Gã chỉ cô gái.
- Bình là em gái của một ông bạn cùng lớp với mình ngày xưa.

- Bình không ra sân nhảy à? Ở ngoài kia, mọi người đang nhảy nhót sôi nổi lắm... - Tôi vừa ngồi xuống ghế vừa hỏi làm quen.

- Em không biết nhảy anh ạ.

- Lúc trước, hình như cũng không thấy Bình hát Karaoke?

- Vâng ạ. Vì em cũng chưa biết hát.

- Bình sang đây được lâu chưa?

- Em mới sang được hơn năm nay anh ạ.

- Sao Bình biết tối nay có dạ hội mà đến? Bình đi một mình à?

- Dạ không... Em đi cùng mấy đứa bạn cùng trại. Chắc mấy đứa đang nhảy ngoài kia.

Bình thật đẹp, dịu dàng và có giọng nói rất hay. Tôi nghĩ, gã trưởng ban biên tập mắt công gọi mình ra đây là có duyên cớ chứ chẳng phải để nói chuyện suông như thế này. Quả nhiên, gã lên tiếng:

- Tôi vừa nói qua với Bình về chương trình phát thanh Việt ngữ của chúng mình. Bình đã biết rằng chúng ta chỉ có hai phát thanh viên, rất thông cảm và đã đồng ý cộng tác với chúng ta rồi.

Được làm việc chung với một cô gái đẹp như thế này thì còn vui gì bằng, tôi thoáng nghĩ rồi nói luôn:

- Thế thì tốt quá. Bọn mình mong cơ hội này từ lâu lắm rồi.

- Tôi định nói thêm, cảm ơn Bình, song nghĩ như thế thì khách sáo quá nên lại thôi.

Gã trưởng ban biên tập lại tiếp:

- Trước mắt, Bình sẽ làm ở phần văn nghệ cùng với ông. Hai anh em ông bàn bạc với nhau, người chọn bài, người đọc sao cho thật hay vào.

Tôi nhìn Bình rồi nhìn gã:

- Em nghĩ là anh có thể yên tâm được. Chắc chắn là Bình sẽ đọc chẳng kém gì mấy cô phát thanh viên chuyên nghiệp của mấy cái đài to đùng đâu.

Bình có một cái gì đó rất lôi cuốn người ta. Trừ những khi có việc gì đột xuất, còn thường thì một tuần ban biên tập chương trình chúng tôi gặp nhau hai lần để bàn bạc, triển khai công việc và thu thanh. Nói cho thật thì tôi rất mong những ngày ấy chóng đến. Để được nhìn Bình, được thấy Bình cười, được nghe Bình kể một câu chuyện gì đó. Tôi đề nghị đặt cho Bình một cái tên kép là Bình Minh. Em đồng ý và cả ban biên tập ai cũng thấy cái tên ấy thật hay để từ đây buổi sinh hoạt nào của chúng tôi không khí cũng trong lành, mát mẻ và quang cảnh thì rực rỡ như bình minh.

Thời gian trôi đi thật nhanh. Tưởng như mới đó vậy mà thăm thoát một năm đã trôi qua. Một Giáng Sinh nữa lại đến. Cách đây ít ngày, tại nhà văn hóa ở trung tâm thành phố Hội Hữu Nghị Việt-Đức lại tổ chức một buổi lễ mừng Thiên Chúa ra đời. Nhưng trong buổi dạ hội này, mặc dù đã rất cố gắng, chúng tôi cũng vẫn

chẳng tìm được một thành viên mới nào. Trong khi đó nhu cầu cần tìm phát thanh viên của chúng tôi lại hết sức cấp bách. Chẳng biết vì lý do gì mà vợ chồng con bé vẫn đọc các chương trình cũ tự nhiên cứ nặng nề đòi thôi việc.

Chiều hôm Giáng Sinh, gã trưởng ban biên tập gọi điện thoại đến bảo muốn dẫn người yêu tới chơi. Có thể là tại gã quá kín đáo, nên mặc dù chơi với nhau khá thân tôi vẫn chẳng biết người yêu của gã là ai. Vậy nên, tôi hết sức bất ngờ khi sau tiếng chuông reo, mở cửa ra tôi thấy gã và Bình Minh dắt tay nhau đi vào. Họ đã kịp yêu nhau từ lúc nào. Tôi vô tình quá. Tôi không biết.

Gã trưởng ban biên tập nói với tôi rằng hai người chỉ ở chơi với tôi được đến sau bữa cơm chiều. Còn đêm thì họ đã có hẹn với ai đó mà tôi không biết.

Mặc dù ngày hôm ấy đã uống khá nhiều nhưng chẳng hiểu sao khi hai người đi rồi tôi vẫn cứ thấy tỉnh như sáo. Tôi lại lấy rượu ra uống tiếp và đã khuya lắm rồi mà vẫn chẳng thấy buồn ngủ tẹo nào. Hai mắt tôi cứ mở chong chong và vì thế mà tôi thấy tập thơ của nữ thi sĩ Trúc Đào tặng năm ngoái hãy còn nằm trên giá sách. Tôi lôi nó xuống và nhận thấy tập thơ mà nhiều trang còn chưa rọc hết đã bám đầy bụi. Hơn một năm rồi mà gần trăm bài thơ tình của Trúc Đào vẫn chưa được tôi đọc lấy một bài. Tôi cảm thấy có lỗi với người đàn bà ấy và đêm Giáng Sinh này tôi quyết tâm đi vào thế giới thơ của bà. Tôi đoán rằng Trúc Đào, rằng người đàn bà độc thân ấy, chắc đêm nay cũng không ngủ. Có lẽ ở đâu đó bà ta đang ngồi trằn trằn trước những tờ giấy trắng mong nặn ra một bài thơ tình mới cho những tập thơ tình mới.

Vợ chồng tôi có bảy đứa con, hai trai, năm gái. Nhưng chúng tôi chưa có cháu nội, chỉ có cháu ngoại, 4 đứa ở rất xa, chỉ có một đứa ở gần. Tên cháu là Hồng-Ngọc, trong nhà thường gọi là “Bé Ngọc”. Tôi nói về đứa cháu ngoại này.

Quê của vợ chồng tôi, miền Phú-Yên-Khánh-Hoà, có một câu tục ngữ, mới nghe thì thô, nhưng ngẫm kỹ, hết sức đúng: *Cút ai thơm mũi nấy*. Ý nói cái gì là của mình, thì xấu cũng thành đẹp, dở cũng thành hay, thúi cũng thành thơm. Đặc biệt, câu này thường được dùng để chỉ sự thiên ái của cha mẹ, ông bà đối với những đứa con nhỏ, cháu nhỏ của mình. Không có gì đáng khen, cũng khen. Chỉ đáng khen chút ít, lại khen hết lời. Thói thường là vậy, nên người ngoài cũng không ai nổi trách. Cùng lắm, cũng chỉ nhận xét bằng câu tục ngữ kia, rồi cười với nhau mà thôi.

Và tôi cũng không ngoại lệ. Bé Hồng-Ngọc của tôi xinh thật là xinh, lanh thật là lanh, giỏi thật là giỏi. Và còn nhiều thứ “thật là” nữa. Nhưng, xin trở lại kể từ đầu, để cho câu chuyện dễ hiểu.

Mẹ của Hồng-Ngọc tên là Hồng-Phi. Tên cả năm đứa con gái của tôi đều lót chữ “Hồng”. Trước khi tôi sinh Hồng-Phi mấy tháng, nhà tôi có nhận làm em kết nghĩa, một bác sĩ mới từ xa đổi đến phụ trách sản khoa tại bệnh viện địa phương. Người này hứa: Khi chị sinh, em sẽ đích thân đỡ cho. Và hỏi chúng tôi đã đặt tên cho cháu chưa. Vợ chồng tôi bảo chưa, thì người ấy đề nghị chúng tôi chọn sẵn nhiều tên, cả tên con trai lẫn tên con gái, xin phép được góp ý chọn lại, và nhận cháu bé làm con đỡ đầu. Đêm lâm bồn, được đưa tới bệnh viện khoảng 10 giờ đêm, nhưng mãi đến hơn 1 giờ sáng, tôi mới sinh. Trong khi chờ

Bé Hồng-Ngọc

Diên Khánh



đợi, tôi đi chậm chậm ngoài hành lang, nghe nhà tôi và người bác sĩ thảo luận về những nhân vật của Kim-Dung. Chợt tôi nghe người bác sĩ hỏi nhà tôi: Nếu cháu là con gái, đề nghị anh chọn cái tên Hồng-Phi này. Được không, anh? Nhà tôi đáp: Được. Lại hỏi: Nhưng Hồng-Phi nghĩa là gì? Nhà tôi cười to: Không hiểu nghĩa, sao chú lại chọn? Em đọc âm nghe hay hay, nên thấy thích. Nhà tôi giảng: “Phi” là “lụa”. Hồng-Phi là “lụa màu hồng”. Đó là sự tích cái tên của đứa con gái áp út của tôi, mẹ của bé Hồng-Ngọc bây giờ.

Nhưng cái tên Hồng-Ngọc thì không có sự tích gì. Mẹ “hồng”, thì con cũng “hồng”. Tuy nhiên, “ngọc” thì quý hơn “lụa”. Vợ chồng con gái tôi lý luận như thế, khi chọn tên cho con. Ngày nay, khoa thai sản tiến bộ, nên đứa bé chưa chào đời, cha mẹ đã biết nó là trai hay gái. Và trong lần thăm thai sau cùng, bác sĩ còn cho biết ngày sinh. Tin thì tin, nhưng hồi đó tôi vẫn cứ lo rằng cháu bé sẽ sinh đúng ngày Chúa ra đời. Theo tôi, người phạm mà như vậy thì không nên. Nhưng cuối cùng, Hồng-Ngọc chào đời trước Giáng-Sinh hai ngày, 23 tháng 12.

Phần trên là lời “dẫn nhập”. Sau đây, xin các bạn cho phép tôi được nói chuyện với cháu tôi, và các bạn nghe. Đây là những lời tôi đã trực tiếp nói với nó, dù biết có khi nó chỉ lắng nghe mà không hiểu. Bây giờ, tôi chép lại, để sau này lớn lên nó đọc, và sẽ hiểu. Tôi gọi nó là “con”, như hằng ngày tôi vẫn gọi.

Bé Ngọc của bà,

Con sinh ra vào một buổi chiều tuyết xuống trắng cả bầu trời Winnipeg. Như thế, con đã tập làm quen với cái thời tiết khắc nghiệt ở đây, ngay những giây phút đầu tiên của đời con. Từ nhiều ngày trước, ông bà ngoại đã

định, hễ con vừa sinh ra, thì ông bà ngoại sẽ có mặt ngay tại nhà bảo sinh để mừng con. Nhưng ông bà không làm được, vì ông bà bị cúm đã một tuần, bữa ấy vẫn chưa khỏi, sợ đến thì có thể lây bệnh cho con. Một tuần sau khi con và mẹ trở về nhà, ông bà mới gặp con được. Từ đó, là những ngày vui, những ngày “bà cháu” của con và bà.

Ngay sau khi khỏi cúm và nghĩ là không còn lây bệnh cho con nữa, bà liền sang bông con vào lòng, để nhìn kỹ coi con có giống mẹ con không. Bà đặc biệt chú ý đôi mắt của con, coi có to bằng, có nhiều mí bằng mắt của mẹ con khi mới sinh không. Mắt con không to, và chỉ có hai mí. Nhưng con cũng đẹp và dễ thương như mẹ con vậy. Từ đó, lúc nào không bận, bà lại sang bông con, ru con ngủ, hoặc nói chuyện cho con nghe. Bà nói với con đủ chuyện, như nói với người lớn, dù biết rằng con chỉ nghe mà không hiểu. Trước hết, bà nói về chuyện sinh nở của người đàn bà Việt-Nam. Bà nói như than thở cho bà, lại như chế cười mẹ con. Bà nói: Bé Ngọc ơi, con có biết khi bà ngoại sinh mẹ con và các cậu các dì của con, bà ngoại đã bị bà cố kèm cặp như thế nào không? Bà ngoại nằm sinh ở nhà bảo sinh Tây-y, uống thuốc và chích thuốc Tây, nhưng về nhà bà cố bắt bà ngoại phải “nằm lửa” và “hơ”. Cả những em bé sơ sinh là mẹ và các cậu các dì của con, cũng vậy. “Nằm lửa” là nằm giường trái chiếu trên giát, phía dưới ngang giữa lưng người nằm, có đặt một chậu lửa vùi tro để lấy hơi ấm. “Hơ” là dùng những cái khăn đã được hơ nóng trên chậu lửa có bỏ chất thơm, rồi đem đắp lên khắp mình người sản phụ. Riêng em bé, thì chú trọng đắp vào vùng bụng, và đôi mắt. Vừa hơ, vừa nắn bóp.

Con thử nghĩ, nếu nằm sinh nhằm mùa hè thì người sản phụ phải chịu biết bao nhiêu là nóng nực. Bây giờ, thì con chỉ được bà ngoại “hơ ấm” bằng đôi bàn tay thân ái của bà thôi. Bà ngoại lại còn bị bà cố không cho ăn canh, chỉ được ăn thịt kho rim với nhiều tiêu. Lý do là “mới sinh, ăn canh lỏng bông, không chắc người”. Phải chịu bao nhiêu “ràng buộc hạn chế” như thế, nhưng cuối cùng, bà ngoại cũng sinh và nuôi lớn đủ bảy người con, mà mẹ con là một.

Nãy giờ, con nghe bà ngoại nói như than thở, phải không? Thật ra, không phải. Con cứ so bà ngoại với mẹ con bây giờ thì biết. Con thấy hình như bà vui với cảnh chữa đẻ, mà mẹ con thì sợ, phải không? Bà không cảm thấy khổ cực khi sinh bảy người con, nhưng mẹ con chỉ mới có mình con, đã sợ sinh đẻ. Thực tình, về mặt này thì bà chê mẹ con, và chê cả những người đàn bà trẻ thời bây giờ.

Rồi đến ngày con tròn tháng. Theo ý ông bà ngoại, ba mẹ con nấu chè nấu xôi, và bày ở phòng khách một bàn thờ. Ba con hỏi ông ngoại: Cúng như thế nào, ba? Ông ngoại đáp: Được, con để ba cúng cho. Khi ông ngoại khấn, bà ngoại đứng sát bên cạnh, cố lắng nghe xem ông ngoại có khấn đủ “thập nhị ổn bà” (mười hai bà mẹ) hay không, nhưng ông ngoại khấn nhỏ quá, bà không nghe được gì cả. Giữa khi nhang đèn nghi ngút, người “care-taker” của tòa building gõ cửa để hỏi ba mẹ con điều gì, nhưng khi cửa mở, nhìn thấy bàn thờ, ông ta cúi đầu vái một vái, xin lỗi, rồi rút lui. Bà nhận thấy nét thành kính hiện rõ trong cung cách của ông ta. Ông ta là người Phi-Luật-Tân. Bà nghĩ là ở đây người ta tôn trọng tín ngưỡng và tôn giáo của người khác, người

ta không kỳ thị tôn giáo.

Lúc bấy giờ là đầu mùa đông, thành phố Winnipeg tuyết phủ trắng xóa. Chỗ con và ba mẹ ở và chỗ ông bà ngoại ở chỉ cách nhau một ngã đường, băng ngang chỉ mất chừng 5 phút. Nhưng ngoài trời rất lạnh, lạnh nhất là khi có gió. Hàn thử biểu có khi chỉ dưới 0 độ đến hơn 10 độ C. Nhưng những ngày có tuyết xuống, thì khí trời lại ấm hơn khi không có tuyết chút ít. Đường lại vương tuyết đọng. Nhưng từ khi có con, bà ngoại vẫn hằng ngày đội tuyết, đạp tuyết mà đi. Người ta nói xứ Canada đất lạnh tình nồng. Câu này đem áp dụng cho bà cháu mình, lại càng đúng. Đi trong tuyết, bên ngoài bà cũng cảm thấy lạnh, nhưng trong lòng bà ấm lắm, vì bà nghĩ đến lúc ôm con, nghĩ đến những chuyện sẽ nói với con.

Cứ thế, ngày lại ngày. Con đầy tháng, con bốn tuần, con năm tuần, con hai tháng, con ba tháng ... Ba mẹ con tính, và ông bà ngoại cũng tính. Tuần nào cũng cân con, tháng nào cũng đo con. Ai cũng trông thấy con nặng thêm và cao lên rất nhanh. Rồi con bắt đầu biết lật. Con lật lần đầu tiên khi không có bà bên cạnh, bà chỉ nghe mẹ con kể lại. Con gắng sức đến đỏ mặt đỏ mào. Lật qua được, con mệt quá, không ngóc đầu lên được, cứ úp mặt xuống nệm, mẹ con phải giúp con nằm ngửa trở lại. Nhưng chỉ vài phút sau, con lại lấy sức lật sấp nữa. Lần này thì gọn gàng hơn, và ngóc đầu được vài giây. Bà nghe mẹ con kể lại sự gắng sức đầu tiên của con mà cảm động. Bà ôm con vào lòng, khen: Bé Ngọc của bà giỏi quá, đã biết lật rồi. Con ngược mắt nhìn bà, miệng cười rất xinh. Con chỉ mới ba tháng mà đã giống phái nữ, thích được khen rồi đấy.

Ông bà mình thường nói: *Ba*

tháng biết lẫy, bảy tháng biết bò, chín tháng lò dò biết đi. “Lẫy” là lật. Người Bắc nói “lẫy”; người Trung, người Nam nói “lật”. Còn bò, thì ở đâu cũng nói là bò. Con biết bò sớm hơn câu tục ngữ kia đến 2 tháng. Chỉ mới 5 tháng con đã bắt đầu bò. Rồi chỉ trong vòng nửa tháng, con đã bò giỏi. Từ đầu giường này tới đầu giường kia, chỉ một thoáng là tới. Rồi cái giường trở nên quá ngắn đối với con, ba mẹ con lau sàn phòng khách thật sạch, để con tung hoành. Từ đó, ngủ thì thôi, chớ thức dậy là con đòi được đặt xuống sàn để bò. Bò mỗi, thì con ngồi lại nghỉ một lát, rồi lại bò nữa. Cung cách bò của con hào hứng, say mê lắm, vừa bò vừa cười. Có khi con cười thật to, cửa đóng mà đứng ngoài hành lang cũng nghe được. Những lần như thế, bà và mẹ con thường nhìn nhau, thầm hỏi: Có phải nó là con gái không?

Đến khoảng 6 tháng rưỡi, thì con bò đã nhanh. Từ đầu phòng này tới đầu kia trong, con chỉ cần 5 giây. Có lần ông ngoại trông thấy, khen: Con nhỏ này bò náng, nên bò mau. Phải chi có cuộc thi bò, thì cho nó đi thi để giật giải quán quân. Lời ông ngoại vậy mà ứng. Chỉ một tuần sau, mẹ con đi làm về, gọi điện thoại báo tin với bà: Con đã ghi tên cho Bé Ngọc dự thi bò rồi. Bà tưởng mẹ con nói đùa cho vui, không ngờ là thật. Công ty PharmaSave tổ chức thi bò cho trẻ em chưa biết đi, trong cái “mall” The Bay. Có giải thưởng. Tới ngày thi, ông bà ngoại thức dậy sớm hơn thường lệ, để “trang điểm” như sắp đi dự tiệc cưới. Chín giờ cuộc thi mới bắt đầu, nhưng chỉ mới tám giờ ông bà đã có mặt tại chỗ. Tiếp theo, các cậu, các mợ, các dì cũng tới, để coi con thi bò. Cả nhà ai cũng đã thấy con bò giỏi, và đều hi vọng con đoạt giải.

Đã có nhiều cặp vợ chồng trẻ đang bồng con vào “trình diện” với ban giám khảo. Tên thì đã ghi từ nhiều ngày trước, nhưng người ta phải kiểm lại để xếp toán. Ông bà ngoại cứ quay đầu ra phía cửa, ngóng chờ con. “Đấu trường” là một cái bục gỗ trải thảm xanh, cao tới đầu gối, rộng chừng 5 thước, dài chừng bảy thước. Theo chiều dọc, người ta dùng sơn trắng chia thành 5 “lane” riêng biệt. Như vậy, mỗi lần có 5 bé bò thi với nhau. Những bé về nhất của mỗi toán, sẽ thi với nhau để chọn “quán quân”. Ban tổ chức cho biết tất cả mọi đấu thủ đều sẽ được thưởng, nhưng được vào chung kết thì giải thưởng lớn hơn.

Cuộc thi bắt đầu, toán thứ nhất đã ra quân, mà con vẫn chưa được ba mẹ đưa tới. Ông ngoại thở dài: Vậy là Bé Ngọc bỏ lỡ cuộc thi đầu tiên trong đời. Sau đó, thì con tới, nhưng người ta không cho con dự thi, vì cuộc thi đã bắt đầu. Xung quanh bục thi, người xem vây kín. Các đấu thủ được ba mẹ bồng trên tay. Có đứa vỗ tay cười, có đứa đang cố chồm xuống như muốn nhập cuộc ngay, có đứa đang cầm chai sữa bú, chẳng để ý gì tới chuyện sắp ra thi. Năm đấu thủ đầu tiên được mẹ bồng đặt lên bục phía xuất phát, mỗi đứa một “lane”, đầu bên mức đến cổ ba, hoặc một người thân nào đó trong gia đình vỗ tay gọi sang. Bà ngoại chú ý nhìn, thấy khi ông trọng tài hô “hiệu lệnh”, thì các “nhà điều dắt” tức là các bà mẹ trẻ đều đẩy “gà” mình tới một cái. Năm bé bò tới, tiếng đầu gối chạm trên mặt thảm nghe “lạch bạch, lạch bạch”. Bé nào cũng có vẻ nôn nóng, quyết ý ăn thua. Chỉ mấy giây là cả toán đã “cán mức đến”. Dù trước dù sau, bé nào cũng được đón bồng lên tức khắc, và hôn hít khắp người. Tiếng hoan hô của khán giả xung quanh

cũng có làm cho một vài đầu thú sợ, khóc thét lên. Nhưng cảnh trên bục mới thật là vui. Có bé bò khá nhanh, lẽ ra có thể về nhất, nhưng đến nửa chừng thì dừng lại ngồi nhìn khán giả, nên rốt cuộc về bết. Có bé vừa bò vừa khóc và kêu mẹ. Có bé thay vì bò, lại lết nhưng lết cũng nhanh lắm. Thế lết không cấm lết, chỉ cấm đi. Đang bò mà đứng dậy đi vài bước rồi tiếp tục bò, thì bị loại.

Đặc biệt, trong số năm, sáu chục đầu thú ra thi, có 2 bé bò náng giống như con. Cả hai đều được vào chung kết, đưa nhất đưa nhì. Ông bà ngoại nhìn nhau xuýt xoa tiếc rẻ: Bé Ngọc bò còn nhanh hơn hai đứa này.

Bây giờ, bà ngoại giảng cho con biết “bò náng” là gì. Con “bò náng” nhưng không chắc là rành về cái tên nghề của mình. Thông thường, bé nào cũng bò bằng hai tay và hai đầu gối. Bò như thế, thì chỉ gọi là “bò”, không thêm chữ gì. Còn bò bằng hai tay và hai bàn chân, đầu gối không chạm đất, thì gọi là “bò náng”. Bò kiểu này thì nhanh hơn bò bằng đầu gối nhiều. Lết thì ngồi bẹp xuống ở thế nghiêng, chống một tay phía trước, nhắc mông lên ném tới. Có bé lết nhanh hơn bò, khi không cần vội thì bò, nhưng khi nôn nóng thì lết. Nhìn một bé lết thì buồn cười hơn một bé bò. Nhưng lạ mắt hơn cả, vẫn là “bò náng” như con.

Khi cuộc thi đã xong nhưng người xem vẫn còn đứng lại bàn tán, ông ngoại bỗng con đem đặt ở mức xuất phát, bà ngoại và mẹ con sang đầu bên kia gọi con bò tới. Con lập tức chống tay bò thật nhanh, mình nhồm thật cao, mắt nhìn tới trước, trông hùng dũng oai phong lắm. Bà ngoại đón con, ôm vào lòng, mẹ con vỗ tay, con cũng vỗ tay theo. Xung quanh ai cũng cười to tán thưởng. Thôi

cũng được. Con giỏi, ông bà ngoại biết, ba mẹ con biết, cả nhà biết, là đủ rồi. Hà tất phải đua tranh với ai? Gươm “Ỗ-Thiên” không xuất hiện, thì đao “Đồ-Long” vẫn là võ lâm chí tôn. Ông ngoại nói với cả nhà như vậy.

Rồi con tập nói. Con biết nói sớm hơn mẹ con. Chỉ mới 8 tháng, con đã bập bẹ được những tiếng dễ. Nhận ra ưu điểm của con, mỗi khi gần con, bà đều lợi dụng cơ hội để tập cho con nói. Bà phát âm thật rõ, rồi bảo con lặp lại. Trong khi bà nói, con chăm chú nhìn miệng bà, rồi nói theo. Có tiếng con nói được liền, có tiếng con phải tập nhiều lần. Đến khi con tròn tuổi, con đã nói được nhiều câu gồm hai, ba chữ.

Bé Ngọc ơi, con có hiểu tại sao bà lại quan tâm nhiều đến chuyện con tập nói không? Đó là tại vì gia đình mình đang sống ở một nơi không nói tiếng Việt, không dạy tiếng Việt. Con chỉ được học tiếng Việt với gia đình, bà nghĩ nếu con không học kỹ khi còn nhỏ, tới tuổi đi học, con sẽ chỉ thạo tiếng Anh và quên hết tiếng Việt. Cũng may, con học nói khá mau. Nhân đây, bà cũng nói rõ để con biết là ông bà rất quý tiếng Việt, tiếng mẹ đẻ của con và của bà. Bây giờ, ở đây, tiếng Anh là nhu cầu giao tiếp. Trên điện thoại, nơi mua sắm, trong bệnh viện, ở ngân hàng, đọc quảng cáo, coi truyền hình, không đâu không cần đến tiếng Anh. Vì vậy, hằng ngày bà vẫn cố gắng học, để được dễ dàng trong cuộc sống. Nhưng bà vẫn không coi trọng tiếng Anh bằng tiếng Việt. Cũng giống như trường hợp bà thấy một đứa bé Tây bằng cỡ tuổi con, nó đẹp thì bà cũng thấy đẹp, nhưng bà không cảm thấy thương yêu như khi nhìn con. Đối với chúng ta, tiếng Anh là một thứ ngôn ngữ, còn tiếng Việt còn là trái tim, là

tâm hồn, là cả tổ quốc quê hương nữa. Khi con mới ra đời, nhà bảo sinh có yêu cầu ba mẹ con đặt cho con một cái tên tiếng Anh để ghi bên cạnh chữ Hồng-Ngọc, ba mẹ con chọn chữ “Garnet”. Garnet là một thứ ngọc màu hồng. Nhưng cái tên này trong gia đình không ai gọi, chỉ gọi con là Bé Ngọc.

Tới đây, bà ngoại lại nói leo đến chuyện người khác. Nhiều gia đình người Việt ở đây, cũng như ở bên Mỹ, chỉ gọi con cháu trong nhà bằng những cái tên tiếng Anh. Lại có những cặp vợ chồng đều là người Việt, sinh con ra chỉ đặt tên bằng tiếng Anh, khiến ông bà của chúng không khỏi vướng miệng khi gọi cháu. Mắng những người như thế là vong bản, thì bà không dám, nhưng bà không khỏi nghĩ rằng họ đã quên hết cội nguồn.

Con càng lớn thì cái tính tình nghịch của con càng lộ rõ. Con chỉ nằm im trong khi ngủ, thức dậy là con phải làm một chuyện gì đó, không chịu ngồi yên một chỗ bao giờ. Mà chuyện làm của con tức là chuyện làm giống như người lớn. Bà ngoại lau sàn nhà, thì con cũng lau sàn nhà. Ba con đóng đinh, thì con cũng tìm cho được một dụng cụ nào đó để đập. Mẹ con trang điểm để đi làm, thì con cũng kẻ lông mày, hoặc đánh phấn. Ai hỏi, con nói “Bé Ngọc trang điểm”, nhưng mặt của con lại lấm lem.

Tính con dễ ăn, nên con mau lớn. Khi con tròn năm, mẹ con và bà ngoại đưa con đi khám định kỳ. Khi khám xong, bà bác sĩ nhi khoa người Phi-Luật-Tân nói với mẹ con rằng con lớn vượt cả những đứa bé da trắng sinh cùng tháng. Con dễ ăn thật. Cho gì con cũng ăn, mà ăn nhiều, không cần phải dỗ. Đồ ăn của người lớn, con lại càng thích. Thật đúng với câu “hay ăn chóng lớn”.

Ngày con tròn một tuổi, ba mẹ

con làm lễ cúng. Lễ cúng này có nhiều tên. Có nơi gọi là “cúng giáp tôi” hoặc “cúng tôi tôi” (“tôi” là một tuổi); có nơi lại gọi là “cúng thôi nôi” (ý nói đứa bé thôi nằm nôi, đổi sang nằm giường). Trong lễ cúng, mẹ con bày trước bàn thờ một cái bàn nhỏ chỉ cao tới ngang ngực của con, trên có để nhiều thứ, như bánh kẹo, đồ chơi, kim chỉ, sách vở ... Theo tục lệ, trong lễ cúng “giáp tôi”, người ta làm như vậy để biết lớn lên đứa bé sẽ làm nghề gì, hoặc sống như thế nào. Chẳng hạn, nó chọn kim chỉ, thì người ta đoán nó sẽ giỏi công việc tề gia nội trợ. Nếu nó chọn bánh kẹo hay đồ chơi, thì người ta đoán nó sẽ tham ăn và ham chơi. Hôm ấy con lấy cuốn sách. Cả nhà vỗ tay reo mừng, nghĩ rằng khi lớn lên con sẽ chăm học. Rồi về sau, bà ngoại dạy con một câu theo ước nguyện của bà: Lớn lên, Bé Ngọc sẽ làm bác sĩ. Ông bà ngoại có 7 người con, lúc tất cả đều còn nhỏ, ông bà vẫn hằng mong khi lớn lên có được ba, bốn người làm bác sĩ. Nhưng bây giờ, chỉ một mình di Phúc của con theo được ý nguyện của ông bà. Các cậu dì của con cũng chăm học, nhưng không thích cái nghề “cứu nhân độ thế”. Riêng mẹ con, trong lễ cúng “giáp tôi” năm 1972, đã chọn một cây tăm xĩa răng, vật nhỏ nhất trên bàn, và bà ngoại đã đoán rằng mẹ con sẽ mở nhà hàng. Thì bây giờ, quả nhiên chuyện kia đã ứng. Mẹ con chưa tốt nghiệp, mà con ra đời, nên mẹ con phải nửa chừng bỏ dở bút nghiên. Và thay vì làm chủ, mẹ con chỉ làm công. Mẹ con đứng quản lý cho tiệm bánh “Cookies by George”, là đi theo hướng chỉ của cây tăm xĩa răng trước đây gần 30 năm đấy. Ai cũng có số, ông ngoại con thường nói, và bà ngoại cũng tin như vậy.

Đến khi con được tuổi rưỡi thì ba mẹ con đổi chỗ, dọn sang ở cùng building với ông bà ngoại. Muốn gặp con, ông bà phải băng qua đường nữa. Hai căn apartment chỉ cách nhau hơn mười bước, mỗi ngày bà và con gặp nhau nhiều lần. Có khi bà sang với con, có khi con sang với bà. Bà vui lắm, nhưng từ đó cũng tốn tiền hơn. Thấy trên bàn hoặc trong tủ lạnh có gì ăn được, thì không bao giờ con quên đòi. Và có bao giờ bà từ chối con một thứ gì đâu. Nhưng bà chỉ nói đùa với con. Có tốn thêm thì bà cũng chịu được, mỗi tháng chỉ chừng 5 đồng trở lại. Lớn lên, con làm bác sĩ kiếm tiền trả lại cho bà. Bé Ngọc, con có biết không, cả nhà đã hi vọng con trở thành bác sĩ ngay khi con bắt đầu nói được những câu hơi dài. Mỗi khi được hỏi lớn lên làm gì, con đáp “Bé Ngọc sẽ làm bác sĩ”. Hỏi làm bác sĩ để làm gì, con đáp “để kiếm tiền mua xe, mua nhà cho ba mẹ, cho ông bà ngoại”. Ông ngoại khen con có hiếu, và bà ngoại chứa chan hi vọng.

Từ sau ngày mẹ con làm ở Cookies by George ít lâu, con có một đứa bạn con trai, con của đôi vợ chồng người Ấn-Độ, chủ cửa hiệu bên cạnh. Thằng bé này lớn hơn con gần 2 tuổi, tên là Ankit Bahl. Đứng bên cạnh nó, con thành da trắng. Vì so với trẻ em người Việt, thì da con rất trắng, mà da của Ankit thì màu chocolate. Hai đứa rất mau thân, rồi trở thành tương đắc cho tới bây giờ, mặc dù đứa nào nói thì nấy nghe. Con nói tiếng Việt, còn Ankit thì nói tiếng Anh. Con gọi: Ankit, lại đây chơi. Nó không hiểu những chữ “lại đây chơi”, nhưng chạy lại liền. Khi con nắm nó, nó la: *Don't hurt me*, con cũng không hiểu, nhưng nhìn thấy nó nhăn mặt, con liền thôi nắm. Bà ngoại nhìn hai

đứa chơi, liền có ước mong phải chỉ người lớn cũng dễ thông cảm và biết tương nhượng như hai đứa con. Con học những tiếng Anh đầu tiên với mẹ con, nhưng con tập nói, tập hiểu tiếng Anh với Ankit.

Bà ngoại quên nói tới một đặc tính của con: Con vừa dạn, vừa nhát. Nhát thì con nhiều hơn. Đối với sự vật, thứ nào con cũng không bạo. Con sợ bóng tối, con sợ chỗ vắng, con sợ con kiến, con sợ con sâu. Con thích coi chó, coi mèo, nhưng chỉ là chó mèo nhốt trong cũi. Đi đường với bà ngoại, hề thấy con mèo, con chó chạy lại gần là con la lên. Còn với người, thì ở con có hai thái cực: Rất nhát với người lớn, nhưng lại rất dạn với trẻ con. Đang chơi vui vẻ trong phòng khách, nhưng có người lớn bước vào, là lập tức con chạy lại tào vào ngòai trong lòng bà ngoại, như để được che chở. Người bước vào đó có khi cũng chỉ là người trong nhà, như cậu Trung, cậu Danh ... Cho mãi đến khi được hai tuổi rưỡi, con mới dám làm thân với tất cả mọi người lớn trong gia đình. Nhưng với “người nhỏ”, thì ngược lại. Bà ngoại cũng không biết chắc cái ranh giới tuổi tác của con, nhưng có lẽ cái đó ở khoảng 10 tuổi. Khoảng 10 tuổi trở xuống, thì bất cứ là trai hay gái, da trắng hay da màu, con đều gọi là “baby”, và đều muốn làm quen ngay ở phút gặp gỡ đầu tiên. Đứa còn ngồi xe, thì con chạy lại ôm hôn. Đứa lớn bằng con hay lớn hơn, thì con cầm tay, sờ áo, hỏi chuyện. Có khi con nói tiếng Việt, có khi con nói tiếng Anh. Phản ứng đối với những cử chỉ ân cần của con cũng rất đa dạng. Những đứa nhỏ xiu được con hôn, có đứa cười vui, nhưng cũng có đứa khóc thét. Những đứa lớn được con cầm tay, sờ áo, hỏi han, có đứa đáp ứng

thân thiện, nhưng cũng có đứa xô đẩy con ra. Ba mẹ, người thân của chúng, đại loại cũng vậy. Có người khuyến khích con cháu của họ chơi với con, có người ngược lại. Mỗi lần không được hoan nghênh, nét ngạc nhiên lộ rõ trên mặt của con. 'Mình thân thiện, sao họ lại phản đối? Bà ngoại đi với con, nhận thấy như vậy, vui mừng cho tâm tình sớm cởi mở của con. Bà đem nhận xét kể lại cho ông ngoại nghe, ông ngoại nói: Hay đấy. Lớn nó sẽ đoạt giải Nobel Hoà-Bình.

Ngày hôn lễ của cậu Trung-mợ Châu, con được hơn tuổi rưỡi, đã nói được nhiều câu khá dài. Mẹ con đã dạy con nói được câu chúc ông bà ngoại: Phúc như Đông-hải, thọ tĩ Nam-sơn. Ông ngoại cũng muốn khoe cái giỏi của con ra cho bà con biết, nên trước ngày cưới, đã cố dạy con câu chúc: Chúc cậu mợ trăm năm hạnh phúc. Nhưng sau, ông ngoại thấy con cũng rất thường bắt chước nói những chữ nghe được ở đâu đó, thí dụ "bá xàm bá láp", "tầm bậy tầm bạ", nên ông ngoại ngại. Ông ngoại sợ sau khi chúc cậu mợ xong, con lại nói thêm mấy chữ đó, thì không biết phải làm sao.

Ngày hôn lễ, con cùng con của Dì Liễu và con của Dì Phượng, mặc áo dài màu hồng, đi trong họ nhà trai, trông đẹp và tề chỉnh lắm. Tính con hay nghịch, bà ngoại cứ lo con không giữ được cung cách nghiêm chỉnh, nhưng hôm ấy con đã làm mọi người hài lòng. Đó là cái đám cưới đầu tiên con "đi họ". Hồi còn trẻ, bà ngoại đã có nhiều dịp "đi họ" như con, nhưng lần sớm nhất cũng phải trên 15 tuổi. Rồi tối hôm ấy, con được ba mẹ đưa tới nhà hàng dự tiệc cưới. Theo sự tin tưởng của một số người Việt cao niên, trong tiệc cưới, người ta cố giữ để không có một điều gì có thể bị coi

tấn phong

*Vườn bích thảo hoàng lan sương đậm
Mây lang thang tự bốn phương trời
Trong một phút thần kỳ buổi sớm
Dừng chân mời thực nữ lên ngôi.*

cao hoàng nhân



là "điềm xấu" xảy ra. Chẳng hạn, một cái đĩa ở một bàn tiệc rớt bể, đó là điềm về sau đôi vợ chồng không hạnh phúc; một thực khách làm gãy đũa, đó là điềm về sau một người hôn phối chết sớm bỏ người kia lẽ đôi. Trong bữa tiệc, ông bà ngoại phải ngồi ở bàn "danh dự", không ngồi bên cạnh để giữ gìn cho con, nên mẹ con lo lắng, chỉ sợ con nổi tính nghịch phá như trong những bữa ăn ở nhà. Nhưng con ngồi ăn rất ngoan, "phong cách" rất hợp với tiệc cưới. Con chờ đến lúc mọi người khiêu vũ, mới chạy ra cùng các anh chị nhảy nhót reo cười.

Sau hôn lễ của cậu Trung ít lâu, dì Phúc từ Cali đưa ý trung nhân của dì sang đây, để giới thiệu với ông bà ngoại và gia đình. Ý trung nhân của dì Phúc là người Mỹ, tên là Randy. Lúc bấy giờ, trong nhà ai cũng gọi người này bằng tên, riêng con, con gọi là cậu Randy. Sau ngày hai người kết hôn, con mới gọi là dượng. Nói thật với bé Ngọc, ông bà ngoại vẫn muốn dì Phúc lấy chồng người Việt. Trong thực tế, trước kia, dì Phúc cũng đã có bạn trai người Việt, nhưng cuối cùng không hiểu vì sao lại không thành. Đến khi dì Phúc gặp Randy, nhận thấy hai người thực tình thương nhau, nên ông bà

ngoại bằng lòng. Tuy nhiên, dù sao thì những cuộc hôn nhân dị chủng, vợ Việt chồng Mỹ, chồng Việt vợ Mỹ, cũng vẫn có một cái gì đó không được êm xuôi cho lắm. Thường xảy ra trục trặc hơn hết là vấn đề tiếng nói khác nhau. Giữa đôi vợ chồng trẻ, thường không có trở ngại gì. Nhưng giữa cha mẹ vợ và chàng rể, giữa cha mẹ chồng và nàng dâu, vẫn thường có những điều không suôn sẻ. Tình trạng thiếu thân mật từ đó sinh ra. Bà ngoại kể cho con nghe một chuyện vui có thật liên hệ đến vấn đề không hiểu tiếng của nhau, trong gia tộc của mình. Ông Tư, mẹ con kêu bằng bác, là anh họ của ông ngoại. Trong một lần diện đàm, ông Tư kể cho bà ngoại nghe như vậy: Như chú thím đã biết, vợ chồng tôi có 6 đứa con, bây giờ chỉ còn thằng nhỏ út chưa có vợ. Từ bốn, năm năm nay, nó đã có con bạn gái người Việt, nhưng cứ chần chừ mãi, chưa chịu làm đám cưới. Vợ chồng tôi ngày đêm sợ nó bỏ con nhỏ này, rồi cặp một con Tây, con Mỹ nào đó dẫn về, bắt cha mẹ phải chấp nhận. Hai thằng anh của nó, một thằng lấy vợ Lào, một thằng lấy vợ Mễ, vợ chồng tôi đã chán chê cái cảnh ngôn ngữ bất đồng rồi. Nói thiệt với thím, tụi tôi còn hiểu được chút ít khi hai

đứa đầu kia nói tiếng Anh, chớ nếu tụi nó nói tiếng Lào, tiếng Tây-Ban-Nha, thì làm sao mà hiểu. Tụi nó có giận mà chửi “Ông là đồ trời đánh”, “Bà là đồ mắc dịch”, thì không biết chừng tụi tôi đáp lại là “Cảm ơn con”. Bé Ngọc ơi, câu chuyện nghe như tiểu lâm này có thể xảy ra cho nhiều gia đình lắm.

Nhưng con có biết không, con cũng đã góp phần để ông bà ngoại bằng lòng gả đi Phúc cho cậu Randy đấy. Trong những ngày sống tại Winnipeg, cậu Randy đã đến nhà dùng cơm với ông bà ngoại và mấy cậu mấy dì nhiều lần. Khi sắp trở về Mỹ, cậu Randy đặt một bữa tiệc tại nhà hàng Nhật Ichiban, mời ông bà ngoại, và tất cả mọi người trong nhà. Ba mẹ con cũng đưa con tới dự. Bữa ăn ngon và vui lắm. Con cũng nhận đó được coi tận mắt những trò múa dao của mấy người đầu bếp. Ở những nhà hàng Nhật, người ta làm thức ăn ngay tại bàn cho thực khách coi.

Bữa ấy, người đầu bếp đốt lò, bắc chảo, xắt thịt, rưới tiêu, và trộn món nấu ngay trước mặt mình, chỉ cách chỗ con và bà ngoại ngồi chừng một thước. Khi người ấy cho ngọn lửa cháy bùng lên, bà ngoại tưởng con hoảng sợ, nhưng chẳng những con không sợ, mà lại còn reo cười.

Trong bữa tiệc, mẹ con ăn món gì, thì cũng cho con ăn món ấy. Con ăn ra vẻ ngon lành lắm. Thỉnh thoảng, con ngưng lại quay hỏi người này, người khác trong bàn ăn. Mợ Trinh ăn có ngon không? Cậu Trung ăn no chưa? Những câu ấy, con vẫn thường nói trong những bữa ăn chung ở nhà, bà ngoại nghe đã quen. Nhưng hôm nay, đột nhiên con hỏi: Cậu Randy ăn no chưa? Bà ngoại ngạc nhiên, và cả nhà ai cũng ngạc nhiên. Lần đầu tiên,

con tự ý hỏi một người lớn không quen biết, mà là một ông Tây to lớn kình cang. Nhưng cậu Randy không hiểu đúng câu hỏi của con, nhìn con cười đáp: Ăn no chưa? Cả nhà ai cũng cười, và con cười theo vui vẻ. Nhưng chuyện sau đây mới là đặc biệt. Như bà đã nói, con chỉ bạo dạn đối với những ai mà con coi là “baby”, còn với người lớn, thì ngay trong nhà cho tới hồi đó, con cũng chưa làm thân được hết. Vậy mà, khi gần mãn tiệc, trong khi chạy chơi vòng quanh bàn, con lại dám thui vào lưng cậu Randy một cái, khiến cậu phải la lên. Cả nhà ngạc nhiên. Riêng ông bà ngoại nhìn nhau như ngăm hỏi: Hình như có một cái gì khiến Bé Ngọc coi Randy là người trong nhà. Ngày hôm sau, khi cậu Randy ngỏ lời xin được kết hôn với dì Phúc, ông bà ngoại bằng lòng. Đêm ấy, ngồi nói chuyện riêng với nhau, ông ngoại kể điển “lá thắm” cho bà ngoại nghe, rồi nói thêm: Câu thơ trong chuyện Vu Hựu và Hàn Thúc Tán là: *Phương tri hồng diệp thị lương môi*. Bây giờ, với trường hợp Phúc và Randy, nên đổi lại là: *Phương tri Hồng-Ngọc thị lương môi*.

Đầu tháng ba, ông bà ngoại phải về Sài-Gòn, để làm đám cưới cho cậu Hải, nhân đó, thăm lại bà con, bè bạn. Ông bà phải ở lại đến 2 tháng rưỡi, mới thu xếp xong tất cả mọi việc. Đây là lần đầu, ông bà trở về nước, và cũng là lần ông bà xa con lâu hơn hết. Trong thời gian đó, ông bà di chuyển liên tục giữa 4 nơi, Sài-Gòn, Nha-Trang, Tuy-Hòa, và Đà-Lạt. Ở nơi nào cũng vậy, bận việc thì thôi, khi rảnh hoặc ban đêm nằm chưa ngủ, ông bà lại nhắc tới con. Trên điện thoại, bà ngoại cũng đã nói chuyện với con đôi câu, nhưng bà vẫn thấy không đỡ nhớ. Trong mấy ngày ở Thành, ông bà có tới

chỗ Cây Dầu Đồi, nhìn lại cảnh cũ. Cây dầu không được xanh tốt, có phần xơ xác. Cái quán bán chè bên kia đường không còn nữa. Con đường Nha-Trang chạy lên Thành được mở rộng, giữa có bồn hoa ngăn đôi, trông sạch sẽ và đẹp mắt. Xe cộ ngược xuôi trên đường khá đông. Trên cái lộ tuyến chạy xuống đèo Rù-Rì cũng vậy. Và trên con đường nhỏ chạy trước ngôi miếu bên cạnh cây dầu, người đi lại cũng đông đảo. Quang cảnh lẽ ra thì vui, nhưng trong lòng bà ngoại lại buồn. Bà cảm thấy xung quanh, ngoại trừ cây dầu, cái gì cũng xa lạ với mình. Và, bà lại nhớ tới con đang ở rất xa.

Nhưng rồi 2 tháng rưỡi trời xa cách cũng qua. Ông bà ngoại rời quê hương để trở về cái nơi không phải là quê hương, nhưng lại có nhiều người thân, và có con. Con theo ba mẹ ra phi trường đón mừng ông bà. Ôi, bao nhiêu là mừng mừng tủi tủi khi bà gặp lại con. Và câu đầu tiên bà hỏi mẹ con là: Bé Ngọc có được đi Mỹ ăn cưới dì Phúc không? Mẹ nói có, và bà yên tâm. Bà sợ xa con cả tháng nữa.

Sau mười ngày nghỉ ngơi, ông bà ngoại lại phải thu xếp sang Cali, để tổ chức hôn lễ cho dì Phúc. Ba mẹ và con đi cùng chuyến bay. Đây là lần đầu tiên con đi máy bay, ba mẹ và ông bà sợ con bị đau tai như nhiều đứa trẻ khác. Nhưng may quá, con không sao cả, vẫn khỏe khoắn và linh hoạt như ở nhà. Khi đến nơi, gặp lại hai chị An-Trần, CiCi, và hai anh An-Tường, David, con vui chơi đùa giỡn thỏa thích trong mấy ngày liền.

Còn đây là chuyện của người lớn. Trong nhà mình, cưới gả cũng đã nhiều lần, nhưng rể là người ngoại quốc, thì đây là lần đầu. Cho nên ông bà ngoại cũng

có điều phải suy nghĩ. Nghi lễ phải thế nào để không trái với phong tục Việt-Nam, mà người Mỹ vẫn có thể làm theo được. Cuối cùng, hai bên thỏa thuận bên nào cứ làm theo phong tục của bên ấy, bên kia vui vẻ hợp tác. Bên trai làm lễ ở ngoài trời, có mục sư chủ lễ, nghi thức diễn ra đơn giản và bình thường, không có điều gì đáng nói. Bên gái làm lễ trong nhà, nghi thức tuy đơn giản nhưng cũng đủ mọi phần như một lễ thành hôn tổ chức tại quê nhà. Đặc biệt, khi đôi tân hôn trang phục áo dài khăn đóng, quì lạy trước bàn thờ tổ tiên, ai nấy đều lộ vẻ vui mừng cho một sự đề huề mới bắt đầu. Từ đó, ông bà ngoại được Randy xưng bằng tiếng Việt là “Ba, Má”, như dì Phúc. Và con được ba mẹ dạy gọi cậu Randy là “Dượng”.

Bà ngoại vẫn thường nghe, và đọc trong sách báo, thấy người ta nói rằng người Mỹ coi nhẹ tình gia đình. Nhưng trong dịp Randy cưới dì Phúc, bà nhận thấy bên nhà trai có tình gia đình mật thiết. Gần như cả nhà, tuy có người ở rất xa, tận miền Đông, miền Trung nước Mỹ, cũng có mặt. Đặc biệt là bà ngoại của Randy, đã

ngoài 80 tuổi, trong buổi lễ bên nhà gái, trong tiệc cưới, đã ăn nói thật vui. Khi lên nói mấy lời cảm ơn trong tiệc cưới, lúc nhắc tới bà ngoại, Randy xúc động, không nói nên lời. Còn một nhân vật nữa là người cậu ruột của Randy. Ông này đã ngoài 50, bị tật bẩm sinh, thân hình nhỏ chỉ bằng đứa bé 8 tuổi, không đi đứng được, chỉ di chuyển bằng xe lăn. Nhưng ông nói tiếng rồn rảng, và cười đùa luôn miệng. Trong hôn lễ, ông đi trong họ nhà trai, nhưng thấy ông có tật, không ai cất đặt ông làm việc gì. Ông nhất định không chịu, đòi bưng một khay lễ vật. Sáng hôm ấy, ông bà ngoại đứng ở cầu thang chờ đón họ nhà trai, thấy hai người thanh niên khỏe mạnh chạy xuống khiêng chiếc xe lăn trên có ông ngồi, trong lòng ông có cái khay đựng mấy hộp trà sính lễ phủ khăn hồng. Mặt ông ngược lên rạng rỡ. Quang cảnh vừa lạ mắt vừa cảm động.

Bây giờ, bà ngoại trở lại với con. Gần đây, mỗi khi được hỏi mấy tuổi, con đều nói: Chừng nào có tuyết, Bé Ngọc được 3 tuổi. Nếu đúng như con nói, thì năm nay tuyết đến muộn. Nhưng có lẽ không được như vậy đâu. Bằng

chứng là bữa nay chỉ mới đầu tháng mười thôi, nhưng đã có mấy bông tuyết mỏng bay qua cửa sổ rồi kia.

Bà ngoại cũng chưa biết sinh nhật sắp tới của con, ba mẹ có đưa con và cả nhà đi nhà hàng không. Nếu có, thì chắc trong đám thực khách nhỏ sẽ có hai người mà mẹ con vẫn thường gọi đùa là “boy friend” của Bé Ngọc. Một là Ankit Bahl, hai là Tuấn-Kiệt, con trai của dì Phượng, lớn hơn con 6 tháng. Dì Phượng đây là bạn của mẹ ở tại đây, chứ không phải là dì Phượng, chị của mẹ ở bên Mỹ. Nếu hai đứa đều có mặt, thì con phải liệu mà cư xử, đừng để xảy ra hiểu lầm. Là vì sự hiểu lầm cũng đã một lần xảy ra tại chỗ làm việc của mẹ con. Hôm ấy, dì Phượng đưa Tuấn-Kiệt ghé “Cookies by George” thăm mẹ con. Lúc đó, con đang chơi với Ankit, liền bỏ sang chơi với Tuấn-Kiệt. Thành bạn Ấn-Độ buồn tình, đứng im nhìn theo. Con và thằng bạn Việt đuổi nhau chạy vòng vòng trên hành lang. Con chạy sau, luôn miệng gọi tên nó “anh Kiệt, anh Kiệt”. Thằng bạn Ấn-Độ tưởng con gọi nó, vội chạy theo, la to: *No, no ... me here ... me, Ankit here*. Bà ngoại nghe mẹ con kể lại, không thể nín cười. Bà ngoại mong con lớn lên đừng bao giờ làm lẫn trong tình cảm, mà có làm, thì cũng là để vui cười với nhau như chuyện bây giờ.

Có lần ông bà ngoại ngồi uống cà-phê trước chỗ mẹ con làm việc, thấy con và Ankit chơi đùa với nhau, bà hỏi ông ngoại: Nếu sau này, hai đứa thành vợ chồng, thì anh nghĩ sao? Ông ngoại cười: Còn nghĩ sao nữa? Chuyện vợ chồng là chuyện thương yêu, không phải là chuyện chủng tộc. Ông ngoại cười vui vẻ, nhưng bà ngoại nghĩ rằng ông ngoại nói theo hoàn cảnh. ●

môi mai

*Vườn em hoa cánh lay lay
Tôi con chim lẻ gọi bầy râm ran
Gió vờn hương sớm sương tan
Hơi xuân thoang thoang dịu dàng trời xanh
Nụ hồng tươi thắm trên cành
Tôi con chim hóng ngọt lành môi mai.*

nguyễn văn cường



BÊN TRE XANH THẮM BÓNG DỪA

XUÂN VŨ



(tiếp theo)

Khi đã yêu, ta nào có biết, vì bước chân tình yêu khẽ nhẹ qua. Hãy nghe chàng thi sĩ đa tình nhất Việt-nam viết:

*Làm sao cắt nghĩa được tình yêu
Có nghĩa gì đâu một buổi chiều
Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt
Bằng mây dịu dịu gió hiu hiu...*

Đoạn thơ trên đây tôi đọc từ thuở học trung học, quen với nhà thơ đã viết ra nó. Nay bỗng nhiên nó dội lên trong đầu như du âm một hồi chuông nhà trường. Có phải chăng lòng tôi đã tràn ngập mây dịu dịu, rờn rợn gió hiu hiu và nhuộm màu lãng mạn bởi những tia nắng nhạt của sân trường xưa, mà mãi bây giờ không sao quên được!

Cái bến tàu ở phía sau trường, nơi tôi vẫn thường đứng nhìn khách lên bờ tựa ra khắp các nẻo đường, và len lén nhìn qua bên kia sông nơi có một bóng áo trắng của cô học sinh đi đến trường, loang loáng như ánh trăng.

Tàu chạy, tiếng còi tàu gợn trên mặt sông, lá dừa nước ven sông xao xuyến, mấy cánh chim bay sà trên mặt nước... tất cả những nét ấy có gì sâu sắc, hồi đó gần như vô nghĩa đối với tôi, sao bây giờ chỗi dậy trong lòng tôi, như gặp lại một người bạn cũ tuổi ấu thơ mà tóc xanh nay đã pha màu bạc.

Một nhà văn viết về một cậu bé dậy thì, khi một cô gái lớn hơn cậu ta 5, 7 tuổi đến rủ cậu đi chơi, thì cậu ta lúng túng đến đổi trả lời: "Oui, monsieur!" (Vâng, thưa ông!). Hồn vía cậu bay đi đâu đến đâu nhìn người môi son má phấn ra kẻ mày râu? Còn tôi, phát thình gọi cô bạn bằng "chị" trong lúc chị lại bảo tôi "đừng buồn!"... Buồn gì? Cái tuổi ấy mà biết buồn vì "amour" rồi hay sao? Đâu biết được!

Nhưng có lẽ không bao giờ tôi quên được trường Mỏ Cày. Nó đã làm cho tôi trở thành thi sĩ cũng nên. "*Là thi sĩ nghĩa là run với gió, mơ theo trăng và vờ vẩn cùng mây*" (X.D.)

Sau lần đi đám cưới ấy, tôi trở lại trường và thấy những trang sách đọc lên dễ hiểu hơn những sách được giáo sư cho phép đọc.

Graziella của Lamartine đã tô đậm thêm trong tôi hình ảnh của một đám mây không rõ hình, của một cánh chim phiêu lưu, hay bằng khuâng vờ vẩn vì một vật nặng chiều. Bài thơ viết như một tia chớp của Lamartine "*Premier regrets*" đã làm cho tôi biết thương tiếc những gì đã mất ở trường quận.

Et pourquoi revenir à ces souvenirs

Je veux rêver et non pleurer

Tạm dịch:

Mà trở về chỉ cùng kỷ niệm?

*Tôi đâu muốn khóc, muốn mơ
thời.*

Trường trung học của tôi ở gần trường Nữ học đường. Những tà áo xanh áo tím bay lượn trong nắng ban mai và trong ánh hoàng hôn. Tôi xem màu sắc áo như hoa trong vườn, nhưng sao tôi vẫn nhớ màu áo trắng bên kia sông trong miền thôn dã! Còn bao giờ trở lại được trường quận! Còn bao giờ tìm lại được tuổi học trò để viết trả lại cho "chị" cái chữ mà chị đã viết cho tôi? *Amour!* Tình buồn mới là tình đáng nhớ. Nhưng thôi... để tôi kể hầu bạn đọc một chuyện tình khác, cũng buồn, mà là buồn... cười; giống như chuyện... không có, mà có... thiệt.

Kỳ đó tôi về nghỉ hè ở quê ngoại. Đây là nơi gió nắng mênh mông ấm áp, nơi tôi đã từng có những ngày thơ ấu thần tiên trước khi phải bó buộc đi học trường làng. Mới đó mà đã 6 năm. Qua hết trường làng, tôi lên trường quận. Hết trường quận, lên trường tỉnh tức là trung học. Bây giờ về quê ngoại với chút hãnh diện. Ngoại tôi hết sức cưng chiều, bao giờ cũng bắt các cậu các dì chiều chuộng tôi. Cả hàng xóm cũng vui vẻ đón tiếp tôi; chỉ những bạn cùng lứa tuổi tôi, đã từng bắt đé đá lia thia với nhau thì bây giờ lại nhìn tôi với ánh mắt xa lạ, không còn thân ái như xưa.

Dịp đó gia đình dì Mười có đám cưới. Dượng Mười đến năn nỉ xin ngoại tôi cho tôi đi làm rể phụ. Bà ngoại tôi rất khó xử vì bên nội chỉ có mình tôi là cháu nội và là đích tôn. Gia tộc bên nội tôi lại có "noi" chết chìm nên rất kỵ đi sông tắm sông, mà đám cưới này lại đi rước dâu bằng ghe tam bản. Thời đó không mấy khi người ta đi rước dâu bằng xe ngựa hoặc xe hơi. Ấy là dượng Mười đã coi ngày cưới hỏi, so tuổi, toán

lịch đầy đủ rồi mà ngoại tôi vẫn còn lo sợ. Nhưng cuối cùng nể lời dương Mười nên ngoại cũng phải cho tôi đi rước dâu. Chàng rể là anh của thằng Vương bạn thuở nhỏ của tôi chứ không ai khác, nghĩa là chỉ hơn chúng tôi khoảng vài tuổi (mà đã cưới vợ!).

Sáng mùa khô, đàn trai xuống ghe tam bản đi rước dâu. Dương sông qua một đoạn rạch nhỏ, ra sông cái một lèo chạy giắc là vô rạch nhỏ, chèo vài hơi là tới nơi. Dự định là đi đến nhà gái ăn uống xong, rước dâu trở về để chú rể cô dâu nhập phòng trong đêm. Thời tiết ở đây rất điều hoà. Sông cái không có sóng lớn, xuồng nhỏ đi cập bờ rất an toàn, nói gì tam bản lớn như hôm nay.

Nhưng sự việc lại không xảy ra như dự đoán. Ghe đi hết khúc sông cái sắp vào rạch thì một trận mưa mùa nghịch ào ào đổ xuống, lại thêm gió. Chỉ còn một chút nữa là vô rạch nhỏ, núp được gió, tránh được sóng; nhưng hiềm nước ngược, cả hai chiếc ghe như cặp ngựa chứng không chịu roi, cứ dựng ngược mũi lên, chòng chành lắc lư. Chiếc đi trước gãy chèo lái bị nước đập trôi ra xa bờ dân; còn chiếc sau thì chống trả một lúc cũng gãy cột chèo lái. Vàm rạch nhỏ đã thấy trước mắt kia rồi, nhưng không cách nào mà chèo tới đó được. Nước mưa ào ào đổ xuống ghe. Quần là áo lượt, áo xanh áo tím không có dù che nên ai nấy như mèo ướt, cứ co rút vào nhau và tiếc cho những bộ đồ mới cả năm mới có dịp mang ra dùng, còn thường thì đem phơi nắng rồi xếp cất trong tủ.

May sao có người có đề nghị: đem chèo và cột chèo mũi thay cho cột chèo và chèo lái. Sáng kiến được thi hành ngay. Nhờ đó ghe vô được rạch nhỏ nhưng không chèo đi xa được. Túng cùng phải ghé vào một cái bến

không quen. Ở vùng này, lá dừa nước mọc kín hai bên bờ rạch, người đi xuồng nhìn lên không thấy nhà, người ta chỉ đi thuộc lòng vô những bến quen được đánh dấu bằng một cây nhàu hay cây bần, cây vẹt, nhờ đó mà không lầm bến.

Để trốn gió và núp mưa, người ta ghé vào một cái khém để chậ lá che đỡ, chờ qua cơn sóng gió sẽ đi tiếp. Nhưng mưa vẫn cứ càng lúc càng nặng hột làm cho những tàu lá không đóng được vai trò che mưa cho những cô phù dâu và những mâm lễ vật. Trong lúc các cụ và phe nam giới cởi áo dài ra dút dưới khoang hầm ghe thì các cô các bà phải ngồi lì chịu cho qua trận mưa nghịch mùa. Bỗng một người reo lên vì thấy một mái nhà lấp ló sau những bụi lá rậm rì. Một ý kiến đề ra là nên xin dút mưa nhờ, đợi tạnh sẽ đi tiếp. Mọi người gật đầu tán thành và lập tức nhảy lên bờ chạy vào nhà. Lạ lùng thay, nhà này cũng đang đám cưới. Đàn gái gả con và đang chờ đàn trai đến rước dâu. Sự ngẫu nhiên này làm chủ nhà lấy làm vui lòng. Gia chủ đón tiếp bên "đàn trai" (không phải của mình) một cách niềm nở. Chả là theo tục lệ thì vào ngày đám cưới không nên làm chuyện gì thất đức.

Thế là đàn trai nhà dương Mười yên tâm ở đậu chờ tạnh mưa, áo quần ướt như chuột lút được chủ nhà đốt lửa cho hơi khô, rồi đãi đàn như khách đàn trai đến rước con gái mình. Nhưng quái ác là đám mưa mùa nghịch mãi vẫn không chịu dứt mà trái lại, còn có vẻ mưa to hơn.

Đã qua giờ ngọ, mà theo gia chủ thì đó là giờ hoàng đạo, đàn trai phải tới rước dâu. Bên dương Mười thì cũng phải đi rước dâu, ai rước dâu nấy về nhà. Nhưng trong tình thế này, cả đám đàn

kia lẫn đám của dương Mười đều không đến được đúng giờ đã chọn. Đó là điều tối kỵ cho đám cưới. (Không phải như ngày nay, cứ cử hành vào thứ bảy hay chủ nhật, bất kể ngày tốt hay xấu!). Cho nên khi thấy sắp quá giờ hoàng đạo mà không thấy đàn trai tới, gia chủ bèn bàn với dương Mười cho rước dâu. Như vậy tuy con trai của dương và con gái của gia chủ chưa hề biết mặt nhau, nhưng gia chủ và dương Mười đều đồng ý và coi như thuận lẽ trời, thể hiện trong sự cảm chân hai đàn bằng một trận phong vũ bất kỳ.

Nhờ vậy cho nên con trai của dương Mười, tức là anh thằng Vương, mặc dù không đến được nhà gái, vẫn rước dâu được như thường; và cô dâu đó không phải là người dương Mười đã dám hỏi cho con trai dương trước kia. Chỉ có những người thân và chú rể là biết được việc đó, còn kỳ dư thì khách khứa cứ tưởng mọi sự đều như ý, mãi về sau mới rõ ra. Dương Mười đi Mười đều vừa ý vì cô dâu rất nết na đạo đức, hai vợ chồng mới ăn ở với nhau rất thuận hoà.

Năm tháng qua, mọi việc rồi cũng phai mờ. Dương Mười đi Mười lên chức ông nội bà nội, thằng Vương lên chức chú ba, còn tôi cũng được gọi bằng cậu hai. Mãi cho đến sau 1945, tôi học xong về nhà thì giặc đến. Tây đóng đồn, ruộng bố lung tung, gia đình tôi phải tản cư dân xuống đầm Bà Tường, Bà Hính ở Bạc-liêu là một vùng mà muôn năm Tây không dám đặt chân đến.

Nhờ có chút chữ nghĩa lặn lụng cho nên địa phương yêu cầu tôi ra làm giùm chức thơ ký hành chánh ấp. Với cái chức này, tôi được mời đi ăn giỗ, ăn cưới, ăn đầy thổng, thôi nôi của trẻ con trong ấp liền tù tì. Cả những đám

“dương căn đồ cốt” cũng mời tôi tới ăn chè xôi...

Một bữa nọ tôi được đi đám cưới trong ngọn rạch Cù. Ông thơ ký ấp được ngồi chung bàn với chủ nhà và mấy vị có tiếng tăm trong ấp. Trong lúc chờ đợi chàng trai tới rước dâu, qua câu chuyện trên bàn nhậu, tôi được biết chủ nhà là người Bến Tre. Và lạ hơn nữa, ông bà cũng chính là vợ chồng do trận mưa kia phối ngẫu nhưng ở một địa điểm khác. Nói rõ hơn, bà chủ nhà là cô dâu mà đáng lý ra được Mười phải rước về cho con trai tức là anh chàng Vương; nhưng đám mưa đã làm cho một chàng rể khác đến rước cô dâu không biết mặt mà do duyên trời. Chuyện ấy đã cách nay gần 20 năm. Ông bà hôm nay làm suôi với anh ruột và chị dâu chàng Vương.

Anh chàng Vương tới. Tôi nhận ngay ra anh. Không dè anh cũng tản cư xuống đây và được chánh quyền xã cấp cho một cuộc đất hoang để khai phá thành ruộng. Chú rể hôm nay chính là con trai đầu lòng của anh. Nó giống bố như hai giọt nước, chỉ khác ở trận mưa tác hợp cho bố mẹ nó. Chuyện thật mà nghe như bịa!

Bây giờ tôi xin trở lại thực tế cuộc đời cô-lê-ghen của tôi ở Mỹ-tho.

Cũng quần trắng áo trắng ngồi xe hơi chạy trở lên, đẩy lùi lại phía sau quê nhà và những trò chơi đồng nội với bao nhiêu luyến tiếc, tự hứa kỳ tới sẽ trở lại, vui thú hơn. Lòng tôi rẽ làm đôi ngánh: một cho quê hương, một cho bạn bè sắp gặp lại.

Buổi đầu tiên trở lại trường, tôi kể cho chàng Thanh nghe chuyện Thiên Linh Cái. Một hôm khác, khi hai đứa đi chơi chung tôi mới nhắc lại chuyện tập bơi cho con Yvonne và hỏi:

- Mày có tập cho má nó không? Tao hỏi thiệt!

- Sau kỳ đó tao không bơi nữa, mà nó cũng thôi học. Nó lấy thằng Tây nào ở bến mới qua, mày có gặp tụi nó đi dạo mát ngoài bờ sông mà, nhớ chưa?

- Ừ phải, nó bỏ học lấy chồng.

- Cặp vú nó như cặp dưa hấu rồi, hắc hắc... Ai ôm cho nổi mà tập bơi với bồi...

Sẵn trốn tôi kể cho chàng Thanh nghe cái đám cưới của cô bạn cùng lớp. Nghe xong, nó hỏi:

- Con nhỏ đó có *amour* mày thiệt hông, hay nó buồn tay viết chơi một chữ?

- Tao không biết. Nhưng chắc là không. Con nít biết gì!

- Không yêu sao viết cái chữ *interdit* (cấm) trẻ con dưới 18 tuổi?

- Chắc nó viết cho vui vậy mà!

- Tao nghĩ nó có yêu mày nhưng mày không viết thư cho nó nên nó mới thế! Con gái có khi nào lấy chồng là bạn học cùng lớp đâu. Lấy thầy dạy nó nữa là khác!

- Tâm bậy mày!

- Thiệt! Làm chồng phải khôn hơn để dạy dỗ vợ chứ. Còn mày bắt quá chỉ cho nó cọt-đé một con toán hoặc vài chữ chính tả khó, mấy cái đó ăn nhằm gì!

Thằng Thanh thụ giáo với ai không biết mà có vẻ sành đời. Nó tiếp:

- Con gái hể ngực hơi nổi trái tràm u u là biết muốn chồng rồi. Tụi mình lớn chậm hơn tụi nó. Tây dầm cũng vậy, nhứt là dầm con. Mày không tới nhà con Yvonne nhiều, chớ như ta, đến lần nào cũng coi *Paris magazine* đã đời. Tía má nó mua coi, rồi sẵn đó nó coi luôn. Rồi nó khoe với tao hình này hình nọ nữa, không biết để làm gì!

- Mày không biết để làm gì thì xem làm chi?

- Mẹ nó, tụi dầm không có biết

mắc cỡ mày à! Cái gì kín kín hở hở thì mày còn tò mò tìm xem chớ rõ như ban ngày thì hết muốn xem...

Từ đó thằng Thanh trở thành tri âm của tôi.

Chiều sau bữa cơm tôi không đá banh nữa, mà hai đứa đi ra phía cuối sân, nơi cổng trường có hai cánh cửa sắt đóng kín, khoá suốt mấy năm tôi học ở đây. Nếu mở ra thì ngó thấy trường Primaire Mỹ Tho của ông Dương Văn Cáp bố thằng Dương Mộng Áo học cùng lớp, chuyên môn mua giùm kẹo da trâu cho tụi nội trú gặm buổi tối lên dortoir.

Nơi phía góc sân này có mấy cây đầu cao trệt ót. hai đứa tôi thường ra ngồi ở đấy, tự do như ra ngoại càn khôn để được xa thầy gác, tha hồ mà nói những chuyện không được phép nói trong vương rào nhà trường.

Thằng Thanh cốp ở đâu được mấy tờ báo có hình rất hấp dẫn. Không biết nó làm cách nào mà không bị bắt. Loại sách này mà bị bắt gặp trong tủ cũng đã bị đưa ra hội đồng kỷ luật rồi, huống chi bỏ trong túi áo, giắt trong lưng quần! Trời đất ơi, mới nhác trông tôi đã hồn vía lên mây, kêu lên:

- Mày cất đi, giấu đi, đốt đi! Mấy ông thấy là mày chết không kịp ngáp!

- Chết con khẹc! Muôn năm không ai bắt được tao.

- Mày giỡn hoài!

Thằng Thanh không nói gì hết. Nó rút trong túi ra một cái hộp con, rồi giở ra đưa cho tôi. Tôi đọc thấy: “36 manières” (36 kiểu).

Tôi không biết “kiểu” gì, bèn hỏi thì nó cười, bảo:

- Mở mắt ra coi thì biết.

Tôi lật những tấm đầu tiên lên. Vừa kịp trông thấy, tôi quay mặt đi và dọa:

- Đồ thằng quỉ! Đẹp đi hôn?

Tao đi thưa thầy bây giờ.

- Ờ, mày ngon đi thưa đi! Tao bị xí-nha-lê thì mày cũng bị ra hội đồng kỷ luật.

- Mày đừng nói chơi chớ!

- Tao khai là của mày đưa tao coi, mày làm sao chối được! Ai làm chứng?

Thanh nghênh nghênh cái mặt thấy đáng ghét hơn bao giờ hết. Nhưng bỗng nó bật cười:

- Nói chơi chớ tao không khai cho mày đâu. Tao chịu hết. Dĩ bất dĩ tao về nhà ngồi ghe đi thâu lúa ruộng hoặc tao ra (trường tư) Nguyễn Văn Khuê học doubler 2 năm đi thi, gì mà không được mậy! Hồng ấy, tao đi tìm con Yvonne biểu nó xin với tía nó cho tao chân planton dinh chủ tỉnh cũng dư được mà!

Thôi coi đi! Coi cho đã đời đi! Khoái tẩm nào thì cứ lấy bỏ túi, tối lên phòng ngủ buồn mừng xuống, trùm mền cho tụi nó coi lên với. ừ, hay là vô cầu tiêu coi rõ hơn. Còn lại bao nhiêu, tao đem trả.

- Trả cho ai? Tôi miễn cưỡng hỏi.

- Trả cho mấy cha 4^e année, mày không quen đâu! Chỉ có tao mới mượn được.

Tôi ngồi ngẩn ngơ, lỗ tai lũng bùng, mắt chớp sao trong lúc thằng Thanh cầm cả xấp hình trên tay xào tới xào lui như chia bài cào rồi chìa ra cho tôi, bảo:

- Chấn tay may cái! Mày rút đi, được tẩm nào lấy tẩm đó. Nhưng chỉ làm của được một đêm thôi nghe. Xem xong phải đem xuống phòng học trả cho tao. Kia, sao ngồi chết trân vậy? Cái thằng nhát hít như thỏ đế, không có ai rình bắt mày đâu mà sợ! Rủi có bề gì tao chịu hết cho mày mà.

Thằng Thanh xào xào một lúc rồi đi vào tận mắt tôi:

- Coi nè. Bộ mày sợ hả? Rồi mày tìm không ra đâu. Hi hi... Nhưng mà đây không phải là “nghìn một đêm lẻ” đâu. Còn nữa. Còn nữa. Lâm ly rùng rợn hơn bộ này nhiều! Đây mới vỡ lòng cho mày thôi. Kỳ tới tao kể chuyện bà Cá Lẹp bên “Déjà Long” (Gia Long) cho mày nghe mày rụng rún...

(còn tiếp)

phi điệp

Thiên cao vân ám nguyệt như mi
Sơn thượng phong dao điệp lạc trì,
Ngã vọng hồn truy phong viễn xứ
Hà phương du mãn cố nhân tri?

thủy sơn

天高雲暗月如眉
山上風搖葉落時
我望魂追風遠處
何處滿故人知

lá bay

Trăng không nghiêng xuống
tôi buồn lắm
Gió đổ lưng đồi,
chiếc lá bay.
Hồn tôi theo gió,
bay theo gió
Bay mãi về đâu?
Ai có hay!

thủy sơn

VẬT VỜ

NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG

(khởi đầu từ số 213)



Chương 14

Khánh không biết Quang đã kịp nói chuyện với Dũng từ khi nào, mà sáng hôm sau, lúc ba anh em đưa nhau đi chơi, lão bảo gã:

- Chuyện của các ông, tôi đã biết hết rồi. Tạm thời, cứ yên tâm tá túc ở đây với tôi. Lúc nào thấy thích, tôi sẽ lên thư viện khuôn sách về cho mà đọc. Còn nếu muốn vẽ thì cũng tha hồ. Rất nhiều đề tài.

Ba anh em đi giữa một cánh rừng. Đất ở đây có vẻ đặc biệt thích hợp với bạch đàn và chẳng biết là người ta kịp trồng từ bao giờ mà chúng đã cao lắm. Khánh nhìn những sườn đồi xanh rì chập chùng nối tiếp nhau, nhìn con đường mòn ngoằn ngoèo, quanh co dưới những bụi cây lúp xúp, những thân cây thẳng tắp đã tróc hết lớp vỏ lụa bên ngoài để lộ ra lớp thân gỗ trắng tinh như những thân bạch dương, tấm tắc:

- Cảnh vật ở đây đẹp thật. Lại cả dãy Tam Đảo tím tím ở xa xa kia nữa. Nếu có điều kiện, thế nào tôi cũng phải vẽ ông ạ.

- Tôi tin là như thế. - Dũng đồng tình. - Bởi nếu còn ở đây lâu, nếu chịu khó đi... thì thế nào cũng có lúc ông chợt bắt gặp một chú sơn dương hoặc một chú nai ngơ ngác từ trong rừng bước ra. Những con thú rừng ở đây, không hiểu vì sao mà hiền lắm ông ạ. Có

thể nó sẽ thơ thẩn gặm cỏ, hoặc thậm chí đứng yên trong một thời gian đủ làm mẫu để ông quan sát, phác họa một bức tranh.

- Thật thế ư?

- Thật chứ. Nếu may mắn ông có thể còn bắt gặp cả bọn chồn hoặc sóc. Những con chồn, con sóc ở đây có bộ lông thật đẹp và đặc biệt là những cái đuôi thật dài.

- Rừng của ông có công không?

- Có chứ. Cả trĩ nữa. Có thể ông sẽ được chứng kiến một ngày hội của bọn này. Có thể vào một ngày đẹp trời nào đó, ông sẽ thấy trên một mảnh đất trống đột ngột hiện ra giữa rừng một đàn hàng chục con công con trĩ đang đua nhau nhảy múa. Chúng có những cái đuôi tuyệt đẹp, thướt tha, duyên dáng vô cùng.

- Thế thì tôi phải ở đây với ông ít nhất là sáu tháng.

Khánh lộ rõ vẻ thích thú. Gã lại nhìn lên trời, hỏi tiếp:

- Tôi nghe người ta nói trời ở đây lúc nào cũng xanh, đúng không ông?

- Gần đúng, ông nên biết từ thời Pháp thuộc đây đã là khu nghỉ mát nổi tiếng. Khí hậu đã trong lành thì chuyện bầu trời luôn luôn xanh là điều tất nhiên thôi.

Dũng đáp rồi nói tiếp:

- Nhưng có lẽ một hôm nào đó

tôi phải đưa ông ra hồ Đại Nải. Ở đấy mới thực sự là sơn thủy hữu tình, vì cái hồ rộng mênh mông, nước lúc nào cũng xanh biếc này nằm ngay dưới chân rặng Tam Đảo. Nói thật, ông đã đến đấy rồi thì chắc chẳng còn muốn đi đâu nữa.

Như quên bằng mất chuyện mình là thằng đang bị công an phát lệnh truy nã, Khánh vui vẻ bắt chuyện với Dũng. Gã cảm thấy tiếc rằng đất nước còn quá nhiều cảnh đẹp mà gã chưa được đặt chân tới. Thế mà gã cũng được mang tiếng là dân làm nghệ thuật. Thật đáng xấu hổ. Một vùng như dưới chân Tam Đảo này có gì đáng gọi là xa xôi lắm đâu. Dù cho tàu xe có khó khăn trắc trở đến mấy đi chăng nữa thì cũng chỉ vẫn cách Hà Nội có một nửa ngày đường, vậy mà chẳng hiểu tại sao mà tới giờ khi đã gần ba chục tuổi đầu gã mới có dịp đến gần. Nghe Dũng phác họa mấy cảnh ở Hồ Đại Nải, Khánh khoái trí lắm. Gã sốt sắng:

- Thế thì tốt quá. Lúc nào có điều kiện phiền ông đưa tôi đến đấy một lần. Vâng! Đúng một lần thôi. Để biết đường. Còn những lần sau thì xin ông để kệ tôi tự đi một mình.

- Được thôi. - Dũng gật đầu. - Và tôi cũng xin nói thêm là ở đấy không chỉ có cảnh đẹp mà người cũng tuyệt vời. Xin nói cho ông biết rằng gần đây có rất nhiều trường đại học và trung học.

Rồi lão kể một hơi dài:

- Đại Học Kiến Trúc này. Đại Học Sư Phạm II này. Đại Học Kinh Tế Tài Chính này. Rồi các trường Trung Cấp Đồ Bản. Trung Cấp Địa Chất. Trường In. Trường Công Nhân Kỹ Thuật Cơ Điện. Trường Sư Phạm 10 + 3... Nhiều lắm. Và trường nào cũng rất nhiều con gái. Cứ đến ngày nghỉ là các em dẫn nhau tung tăng ra hồ chơi.

Em nào trông cũng như người mẫu. Chắc ông đã từng nghe câu: *Tiền trường múa, công chúa mười cộng ba*. Mà tôi thì thấy các nàng tiên sư phạm, kiến trúc cũng xinh chẳng kém gì các em mười cộng ba. Ông đến đấy dễ bị say lắm.

Từ đầu buổi đi dạo, Quang vẫn im lặng đi bên cạnh hai ông anh. Gã vốn không phải diện hay nói. Hơn nữa, đối với gã, hai ông anh này tuy chưa phải là cây đa cây đề gì nhưng vẫn có cái gì đó đáng để gã nể phục. Khánh, đúng là có vẻ ngây thơ, ngơ ngác như một nghệ sĩ thực thụ nhưng những tác phẩm của gã bao giờ cũng để lại dấu ấn khó phai nhòa trong lòng người xem. Dù lớn, dù nhỏ gì thì những bức tranh của gã vẫn như có hồn, như biết nói. Xem tranh gã, người ta thấy cái nhìn của gã nhiều khi rất mượt mà, dịu dàng, tình cảm nhưng lại cũng nhiều khi sắc như dao, như nứa, như muốn cứa vào tim cật con người. Còn Dũng, tuy trông bụi bặm nhếch nhác thế nhưng sở học của lão cũng không phải là loại bình thường. Ngay từ thời còn sinh viên, lão đã có nhiều tác phẩm đoạt giải thưởng khá cao trong các kỳ thi về kiến trúc cả trong nước lẫn ngoài nước. Tuy chưa một lần đặt chân đến Miền Nam nhưng cũng từ thời còn sinh viên, đồ án làng nổi ở vùng ngập nước Đồng Tháp của gã được một hội đồng chấm thi gồm toàn những giáo sư kỳ cựu, nổi tiếng trên thế giới đánh là là một trong những đồ án xuất sắc nhất. Nó độc đáo, vừa mang tính dân tộc, vừa vẫn giữ được tập quán của người dân vùng lũ, lại vừa mang dáng dấp hiện đại, và cái chính là vừa mang đầy tính khả thi. Tuy bị liệt vào loại khá ngang bướng, nhưng trong kỳ bảo vệ đồ án tốt nghiệp, nhiều ông giáo khó tính và chẳng có chút thiện cảm nào với lão

cũng vẫn chẳng vận vẹo được lão ở điểm nào. Tuy có khó chịu, nhưng các cụ vẫn phải hạ bút phê cho lão những lời nhận xét tốt nhất và số điểm cao nhất. Chính vì thế mà tuy chẳng thiết tha gì nhưng lão vẫn được giữ lại trường để gọi là nghiên cứu thêm và làm cán bộ giảng dạy.

Dũng thao thao quảng cáo cho các em sư phạm và mười cộng ba một cách nhiệt tình quá làm Quang phải lên tiếng:

- Anh Dũng kể từ từ thôi. - Gã nói. - Anh kể đồn kể đập thế là anh Khánh bị ngợp. Bây giờ mà anh ấy bị các cô bắt mất hồn vía, mất ăn, mất ngủ là gay lắm đấy. Theo em, tốt nhất là anh nên dẫn anh ấy đi giới thiệu một số kỳ quan của trường anh đi.

Quang đùa thế nhưng Khánh lại tưởng thật. Gã hỏi luôn:

- Ngay trường ông mà cũng có kỳ quan à? Vậy thì, nếu ông không ngại, xin phiền ông dẫn đi thăm một lượt.

Dũng nhìn Khánh rồi nhìn Quang:

- Thằng em này hay đùa dai. Nó nói ngược lại đấy ông ạ. Làm gì có kỳ quan nào ở đây đâu.

Xong lão lại nói luôn:

- Tuy nhiên, cũng có một số cái lạ đời. Nếu ông thích tôi xin dẫn ông đi ngay.

Rồi lão xăm xăm đi trước. Từ cánh rừng có nhiều thân bạch đàn trắng tinh mà Dũng bảo là có chị em với những cánh rừng bạch dương tít tận bên nước Nga xa xôi kia về trường, đi bộ cũng phải mất cả tiếng. Đầu tiên, Khánh nhận thấy có rất nhiều những túp lều nhỏ nhỏ, cái vách đất, cái vách tre, mái lá, mái ni-lông lẩn lộn nằm rải rác trên các vạt đồi cạnh trường.

- Những quán nước đấy ông ạ. Chắc ông cho là vô lý, vì tại sao lại đặt quán ở những nơi trống

trơn như thế này có phải không?

- Dũng nói. - Chẳng vô lý tí nào đâu ông ạ. Những cái quán nằm ở vòng ngoài này là để đón lõng những thằng đi dạo trên rừng về như bọn ta đây. Hoặc là đón lõng bọn hay ôm sách vở vào rừng học bài cho yên tĩnh. Nhất là vào mùa thi, khi có nhiều con một sách ở lì trong rừng cả ngày thì những quán này trúng đậm lắm đấy. Mà ông đừng nghĩ quán xa trường thì không có ai tới. Ngược hẳn lại ông ạ. Có nhiều thằng, nhiều nhóm chỉ ra những quán ngoài bìa rừng này ngồi. Tôi nghĩ đấy là những thằng có văn hóa, biết thưởng thức. Ông thử tượng mà xem, còn gì thú cho bằng khi vừa ăn cơm xong ba bốn thằng dung dăng dung dẻ, thơ thẩn đưa nhau lên đồi, và khi vừa hơi mỗi chân một tí thì đã có ngay một cái quán nước để ngồi nghỉ.

Khánh thấy cách lý giải của lão cũng có lý lắm. Gã lại hỏi tiếp:

- Ông vừa nói rằng những cái quán này ở vòng ngoài. Vậy hẳn là còn có vòng trong nữa chẳng?

Dũng cười khà khà:

- Tất nhiên rồi.

Nói xong, lão im lặng dẫn Khánh và Quang đi tiếp, đến khi cả hai đều đã nhìn thấy những cái quán lúp xúp nằm ngay cạnh khu ký túc xá của sinh viên mới tiếp tục:

- Vòng trong là để đón những con mèo lười không chịu đi xa. Bọn này cũng khá là đông. Cũng là để phục vụ những thằng chỉ thích nằm thẳng cẳng trên giường giữa cổ nhả khói thuốc lên mái nhà.

- Hay nhỉ...

Khánh cũng thấy muốn bật cười. Gã tưởng tượng ra một gã sinh viên nào đó từ trong nhà chạy ra đứng lom khom trước cái chõng tre của ông chủ quán lấy

mấy điều thuốc rồi lại chạy về nhà leo tót lên giường.

Dũng nói tiếp:

- Như tôi vừa nói với ông: Nếu những cái quán vòng ngoài kia phục vụ cho bọn lên rừng ôn thi rất có hiệu quả thì những cái quán vòng trong này lại được bọn đang làm đồ án rất tín nhiệm. Vì không thể vác giá vẽ, bảng vẽ, giấy vẽ cùng hàng mớ sách vở, dụng cụ lên rừng được nên bọn này chỉ có thể ngồi đàn sáo ở những quán gần nhà. Tôi thấy sự phân ra làm hai loại quán để phục vụ hai loại đối tượng này hết sức hợp lý. Sinh viên trường tôi có câu: Ân Năm năm là chín kỳ thi, mười kỳ đồ án còn gì là xuân“.

- Ông nói đúng. - Khánh gật gù. - Đúng là một mười một chín.

- Xong gã lại hỏi tiếp:

- Nhưng bên trong của những cái quán vòng trong này hẳn vẫn còn có một loại quán khác?

- Còn chứ.

Dũng nói và lại dẫn Quang và Khánh đến khu giảng đường:

- Những cái quán trong trung tâm này chúng tôi gọi là những cứ điểm. Những cứ điểm này nằm xung quanh giảng đường và phục vụ sinh viên trong những phút giải lao giữa các giờ học. Tính chất của nó là phải phục vụ thật nhanh. Phải tính số kẹo, số thuốc, số cốc chén như thế nào đó, chèn phải pha sẵn, bàn ghế phải đủ... sao cho chỉ trong vòng năm mười phút có thể đáp ứng như cầu của hàng mấy chục con người cùng ào ra. Ngoài ra, những cái quán loại này là để dành cho các cậu lười biếng thỉnh thoảng lại trốn một tiết.

- Ông đã kể về ba loại quán rồi. Phải nói là như có một sự phân công tuy vô hình nhưng rất chặt chẽ, rất khoa học - Khánh gật gù, thán phục. - Nhưng tôi chắc là vẫn chưa hết có đúng không

nào?

- Hoàn toàn đúng. - Dũng gật.

- Ngoài ba loại quán cơ bản mà tôi gọi là quán cố định kể trên, ở trường này còn có rất nhiều mẹt hàng di động. Những quán hàng nhỏ nhỏ này thường chỉ hoạt động vào những giờ cao điểm. Thí dụ như các giờ ăn trưa và chiều. Hoặc vào những dịp đặc biệt. Thí dụ như vào các buổi chiều ở sân vận động có đá bóng hoặc các tối nhà trường có tổ chức chiếu phim...

Dũng còn định nói tiếp thì

Quang đã chen vào. Vốn là cầu thủ của đội tuyển trường Mỹ Thuật nên cứ có ai nói đến hai chữ đá bóng là gã thấy ngứa ngáy chân tay:

- Mà các giải bóng đá ở trường anh có hơi nhiều, đúng không?

- Thằng em lại cũng hoàn toàn đúng. - Dũng lại cười khà khà. - Giải giữa các khóa trong một khoa. Giải giữa các khoa trong trường. Rồi giải của giáo viên riêng. Giải sinh viên riêng. Giải công đoàn. Giải liên quân... Đúng là các giải bóng đá ở trường này

lời thu xa

*Thu giữ mây mù, bụi mưa bay
Tóc hoe từng sợi, tim gió lay
Này người em gái đang cười nhớn
Thu đang chờ nhớ, em có hay?*

*Chắc hẳn em đã quên lối về
Của mùa thu ấy trên đất quê
Hoàng lan, nụ cúc em cài tóc
Hương say mây xoã ngát đường đê.*

*Không biết em còn thuộc ca dao
Tình tự câu hát thuở hôm nào
Em đã quên chưa phút lúng túng
Hôm giữa sân trường thư lên trao.*

*Còn nhớ không em những mộng mơ
Bên nhau tí tê quán hẹn hò
Thềm mây mưa thu nồng hương đất
Giữ áo cho nhau, đếm mong chờ.*

*Em xa quê đã mấy thu rồi?
Màu sơn kỷ niệm em tô môi
Nhặt phai theo thời gian bôi xóa
Còn không những nét thời hoa khôi?*

*Mùa thu xa ấy vẫn nhớ thương
Vẫn đợi em về ghé lại thăm
Một lần ra đi không hẹn ước
Để mùa thu vàng võ ngàn năm.*

biển bắc



hơi nhiều. Đã thế thỉnh thoảng lại còn mời các đội ở trường khác đến đá nữa chứ. Quay sang Khánh, lão tiếp:

- Ông còn ở đây lâu, rồi ông sẽ thấy trong một trận đá bóng, một buổi hội diễn văn nghệ hay một buổi chiếu phim, quán xá ở đâu tự nhiên mọc lên cứ như là sao sa.

- Trường ông thường hay chiếu phim ở đâu? Trong giảng đường hay ngoài sân vận động?

Nhân lúc Dũng nhắc đến chuyện phim ảnh, Khánh hỏi luôn.

- Hội trường nào cho đủ hàng nghìn người xem hở ông? Lại cả dân chúng xung quanh mỗi khi nghe có phim kéo đến xem ké nữa. Sân vận động thì rộng nhưng không đủ tiêu chuẩn. - Giọng Dũng chột trở lên hóm hỉnh: - Trường tôi có hẳn một cái nhà hát ngoài trời ông ạ. Có sân khấu, có buồng chiếu và nhất là có những dãy ngồi từ thấp đến cao bằng bê tông, xem thoải mái vô cùng.

- Có phải đây là một kỳ quan không? - Khánh tò mò.

- Công bằng mà nói thì kể ra thì cũng hơn cảnh xem gáy nhau ở một số trường khác. Nhưng tiếc là có một số nhầm lẫn trong khâu tính toán và thi công nên hai chữ "Â kỳ quan" phải hiểu theo nghĩa ngược lại là "Â kỳ cục" ông ạ.

- Tôi không hiểu. - Khánh nhìn kỹ cái "Nhà hát ngoài trời" một lúc rồi nói thêm. - Trông nó cũng được đấy chứ. Cái gì cũng mạnh mẽ, xinh xinh.

- Danh từ chuyên môn của chúng tôi thì gọi là chi tiết nào cũng thanh thoát. Nhưng nó mới dừng lại ở đấy thôi, và khi sử dụng thì lại gặp vấn đề. Thí dụ như cái buồng chiếu phim ở giữa sân kia. Trông như một cái chuồng chim, rất đẹp, đúng không? Nhưng do các thầy trong bộ môn vật lý kiến trúc nhầm lẫn một vài

thông số thành thử không sử dụng được. Bây giờ nó chỉ được dùng làm cái kho để chứa máy chiếu, loa đài, dây dợ... Khi có phim thì lôi ra ngoài. Chiếu xong thì lại cất vào đấy. Mà phim thì có phải thỉnh thoảng mới có đâu, một tháng ít ra là nhì kỳ.

- Vậy nên mấy cha ở bộ phận vận hành máy chiếu tức là, phải không anh? - Quang xen vào.

- Tức là đúng chứ. Bình thường đã tức rồi, đáng lẽ chỉ cần đóng cửa, khóa đến tạch một cái là xong thì đằng này lại phải mất công tháo dỡ, mất công vận chuyển. Nhưng tức nhất phải nói là vào những tối gặp trời mưa. Mưa to cũng khổ mà mưa nhỏ cũng khổ. Mưa to thì phải tháo máy cho nhanh, còn mưa nhỏ thì phải căng ni lông lên che ống kính đi mà chiếu...

Đến đây thì Khánh vỡ lẽ. Gã gật gù:

- Vậy nên, cái buồng chiếu phim chỉ để mà ngắm ấy mới được gọi là kỳ quan, đúng không?

- Đúng thế. - Dũng đáp. Xong gã nói thêm. - Mà những thứ làm lên chỉ để ngắm, để chơi như thế ở trường này có hơi nhiều, đi đến đâu cũng gặp. Thí dụ như cái nhà hai tầng duy nhất bên kia sân vận động kia tuy rất đẹp nhưng không ai dám ở. Vì nó là một công trình rất phi khoa học. Ông biết là tường của nó được xây bằng cái gì không? Bằng gạch không nung. Còn sàn thì bằng bê tông nhưng cốt tre. Tức là kết quả nghiên cứu của mấy ông trùm vật liệu xây dựng trường này. Có một cái buồn cười nhất là: Ngay sau khi hoàn thành, từ học sinh đến cán bộ công nhân viên được thông báo là không được bén mảng đến gần cái công trình kỳ cục này vì nó có thể sụp đổ vào bất cứ lúc nào.

- Và ắt hẳn vì thế mà nó được liệt vào hạng kỳ quan?

- Đúng như vậy.

Dũng đáp rồi lại đưa Quang và Khánh đi tiếp. Trong buổi đi dạo đầu tiên của ba anh em mà Dũng gọi là đi tham quan quang cảnh của trường ấy, lão còn chỉ cho hai gã xem một số kỳ quan nữa. Đây là một cái bể dung tích khoảng hơn một ngàn mét khối tác phẩm chung của ba bộ môn sức bền vật liệu, kết cấu bê tông cốt thép và thi công. Theo tính toán, cái bể này khả dĩ có thể cấp nước sinh hoạt cho toàn trường, nhưng hiện tại không có lấy một giọt vì vừa bị nứt lại vừa bị lún, bị nghiêng lệch. Hoặc một cái giếng khoan nước ngầm có công suất hai ngàn mét khối ngày đêm, tác phẩm của bộ môn địa chất. Theo thiết kế thì phải khoan cái giếng này là để cung cấp nước cho cái bể chứa một nghìn mét khối. Nhưng từ khi lấp đặt xong mọi thiết bị rồi mà vẫn chưa ai thấy nó hút được một giọt nước nào từ dưới đất lên gọi là có. Hoặc một cái căng-tin không bao giờ có người lai vãng, tác phẩm của phòng đời sống. Và còn một loạt những kỳ quan khác nữa. Để có thể đi thăm sơ sơ mỗi được một lượt, ba anh em cũng phải mất gần trọn cả một ngày.

Chương 15

Sau buổi đầu tiên cùng với Dũng và Quang cưỡi ngựa xem hoa, đi tham quan gần hết một vòng trường Đại học xây dựng, Khánh còn ở lại đây đến gần hai tháng. Trong khoảng thời gian này, gã có điều kiện chiêm ngưỡng thêm nhiều kỳ quan nữa. Phải nói là ở trường này người ta đã xây dựng nhiều cái rất khác đời, rất xứng đáng được gọi là kỳ quan. Gã cũng đã đi và vẽ được khá nhiều. Trong căn phòng một gian ngấp ngựa rác rưởi của Dũng chỗ nào cũng thấy tranh của

Khánh. Bức treo tạm trên tường, bức còn nằm trên giá vẽ, bức ở trong học tủ. Nhiều bức đã hoàn thành, nhiều bức còn dở dang, nhiều bức mới ở dạng phác thảo...

So với Dũng, Khánh thuộc loại ít nói. Ngôi nhà, ngôi quán hay đi lang thang ngoài đường, dù xung quang thiên hạ có sôi nổi âm ĩ đến thế nào thì gã cũng vẫn cứ thủng thẳng, năm thì mười họa, thỉnh thoảng lẩm mẩm góp một câu. Có lẽ đây là một trong những đặc trưng nghề nghiệp của gã. Một khi hai con mắt con người ta phải căng ra mà nhìn, một khi mà hai cái tay người ta bận bịu với những bảng màu, và nhất là một khi người ta đang đắm chìm giữa những cái đẹp, giữa những cái gai góc đến nhức nhối thì tự nhiên cái mồm người ta phải bít đi.

Dũng là một tay có đầu óc hài hước. Khánh nhớ có lần lão nói với gã rằng:

- Nếu ông có bộ nhớ tốt, tôi chắc rằng dù chỉ ở trường này một thời gian rất ngắn thì mười năm, hai mươi năm sau nhớ lại những câu chuyện về những con người nơi đây ông vẫn thấy còn muốn buồn cười.

Khánh thấy lão nói đúng. Hai tháng, thời gian chẳng đáng bao nhiêu nhưng đúng là bộ nhớ của gã cũng đã ghi lại được một số khá nhiều những câu chuyện tức cười về những con người ở xứ này. Thì sau những lúc miệt mài bên giá vẽ, gã cứ chịu khó đi với Dũng - ít nói, đến như cái bóng cũng được - nhưng cứ chịu bỏ công lễ la cùng lão nay quán này, mai quán khác thì thế nào gã cũng biết được khối chuyện.

Khánh chia bộ nhớ của gã ra làm mấy ngăn để đựng hồ sơ về con người để lục lợi cho dễ. Ngăn của đám các thầy giáo cô giáo. Ngăn của đám cán bộ công nhân viên. Ngăn của mấy ông mấy bà

chủ quán. Ngăn của tụi sinh viên.

Cũng như các trường khác, quanh chén trà, điếu thuốc, bọn sinh viên ở đây hay mang chuyện của những chiếc máy chém, chuyện tình tình dở hơi, khó khăn nhiều khi đến khắc nghiệt của một số ông thầy cũng như một số bộ môn ra để nói cho hả. Và cái địa chỉ có nhiều máy chém làm chúng kinh hoàng nhất bao giờ cũng là bộ môn quân sự. Mà cái tức tối, cay đắng nhất là nếu không hết sức cẩn thận, không hết sức đề phòng, không hết sức cảnh giác đối phó thì công lao đèn sách vất vả hàng bốn năm năm trời nhiều khi bị tiêu tùng bởi những ông thầy hết sức vô học ở bộ môn này.

Thầy tổ trưởng bộ môn quân sự tên là Trần Anh Thư. Cái tên nghe thật là con gái và thầy thì trông cũng thật giống đàn bà. Thuộc loại nhỏ xương nên trông thầy nhỏ nhắn và có vẻ trẻ hơn tuổi. Da thầy không bắt nắng nên trông thầy trắng hơn các thầy khác trong bộ môn rất nhiều. Nhưng ngoài tên họ và nước da ra, người ta thấy thầy giống đàn bà nhất là ở khuôn mặt và cái cổ. Cổ thầy không có hầu và tuy đã có khá nhiều vết hằn rất sâu, mặt thầy vẫn có hình trái xoan. Mà trái xoan nhất là ở chỗ cái cằm thầy không hề bạnh. Đôi mắt thầy là đôi mắt lá dăm, mũi thầy thon, nhỏ và đôi môi thầy lúc nào cũng đỏ như bôi son.

Có lẽ vì không có hầu nên tiếng nói của thầy Trần Anh Thư rất thanh. Và có lẽ vì không quát to được nên giọng nói của thầy nghe rất nhẹ nhàng. Chưa ai thấy thầy cười thành tiếng bao giờ. Thầy lại rất ít cười và chỉ cười nửa miệng giống in như nụ cười của nàng La Joconde.

Thầy nào trong bộ môn quân sự cũng rất đáng gờm. Thầy Bảo, thầy Trị khoa mục đội ngũ, thầy

Cảo, thầy Đồng khoa mục ném lựu đạn, thầy Tối, thầy Toàn khoa mục bắn súng, thầy Tấn, thầy Nhất, khoa mục chiến thuật, thầy Năm, thầy Trụ khoa mục đào công sự..., thầy nào cũng thuộc loại hét ra lửa cả. Trong giờ lý thuyết cũng như giờ thực hành, thằng nào dám ho he ngoẹo đầu, ngoẹo cổ, cười nói, tỏ thái độ không tôn trọng môn học cũng như không tôn trọng các thầy mà để các thầy nhìn thấy thì chỉ có chết. Thầy Bảo hành thằng nào dám cười trong giờ đi đều hoặc quay phải quay trái của thầy bằng cách bất đứng nghiêm không động đậy ngoài nắng suốt buổi học, nghĩa là khoảng ba tiếng. Mà thầy thì lại có đáng đi chấm phẩy, không thể không cười được. Thầy Cảo thì trị thằng nào dám nhại tiếng của thầy, (thầy toàn nói ngọng n thành l và ngược lại, thầy cũng không phát âm được nhiều tiếng, thí dụ, đáng lẽ phải nói là *bên kia đồi* thì thầy lại chỉ nói được là *bên kê đồi*), bằng cách bắt đeo ba lô đựng đầy gạch củ đậu chạy quanh đồi ít nhất ba vòng, mỗi vòng khoảng bốn kilomet. Nhưng cái mà bọn sinh viên ở trường này kinh nhất vẫn là thầy tổ trưởng bộ môn.

Khánh nghe bọn sinh viên kể là trong môn quân sự, khoa mục mà thầy Trần Anh Thư dạy quan trọng nhất. Đây là những bài giảng về chính trị. Phải nghe ngồi thầy lái nhai hàng mấy giờ liền bằng cái giọng rề rề đều đều về nền quốc phòng toàn dân, về quan niệm chiến tranh nhân dân của đảng, về truyền thống quật cường, anh dũng, truyền thống anh hùng, bất khuất của quân đội ta..., thì dù có muốn chống mắt lên cũng vẫn cứ buồn ngủ. Và khổ nhất là buồn ngủ mà phải ngồi im như phỗng, mà không được cựa cựa, không được quay ngang quay ngửa thì

lại càng buồn ngủ hơn. Buồn ngủ mà không được ngủ, không được làm một cái gì khác, không được kêu ca, không được tỏ một phản ứng gì thì đúng là một cực hình. Vậy nên, buổi nào phải tập trung để nghe thầy giảng bài thì thằng nào cũng sợ đến vãi linh hồn. Đây đúng là những buổi tra tấn tinh thần. Bọn sinh viên bảo với nhau vậy. Mà quả như thế. So với cách hành hạ về thể xác của các thầy quân sự khác thì những buổi lên lớp về chính trị của thầy Trần Anh Thư còn quái ác dữ dội hơn nhiều.

Gã cũng nghe chúng kể rằng thầy Trần Anh Thư rất ít nói. Nhưng thầy luôn mang theo trong người một cuốn sổ đen. Ngoài những buổi lên lớp về chính trị, như một cái bóng ma, thầy mò tới hết lớp này đến lớp khác để theo dõi và im lặng ghi vào cuốn sổ đó những cá nhân nào đó mà theo thầy là có tư tưởng, đạo đức, tác phong... không xứng đáng là bộ đội cụ Hồ. Chẳng hạn, thầy sẽ ghi vào sổ những thằng để đầu tóc quá dài, những thằng sáng ra không chịu gấp chăn màn, những thằng không bỏ áo trong quần, những thằng đi dép lê, những thằng lười lau vũ khí, những

thằng lười thay lá nguyệt trang..., và đặc biệt là những thằng hay phát ngôn bừa bãi. Và những thằng đã có tên trong cuốn sổ đen ấy của thầy thì giờ hồn. Đến kỳ kiểm tra chính trị, dù có thuộc bài như cháo chảy, có chép lại từ đầu đến cuối bài giảng của thầy thì thầy cũng cứ đánh hồng. Chính trị bao giờ cũng là thống soái. Đã hồng chính trị thì dù có đào công sự, bắn súng, ném lựu đạn, đi một hai, chiến thuật, chiến lược giỏi đến đâu đi chăng nữa không thể cứu vớt được cả môn quân sự. Mà đã hồng môn quân sự thì dù chuyên môn có giỏi, có bảo vệ đồ án xuất sắc cũng vẫn đừng có hồng mà nhận bằng tốt nghiệp.

Bộ môn quân sự và thầy tổ trưởng Trần Anh Thư là như thế. Các thầy là những bóng ma ám ảnh trên đầu nhiều thế hệ sinh viên. Nhiều gã, dù rất giỏi nhưng chỉ vì không giữ gìn được đến nơi đến chốn, để bị chút ít ác cảm của các thầy bộ môn này mà phải ra trường sớm. Tất nhiên, chúng rất căm. Và trước khi khăn gói tạm biệt bạn bè nhiều gã đã cố làm một cái gì đấy gọi là để trả lại dù chỉ một phần những tai ương mà các thầy đã gây ra. Trong những ngày ở đây, Khánh đã mấy lần được nghe kể lại một trong những trò trả đũa của bọn chúng; một trong những trò mà đám sinh viên cho là ngoạn mục và đích đáng nhất.

Một buổi tối, sau khi đi kiểm tra và đã ghi vào sổ đen mấy thằng lơ là ở mấy trạm gác, thầy Trần Anh Thư quay về phòng của mình và bật đèn đầu lên để soạn giáo án. Thầy vừa ngồi xuống bàn thì có tiếng gõ cửa. Vì mất cảnh giác, cứ tưởng là một thầy nào đó trong bộ môn sang hỏi ý kiến, thầy đứng dậy, vừa mở cửa ra thì bị một cái chân trùn kén đầu. Năm sáu gã sinh viên bịt kín

miệng thầy rồi khiêng lên đồi. Ở đây, chúng đâm đá, đập cho thầy một trận như từ xong quãng thầy xuống giao thông hào. Cái hay nhất là tuy rất đau nhưng thầy vẫn còn tỉnh táo nghĩ được rằng bọn sinh viên này có khôn mà không ngoan, và thầy khư khư ôm lấy cái chân mà bọn chúng trùn lên đầu mình với hy vọng rằng từ đây sẽ truy ra dấu vết. Bọn mày chạy mà để lại tang vật như thế này thì có khác gì là lạy ông tôi ở bụi này. Nhưng thầy thất vọng ngay. Thật tức là khi về đến nhà, vừa bật đèn lên xem thì thầy đã nhận ra đấy chính là cái chân hàng ngày thầy vẫn đập.

Trong trường còn một bộ môn nữa cũng thuộc loại vô học nhưng tác oai tác quái và gây điều đúng cho nhiều sinh viên chẳng kém gì môn quân sự của thầy Trần Anh Thư. Đây là môn thể dục của cô giáo tổ trưởng Dương Kiều Trinh. Bất chấp chế độ ăn uống của sinh viên thiếu thốn, kham khổ, dẫn đến chuyện sức khỏe bị suy nhược như thế nào, đến những kỳ kiểm tra cô Trinh vẫn yêu cầu, bắt bọn chúng phải đạt thành tích như một vận động viên thứ thiệt. Nghĩa là phải chạy một trăm mét dưới mười lăm giây, phải chạy một nghìn năm trăm mét dưới năm phút, phải kéo tay, phải quay được người như chong chóng trên xà đơn, phải chèo cây chuối được trên xà kép, phải chơi được bóng chuyền, bóng bàn, bóng đá, bóng rổ... Mà ngoài chuyện ăn uống phải đảm bảo để có một số calo tối thiểu trong khi luyện tập, để đạt được một thành tích của một môn thể thao nào đó còn phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố. Thí dụ như thể lực và năng khiếu của sinh viên. Và nó cũng là một quá trình rèn luyện vất vả chứ đâu phải chỉ mỗi tuần mấy chục phút với các thầy các cô. Vậy nên, mặc

con bướm đa tình

*Vườn tình ái
nở muôn hoa tươi thắm
Trái yêu thương
đang chín ngọt trên cành
Những con bướm đa tình
bay lượn mãi.
Lá tương tư
vàng rụng
kín hồn anh.*

từ lê ngô

dù khi tập luyện đã nhiều thăng bị sai khớp cổ tay, bị lệch khớp vai, bị sái cổ, bị treo chân..., nghĩa là đã hết sức cố gắng, nhưng đến kỳ kiểm tra của cô Trinh số sinh viên bị trượt vô chuỗi vẫn rất đông. Mà trượt vô chuỗi môn thể dục của cô cũng như hồng môn quân sự của thầy Trần Anh Thư cũng có nghĩa là phải ra trường sớm.

Bọn sinh viên có cách lý giải riêng về sự khó khăn của thầy Trần Anh Thư và cô Dương Kiều Trinh. Về thầy Thư, chúng cho rằng thầy là điển hình của một đồ đệ trung thành đến mù quáng của chủ nghĩa Mao-ít. Thầy không tin một người nào khác, ngoài Đảng. Mà Đảng thì dạy thầy rằng trí thức không phải là thành phần cấp tiến của cách mạng, rằng trí thức là bọn lũng chừng, bọn hay ngã nghiêng, bọn cơ hội... nghĩa là một bọn rất đáng phải cải tạo. Vì thầy căm thù trí thức, nên thầy cũng căm thù luôn bọn sinh viên mà thầy cho là trước sau rồi cũng sẽ trở thành trí thức. Thầy nghĩ là không thể dung hòa được với những thói hư tật xấu cố hữu của bọn chúng. Phải cải tạo chúng. Và thầy đã ra sức cải tạo theo cách của riêng thầy.

Còn về cô Trinh thì bọn sinh viên cho rằng cô khó tính chẳng qua là vì đã gần bốn mươi tuổi rồi mà cô vẫn chưa lấy được chồng. Bằng chứng là sau khi lừa được một cậu tớ kém mình gần hai chục tuổi vào tròng, tính tình cô thay đổi hẳn. Cô dễ dãi đến không ngờ, và đến mỗi kỳ kiểm tra cô chỉ yêu cầu làm đúng một số động tác cơ bản chứ không cần phải cố gắng đạt thành tích nữa.

Về sự ngoạn mục, cú lừa cậu tớ sinh viên của cô Trinh có lẽ chẳng kém gì cú trùm chân thầy thư của bọn sinh viên. Để ý biết gã sinh viên này cũng ở gần nhà

mình, một buổi sáng thứ bảy, sau khi hết giờ học, cô giữ gã lại, hỏi:

- Chiều nay Tường có về Hà Nội không?

- Có ạ.

- Thế thì cho mình gửi cái xe đạp về nhé.

- Vâng ạ.

Tường đáp sau mấy giây suy nghĩ: Rõ ràng là chẳng mấy khi được cô giáo nhờ. Với lại, cô đã nhờ mà không làm thì phiền lắm. Cô không vừa lòng rồi trù cho thì nguy. Hơn nữa, đi cái xe đạp thì có gì mà khó khăn. Lại đỡ tốn tiền mua vé, đỡ tốn công chờ tàu. Tàu bây giờ hay chậm lắm.

Tường nghĩ rằng chắc vì bận việc gì đó nên cô Trinh phải gửi chiếc xe đạp về. Còn cô thì ở lại. Vậy nên gã hơi ngạc nhiên khi lúc đến đã thấy cô chuẩn bị sẵn hai chiếc với lý do:

- Cái Phượng Hoàng bị hỏng từ tuần trước nên cô phải về Hà Nội để lấy thêm chiếc Thống Nhất này. Bây giờ cái Phượng Hoàng đã sửa xong rồi, lại phải mang cái Thống Nhất về trả. Ở đây chật quá, không có chỗ để.

Cô xếp đặt khéo quá nên Tường không nghi ngờ gì. Gã cũng không nghi ngờ gì khi hai thầy trò thông dong người trước người sau đạp xe đến ngang thị xã Phúc Yên qua đồi Thanh Trúc. Đến đồi Bảy Mươi Chín Mùa Xuân tự nhiên cô Trinh bảo:

- Trời nắng quá, mình ghé vào đây nghỉ một chút cho mát được không Tường?

- Được chứ ạ.

Đồi Bảy Mươi Chín Mùa Xuân là một trong những quả đồi đẹp nhất trong khu vực này. Sở dĩ nó có cái tên dài dòng như thế là vì bên trên có một cái miếu thờ Bác Hồ. Và từ dưới chân lên đỉnh đồi, tức là lên đến cái miếu thờ của Bác ấy, chính quyền địa phương đã huy động nhân dân cũng như

bộ đội, công nhân, sinh viên... trong vùng bạt đất, xẻ đá làm thành bảy mươi chín bậc tương đương với bảy mươi chín tuổi xuân của Người. Cũng như phần lớn đồi núi khác trong vùng, quả đồi có hình dáng như một con voi phục rất đẹp này cũng được trồng rất nhiều bạch đàn. Có điều, vì là đồi Bác Hồ nên nó được người ta trồng có hàng có lối và chăm sóc kỹ lưỡng hơn rất nhiều.

Gọi là nghỉ chút cho đỡ mệt nhưng cô Trinh vẫn lôi Tường trèo hết bảy mươi chín bậc, lên đến đúng miếu thờ Bác Hồ mới dừng lại. Địa thế ở đây khá bằng phẳng, sạch sẽ. Xung quanh miếu có nhiều cây to và quý từ nhiều vùng đất nước. Đặc biệt, người ta còn bỏ công về tận Tân Trào, nơi có Cây Đa Bác Hồ chiết một cành đa mang lên đây để trồng. Cành đa này bây giờ đã trở thành một cây đa rất to, sum sê tỏa bóng mát rượi.

Cô Trinh lấy một mảnh nilon mang theo ra trải xuống dưới gốc đa rồi bảo Tường ngồi xuống. Rồi cô lại lấy bánh mì kẹp thịt ra mời, bảo ăn đi mà đạp xe. Gã chẳng nghi ngờ gì, ăn ngay một lúc hết nửa chiếc. Xong cô lại mở bi-dông rót cho gã một cốc mà cô bảo là chè tươi pha với đường. Gã cũng chẳng nghi ngờ gì, uống một hơi hết ngay.

Không nghi ngờ gì nên Tường Tô không biết rằng cô Trinh đã kín đáo pha vào bi-dông nước chè tươi một loại thuốc gì đó. Vậy nên khi uống xong cốc nước được một lúc gã cảm thấy nóng bừng cả người. Gã thấy thêm dần bần. Thêm đến không thể chịu nổi, không cần biết trời biết đất gì nữa. Và gã vùi ngay đầu vào lòng cô Trinh. Cô cũng đã vừa uống nước chè tươi và đã sẵn sàng đi tới bên cùng gã lắm.

(còn tiếp)

TÌNH HẬN

TỔNG MINH
LONG QUÂN

(khởi đăng từ số 202)



(tiếp theo)

Trở về văn phòng, nghị sĩ Davis giận đến tím mặt. Ông đi tới đi lui trong phòng làm việc, đầu óc căng đầy hình ảnh của Oliver. “Trời đất ơi, tại sao ta ngu quá, chọn làm người. Thằng khốn nạn này nó sẽ hủy diệt tất cả. Bao nhiêu tâm trí, tiền bạc ta đã đổ ra để tạo cho nó vinh quang ngày hôm nay. Chẳng qua nó chỉ là hình nộm bên ngoài cho quyền lực của chính ta. Nay nó xuống thì kể như ta cũng xoi hỏng, bồng không. Ngày hôm nay nó dám cứng đầu, cãi lại mệnh lệnh của ta. Được rồi, ta sẽ cho nó biết, sự ương ngạnh, vô ơn của nó đối với ta, hậu quả sẽ như thế nào..”

Davis ngồi phịch xuống ghế, đôi lông mày chau lại với vẻ cau có. Ông suy nghĩ phải làm gì bây giờ. Mím chặt môi, ông nhấc điện thoại và quay số. Vừa nghe tiếng người ở đầu giây bên kia trả lời, Davis đã hấp tấp nói ngay:

- Cô Leslie đó hả? Lúc trước cô có nói là chừng nào tôi có đề nghị nào hấp dẫn hơn thì gọi lại cô, cho nên hôm nay tôi muốn nói chuyện với cô..

Tiếng của Leslie vẫn lịch sự nhưng lạnh lùng:

- Vâng, có gì không hờ ông nghị?

Cố nén sự bức bối riêng ở

trong lòng, nghị sĩ Davis nói chậm lại:

- Để tôi nói cho cô biết, kể từ bây giờ tôi sẽ ủng hộ báo của cô hết mình, từ những quảng cáo cho đến đường lối thông tin, nghị luận..

- Ông làm vậy, tôi phải trả giá nào cho sự trao đổi này?

- Bằng chiếc ghế tổng thống Mỹ hiện thời. Một nhóm chức sắc của chính quyền, cơ quan lập pháp đang định ký giấy tố giác Tổng thống Oliver về những tội có liên quan đến cái chết của nhiều người. Hắn là kẻ sát nhân! Tôi muốn kể hết mọi chuyện cho cô biết.

Đầu giây bên kia im lặng một hồi. Sau cùng Leslie nói như không thể tin được những gì mình nghe thấy:

- Vâng, ông nghị kể ra thử coi..

Sau khi chấm dứt cuộc điện đàm với nghị sĩ Davis, Leslie hấp tấp bốc điện thoại mời Baker đến văn phòng có chuyện gấp muốn bàn. Vừa thấy mặt Baker, Leslie đã nói ngay bằng một giọng nói cực kỳ khích động. Leslie nói huyền thuyên khiến Baker không hiểu đầu đuôi câu chuyện ra làm sao. Ông lên tiếng chặn ngang:

- Bà hãy bình tĩnh, nói từ từ một chút. Tôi không hiểu bà

muốn nói cái gì?

Leslie vẫn không kèm được sự vui mừng, vừa thở vừa nói thật nhanh:

- Thì ông Tổng thống Oliver Russell của mình chớ ai. Mình có đủ bằng cứ để triệt hạ ông rồi. Bộ trưởng Tư pháp nè, Tư lệnh cảnh sát nè, Giám đốc cơ quan tình báo FBI hiện đang có mặt ở văn phòng tổng thống để ký trát điều tra ông ta về tội giết người. Có bao nhiêu bằng chứng để buộc tội ông đó Matt! Cô gái Louise chết ở khách sạn vào ngày 15 tháng 10. Ông tổng thống này lại không thể chứng minh được với mọi người là đêm đó ông ta ở đâu, làm cái gì... Câu chuyện xì căng đan thú vị này mà đăng lên báo thì đúng là một chuyện động trời của thế kỷ.

Baker lên tiếng can ngăn:

- Bà không thể đăng báo tin này được.

Leslie mở to mắt nhìn Baker với vẻ ngạc nhiên:

- Ông nói vậy là làm sao?

- Leslie, tin này thật quá khủng khiếp để mà... ý tôi muốn nói, chúng ta phải kiểm chứng đi, kiểm chứng lại mới dám đăng lên báo. Câu chuyện có tầm vóc lớn, ảnh hưởng không những ở Mỹ mà còn cả quốc tế, cho nên chúng ta cần phải phối kiểm lại chắc chắn.

Thấy Baker không có vẻ hứng khởi khi biết được tin này, trái lại còn ngăn cản nên Leslie thấy hơi khó chịu. Nàng nhìn Baker bĩu môi:

- Hừ, kiểm chứng... để rồi báo khác đăng lên tùm lum trước, lúc đó tờ *Tribune* mới lết đệt theo đuôi, phải không? Thôi, cảm ơn, tôi nhất định không bỏ lỡ cơ hội này.

Baker vẫn không nản lòng, ông nghiêm mặt nói:

- Chúng ta không thể đăng tin, kết tội một tổng thống Hoa Kỳ về

tội giết người mà không kiểm chứng lại nguồn tin cách kỹ lưỡng. Loạn tin thất thiệt, không những mất uy tín của vị nguyên thủ quốc gia mà còn hại đến tờ báo mình nữa. Độc giả sẽ cho mình là loại báo lá cải, chỉ muốn tin giật gân để câu khách mà thôi.

Leslie mỉm cười nham hiểm:

- Tôi đâu có kết tội ông ta! Tôi chỉ đăng tin là bộ trưởng Tư pháp cùng một số nhà lập pháp đang có mặt tại tòa Bạch ốc với trát điều tra tổng thống về tội giết người. Nội bản tin này thôi cũng đủ lật đổ chiếc ghế ông ta đang ngồi rồi.

Baker nhăn mặt với vẻ khó chịu:

- Hồi nãy bà nói nghị sĩ Davis...

Leslie lại cướp lời:

- Đúng, chính ông ta đã điện thoại cho tôi để báo tin. Ông ta đã bán đứng thằng con rể. Ông ta kể chuyện và kết luận là chính ông cũng nghĩ thằng con rể là kẻ có tội, nghe có rùng rợn không chứ? Ông ta đẹp tình thân trong gia đình mà chỉ nghĩ đến thể diện quốc gia nên mới điện thoại cho tôi biết.

- Lời nói của ông nghị sĩ Davis đâu đủ để mình tin theo 100 phần trăm. Mình kiểm chứng lại nguồn tin rồi...

Leslie khoát tay chặn không cho Baker nói tiếp:

- Thôi đủ rồi, ở đó mà kiểm với chứng.. Kiểm chứng với ai? Bộ ông điên rồi hả Matt? Khi nào mình chụp được một tin giật gân, nóng hổi thì mình lo đăng lên báo là để tranh với các báo khác. Chỉ có đăng hay là không, thế thôi. Nhưng tôi nhất định cho lên báo ngay lập tức.

Baker vẫn ương ngạnh, nhìn bà chủ bằng cái nhìn nghiêm khắc:

- Tôi không để cho bà đăng những bài báo với những nguồn

tin không đáng tin cậy như vậy.

Leslie chống tay lên bàn, nhìn Baker với vẻ thách thức:

- Ông đang nói chuyện với ai vậy? Là không, tờ báo này là của tôi, bài nào tôi muốn đăng thì đăng, ông cấm được tôi à? Tôi muốn làm gì thì làm, không ai cản tôi được.

Baker nổi giận, đứng phắt dậy, cao giọng nói:

- Thật là vô trách nhiệm! Tôi không cho một biên tập viên nào được phép viết bản tin này khi tôi chưa điều tra thực hư.

Leslie cười khẩy:

- Đâu có cần ai viết! Đích thân tôi sẽ viết bài này và đưa xuống nhà in, ra lệnh nhân viên phải in cho tôi.

Baker nhìn Leslie thật lâu rồi nói giọng thật trầm:

- Leslie, nếu bà nhất định đăng bài này thì tôi sẽ rời khỏi đây ngay lập tức. Tôi sẽ xin thôi việc và chẳng bao giờ trở lại đây đâu.

Leslie không giận mà đổi giọng ôn hòa, nói nửa đùa nửa thật:

- Tôi biết ông không đi đâu cả. Ông ở lại đây để chia sẻ vinh quang với tôi chứ. Chúng mình sẽ giật giải nhà báo giỏi nhất trong năm cho coi.

Baker không nói gì mà đứng phắt dậy, quay lưng đi ra khỏi văn phòng của bà chủ báo. Leslie nói với theo:

- Tôi biết thế nào ông cũng sẽ trở lại mà.

Nhìn theo dáng Baker đi khuất khỏi tầm mắt, Leslie bấm chuông cho cô thư ký, ra lệnh:

- Cô điện thoại cho ông thầy bói phụ trách mục tử vi của báo mình, mời ông ta đến gặp tôi gấp, có chuyện cần.

Đến khi ông thầy bói vừa bước vào văn phòng là Leslie đã nôn nóng hỏi ngay:

- Nè ông thầy bói, ông gieo

cho tôi một quẻ xem trong vòng 24 tiếng đồng hồ sắp tới tôi sẽ gặp chuyện gì, tốt hay xấu.

Ông thầy bói tuân lệnh. Ông ta ngồi xuống bàn, móc trong sách tay ra những đồ nghề, nào là quyển sách tử vi, quả cầu tròn cùng bộ bài ngũ sắc. Ông ta xù bài, lắc quả cầu, mở sách ra đọc hết trang này đến trang khác. Leslie im lặng ngồi chờ với sự hồi hộp. It người biết được con người thật của Leslie. Bên ngoài nàng có vẻ lạnh lùng, cứng rắn như đàn ông nhưng thật ra nàng tin bói toán cách tuyệt đối. Ngày xưa nàng thường đọc mục tử vi hàng ngày để xem chuyện gì xảy ra trong ngày đó. Đến bây giờ Leslie có khả năng, nàng muốn hẳn một ông thầy bói trừ danh để phụ trách mục tử vi hàng ngày, vừa phục vụ độc giả, vừa phục vụ máu ghen coi bói của nàng.

Mắt ông thầy bói mở to lên ra vẻ mới khám phá một điều gì lý thú. Leslie không kiềm được nên nôn nóng hỏi:

- Có chuyện gì lạ không hở ông?

Ông thầy bói ngẩng đầu lên nhìn thẳng vào mắt Leslie nói bằng giọng khích động không kém Leslie:

- Tôi.. Ý tôi muốn nói trong vòng 24 tiếng đồng hồ sắp tới, có một chuyện quan trọng xảy ra..

Ông ta chỉ vào trái cầu và giảng giải những di chuyển của mấy vì sao, nhưng Leslie lên tiếng chặn ngang:

- Ông đừng nói dài dòng. Cứ tóm tắt cho tôi biết chuyện quan trọng là chuyện gì, ông nói sao này sao nọ tôi cũng chả hiểu đâu.

Ông thầy bói chớp mắt một hồi với vẻ suy nghĩ, giở thêm sách tử vi ra đọc chăm chú rồi nói:

- Có một biến cố quan trọng sắp xảy tới cho bà. Hiện thời bà đang ở giữa vòng ảnh hưởng của

ngôi sao này, có nghĩa là bà sẽ nổi tiếng hơn hiện giờ. Tất cả thế giới sẽ biết đến tên tuổi của bà...

Đến phiên Leslie vui mừng muốn nghẹt thở. Đúng quá rồi. Bản tin tổng thống Oliver là kẻ giết người được tung ra thì khắp thế giới sẽ theo dõi câu chuyện chớ gì? Leslie mơ màng nghĩ đến viễn ảnh sẽ được lên khán đài với những ánh sáng chói loà của bao nhiều máy thu hình của mấy đài ti vi. Họ sẽ giao cho nàng giải thưởng dành cho nhà báo xuất sắc nhất trong năm. Con số độc giả sẽ tăng nhanh lên gấp đôi, gấp ba... Đi đến đâu người ta sẽ trầm trồ, ngưỡng mộ nàng... Chao ơi! nàng mơ màng như nghe tiếng nói qua máy vi âm "Kính thưa quý vị.. Đây là giải thưởng dành cho nhà báo xuất sắc nhất trong năm: đó là Leslie Stuart! Mời Leslie lên

đây nhận giải thưởng.." Leslie còn tưởng tượng được tiếng vỗ tay vang động khắp nơi thật điếc con ráy. Một cô bé lọ lem ngày nào bây giờ lên đỉnh cao của danh vọng. Danh vọng của Leslie lên, đánh đổi bằng danh vọng của Oliver bị vùi xuống bùn đen.

Sự tỉnh cơn mơ, Leslie nhìn ông thầy bói mỉm cười, hỏi tiếp:

- Còn chuyện gì lạ nữa không?

- Dạ không.

Leslie cảm ơn ông thầy bói và đứng lên tiễn ông ta ra khỏi phòng làm việc.

Tối hôm đó, bảy giờ rồi mà Leslie vẫn còn làm việc hăng say ở văn phòng. Nàng đọc đi đọc lại bản tin nàng vừa viết xong. Cái tit lớn với tựa đề: "Tòa đã tổng trát mời Tổng thống để điều tra về vụ án giết người. Tổng thống bị

ngghi ngờ có dính líu đến sáu cái chết trong quá khứ!"

Sau khi gạch bỏ những chi tiết không cần thiết trong bản tin, Leslie đưa cho một ông giám đốc biên tập đang ngồi gần đó chờ đợi.

- Xong rồi, ông cho đăng lên báo đi! Cho nhân viên làm thêm giờ phụ trội. Tôi muốn bản tin này lên báo ngày hôm nay. Chừng một tiếng đồng hồ nữa là báo sẽ đến tay các nhà phân phối, ngày hôm sau là tất cả độc giả sẽ có được một tin giật gân, nóng hổi... Không ai có thể ngờ được. Chỉ có tờ *Tribune* chúng ta có một tin thật độc đáo, không báo nào theo kịp.

Ông giám đốc biên tập có vẻ ngần ngừ, nhìn Leslie với vẻ bối rối:

- Thưa bà chủ, bà có nghĩ rằng Matt sẽ giận khi bài vở lên báo mà không trình qua ông ấy là chủ bút...

Leslie nhăn mặt với vẻ khó chịu:

- Báo này do tôi làm chủ chớ không phải ông ấy. Cứ theo lời tôi mà làm đi. Lên khuôn ngay lập tức!

- Vâng, tôi sẽ làm theo ý bà.

Ông giám đốc biên tập nhắc điện thoại trong phòng Leslie để liên lạc với nhà in. Thế là xong.

Cũng trong lúc đó, bà chánh thẩm Barbara cùng nhóm người chuẩn bị trở lại tòa Bạch ốc để gặp lại Tổng thống Oliver theo lời hẹn buổi chiều. Bảy giờ rưỡi tối rồi mà chưa ai về nhà. Đây là việc quan trọng của cả một quốc gia, liên quan đến vị tổng thống của cường quốc số một trên thế giới. Bà Barbara nói bằng giọng nặng chịch:

- Tôi cầu trời cho chúng ta khỏi phải dùng đến biện pháp cuối cùng. Tôi đã ký sẵn một trát

ngôi thiền

tặng "thầy" Nhất Hạnh

Ta ngồi quán niệm pháp môn
Tụng ba-la-mật xuất hồn đi ra
Qua bầm sáu cõi ta-bà
Đầu trâu mặt ngựa, gian tà ngổn ngang.
Biển rộng giữa chốn huyền không
Phật duyên vô lượng, đạo tràng chân như

Hốt nhiên thấy một thiền sư
Lập đàn thuyết pháp giải trừ bệnh căn
Ngờ đâu "thầy" chỉ lẳng nhăng
Thốt lời vọng ngữ, nói năng hoang đường.
Chữ rằng Phật ngữ mười phương
Độ người bế khổ, làm đường bến mê.
Tiền oan "thầy" lắm é chề
Sao giờ hậu nghiệp vẫn nghe hồ đồ?

Khuyến "thầy" về gặp ni cô
Xin xâu chuỗi hạt tròng vô tim mình
May ra đón ngộ... chữ Tình!

phạm tâm phổ



câu lưu Tổng thống Oliver Russell trong trường hợp ông ta không thể nào chứng minh được mình vô tội trong vụ án giết người. Tôi mang trát này theo, khi đến tòa Bạch ốc, nếu cần thì chúng ta sẽ dùng biện pháp đối với kẻ tình nghi có tội.

Nửa tiếng đồng hồ sau đó, bà thư ký của Tổng thống bấm intercom liên lạc với Oliver:

- Thưa Tổng thống, phái đoàn của ông bộ trưởng Tư pháp đến hồi chiều, nay đã trở lại và xin vào gặp Tổng thống.

Có tiếng của Tổng thống nói qua máy liên hợp:

- Cho mời họ vào.

Đoàn người lục tục bước vào văn phòng làm việc của Tổng thống Oliver Russell. Khuôn mặt ông ta có vẻ xanh xao, mệt mỏi. Jan, phu nhân tổng thống đứng bên cạnh, nắm chặt tay chồng như để khuyến khích và an ủi.

Sau khi đã an tọa, bà Barbara mở đầu:

- Tổng thống đã sửa soạn sẵn câu trả lời cho chúng tôi rồi chứ?

Oliver gật đầu:

- Xong rồi.

Mọi người trong phòng đều cảm thấy hồi hộp. Đây là phút giây quan trọng cho cuộc đời một tổng thống. Máy thâu băng được bật lên để ghi chép. Bà Barbara bắt đầu:

- Ngày 15 tháng 10, Tổng thống có cái hẹn với cô Louise Houston ở tòa Bạch ốc phải không?

- Phải.

- Thế Tổng thống có tiếp cô ấy hay không?

- Không. Tôi buộc lòng phải hủy cái hẹn đó.

Trong đầu Oliver còn nhớ mãi cú phôn vào lúc ba giờ chiều ngày hôm đó:

"Cưng đó hả? Em đây. Em hiện đang ở một mình để chờ anh. Em đang ngồi bên cạnh hồ tắm,

trần truồng phơi nắng. Cưng biết em đang ở đâu không? Ở nhà nghỉ mát riêng ở tiểu bang Maryland đó."

"Được rồi, để anh tìm cách đến với em"

"Chừng nào anh đến được?"

"Một tiếng đồng hồ nữa anh sẽ có mặt."

Như sự nhớ đến mọi người đang có mặt trong phòng chờ đợi câu trả lời, Oliver nhìn khắp các khuôn mặt của đám khách rồi nói thật chậm với giọng mệt mỏi:

- Những gì tôi sắp kể ra cho quý vị đây, yêu cầu quý vị giữ kín khi ra khỏi đây. Vì chuyện này không phải chỉ hủy hoại thanh danh một tổng thống Mỹ mà còn làm thiệt hại bang giao với nước khác. Tôi suy nghĩ kỹ, không biết có nên nói ra điều này không. Nhưng nếu không nói thì tôi không làm sao chứng minh được vào ngày giờ cô Louise chết, tôi đang làm cái gì và ở đâu..

Nhóm người đưa mắt nhìn nhau với vẻ hồi hộp. Oliver đứng lên, đi đến cánh cửa dẫn ra sân bên ngoài và mở rộng ra. Một người đàn bà đẹp quyến rũ bước vào.

Tất cả mọi người trong phòng căng mắt không hiểu Oliver định làm gì. Oliver lên tiếng giới thiệu:

- Xin giới thiệu với quý vị, đây là bà đại sứ Ý, Sylvia Picone. Trong ngày 15 tháng 10, tôi và bà đại sứ có mặt bên nhau ở căn nhà nghỉ mát ở Maryland từ 4 giờ chiều cho đến 2 giờ sáng. Tôi không hề biết tí gì về cái chết của cô Louise Houston cũng như không có liên hệ gì đến những cái chết khác.

Chương 21

Dana bước vào văn phòng của ông xếp Tom Hawkin phụ trách phần phát hình của đài WTE.

Giọng nàng có vẻ khích động:

- Tom, tôi đang điều tra một vụ thật là hứng thú. Trước khi anh chàng ký giả Frank của tờ báo mình bị ám sát, anh ta có đến nhà anh chàng Carl, nhân viên của khách sạn Monroe Arms, người phụ trách ghi tên người khách hàng đã mượn căn phòng xảy ra cái chết bí ẩn của cô Louise Houston. Nhưng khi Frank đến nơi nghỉ mát của anh chàng này thì anh ta vừa bị tai nạn gây ra do một chiếc ca nô chạy quá tốc độ trên hồ câu cá. Thế có lạ không? Tôi xin ông cho tôi một nhóm quay phim đi đến nhà chị gái của anh chàng Carl để thu hình và phỏng vấn cho phần tin tức tối nay. Carl ở chung với người chị này, hy vọng bà ta có thể cung cấp những tin tức nào giúp cho cuộc điều tra..

Tom Hawkin nhìn Dana nói với vẻ suy nghĩ:

- Thế cô không tin là Carl chết vì tai nạn à?

Dana lắc đầu với vẻ quả quyết:

- Không. Vì có nhiều chuyện tình cờ xảy ra cùng một lúc, khó có thể chấp nhận được.

Tom Hawkin im lặng, cắn cây bút với vẻ suy nghĩ một hồi rồi gật đầu:

- Được rồi, để tôi lo liệu cho cô làm cuộc phỏng vấn này.

- Cám ơn. Đây là địa chỉ nhà của người chị anh chàng Carl. Ông cho đoàn quay phim đến đó trước và chờ tôi ở đó. Tôi về nhà thay quần áo và đến thẳng đó.

Bước vào căn apartment của mình, Dana có cảm tưởng ai đó đã vào đây lục lọi kiếm cái gì. Đồ đạc trong phòng không mất mát gì nhưng hơi xô lệch. Dana có một cảm giác nguy hiểm đang vây quanh đây. Cảm giác này nàng đã từng có khi ở Nam Tư.

Dana đi chậm, nhẹ bước vào

phòng ngủ. Nàng mở tủ áo ra coi. Không mất thứ gì. Nhưng nàng vẫn có cảm giác ai đó đã vào đây. Ăn trộm vào mà không lấy món gì sao?

Dana lác đầu. Hay là nàng đã quá tưởng tượng. Nhưng nàng lại nhủ lòng. Không phải tưởng tượng. Căn phòng hơi có vẻ khác lạ lúc nàng ra đi hồi sáng. Tờ báo nàng đọc luôn để ở bàn ăn trong bếp, không thể nào nằm trên ghế sa lông như vậy. Bàn giấy làm việc, hộp bút không nằm ở đúng vị trí nàng để mỗi ngày.

Thay nhanh quần áo, Dana đi nhanh ra ngoài, trực chỉ đến địa chỉ người chị gái của Carl.

Khi Dana đến thì chiếc xe van của đài truyền hình WTE đã đậu sẵn bên đường. Trong xe có đầy đủ dụng cụ thu hình tối tân, với đài ăng-ten có thể trực tiếp phát hình trên các làn sóng. Hai người nhân viên được cử đi làm công tác với Dana, một người lo phần âm thanh tên Andrew, người kia là Vernon, lo phần quay hình.

Thấy Dana tới, Vernon mở cửa xe bước xuống và nói ngay:

- Cô định phỏng vấn ở đâu vậy?

- Tôi sẽ phỏng vấn ngay trong nhà. Chừng nào tôi sẵn sàng thì tôi sẽ ra gọi anh vào quay.

- Xong ngay. Tôi chờ cô ngoài

này.

Dana mở cửa tòa chung cư, leo lên lầu hai, đứng trước số phòng ghi đúng theo địa chỉ trên giấy. Nàng bấm chuông. Một người đàn bà hé cửa ra hỏi với giọng sợ sệt:

- Ai đó?

Dana mỉm cười cố gây thiện cảm ban đầu với người đối diện. Nàng tự giới thiệu:

- Tôi là...

Nhưng người đàn bà bên trong hình như đã nhận ra Dana nên lên tiếng cắt ngang:

- Ô.. tui biết cô là ai rồi. Tui thấy cô hoài trên truyền hình đó..

Dana nghe vậy chỉ mỉm cười và nói:

- Đúng vậy. Chị có thể mở cửa cho tôi vào để chúng ta nói chút chuyện hay không?

Người đàn bà chính là Marianne, chị ruột của Carl. Bà ta ngần ngừ một chút rồi mới chịu mở hân cửa ra:

- Vâng. Mời cô vào.

Marianne vừa kéo ghế mời Dana ngồi, vừa nói ngay:

- Tui biết cô muốn hỏi về cái chết của em trai tui chứ gì? Tui chắc chắn là Carl bị người ta giết chứ không phải tai nạn gì cả.

- Chị nghĩ ai giết em trai của chị?

Marianne nhìn lảng đi chỗ khác, nói xuôi xì:

- Tui không biết.

Dana không bỏ lỡ cơ hội, nàng hỏi ngay:

- Anh chàng ký giả Frank có đến đây hỏi thăm chị về Carl phải không? Anh ta muốn hỏi em trai chị về vấn đề gì?

- Anh ta nói anh ta làm việc cho sở thuế và muốn gặp em trai tui để nói việc giàn xếp việc thiếu thuế.

Dana ngồi quan sát Marianne một hồi, sau cùng đề nghị:

- Chị cho phép tôi phỏng vấn qua đài truyền hình nhé. Chị chỉ

hương dương

tặng Tuyết Ngọc, Nhân và Thịnh

Nửa đời tóc rối tha nhân
Nửa đường bỗng thấy băng khuâng dậm trường.
Phải em là đoá hướng dương
Mặt trời nhỏ bé bên đường năm xưa.
Những đêm trời đổ cơn mưa
Ai chờ ai đợi, tóc thưa môi mềm
Dấu chân kỷ niệm thân quen
Đa tạ cô Nhân xe duyên chỉ hồng
Cám ơn Thịnh nối cầu vòng
Cho ta vui bớt hận lòng Hàm Tân.
Cảm tạ Thiên Chúa hồng ân
Cho con tìm lại chút phần ấm êm
Cho nàng nghe tiếng gọi trên
Về chung một mối, từ đêm trăng rằm
Kể từng tháng một, chín lăm
Nàng ngoan đạo Chúa, siêng năng tông đồ
Nhập phong trào Cursillo
Hội Các Bà Mẹ, cầu cho mọi người
Rao truyền tin Chúa ra đời
Cất cao tiếng hát dâng lời ngợi ca
Trong đoàn thánh nữ Theresa
Niềm vui hợp nhất tấu ca lên ngài
Xin cho hạnh phúc lâu dài
Xin cho đêm bỗng hoá ngày hướng dương!

trần ngọc



trả lời những câu hỏi nào mà chị biết. Chị chỉ nói vài câu về cái chết của em trai chị và cho biết cảm tưởng của chị đối với tội ác xảy ra tại thành phố này.

Marianne gật đầu:

- Như vậy thì được.

- Cám ơn chị.

Dana đứng lên, mở cửa phòng đi ra ngoài, vẫy tay ra dấu cho Vernon vào. Hai người đàn ông mở cửa xe bước xuống, đem theo máy quay hình cùng đồ đạc linh kính. Khi ba người trở vào nhà, Mirianne nhìn thấy máy móc thì có vẻ hơi bối rối nên nói như than thở:

- Hồi đó tới giờ tui chưa quen việc phỏng vấn rồi lên đài truyền hình...

Dana trấn an:

- Không có gì khiến chị phải e ngại. Chỉ như cuộc nói chuyện thông thường, kéo dài chừng mấy phút đồng hồ mà thôi.

Vernon đem máy vào phòng khách, nhìn chung quanh và hỏi Dana:

- Cô muốn thu hình ở đâu?

- Ngay tại phòng khách đây. Anh đặt máy quay ở góc phòng đằng kia.

Vernon làm theo ý muốn của Dana, sau đó đi lại gắn trên bầu áo của Mirianne và Dana mỗi người một cái máy micro nhỏ xíu và dặn người đàn bà:

- Khi nào bà bắt đầu nói thì bật cái nút này lên.

Vừa nói Vernon vừa chỉ cái máy nhỏ đặt trên bàn.

hài cú

*trời se-sắt
buồn quay-quắt
thu sang.*

cung vũ

Như sức nhớ ra chuyện gì, Mirianne hốt hoảng nói to lên:

- Ủa.. mà.. Thôi, tui không làm đâu.

Dana nhú mày hỏi:

- Tại sao?

- Tại vì... nguy hiểm lắm.. Đây cô Dana, tui có thể nói chuyện riêng với cô một chút được không?

- Được chứ.

Dana nhìn Vernon và Andrew đề nghị:

- Mấy anh ra ngoài, để nguyên máy móc lại đây. Chừng nào tôi cần khi bắt đầu quay thì sẽ gọi các anh vào lại.

Hai người đàn ông kéo nhau ra cửa vừa nói với lại:

- Tui này chờ cô ở trong xe nhé.

Chờ cho hai người đàn ông đi khuất, Dana mới quay sang nhìn Mirianne chăm chú:

- Chuyện gì nguy hiểm mà chị không dám xuất hiện trên ti vi?

Ngập ngừng một hồi như không muốn trả lời, sau cùng người đàn bà chỉ nói vắn tắt:

- Tui không muốn bọn họ trông thấy tui.

- Nhưng bọn họ là ai?

Người đàn bà nuốt nước miếng cách khó khăn, giọng nói run run vì sợ:

- Em tui đã làm ... những chuyện không nên làm.. Vì vậy nên họ mới giết nó. Mấy người giết em trai tui, có thể họ sẽ giết tui luôn...

Dana biết người đàn bà không nói dối. Nàng đánh hơi thấy sự nguy hiểm của sự việc nên nàng cố tìm hiểu căn nguyên. Nghĩ như vậy nên Dana choàng tay qua vai người đàn bà như an ủi, vỗ về và hỏi tiếp:

- Đừng sợ. Chị kể cho tôi biết Carl đã làm những gì?

Người đàn bà nói như mếu bằng một giọng khổ sở:

- Trời ơi, tui đã khuyên nó đừng có làm ... mà nó không nghe lời tui..

Người đàn bà nín thính, khuôn mặt xanh xao với vẻ sợ hãi. Dana im lặng chờ cho Mirianne qua cơn cảm xúc mới tiếp tục hỏi:

- Chị khuyên Carl đừng làm cái gì?

- Nó... Nó viết một lá thư... tổng tiền.

Đến phiên Dana tròn mắt ngạc nhiên như không tin được những gì mình vừa nghe:

- Viết thư tổng tiền? Cho ai?

Người đàn bà như có vẻ khích động nên tuôn hết những lo âu đang chất chứa trong lòng:

- Dạ, đúng vậy. Nhưng cô tin tui đi. Em trai tui là người đang hoàng. Chỉ phải tội nó thích ăn xài lớn, mua sắm đồ đạc mắc tiền. Với đồng lương ít ỏi của nó ở khách sạn, không đủ cho nó tiêu pha theo ý nó. Tui thương nó nhưng biết làm sao bây giờ. Mỗi người mỗi tánh. Thích xài sang, mặc quần áo mắc tiền mà không kham đủ nên nổi máu tham làm bậy. Tui biết chắc chắn là người ta đã cho người giết nó cũng vì lá thư tổng tiền nó gởi đi. Bọn họ đàn cảnh như tai nạn nhưng thử hỏi cô, trên hồ câu cá tại sao lại có kẻ lái ca nô với tốc lực nhanh như vậy để gây ra tai nạn? Trời ơi, bọn họ đã tìm ra nó để mà giết bịt miệng. Đây rồi thế nào họ cũng tìm tới tui.. Họ biết Carl ở chung với tui.. Trời ơi, họ sẽ đến đây giết tui cho mà coi. Tui không biết phải làm sao bây giờ...

Nói đến đây người đàn bà khóc sút sùi, đôi vai run run không biết vì sợ hay vì đau khổ. Dana nghe hồi hộp với những tiết lộ này nên nàng hỏi tới:

- Chị kể thêm cho tôi nghe về lá thư tổng tiền. Carl đã gởi cho ai?

(còn 1 kỳ nữa)



Bút Chi phụ-trách

Làng Văn mở mục "Độc-giả thắc-mắc" để giải-đáp những nghi-vấn của bạn đọc về các lãnh-vực: văn-học, nghệ-thuật, khoa-học, xã-hội, chính-trị, kinh-tế, nhân-văn, v.v.

Trong mục-đích học-hỏi, Bút Chi hoan-ngheh mọi ý-kiến đóng-góp về câu trả lời.

Vì khuôn-khổ hạn hẹp của một tiểu-mục, xin vui lòng hạn-chế mỗi lần hỏi tối-đa ba câu. Đa tạ.

Mỹ mua dầu của nước nào

Hỏi: 1) Mỹ mua dầu của nước nào để chạy xe và máy bay? Nếu người ta không bán nữa thì làm sao?

2) Tôi sang Toronto chơi, thấy trên xe taxi nào cũng có cái đèn màu vàng ở chính giữa phía sau xe, không biết để làm chi?

Huỳnh Văn Thành
Texas

Đáp: 1) Mỹ mua dầu của nhiều nước, gồm:

- Gia-nã-đại (Canada): 15,1%
- Saudi Arabia: 14,7%
- Venezuela: 13,7%
- Mễ-tây-cơ: 11,3%
- Nigeria: 7,7%
- Iraq: 5,3%
- Na-uy: 3,2%
- Angola: 2,9%

- Anh: 2,7%

- Columbia: 2,4%.

(47,1% từ các nước OPEC và 52,9% từ các nước khác).

Xem chi-tiết trên, ta thấy Mỹ mua dầu của nhiều nước, trong đó số dầu mua của OPEC dưới 50% nên không đến nỗi bị lệ-thuộc hoàn-toàn về nhiên-liệu trong thời chiến. Mỹ còn có dầu dự-trữ và các mỏ dầu nội-địa ở Alaska, Texas, California, v.v.

2) Đó là đèn cầu cứu. Theo nội-quy thành-phố được thông qua tháng 12.2000, trên 3800 xe taxi ở Toronto đều gắn 2 đèn cầu cứu màu vàng, to bằng đồng 25 cent ở phía trước và phía sau xe, gần bảng số. Tài-xế biết chỗ để công-tắc bí-mật để bật đèn cầu cứu lên khi bị cướp uy-hiếp.

Khi thấy đèn này chớp lên liên-tục, người đi đường và các xe khác biết để:

- ghi số, vị-trí và hướng đi của xe, báo cho cảnh-sát.

- bám theo chiếc xe bị cướp, dùng điện-thoại di-động gọi cảnh-sát.

Các xe taxi ở Toronto đều có gắn máy thu hình hành-khách, và trên xe có hệ-thống theo dấu bằng vệ-tinh.

Mánh-khoé lường-gạt

Hỏi: Tôi nghe nói ở bên này người ta có nhiều mánh-khoé lường-gạt. Xin ông BC đăng báo để đồng-bào mình biết mà tránh.

Trương Thị Thiệt
Montreal

Đáp: Những cách lường-gạt thường thấy ở các thành-phố lớn, gồm có:

- Lường gạt về công ăn việc làm:

Để lường gạt những người thất-nghiệp, kẻ gian thường quảng-cáo trên vi-báo (website) hay trên

các bảng nhỏ gắn trên các trụ đèn, rao về công việc "cơ hội làm việc, việc dễ-dàng, làm tại nhà, lương cao, có thể kiếm được \$5000 một tuần, v.v."

Đây là kiểu lường-gạt dụ nạn-nhân phải bỏ tiền "mua vật-liệu", "lập hồ-sơ" của họ để bắt đầu công việc, mà cuối-cùng nạn-nhân không thu-hoạch được gì cả.

- Lường gạt về "bulk-emails":

Để lường gạt những nhà buôn hay doanh-gia cần quảng-cáo bằng vi-thư, kẻ gian quảng-cáo bán cho họ hàng triệu địa-chỉ vi-thư với giá \$20 tới \$90. Phần lớn các emails này không còn hiệu-lực; hoặc nếu bạn dùng để gửi quảng-cáo đi hàng loạt, sẽ bị ISP trục-xuất, vì vi-phạm luật-lệ vi-thư và vi-báo.

- Lường gạt sứt cân, mọc tóc, mọc râu:

Để bịp những người muốn xuống cân mà không cần nhịn ăn, không cần tập thể-dục hay những người bị hói đầu, rụng tóc, không râu, kẻ gian yêu cầu nạn-nhân gửi tiền, và họ gửi cho một số thuốc được-thảo, thường là vô hại nhưng cũng chẳng có lợi gì cả. Rốt cục, tiền mất, người cứ mập, cứ hói, cứ nhăn-nhụi.

- Lường gạt quà tặng, trúng số, hàng hoá miễn phí, vé du-lịch:

Kẻ gian có thể gửi tới nhà nạn-nhân một tấm chi-phiếu bảo rằng đó là tiền trúng số; nhưng muốn lãnh số trúng, nạn-nhân phải bỏ tiền ra mua vé số. Mua số xong, ký-thác chi-phiếu ngân-hàng, sau đó bị ngân-hàng trả lại, cho biết đó là chi-phiếu ma. Quà tặng và hàng-hoá miễn-phí cũng tương-tự như vậy. Có khi nạn-nhân được báo tin nhận được một vé du-lịch miễn phí đi Hạ-uy-di 2 tuần bao ăn ở, nhưng muốn hưởng vé ấy phải mua sắm một mớ đồ-đặc trị giá cao hơn vé du-lịch. Cuối cùng, vé du-lịch ấy hoặc là ma

(không dùng được) hoặc của một hãng du-lịch hạng bát, không đáng giá.

- *Đầu tư:*

Nhiều khi nạn-nhân được mời đầu-tư vào một hãng có vẻ có tầm vóc, trong mấy tháng đầu thấy lời khá, tiếp-tục dốc thêm tiền đầu tư thêm, đến một lúc nào đó, không thấy nhân-viên đầu-tư đâu nữa, hoặc nhận được một bản chiết-tính đã lỗ sạch sành sanh cả vốn lẫn lãi.

- *Hộp giải mã cáp truyền-hình:*

Kẻ gian bán cho nạn-nhân một hộp giải mã cáp truyền-hình hay đĩa vệ-tinh, nói rằng dùng suốt đời không hư. Cuối cùng, hộp giải mã ấy chỉ dùng để ăn cắp sóng được vài tháng, có khi chỉ vài ngày.

- *Thẻ nợ:*

Thẻ tín-dụng (thẻ nợ - credit card) từ lâu đã trở thành vật tùy-thân ở Âu-Mỹ, tiêu trước trả sau, rất thông-dụng và cần-thiết trong đời sống. Hầu như ai cũng xin được thẻ nợ, trừ những người đã từng khai khánh tận tài-sản để xóa nợ, hay thiếu nợ không trả. Những người này cũng cần thẻ nợ, và sẵn sàng trả một món tiền nhỏ để làm giấy tờ xin toà xoá hồ-sơ cũ, làm lại cuộc đời. Kẻ gian lợi-dụng nhu-cầu này, lường-gạt họ lấy một món tiền, nói là để xoá hồ-sơ nợ cũ, cung cấp thẻ nợ mới. Rốt cục tiền mất, kẻ gian biệt tâm, chẳng thấy thẻ nợ mới đâu mà hồ-sơ nợ cũ vẫn còn nguyên đó.

- *Xóa nợ, xóa hồ-sơ quít nợ:*

Gặp người mang công mắc nợ không trả được, hoặc có hồ-sơ nợ cũ cần xoá, kẻ gian lừa họ một món tiền nhỏ để làm giấy-tờ xin xoá nợ, hay xoá hồ-sơ quít nợ. Cuối cùng, tiền mất tật mang; kẻ gian nhận tiền rồi trốn mất.

- *Mua đất ở xa:*

Đối với người Canada đất lạnh tình nguội, về già kiếm được một mảnh đất lành ở chỗ ấm áp, cất một cái nhà nho nhỏ để dưỡng già, là ước-mơ dễ gặt. Nhiều người sắp tới tuổi về hưu bị ga bán cho một miếng đất (thường thường 1/2 tới 1 acre) ở Florida, với giá rẻ mạt chừng 8000 gia-kim (5000 mỹ-kim). Người bán hàng cho xem hồ-sơ đất, bản đồ địa-phương, bản đồ thành phố, rừng hay biển, và giới-thiệu thêm các kiểu nhà xinh-xắn vừa túi tiền và các nhà băng dễ-dãi... Cuối-cùng, đất là đất thật, nhưng ở chỗ đầu-hiu heo-hút hàng trăm năm sau chưa chắc đã khai-thác tới, hoặc toàn là đầm lầy địa vạt với cá sấu, không được phép cất nhà!

- *Lường gạt di-trú:*

Những di-dân tới đất mới còn kẹt lại thân-nhân ở quê nhà, dễ bị lường-gạt bằng hồ-sơ di-trú. Có hai cách lường-gạt, một là lấy tiền gấp đôi gấp ba tiền luật-sư, rồi đứng ra trung-gian thuê luật-sư làm hồ-sơ; hoặc lấy một món tiền vài ngàn, tự làm hồ-sơ qua-quít cầu may, nếu không được, đổ thừa chính-phủ kỳ-thị!

Còn bao nhiêu vua chúa?

Hỏi: Bác Bút Chì biết còn bao nhiêu vua chúa trên trái đất này không? Tôi thấy hìn như hơi nhiều, đếm sơ đã gần một chục, không biết sót ai không?

Nguyễn Thị Hà
Ontario

Đáp: Không phải chỉ một chục, dù là chục đủ đầu hay chục mười tám, mà tới 28 nước còn thờ vua chúa, là:

Mỹ-châu:

không có vua nào (Canada còn nhận Nữ-hoàng Elizabeth đệ nhị của Anh làm nguyên-thủ quốc-gia, nhưng chỉ là hình-thức).

Âu-châu:

- Thụy điển: vua Carl XVI Gustaf

- Na-uy: vua Harald đệ ngũ

- Đan-mạch: nữ hoàng Margrethe đệ nhị

- Hoà-lan: nữ hoàng Beatrix

- Bỉ: vua Baudouin đệ nhất

- Anh: nữ-hoàng Elizabeth đệ nhị

- Lục-xâm-bảo: Quận vương Jean

- Liechtenstein: Hoàng-tử Hans Adam

- Tây-ban-nha: vua Juan Carlos đệ nhất.

- Mônaco: Hoàng-tử Rainier đệ tam.

A-châu:

- Jordan: vua Abdullah

- Saudi Arabia: vua Fahd bin Abdulaziz al-Saud

- Kuwait: vua Jaber al-Ahmed al-Jaber al-Sabah

- Bahrain: vua Isa bin Sulman al-Khalifa

- United Arab Emirates: vua Zayed bin Sultan al-Nahyan

- Oman: vua Qabus bin Said

- Qatar: vua Khalifa bin Hamad al-Thani.

- Nepal: vua Birendra Bir Bikram Shah Deva

- Bhutan: vua Jigme Singye

- Thái-lan: vua Bhumibol Adulyadej

- Mã-lai: Azlan Muhibuddin Shah

- Brunei: Darusslam Sultan Hassanal Bolkiah

- Nhật: vua Akihito

Đại dương châu:

- Tonga: vua Taufa'ahau Tupou đệ tứ

- Western Samoa: vua Malietoa Tanumafili đệ nhị

Phi-châu:

- Maroc: vua Mohamed

- Lesotho: vua Letsie đệ tam

- Swaziland: vua Mswati đệ tam

**Dân nước nào sống thọ nhất,
dân nào yếu mệnh nhất**

Hỏi: Dân nước nào sống dai
nhất, và chết sớm nhất?

*Henry Ngô
Florida*

Đáp: Tính theo tuổi thọ trung-
bình, dân các nước sau đây có thọ
mệnh cao:

- Andorra (tiểu-quốc 76 ngàn
dân, nằm giữa Pháp và Tây-ban-
nha): nữ 86,5 - nam 80,5.

- San-Marino (tiểu quốc 28 ngàn
dân ở Nam Âu-châu, Đông nước
Ý): nữ 85,4 - nam 77,6.

- Monaco (tiểu quốc 34 ngàn
dân ở miền Nam nước Pháp): nữ
82,4 - nam 75.

- Pháp: nữ 82 - nam 74,2.

- Gia-nã-đại: nữ 81,8 - nam
76,1.

- Thụy-sĩ: nữ 81,8 - nam 75,4.

- Tây-ban-nha: nữ 81,5 - nam
74,5.

- Băng quốc: nữ 81,3 - nam
76,8.

- Ý: nữ 81,2 - nam 75.

- Úc: nữ 81,1 - nam 75,5.

- Na-uy: nữ 81,1 - nam 75,2.

- Hoà-lan: nữ 80,7 - nam 75.

- Bỉ: nữ 80,6 - nam 73,8.

- Đức: nữ 80,2 - nam 73,9.

- Áo: nữ 80,2 - nam 73,7.

- Mỹ: nữ 80,1 - nam 73,4.

Dân các nước sau đây có tuổi
thọ rất thấp:

- Sierra Leone (châu Phi): nữ
38,7 - nam 35,8

- Malawi (châu Phi): nữ 39,6 -
nam 38,9

Dân các nước sau đây có tuổi
thọ trung bình (cả nam lẫn nữ) dưới
50: Gambia, Guinea-Bissau, Guinea,
Liberia, Côte d'Ivoire, Burkina Faso,
Chad, Central African Republic,
Uganda, Ethiopia, Somalia, Tanza-
nia, Rwanda, Burundi, Mozam-
bique, Zambia, Angola, Botswana,
Zimbabwe, A-phú-hãn. ●

nhìn thu lá rụng



*Lại mưa... một trận lá vàng,
là thôi mùa hạ đã tàn tạ, thôi!
Mùa thu, buồn quá em ơi,
mưa không thấy nước, chỉ trời lá bay...
Mặt trời hết đậu trên cây,
những cành trơ - nỗi hao gầy thời gian!
Tôi trôi với khói mơ màng,
một khung cửa hẹp, hành lang cứ dài.
Đêm nằm, chẳng tiếng chân ai.
Ngày đi, chẳng tiếng vang ngoài chân mây!
Thu ơi chẳng một chút này,
mà sao héo buốt bàn tay tôi cầm?*

*Lại mưa... mưa đó, từng năm.
Rồi sương, rồi tuyết xa xăm sẽ về!
Viết chi hai chữ nặng nề,
quê hương từ độ người lìa bỏ nhau.
Khi đi, một tiếng không chào,
thì xa xôi có ai nào ăn năn!
Sẽ về... hay cứ lang thang?
Đời vong quốc một câu than, cũng nhiều!*

*Em ơi tôi tựa cửa chiều,
nhìn thu lá rụng, buồn hiu, bây giờ.
May mà còn mấy câu thơ,
đêm đêm nhóm lửa ngồi hơ tấm lòng
và chờ liên tiếp mùa đông,
nhìn ba chữ Cựu Quân Nhân, ngậm ngùi!
Lính mà không chết ai vui?
Trăm ngàn tuổi nữa trên môi còn tình?
Còn mơ một đoạn quân hành?
Còn mong nghe trống liên thành vang vang?*

*Lại mưa... một trận lá vàng!
Mùa thu... nhắc nhở thiếp chàng chia tay...*

trần văn lệ

diễn-đàn



Đọc thoáng qua cuốn *Tổ quốc ăn năn* (được gọi là tác phẩm chính luận) của ông Nguyễn Gia Kiểng, không khéo có người tự hỏi: Sao trên đời này lại có người kiến thức quán thông đông tây kim cổ đến thế?

Còn nghi ngờ gì nữa, ngay cả những bậc “nổi tiếng hơn người” (Đoàn Xuân Kiên, chuyên viên ngữ học, nhà bình luận ở Anh), Nguyễn Văn Huy (chuyên viên dân tộc học, nhà văn, nhà báo), Nguyễn Ngọc Bích (học giả, nhà báo) ở Hoa Kỳ, Nguyễn Mạnh Hùng (giáo sư đại học George Mason, chủ tịch Indochina Institute) ở Hoa Kỳ, Đào Tăng Dục (luật sư, Hiệp hội Dân chủ Pháp trị ở Úc), Sơn Dương (ký giả ở Úc), Tôn Thất Thiện (giáo sư, nhà nghiên cứu và bình luận chính trị ở Canada), Nguyễn Hữu Chung (chuyên gia, nhà bình luận chính trị ở Canada) còn khen nức nở kia mà (phần cuối sách).

Chắc cũng có người vội mừng, được một nhân vật kiến văn trù thiên hạ lại có “tấm lòng nhân ái và tấm lòng lo trước của một công dân yêu tổ quốc thắm thiết” (Đoàn Xuân Kiên) soi đường dẫn lối, thì dân ta lo gì không có một tương lai xán lạn!

Văn-Minh Đông Á Trời Thâu Sạch hay Hiện-Tượng Nguyễn Gia Kiểng

Lê Văn Tư

Tuy nhiên cũng có người tò mò tự hỏi: Quả thật có “dị nhơn” xuất hiện chăng? Trong số tò mò đó có kẻ “si lung ẩm á” này. Đọc kỹ từng trang, tôi như người mất hồn, lúc buồn, lúc giận, có khi nói lầm bầm một mình hay chợt cười khan, xếp sách lại, tôi muốn đặt cho tác giả một tên cho thật xứng với nội dung tác phẩm, nhưng đến nay vẫn chưa tìm ra.

Dẫu sao cũng muốn phô bày chút tâm ý, đã có một số vị khen phò mã tốt áo rồi, nay tôi chỉ vạch ra một số rạn rếp ẩn náu trong đó mà thôi.

Kiến thức siêu phàm!

Ông Kiểng viết:

“Tất cả các cuốn *Tứ Thư*, *Ngũ Kinh* nếu gộp chung lại tất cả và in thành một cuốn sách thì cũng chỉ vài trăm trang thôi, nghĩa là chỉ bằng một nửa cuốn sách mà các vị đang cầm trong tay thôi. Một người bình thường có thể đọc một tuần lễ là xong, thế mà các sĩ tử cứ nhai đi nhai lại trong mấy ngàn năm thì hỏi kiến thức có cái gì đáng kể”? (tr. 326)

“Kinh nghiệm của tôi tuy chẳng bao nhiêu nhưng cũng đủ để cho phép tôi khẳng định về môn kinh tế chính trị nó rất dễ, một người bình thường với trình độ tú tài, hơn một chút nữa càng hay, nếu tự tin và quyết tâm có thể nắm vững những kiến thức cơ bản của môn kinh tế chính trị trong vòng một năm, dĩ nhiên là

với điều kiện có được sách tốt hoặc thầy tốt.” (tr. 462)

“Mười điều giáo lệnh, tứ diệu đế, v.v. có gì là phức tạp đâu, thế mà họ vẫn tụng kinh, gõ mõ, lần tràng hạt hàng ngày”. (tr. 503)

Tự phê (miễn bàn)

Ông Kiểng viết:

“Lúc đó chúng tôi có một số nhóm bạn bè nhỏ, đa số những sinh viên học để thi vào các ‘trường lớn’ (*grandes écoles*)” (tr. 92); “Sự thành công trong việc làm sống lại một tổng hội sinh viên sắp chết và cho nó một nội lực để có thể kéo dài khiến chúng tôi được nhiều người khen là xuất sắc”. (tr. 93)

“Chương ‘Mặt thật của ai?’ mà quý vị vừa đọc phần lớn lấy từ một bài báo cùng đề tựa mà tôi đã gửi đăng báo Ngày Nay (Houston, Hoa Kỳ)... Một anh bạn đọc xong, nổi giận nói rằng một bài đặc sắc như vậy sao không đăng báo mình (tức báo Thông Luận) mà lại đem đăng báo khác?”

“Tôi cũng biết hai người khoa bảng khác được đào tạo tại phương Tây. Không những chỉ có bằng cấp lớn mà họ còn thực sự có khả năng và bản lĩnh lớn, tôi rất ngưỡng mộ họ. Câu chuyện của họ lại có liên quan tới chính tôi. Chúng tôi đã sát cánh cùng nhau tranh đấu cho dân chủ trong một thời gian. Có cố gắng dài hơi nào mà không có lúc đem tới sự

một mới và nghi hoặc? Một hôm tôi được họ mời đi ăn tối cùng với một người lạ mặt mà sau này tôi được biết là một nhà tướng số nổi tiếng. Chúng tôi nói chuyện vui vẻ, nhà tướng số kia đặt nhiều câu hỏi về tôi. Ít lâu sau cả hai bạn tôi tuyên bố ngưng hoạt động. Mãi về sau tôi mới hiểu là tất cả do bữa cơm tối đó. Họ đã nhờ nhà tướng số kia cho biết về tôi và kết luận của vị này là tôi không có tướng của một minh chủ". (tr. 322)

"Tôi may mắn thuộc vào thành phần tinh nhuệ nhất của thành phần tinh nhuệ đó". (tr. 335)

Nhún nhường quá đáng?

Tuy thông minh quán chúng như thế, nhưng tác giả cũng dự trù ý kiến đề ra sai nhiều hơn là đúng: "Tôi quan niệm đưa ra mười ý mới trong đó có chín ý sai và một ý đúng vẫn còn hơn là nói 10 điều đúng cả mười nhưng vẫn là ý cũ". (tr. 74)

Quan niệm này được mấy bậc "nổi tiếng hơn người" khen là "nhún nhường quá đáng" (Nguyễn Mạnh Hùng), "khiêm tốn, tôn trọng thì giờ người đọc". (Nguyễn Hữu Chung).

Quen thói người xưa, xin nhắc lại câu của Lưu Hội: Ngôn bất trúng lý, bất như bất ngôn; nhất ngôn bất trúng, thiên ngôn vô dụng (tạm hiểu: Nói không hợp lý thà đừng nói, nhờ một lời nói sai thì không còn ai tin nữa).

Tánh khí thất thường

Ông Kiểng viết:

"Thằng nào đây?

Đầu năm 1974, tôi đang làm chuyên viên tại Ngân hàng Việt Nam Thương Tín. Một đồng nghiệp ở phòng bên xông vào phòng tôi, với nét mặt lăm lì, ném tài liệu

xuống ngay trước mặt tôi và nói một cách sừng sộ:

- Đọc đi!

Tôi tưởng có chuyện gì nghiêm trọng nên đọc ngay khi anh bạn đứng đợi. Nhưng không, đó là một bài lăng nhăng, không tập trung vào một đề tài nào cả và cũng chẳng ra câu cú gì cả. Rất nhiều thì, mà, là, tại, v.v. nhưng rất ít ý và văn phạm. Đến đây sức chịu đựng của tôi đã vượt quá giới hạn, tôi giận dữ hỏi gần:

- Thằng nào đây? Bóp cho nó mấy cái!

Anh bạn phá ra cười:

- Tổng thống đấy!

Thì ra đó là một bài nói chuyện của ông Nguyễn Văn Thiệu, trong một buổi hội nghị công chúc cao cấp". (tr. 99)

Đọc đoạn mô tả sống động trên, tôi cứ ngỡ là đọc một vở hài kịch ngắn! Một bài "lăng nhăng" như vậy cũng khiến mấy chuyên viên ngân hàng nổi nóng bất tử, vị thì "nét mặt lăm lì", nói năng "sừng sộ", vị thì "giận dữ" nặng lời thằng nọ thằng kia, đòi đánh nữa, nếu ngoài đời đúng như thế thì đáng sợ thật!

Gieo mồi nghi ngờ

Ngay trang đầu, tác giả đề tặng vợ con và hai người bạn, trong đó có Vũ Tiến Đạt, được tác giả hết sức thần phục, mô tả ngay trong "Lời đầu": "Hắn đã đọc và thuộc vô số lý thuyết và phương pháp hoạt động chính trị, ý định của hắn là muốn làm tổng thống Việt Nam sau này. ... Đậu xong luật, Đạt đi lính, hắn nói không dám đi lính là hèn, và hơn thế nữa hắn cho rằng đi sĩ quan không phải là can đảm vì không nguy hiểm lắm. Hắn đi lính từ binh nhì, vào các đơn vị tác chiến, lên đại úy, rồi thi đậu khóa tuyển lựa tham vụ ngoại giao đầu năm

1975". (tr. VI).

Chuyện này hơi lạ, thông thường từ binh nhì, nhờ chiến công mà lên dần tới hạ-sĩ-quan, rồi từ hạ-sĩ-quan lên dần tới sĩ-quan, phải qua một thời-gian cỡ 25 năm, và phải trải qua hai khóa huấn-luyện đặc-biệt, không có chuyện leo lên ngang xương. Có khi nào một y công xuất sắc có thể trở thành bác sĩ đâu?

Chuyện căm cười! (miễn bàn)

Ông Kiểng viết:

"Trong mùa hè 1993, nhiều anh em trong nhóm Thông Luận về thăm nhà. Tôi dặn mọi người để ý xem Việt Nam còn nhiều chim không. Họ đều thuật lại như nhau, và điều họ nói làm tôi sững sốt: Việt Nam không còn chim! Chỉ có một người bạn đi từ Nam ra Bắc mới thấy một con chim ở vịnh Hạ Long, anh ta vội vã lấy máy hình ra chụp ảnh con chim ấy về cho tôi". (tr. 8)

"Không nói gì xa xôi, ngay tại Sài Gòn cũng rất ít người biết rằng vào mùa thu cả một miền Đồng Tháp biến thành một biển nước ngọt mênh mang, sâu tới 6 mét, tàu biển cỡ trung bình chạy dễ dàng. Cũng rất ít người Sài Gòn biết rằng nông thôn miền tây Nam Phần có một quan hệ nam nữ tự do vào bậc nhất thế giới. Ở đây rất ít đàn ông nào chỉ có một vợ - con số trung bình là ba - và cũng khó kiếm ra một người đàn bà nào chỉ có một đời chồng. Ở đó người ta hỏi nhau một cách tự nhiên 'Xin lỗi thím Tư, thím Tư là vợ cưới hay vợ dất?' Cưới hay dất không quan hệ lắm. Con trai tới tuổi thành niên gặp bạn gái vừa ý là có thể dất về nhà ở chung với cha mẹ. Sau một thời gian, nếu không hợp, bà mẹ chồng có thể dất cô con dâu về trả lại cho cha mẹ. Trai gái làm quen nhau dễ

dàng, luyến ái dễ dàng và chia tay nhau cũng rất dễ dàng". (tr. 26)

Vẽ rần thêm chơn

Tác giả kể:

"Câu chuyện này đẹp và có giá trị giáo dục nên tôi được nghe kể khá nhiều lần và lần nào cũng thích thú lắng nghe dù đã thuộc lòng". (tr. 365): "Lưu Bình và Dương Lễ là đôi bạn thân thiết. Sau một kỳ thi Dương Lễ đỗ, được ra làm quan và sống phú quý, trong khi Lưu Bình thì rớt. Lưu Bình đến thăm bạn và bị Dương Lễ sai lính cầm roi đánh đuổi một cách khinh bỉ. Tức quá, Lưu Bình về nhà quyết chí học cho đậu để rửa nhục. Đang lúc túng thiếu thì bỗng nhiên Lưu Bình gặp một cô gái xinh đẹp và có tài sản, bằng lòng lấy Lưu Bình và nuôi Lưu Bình ăn học. Hạnh phúc làm cho con người trở thành thông minh và chuyên cần, khoá sau Lưu Bình đỗ cao và trở thành quyền quý. Lúc đó mới mời Dương Lễ tới nhà mình để chứng kiến sự giàu sang của mình, với dụng ý làm cho Dương Lễ phải xấu hổ vì sự bội bạc ngày xưa. Nhưng cuộc gặp gỡ này chỉ là dịp để Lưu Bình khám phá ra rằng vợ mình thực ra là một tì thiếp của Dương Lễ, được gởi tới để giúp Lưu Bình ăn học". (tr. 364)

Dựa vào đó tác giả thắc mắc: "Người 'vợ' của Lưu Bình sau này sẽ tiếp tục là vợ Lưu Bình hay sẽ về với 'chồng' cũ là Dương Lễ? Ở với Lưu Bình thì sẽ không còn được quý trọng vì đã qua tay Dương Lễ, nghĩa là đã 'ô-uế' rồi, mà về với Dương Lễ cũng không xong bởi vì đã chung sống với Lưu Bình". (tr. 367)

Chuyện kể có nhiều điểm sai, thậm chí vô lý nữa chưa kể không nhớ cả tên Châu Long (tên người tì thiếp của Dương Lễ): Dương Lễ

giả vờ tiếp đãi lãnh đạm bằng cách cho ăn cơm hẩm, uống nước lã, ở nhà ngoài; Lưu Bình tủi thân, giận người bạn vong ân bội nghĩa (nên nhớ là trước đó Lưu Bình con nhà giàu, tận tình giúp Dương Lễ vốn nhà nghèo) nên bỏ đi chớ không phải "bị lính cầm roi đánh đuổi đi một cách khinh bỉ"; nàng Châu Long không ăn ở thật sự với Lưu Bình mà chỉ khuyến khích bằng lời hứa hẹn suông "nếu không thi đỗ thì không động phòng", nên sau khi thấy tên trên bảng vàng rồi, Lưu Bình trở về nhà thì nàng Châu Long đã biến mất (tức trở về nhà Dương Lễ sau khi hoàn thành nhiệm vụ) chớ không phải tiếp tục sống chung với Lưu Bình. Một yếu tố sai lệch khác là chính Dương Lễ mời Lưu Bình đến nhà mình, người tì thiếp Châu Long mới xuất hiện, tâm sự kể lể đầu đuôi, bấy giờ Lưu Bình mới vỡ lẽ và tình bạn thâm giao càng thêm gắn bó.

Thường nhân coi đó là bài học về tình bằng hữu cao quý, còn tác giả nhìn "chuyện Lưu Bình - Dương Lễ không phải là chuyện trai gái mà là chuyện quan trường. Nó cho thấy mộng đời duy nhất của thanh niên là thi đỗ ra làm quan" rồi kết luận với giọng chua chát: "Sách thánh hiền thật là cao quý!" (tr. 367).

Mới hay cùng một món ăn, người ăn thì tiêu hóa, kẻ ăn lại bị ngộ độc! Có lẽ do gia vị quá nhiều?

Vo tròn bóp méo

- Tác giả luận về "ưu đạo bất ưu bản": "Ý Khổng Tử qua câu nói này hoàn toàn không phải là sự chấp nhận nghèo khổ miễn là sống hợp đạo đức. ... Chính Khổng Tử cũng rất ham phú quý, ông từng nói "phú quý mà cầu được thì dù phải cầm roi đánh xe

ngựa ta cũng nhận" (phú quý nhi khả cầu dã, tuy chấp tiên chi sĩ, ngô diệc vi chi)" (tr. 332)

Giải thích đúng nghĩa, nghe xuôi tai, nhưng rất tiếc tác giả giấu đoạn kế tiếp *Như bất khả cầu, tòng ngô sở hảo* nên ý nghĩa đích thực cả câu sai lệch hoàn toàn, *phú quý nhi khả cầu* đối với *như bất khả cầu* cốt nói lên một giả dụ không thể xảy ra, giàu sang không bao giờ mong muốn mà có được, vậy ta làm theo chí thích của ta (ám chỉ con đường đạo), ý này được minh thị trong câu: *Phú dữ quý thị như chi sở dục giả, bất dĩ kỳ đạo đắc chi, bất xử dã; Bần dữ tiện thị như chi sở ố dã, bất dĩ kỳ đạo đắc chi, bất khứ dã* (nghĩa: Giàu với sang ai cũng muốn, nhưng nếu không phải đạo mà được thì không thọ lãnh; nghèo với hèn ai cũng ghét nhưng nếu không lỗi đạo mà bị thì không từ nan) hoặc câu: *Phạn sơ tự, ẩm thủy, khúc quăng nhi chấm chi, lạc diệc tại kỳ trung hỹ. Bất nghĩa nhi phú thả quý, ư ngã như phù vân* (nghĩa: Ăn cơm thô, uống nước lã, co tay làm gỏi, niềm vui ở trong đó, chớ ăn ở bất nghĩa mà được giàu sang, ta coi như mây nổi).

- Lại viện dẫn: "Sách Luận Ngữ mô tả khá rõ rệt về ông (Khổng Tử): ... phân lượng rau và thịt không thay đổi, chỉ có rượu là ông uống không đo lường, dù không khi nào say." (tr. 279)

Sự thật, chương Hương đảng (Luận ngữ) mô tả hết sức chi tiết về lối xử thế tiếp vật của Khổng Tử trong đó có câu: *Nhục tuy đa, bất sử thắng tự khí, duy tiểu vô lượng, bất cập loạn*, ông Đoàn Trung Còn dịch: Dẫu bữa ăn có nhiều thịt, ngài cũng không ăn thịt nhiều hơn cơm, duy có rượu là không hạn lượng, nhưng ngài chẳng uống đến say; khác hẳn ý ông Kiểng viết: "chỉ có rượu là

ông uống không đo lường, dù không khi nào say”.

Một vụ cưỡng từ đoạt lý trâng-tráo!

Ông Kiểng viết:

“Khổng Tử lại bị mang tiếng về một vụ nữ sắc. Theo sách chép thì vua nước Vệ có người vợ là Nam Tử, rất đẹp và cũng rất dâm dăng. Khổng Tử muốn được làm quan nước Vệ nên phải vào yết kiến nàng này và còn đi theo xe du ngoạn, vì thế đã bị dư luận lúc đó chê cười”. (tr. 283)

Sự thật, theo truyện Đông Châu liệt quốc (Hồi 79): “Khi Đức Khổng Tử trở lại nước Vệ, nàng Nam Tử biết Đức Khổng Tử là bậc thánh nhân, lòng rất kính mến, xin phép Vệ Linh công được tiếp kiến. Một hôm, Vệ Linh công ngồi chung xe với nàng Nam Tử, bảo Đức Khổng Tử đi xe sau, Đức Khổng Tử thở dài nói: Vua Vệ yêu đức không bằng yêu sắc. Nói xong, liền bỏ nước Vệ sang nước Tống ...” (bản dịch của Mộng Bình Sơn tr. 862).

Một sự vu khống trắng trợn!

Bồi bác cá nhơn

Ông Kiểng viết:

“Một lòng biết ơn sâu xa xin được gởi tới những bậc thầy đã uốn nắn cách suy nghĩ của tôi. Các giáo sư Vũ Khắc Khoan, Lê Ngọc Huỳnh, Nguyễn Xuân Kỳ, hiện nay không còn nữa”. (Cảm tạ, tr. IX).

Không rõ hữu ý hay vô tình, khả năng của các bậc thầy gần như bị phủ nhận. Khi đậu xong tú tài I, nhờ dạy kèm con gái của một gia đình thương gia giàu có, tác giả: “nhận ra bà (chủ) ấy thông minh hơn hẳn các bà mẹ Việt Nam khác và ông (chủ) ấy có kiến thức cao hơn và rộng hơn hẳn các giáo sư của tôi. Ông bà ấy dường như chưa học hết bậc

trung học, nhưng họ đạt tới trình độ cao nhờ học hỏi trong cuộc sống, bằng sự giao tiếp trong xã hội và bằng suy tư cá nhân.” (tr. 336)

Thật là lộng ngôn!

Ông Kiểng viết:

“Tôi không chắc ông ấy (Nguyễn Huệ) có được một nửa những kiến thức (bình bị) của một hạ sĩ quan.” (tr. 151)

Tác giả cố minh chứng cho sự “không chắc” này: “Ông Trần Trọng Kim cũng dựng đứng ra con số hai chục vạn quân Thanh.” (tr. 168). “Tôn Sĩ Nghị sang bằng đường bộ, mà đường bộ thì bị vách núi đầy đặc ngăn cách không thể di chuyển một số quân khổng lồ như vậy.” (tr. 155). “Tuồng Quân Chương (một chuyên gia người Đài Loan về Việt Nam) dẫn tài liệu của Thanh triều, nói rằng Tôn Sĩ Nghị tổng đốc Lương Quảng đã đem sáu ngàn kỵ binh sang Việt Nam để phò trợ thanh thế ... Con số này theo tôi là hợp lý.” (tr. 156). “Một giáo sĩ mô tả trận Ngọc Hồi (Đống Đa), ... Lúc đó đích thân Nguyễn Huệ từ dưới xông lên, múa gươm chém chết mấy chục quân Thanh, làm chúng hoảng sợ bỏ chạy... Quân Tây Sơn tiến sau hai mươi tám mộc, đằng sau mỗi tám là ba mươi người. Như vậy tổng số quân Tây Sơn tham chiến ở Ngọc Hồi là sáu trăm người.” (tr. 157)

Xin nhắc lại là quân Nguyễn xâm lăng nước ta dưới triều Trần, lần đầu (1284) là 50 vạn, lần thứ nhì (1287) là 30 vạn, Thoát Hoan kéo đại quân (tức phải trên 20 vạn) qua ngã Lạng Sơn. Không thấy ý kiến tác giả về các con số này!

Ngoài ra, tác giả không tiếc lời thô lỗ: Cho ý định đòi lại đất Lương Quảng “là một ý đồ điên dại, chứng tỏ Nguyễn Huệ không có một hiểu biết chiến lược nào

cả”. (tr. 163); “Nguyễn Huệ là tướng cướp” (tr. 96), “vô cùng hung bạo và hiếu sát” (tr. 149); “Nguyễn Huệ là một con người hung bạo đánh tất cả mọi người, đó là một sự thực... Nguyễn Huệ dùng bạo lực và sự tráo trở trong mọi trường hợp đối với bất cứ ai có khả năng trở thành đối thủ... Nguyễn Huệ cũng rất tàn ác, các giáo sĩ thời đó... gọi ông là một thứ “Attila mới.” (tr.161). Tóm lại: “Nguyễn Huệ tiêu biểu cho những giá trị cần đánh đổ: vô biên, độc đoán, hung bạo, lật lọng và trái ngược với những giá trị mà ta cần phát huy: hòa bình, bao dung, hòa giải, lương thiện... thần tượng Nguyễn Huệ thiên tài quân sự, anh minh sáng suốt và nhân nghĩa chỉ là một sự xuyên tạc lịch sử có dụng ý”. (tr. 172) “Tôn vinh Nguyễn Huệ là phủ nhận nhà Nguyễn, mà vua Bảo Đại của nhà Nguyễn lại đứng đầu phe quốc gia cho nên tôn vinh Nguyễn Huệ cũng là hạ nhục phe quốc gia... Hơn thế nữa: Chừng nào Nguyễn Huệ còn là thần tượng của người Việt Nam chừng đó đảng cộng sản vẫn không thể phủ nhận dứt khoát, dù có bị thù ghét đến đâu đi nữa. Hình ảnh Nguyễn Huệ đã đóng góp rất nhiều cho thắng lợi của đảng cộng sản và vẫn còn giúp đảng Cộng sản duy trì một chỗ đứng nào đó trong lòng người Việt Nam”. (tr. 170)

Trăm đầu đồ đầu tằm, hậu sanh khả úy thật!

Ông Kiểng viết:

“Vì không viết sách với mục đích giảng dạy, ông Trần Trọng Kim đã không cảm thấy có bổn phận phải tuyệt đối khách quan... Ông dựng đứng ra chuyện Nguyễn Huệ ra Bắc “phù Lê diệt Trịnh” để ca tụng Nguyễn Huệ... Thật là đối trắng thay đen!” (tr. 167), Ông Trần Trọng Kim cũng dựng đứng ra con số hai chục vạn quân

Thanh, không có trong một sử liệu nào, để thổi phồng tầm vóc của trận Đống Đa và ca tụng Nguyễn Huệ “đại phá quân Thanh.” (tr. 168)

Để rõ trắng đen, xin trích lại đoạn cuối lời Tựa bộ *Việt Nam sử lược*: “Soạn giả đã cố sức xem xét và gộp nhặt những sự ghi chép ở các sách chữ Nho và chữ Pháp (kể riêng ra ở trang cuối quyển này, để độc giả có nghi hoặc điều gì, thì có thể tìm những sách ấy mà tra soát lại.)... Thịnh thoảng có một đôi nơi soạn giả có đem ý riêng của mình mà bàn với độc giả, thí dụ như chỗ bàn về danh hiệu nhà Tây Sơn thì thiết tưởng rằng sử là của chung cả quốc dân, chớ không phải riêng cho một nhà một họ nào, cho nên phải lấy công lý mà xét đoán mọi việc và không vị đến tình riêng để phạm đến lẽ công vậy.

Độc giả cũng nên biết cho rằng bộ sử này là bộ *Sử lược* chỉ cốt ghi chép những chuyện trọng yếu để tạm giúp cho những người hiếu học có sẵn quyển sách mà xem cho tiện. Còn như việc làm thành ra bộ sử thật là đích đáng, kê cứu và phê bình rất tường tận, thì xin để dành cho những bậc tài danh sau này sẽ ra công mà giúp cho nước ta về việc học sử. Bây giờ ta chưa có áo lụa, ta hãy mặc tạm áo vải, tuy nó xấu xí nhưng nó có thể làm cho ta đỡ rét. Nghĩa là ta hãy làm thế nào cho những thiếu niên nước ta ngày nay ai cũng có thể biết được đôi chút sự tích nước nhà, cho khỏi tủi quốc hồn. Ấy là mục đích của soạn giả, chỉ có thể thôi.”

Minh bạch và khiêm nhường dường ấy mà cũng không tha cho. Hậu sanh khả úy thật!

Ông Kiểng viết:

“Ông Hoàng Xuân Hãn còn kể rằng khi ông vâng mệnh vua Bảo Đại mời ông Trần Trọng Kim vào

gặp vua Bảo Đại để lập chính phủ, ông Kim mới đầu gạt phắt đi: ‘Cái thằng Bảo Đại gặp nó làm gì!’... phải thù ghét lắm mới gọi vua bằng thằng. (tr. 170)

Không rõ ông Hoàng Xuân Hãn kể trong trường hợp nào (trong sách báo hay nói riêng với tác giả), chớ chuyện này cụ Trần Trọng Kim kể rõ trong cuốn *Một cơn gió bụi* (Kiến văn lục), xin trích mấy đoạn liên hệ đến hai người: “Tôi thấy trong những người gọi về Huế có tên ông Hoàng Xuân Hãn, tôi quen lâu, có thể rõ sự tình”... (Một cơn gió bụi, tr. 43). “Từ trước tôi không biết vua Bảo Đại là người như thế nào. Vì trong thời bảo hộ của nước Pháp, hình như Ngài chán nản không làm gì cả, chỉ sẵn bản và tập thể thao. Hôm mừng bảy tháng tư tôi vào yết kiến thấy có vẻ trang nghiêm và nói những điều rất đúng đắn.” (MCGB, tr. 49)... “còn tôi thì xin Ngài cho ra Bắc. Ngài nói: Vậy ông hãy ở đây nghỉ ít lâu, xem thế nào rồi hãy ra Bắc. Lúc ấy tôi mệt lắm, và có mấy người như bọn ông Hoàng Xuân Hãn đều bảo tôi ở lại.” (NCGB, tr. 50) “Khi nhận lời vua Bảo Đại lập chính phủ: Tôi ra bàn với ông Hoàng Xuân Hãn để tìm người xứng đáng làm bộ trưởng”. (MCGB, tr. 51)

Trong nội các Trần Trọng Kim, ông Hoàng Xuân Hãn làm bộ-trưởng Giáo dục và Mỹ nghệ.

Vốn tính khiêm cung (chính ông Kiểng cũng công nhận), với văn phong điềm đạm, với chứng tích rành rành, lại đối với một vấn đề quốc gia đại sự, không ai tin cụ Trần Trọng Kim lại nói năng thô lỗ đối với người muốn trọng dụng mình.

Ông Kiểng viết:

“Đoạn trường tân thanh là tên một tiểu thuyết vô danh bên Trung Quốc, Thanh Tâm Tài

Nhân. Nguyễn Du đã giữ nguyên tác phẩm và,... cũng giữ nguyên cả cốt truyện, kể cả những chi tiết ngổ ngẩn như hồn ma Đạm Tiên, Từ Hải chết đứng... Ông cũng giữ nguyên cái triết lý “tài mệnh tương đố” bi quan rẻ tiền. Nói chung, Nguyễn Du không có cảm hứng và tư tưởng của chính mình mà chỉ hoà nhịp theo cảm hứng của một tác giả tầm thường của Trung Quốc... Nguyễn Du là khuôn mặt văn học lớn nhất và cao nhất của nước ta cho tới ngày nay, cho nên những thiếu sót của ông càng đáng tủi hổ cho chúng ta hơn là nơi những tác giả khác.” (tr. 259)

Tác giả tự hào là “đọc khá nhiều tác giả lớn bằng tiếng Pháp và tiếng Anh” (tr. 259) sao không biết nội dung nhiều kiệt tác của các đại thi hào Anh (Shakespeare), Pháp (Corneille, Racine) chứa đựng những chuyện tích xứ khác như *Roméo và Juliette* (Ý), *Hamlet* (Đan Mạch) của Shakespeare, *Le Cid* (Tây Ban Nha), *Oedipe* (Hy Lạp) của Corneille, *Andromaque*, *Horace* (Hy Lạp), *Esther* (Do Thái) của Racine. Hơn nữa ai lại nỡ nặng lời với một tác giả kết thúc tập truyện bằng hai câu thật khiêm nhường: *Lời què góp nhặt đông dài, Mua vui cũng được một vài trống canh.*

Hậu sanh khả úy thật!

Ông Kiểng viết:

“Ông (Khổng Tử) từng nói: *Hình phạt không được dùng cho quan lớn, lễ không được dùng đối với đám thứ dân (hình bất thượng đại phu, lễ bất hạ thứ dân)*”. (tr. 279) “Về lễ, chính Khổng Tử đã nói một câu kinh khủng: *‘lễ không kể đến bọn thứ dân’ (lễ bất hạ thứ dân)*”. (tr. 299)

Gán ghép một câu mô tả việc thi hành luật lệ bất công thời phong kiến cho Khổng Tử để nặng lời: “*Tiểu nhân dưới mắt*

Khổng Tử là hạng người không đáng được bất cứ một quan tâm nào, hay bất cứ một sự nể nang nào". (tr. 278)

Thật là hết ý!

Tác giả còn tiếp tục đặt điều:

"Khổng Tử từ chức vì một lý do rất nhỏ mọn: vua nước Lỗ đã không chia phần thịt cho ông trong buổi tế Giao." (tr. 273); "Chỉ vì miếng thịt mà bỏ chức tướng quốc thì còn thể thống gì, còn gì là chí lớn 'trị quốc, bình thiên hạ' nữa." (tr. 282).

Có thể phối kiểm hư thực trong truyện Đông Châu liệt quốc (hồi 79). Khổng Tử vốn trọng Lễ, coi nghi thức rất quan trọng trong việc cai trị (dĩ lễ chế chi), khi nhận số nữ nhạc do Tề Cảnh công biếu theo kế của quan Đại phu Lê Di, Lỗ Định công ngày thì múa hát, đêm thì chiếu chăn, suốt ngày đêm chẳng hề nghĩ đến việc triều chính; ...vua Lỗ không còn biết giữ lễ (thông qua phần tế) nên Khổng Tử bỏ đi. Truyện rành rành thế mà tác giả vẫn "gượng gạo" hỏi: "Khổng Tử đã từng làm quan cho nước Lỗ sáu năm rồi, sao bây giờ mới đi". (tr. 282)

Giản dị là chuyện mới vừa xảy ra. Hiểu rõ bối cảnh lịch sử như vậy mà còn xuyên tạc, người trí ai lại làm như vậy!

Thấy mỗi đệ tử hỏi nghĩa chữ nhân, Khổng Tử đều dạy khác sau, ông Kiểng bèn phán: "Về chữ 'nhân', Khổng Tử định nghĩa một cách lảng nhãng". (tr. 297), "Khổng Tử đặc biệt bối rối khi nói về nhân vì cá nhân ông không có lòng nhân đạo." (tr. 297)

Ông Kiểng không biết đó là lối mô phạm trực tiếp của Khổng Tử, tùy tâm tánh từng đệ tử mà chỉ dạy: đối với đứa ham ăn thì dạy quân tử thực bất cầu báo (ăn chẳng cầu no); với đứa hay gây sự thì dạy quân tử hòa nhi bất đồng; với đứa nói năng bừa bãi thì dạy

tiểu biện hại nghĩa, tiểu ngôn phá đạo; với đứa hay bêu xấu người thì dạy nặc nhân chi thiện, sở vị tế hiền; dương nhân chi ác, tư vị tiểu nhơn (nghĩa: giấu điều tốt đẹp của người là dìm kẻ hiền; chỉ phô bày điều xấu của người là kẻ tiểu nhơn), v.v.

Bồi bác tập thể

Ông Kiểng viết:

"Nguyễn Văn Thanh, người anh kết nghĩa trong tù của tôi... kể cho tôi nghe thời anh học trường Bưởi, giáo sư Đỗ Trí Lễ dạy vật lý, mỗi lần bực bội với học trò thường đi đi lại lại trong lớp và lẩm bẩm: 'Les Annamites sont des menteurs, des voleurs et des assassins' (người Việt Nam là bọn dối trá, trộm cắp và sát nhân)." (tr. 72)

Thật khó tưởng tượng một giáo sư (hiền lành, đức độ, theo tác giả) lại hay nổi nóng và thốt ra một câu kém văn hóa, không ăn nhập gì đến việc dạy dỗ môn sanh, câu nói lại mang ý nghĩa nhục mạ cả một dân tộc trong đó có cả thầy lẫn trò!

Ông Kiểng viết:

"Một giám đốc một công ty khách hàng biết rõ tôi vì là bạn học cùng lớp một lần gọi điện thoại cho hăng tôi một job trong nha điện toán của anh. Nhưng anh ta lại nói thêm: "Nhưng mày đừng gởi cho tao một đồng lương của mày nghe! Người Việt của mày giỏi về kỹ thuật nhưng về truyền thông lại dở quá, mà job này đòi hỏi rất nhiều liên lạc". (tr. 103)

Ông Kiểng viết:

"Tôi biết hai ký giả Pháp khá nổi tiếng... Một người là Pierre d'Harcourt... ông đã chỉ gặp những người không tốt, rồi đi đến kết luận là người Việt Nam không thực sự yêu nước... Michel Tauriac

thì tôi quen rất thân... Trong câu chuyện có lúc ông buột miệng than: 'Chế độ cộng sản Việt Nam chẳng mạnh gì, vấn đề là người Việt Nam không có ý chí tranh đấu gì cả, người ta có cảm tưởng đó là một đàn cừu'... đó là một sự thực mà chúng tôi không thể phản đối". (tr. 576)

Người có chút lịch sự bình thường không ai lại ăn nói hàm hồ (vơ đũa cả nắm) như thế! Dầu người Á Đông hay Tây phương hẳn biết "mía sâu có đốt, nhà dột có nơi!"

Ông Kiểng viết:

"Người chồng Việt Nam là một trong những người chồng thô bỉ nhất thế giới". (tr. 295)

Từ lâu, quan niệm "chồng chúa vợ tôi" đã biến chuyển nhiều trong xã hội Việt Nam, tiêu biểu qua mấy câu ca dao:

Ra đường võng giá nghênh ngang

Về nhà hỏi vợ "cám rang đâu mày?"

- Cám rang tôi để cối xay

- Hễ chó ăn mất thì "mày với ông".

Nói thế cũng chứng tỏ tác giả mù tịt về tình trạng cực kỳ tồi tệ của hàng triệu-triệu phụ nữ trong xã hội Ấn Độ và các quốc gia Hồi giáo.

Ông Kiểng viết:

"Về lễ phép, phải nói rằng người Á Đông rất vô lễ, nhất là những dân tộc chịu ảnh hưởng của Khổng Giáo. Người Tây phương đi qua mặt ai đều xin lỗi, nhận của ai món đồ nào đều cảm ơn, gặp nhau chúc tụng nhau ngày vui... Gần đây có phong trào kêu gọi tái lập phương châm 'tiên học lễ hậu học văn'. Những người chủ trương như vậy hoặc có dụng ý thống trị hoặc không hiểu thực sự của tôn chỉ này. 'Tiên học lễ hậu học văn' chỉ có nghĩa là trước hết học nghi thức và hình thức, học

lay, học quì và cúi đầu, nói chung là cúng tế, rồi sau đó mới học tới kiến thức. 'Tiên học lễ hậu học văn' chỉ có nghĩa là trước học cúng rồi sau mới học chữ". (tr. 299) "Văn hóa Khổng Giáo còn để lại cho chúng ta một di sản khác là sự vô lễ quá đáng". (tr. 339)

Nhận xét thiên cận này là do không phân biệt được sự khác biệt phong tục tập quán giữa các dân tộc hay "mù lòa" trước sự biến chuyển của nó theo thời gian.

Chuyện giả tưởng

Ông Kiểng viết:

"Cứ giả thử vua Càn Long cho không Nguyễn Huệ hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây thì ngày nay nước ta cũng đã bị xóa bỏ rồi". (tr. 163),

"Nếu không có anh em Tây Sơn chắc chắn nước Cam-bốt không còn". (166),

"Nếu Nguyễn Huệ còn sống để mà gây chiến với nhà Thanh thì rất có thể nước ta đã tan hoang và mất về tay quân Tàu". (tr. 168)

"Về lòng nhân của Khổng Tử... Chắc chắn là chính ông cũng cử hành nhiều buổi tang lễ cho các vua chúa và các nhà quyền quý. Vào thời đó có tục chôn sống người trong các đám tang quý tộc... Chắc chắn là Khổng Tử đã chứng kiến nhiều vụ chôn sống người và chính ông đã cử hành nhiều buổi lễ như vậy, nhưng Khổng Tử không những không xúc động mà còn cho rằng nghi lễ của người xưa để lại là hoàn toàn đúng không có gì để sửa đổi. Về điểm này Tần Thủy Hoàng còn nhân đạo hơn ông". (tr. 281)

Chưa hả với bao chuyện vo tròn bóp méo, những điều bịa đặt, cạn nguồn suy diễn, tác giả bèn

tưởng tượng (giả thử, nếu, chắc chắn) nhiều chuyện "động trời" khác để lên án "tiền nhân". Từ "chắc chắn là Khổng Tử đã chứng kiến nhiều vụ chôn sống" đến nói như thật: "Khổng Tử không những không xúc động", vu khoát đến độ mất cả tự chủ. Hậu sanh khả ỷ thật!

Làm chuẩn cho thể văn chính luận! (nhận định của ông Nguyễn Văn Huy)

Theo chuyên viên dân tộc học Nguyễn Văn Huy thì "Rất ít khi tiếng Việt được sử dụng một cách chính xác và truyền cảm bằng trong cuốn sách này."

Theo giáo sư Tôn Thất Thiện thì tác giả "rất thận trọng trong sự lựa chọn từ ngữ để tránh gây trong độc giả cảm tưởng rằng tác giả khinh miệt mình, cho mình là number ten trong khi tác giả là number one..." (một số nhận định cuối sách).

Đọc một số trích đoạn trong bài này hẳn quý vị cũng có khái niệm về việc sử dụng ngôn từ của tác giả. Nếu quả thật sử dụng tiếng Việt chính xác và thận trọng thì chắc tác giả không "dại dột" (chính tác giả thừa nhận ở tr. 151) nói: "Nếu lấy một người rất rành về tiếng Việt nhưng chưa biết truyện Kiều rồi đưa cho anh ta đọc truyện Kiều và một tập thơ gồm những bài thơ đăng trên các báo chí ở khu Bolsa, tôi bảo đảm họ sẽ thấy tập thơ Bolsa hay hơn truyện Kiều" (tr. 152).

Hay viết một câu ngược đời: "Các vị vua Chân Lạp, tổ tiên của Sihanouk, cũng cư xử không khác gì ông (tr. 213).

Hoặc vô nghĩa lý: "Trong Bình Ngô Đại Cáo, Nguyễn Trãi kể tội quân Minh bằng một câu rất lạ: 'chấp nhất kỷ chi kiến, giá

họa ư tha nhân' (chỉ biết ý kiến của riêng mình, luôn luôn cáo buộc người khác)"...Câu trên Trần Trọng Kim dịch là "cậy mình là phải, chỉ quen đổ vạ cho người". Câu dịch thật sai ý của tác giả. Quân Minh sang nước ta để cướp bóc, có chính-nghĩa nào đâu để có thể "cậy mình là phải"? Bản dịch đã không lột được một ý chắc đã dẫn vật tác giả nhiều lần trong cuộc vận động kết hợp để giải phóng đất nước, và làm ông nhức nhối đến nỗi ông viết một câu lạc lõng vào một bài lên án quân xâm lược." (tr. 94).

Xem kỹ lại thì ý bản dịch không khác gì sự hiểu biết của ông Kiểng, cho là sai đi, không lột được ý của Nguyễn Trãi thì làm sao bản dịch đó (500 năm sau) lại "dẫn vật ông" được và làm "ông nhức nhối đến nỗi ông viết một câu lạc lõng", đó là chưa nói "nhổ râu ông nọ cắm cằm bà kia" (Ưu Thiên Bùi Kỳ dịch chớ không phải cụ Trần Trọng Kim!).

Hay lòng vòng như đoạn: "Cần đánh chính một quan điểm rất phổ biến nhưng rất sai là nước Pháp, cũng như mọi đế quốc thực dân châu Âu trong thế kỷ 19, có âm mưu khuất phục và chiếm đóng Việt Nam... Các chính quyền châu Âu không có chính sách khuất phục và chiếm đóng các nước đã có tổ chức nhà nước. ... Việc Pháp đánh chiếm Việt Nam là một ngoại lệ lớn mà nguyên nhân là chính quyền nhà Nguyễn vừa quá ngoan cố lại vừa quá yếu. Lý do chính khiến người Pháp đánh chiếm Việt Nam là việc cấm đạo, lý do phụ là Pháp muốn bành trướng thương mại tại Viễn Đông". (tr. 198).

Bình vực không ra bình vực, lên án không ra lên án, vậy mà tác giả đi phẩm bình: "Chúng ta là một dân tộc không biết đọc, không biết viết, và không biết

nói" (tr. 107). Có lẽ sợ chưa ai tin, vài trang sau tác giả viết lại: "Người Việt không biết truyền thông, không biết đọc, không biết viết, v.v." (tr. 109). Sau đó còn bồi thêm: "Chúng ta rất vô lễ với tiếng Việt". (tr. 251).

Phải chăng tác giả thực tình "tự phê" hay viết hớ: "Tôi đã từng được nghe nhiều bài thuyết trình và đọc nhiều bài tham luận trong đó tác giả mâu thuẫn với chính mình trong vòng vài phút phát biểu hay trong một trang giấy". (tr. 503)

Tóm lại, mặc dầu tác giả khẳng định: "Ôn cố tri tân (ôn chuyện ngày xưa để biết chuyện ngày nay) là một phương pháp sai" (tr. 152), nhưng nội dung phần lớn là nhắc chuyện xưa. Việc đả kích thậm tệ những phong tục tập quán lỗi thời (tam cương ngũ thường, quan niệm về chữ trung, chữ hiếu) thì chẳng có gì lạ, nhiều hủ tục không còn ai theo nữa, đả kích cũng bằng thừa, chỉ tiếc là vì muốn đảo lộn mọi giá trị hiện hữu nên chẳng chịu gạn đục khơi trong để chất lọc tinh hoa.

Về ý thì không có gì gọi là khám phá mới, nội dung các đề tài dân chủ hay phát triển kinh tế chỉ là một tổng đại thành các kiến thức thông thường được diễn dịch dưới khía cạnh này hay khía cạnh khác.

Có độc đáo chăng, đó là việc "đảo ngược" mọi giá trị hiện hữu, là "khẳng định" nhiều chuyện đầu không biết rõ, thậm chí không biết gì cả hoặc do suy luận hay tưởng tượng ra, là "tổng quát hoá" vấn đề nên thường vơ đũa cả nắm, khen ai thì không có điểm nào xấu, chê ai thì chẳng có một điểm hay. Nói bậy nhiều quá khiến độc giả nghi ngờ tất cả. Tuy có lúc biết: "Khi người ta có thể khinh

bỉ, mạt sát và buộc tội một cách thậm tệ một người mà mình chỉ biết qua một số dư luận thôi thì phải chăng là người ta đang mạt sát chính mình?" (tr. 63) nhưng chúng nào tạt nẩy.

Có đôi lúc tác giả như bưng tỉnh: "Một số độc giả đọc đến đây có thể giãy nảy lên: "Tên này xác xược, dốt nát nên nói bậy" (tr. 462) hay: "Đến đây, tôi đã nói mông lung lắm rồi, xin đi vào cụ thể" (tr. 464), nhưng chỉ thoáng qua rồi đầu lại vào đó!

Vẫn theo tác giả: "Nếu mỗi người chúng ta thỉnh thoảng bỏ thời giờ kiểm điểm những hiểu biết của mình và cố gắng tìm ra những mâu thuẫn giữa những hiểu

biết đó thì hay biết bao nhiêu" (tr. 464) nhưng rất tiếc tác giả không có thời giờ (thường nhắc đi nhắc lại). Nếu được thế thì chắc không có quyển *Tổ quốc ăn năn!*

Thiên nghĩ lợi ích duy nhất mà cuốn *Tổ quốc ăn năn* mang lại cho người đọc là hiểu giá trị đích thực của người hoạt động chính trị Nguyễn Gia Kiểng, qua đó hiểu thêm tổ chức Tập hợp dân chủ đa nguyên (nhóm Thông luận) mà ông được coi là đầu tàu từ non 20 năm nay cũng như kiến thức của những bậc "nổi tiếng hơn người" đã không tiếc lời tán tụng tác giả đã được trích dẫn vào cuối sách (danh tánh đã được nhắc đến ở trang đầu). ●



Vài Lời Xác-Minh

Minh Đạo

Trong Lời đầu cuốn *Tổ Quốc Ăn Năn*, ông Nguyễn Gia Kiểng có đề cập tới ông Vũ Tiến Đạt, một người bạn thân đã khuất, với rất nhiều cảm tình. Có lẽ vì thời gian xa cách quá lâu và có thể ông Kiểng cũng chỉ nghe loáng thoáng người khác kể lại nên có một vài điều sai lạc liên quan tới ông Đạt.

Vì lòng quý mến người bạn cũ, trong trại cải tạo, đã bị Cộng sản vu cáo có âm mưu trốn trại để giết hại, vứt xác bên hàng rào kẽm gai, xin có vài hàng xác minh và bổ sung một vài điều để tỏ lòng quý trọng người chung đã khuất.

Ông Vũ Tiến Đạt học trường trung học Chu văn An ở Sài Gòn, đậu tú tài năm 1961, học Luật, trong nhóm "Thất hiền" (gọi đùa, để chỉ 7 người học giỏi ở trường Luật thời đó), ra trường năm 1965. Cùng với 8 người có cử nhân Luật khác, ông Đạt vào ngành Cảnh sát quốc gia, thời Đại tá Phạm văn Liễu và theo khóa sĩ quan trừ bị Thủ Đức. Ra trường, được bổ nhiệm Quận trưởng cảnh sát, cấp bậc Thiếu tá đồng hoá. Nhưng ông Đạt ở lại Tổng nha cảnh sát để soạn thảo bản qui chế cảnh sát quốc gia mới. Ông tốt nghiệp cao học công pháp quốc tế trong thời gian này. Ông từ nhiệm, vận động để được nhập ngũ "xem thử mình có sợ không", ông nói đùa vui với tôi. Ông gia nhập ngành Biệt động quân, thụ huấn ở Trung tâm huấn luyện Dục Mỹ, Nha Trang. Tốt nghiệp chuẩn úy và được bổ nhiệm trung đội phó trong tiểu đoàn Cọp ba đầu

rằn trên chiến trường vùng 2 (Pleiku), một tiểu đoàn nổi tiếng thiện chiến, bách chiến bách thắng mà Việt cộng rất sợ đụng độ. Ông Đạt nổi tiếng là can đảm và không có số sát quân. Trong cảnh máu lửa mịt mù, những lúc ngừng quân, ông Đạt tiếp tục hoàn thành luận án Tiến sĩ công pháp (Lịch sử hình thành các đảng phái chính trị ở Việt nam), được cố giáo sư Nguyễn Văn Bông bảo trợ và rất mực khen ngợi. Sắp tới ngày trình luận án, giáo sư Bông bị sát hại, việc bị lỡ dở.

Có lần ông tâm sự "Ở Việt Nam người ta trọng vọng các bằng cấp nước ngoài. Phải xuất ngoại, học lấy vài cái thì họ mới tin là mình có khả năng". Trong một trận đánh, ông Đạt bị thương ở bụng, ở tay khá nặng phải nằm điều trị ở Tổng y viện Cộng hoà. Ông được thăng cấp Trung úy tại mặt trận. Tôi vào thăm, ông tâm sự "Thế là đủ tỏ là mình không sợ. Bây giờ phải làm một việc khác". Ông muốn xuất ngoại. Do đó, ông thi tuyển vào ngành Tham vụ ngoại giao và đỗ đầu

khóa đó.

Năm 1975 ông Đạt phải đi tập trung cải tạo vì là trung úy biệt phái sang bộ Ngoại giao. Mười năm sau, tôi ra khỏi tù, tìm thăm bạn ở căn nhà nhỏ trong cư xá Trần Quang Diệu, Phú Nhuận, chỉ thấy bạn tôi cười rất tươi trong khung ảnh đặt trên bàn thờ. Hỏi thăm những người đã từng nằm chung trong trại cải tạo, được biết: ông Đạt, sau hai năm, biết là bị bọn Cộng sản lừa gạt, ông có ý trốn trại. Bị bọn diêm chỉ báo cáo, bọn Cộng sản bắn chết ông Đạt và vứt xác ông ở bên hàng rào kẽm gai, vu cáo là ông đang trốn trại, bị lính gác bắn chết.

Viết những dòng này, tôi hy vọng ông Nguyễn Gia Kiểng đọc được và xem lại chỗ sai lầm: ông Vũ Tiến Đạt không phải xin tình nguyện đi lính, cấp bậc binh nhì, để tỏ là mình không hèn một cách ồn ào. Và cũng không lên tới cấp bậc đại úy. Ông Kiểng, giáo sư Lê văn Đảng và nhiều bạn bè chung khác, đã cùng chung một mái trường trung học Chu văn An và Đại học Luật khoa Sài Gòn biết rất rõ ông Đạt là người học giỏi, đọc rất rộng và tới nơi tới chốn nhưng rất khiêm nhường kín đáo và rất mực chí tình với bạn bè.

Đắc nhất tri kỷ khả dĩ bất hận, nay người bạn tốt, hiểu mình và yêu mình đã mất, chắc ông Nguyễn Gia Kiểng cũng cùng chung nỗi buồn với tôi. ●





Một Hình Ảnh Nóng Bỏng Có Thể Tác Động Tới Một Cuộc Chiến Như Thế Nào?

James Zumwalt

Đào Trường Phúc
dịch

Lời Tòa Soạn. Nhật báo Los Angeles Times số ra ngày 9.11.2001 có đăng một bài nhận định rất đáng chú ý của ký giả James Zumwalt. Khởi từ hình ảnh bốn khủng bố cướp máy bay đâm vào hai tòa cao ốc tại New York, tác giả liên tưởng đến tám hình chụp một sĩ quan cao cấp của Việt Nam Cộng Hòa - Chuẩn-tướng Nguyễn Ngọc Loan - xử bắn một tên Việt cộng trong dịp Tết Mậu Thân 1968, khi cộng quân tấn công vào các thành-phố miền Nam và sát hại hàng chục ngàn dân lành vô tội. Bài báo đưa ra một cái nhìn sắc bén và trung thực - điều hiếm thấy trong giới truyền thông Hoa Kỳ mỗi khi họ thẩm định lại căn nguyên và bản chất cuộc chiến tranh Việt Nam...

Một tám hình chụp có thể chứa đựng cả một tiềm lực ghê gớm để đẩy lên những làn sóng xúc động trong lòng người. Những hình ảnh của ngày 11 tháng 9, chụp hình các chiếc máy bay lao vào World Trade Center, Ngũ Giác Đài và một cánh đồng ở Pennsylvania, đã khiến cho mọi

người xúc động tới độ không mấy ai lên tiếng phản đối việc chính phủ Hoa Kỳ ra lệnh phải thanh toán Osama Bin Laden "bất luận sống hay chết". Tôi chẳng quan tâm gì tới chuyện chúng ta giết chết tên trùm khủng bố này mà khỏi cần mang hấn ra tòa xử theo thủ tục pháp lý. Những vấn đề triết để cần phải được giải quyết bằng những biện pháp triết để.

Cùng lúc đó, tôi không thể không nhớ lại một tám hình nổi tiếng khác, đã được chụp cách đây hơn ba chục năm, sau một vụ tấn công của bốn khủng bố. Điều trở trêu là tám hình nổi tiếng ấy đã gây nên một phản ứng hoàn toàn khác biệt trong dư luận dân chúng Mỹ, so với những hình ảnh của ngày 11 tháng 9 vừa qua.

Vào đầu năm 1968, trong biến cố Tết Mậu Thân, bốn Việt cộng phát động một cuộc tổng tấn công quy mô nhắm vào các cứ điểm quân sự và dân sự trên toàn lãnh thổ miền Nam. Biết bao nhiêu dân lành vô tội đã chết hoặc bị thương. Một trong những tên khủng bố Việt cộng có tham gia trận tổng tấn công này đã bị bắt tại trận ở Saigon, sau khi hấn lạnh

lùng hạ sát bảy người dân vô tội tay không tác sát.

Vị Giám đốc Tổng Nha Cảnh Sát Quốc Gia của Việt Nam Cộng Hòa, tướng Nguyễn Ngọc Loan, đã đơn phương trở thành cả quan tòa, bồi thẩm đoàn, và người thi hành án lệnh, để áp dụng phán quyết của chính ông dành cho tên đặc công khủng bố Việt cộng.

Với hai tay bị trói quặt phía sau, tên khủng bố bị tướng Loan dẫn ra một góc phố, trước mặt một số nhà báo. Nơi đó, Tướng Loan móc cây súng lục kê ngang đầu tên tù binh Việt cộng.

Giây phút trước vụ hành quyết này đã được thâu vào ống kính của nhiếp ảnh gia Eddie Adams và trở thành một trong những hình ảnh đáng nhớ nhất của cuộc chiến tranh Việt Nam.

Khi tướng Loan đứng thẳng người, dang tay cầm khẩu súng, tên khủng bố Việt Cộng vẫn đứng cười nhân nhở, đầu hơi nghiêng qua một bên như để chờ đợi viên đạn bắn ra. Chỉ một khoảnh khắc ngắn ngủi sau khi tám hình được chụp, số phận của tên khủng bố đã được giải quyết. Hấn đã đền tội ác một cách mau chóng. Trên trái đất vừa bớt đi một tên khủng bố.

Khi tám hình nói trên xuất hiện ở khắp nước Mỹ, dư luận Hoa Kỳ ngay lập tức đã cảm nhận được tính chất dã man của cuộc chiến tranh qua một hình ảnh ghi nhận bất ngờ, nhưng không nắm được thực chất của cuộc chiến tranh ấy. Dư luận Hoa Kỳ đã cố tình nhắm mắt làm ngơ đối với hành động khủng bố dã man trước đó của tên Việt Cộng, mà chỉ nhắm vào điều mà họ coi là hành động giết người không góm tay của một viên chức chính quyền Saigon.

Tám hình của Eddie Adams đã đổ thêm dầu vào ngọn lửa chống đối cuộc chiến tranh Việt Nam tại

Hoa Kỳ. Vào lúc đó xứ Mỹ bình yên quá, chúng ta chưa từng phải gánh chịu những vụ khủng bố kinh hoàng nhắm vào đất nước này, cho nên chúng ta không thể tưởng tượng được hành động khủng bố của bọn Việt cộng đã gây nên tâm trạng phẫn uất tới mức nào đối với những người dân Saigon là nạn nhân của bọn chúng. Phải đợi cho tới khi vụ khủng bố ngày 11 tháng 9 xảy ra, thì thực tế mới giúp người dân Mỹ thấu hiểu được những thống khổ mà các dân tộc khác đã gánh chịu suốt bao nhiêu năm trong đời họ.

Từ những kinh nghiệm sống, chúng ta học được sự khôn ngoan.

Với sự khôn ngoan ấy, chúng ta bắt đầu duyệt lại các viễn ảnh tương lai. Với các viễn ảnh đã được duyệt xét lại, chúng ta có được sự cảm thông sâu xa hơn với những người khác, cũng như cân nhắc chín chắn hơn về điều cần phải làm để thực hiện được mục tiêu trong đời sống của chúng ta một cách tốt đẹp nhất.

Ngay bây giờ, mục tiêu trong đời sống của đất nước Hoa Kỳ là phát động cuộc chiến chống lại bọn khủng bố quốc tế. Cuộc chiến ấy sẽ lâu dài, đòi hỏi chúng ta phải gấp rút tìm hiểu rõ hơn về những kẻ quyết tâm làm hại chúng ta, và về những hành động cần phải làm để triệt hạ mối đe dọa của bọn chúng nhắm vào trật tự thế giới của chúng ta - bất kể đó có thể là những hành động khó chấp nhận tới đâu đi nữa. Trong tinh thần ấy, chúng ta phải nhận thức rằng có những điều mà trên mặt lý thuyết, với tư cách một xã hội dân chủ tôn trọng nhân quyền, chúng ta rất muốn thực hiện - thí dụ như quyền được xét xử công minh trước tòa án - nhưng trên thực tế chúng ta không thể thực hiện, khi mà kẻ thù đã lôi kéo chúng ta vào một cuộc chiến

tranh với những luật chơi hoàn toàn ngược lại luật chơi của chúng ta.

Có lẽ tấm hình chụp Tướng Loan xử bắn tại chỗ tên khủng bố Việt cộng để trừng trị tội ác chống nhân loại của y là một lời nhắc nhở đúng lúc để chúng ta có được sự quyết tâm cần thiết trong giai đoạn này.

How A Powerful Image Can Shape A War

. By James Zumwalt

There is tremendous potential in a photograph to inflame emotions. The images of Sept. 11 of planes crashing into the World Trade Center, the Pentagon and a field in Pennsylvania were of sufficient emotion to cause few of us to object to the ensuing executive order that Osama bin Laden be taken "dead or alive".

The option of killing Bin Laden and denying him a fair trial causes me no concern. Extreme problems dictate extreme solutions.

At the same time, I cannot help but reflect on another famous photograph, taken more than three decades earlier following a terrorist attack. Interestingly, this famous photograph had a much different impact upon the American public than did the Sept. 11 photographs.

In early 1968, during the Tet offensive, the Viet Cong launched a coordinated assault against military and civilian targets throughout South Vietnam. Scores of innocent civilians were killed or wounded. One of the terrorists involved in the attacks was quickly apprehended in Saigon after murdering seven unarmed civilians in cold blood. The director of South Vietnam's National Police, Loan Ngoc Nguyen, unilaterally became judge, jury and executioner, enforcing his own executive order.

With hands bound behind him, the terrorist was led away by Nguyen to a street corner in front of a group of journalists. There, Nguyen drew his pistol and placed it to the head of his captive.

The moment before execution was recorded by photographer Eddie Adams in one of that war's most memorable photographs.

As Nguyen stood with outstretched arm and pistol in hand, the Viet Cong terrorist stood grimacing, his head slightly tilted to one side as he awaited the impact of the executioner's bullet. An instant after the photograph was taken, the terrorist's fate was sealed. Retribution had been swift. There now existed one less terrorist in the world to take an innocent life.

As the photograph appeared across the U.S., the American public all too quickly perceived the brutality captured in that one snapshot of the war but failed to grasp its reality. They chose to ignore the brutality of the terrorist's precipitating act to focus only on what they perceived to be the ensuing barbaric act of a Saigon government official.

The photograph fueled opposition at home to the Vietnam War. In a time of innocence, when we were shielded from such rampant acts of terrorism at home, we simply could not understand the passion and anger the precipitating act of terrorism had wrought upon the Saigon citizens who were its victims. It has taken the reality of Sept. 11 to make Americans fully understand what many others have had to endure for a significant part of their lives.

From life's experiences we gain wisdom.

With such wisdom, we begin the process of fine-tuning our perspectives. With such enhanced perspectives, we garner a better understanding of others and what we must do to most effectively accomplish our purpose in life.

Right now, America's purpose in life is to lead the fight against global terrorism. That fight will be long, requiring us to quickly learn more about those determined to do us harm and what must be done to eliminate the threat they pose to our world order - no matter how unpalatable such actions may be. This includes recognizing that what we might theoretically want to do as a democratic society committed to human rights - such as one's right to a fair trial - is not what we can realistically do when our enemy wages war by a set of rules totally contrary to our own.

Perhaps the photograph of Nguyen summarily executing one such terrorist for his violent act against humanity can now serve as a reminder of the resolve we need.



Đoạn trường ...vô thanh

Cụ bà Thị Ngãng tới phòng mạch bác sĩ Văn Nghễnh, khai bệnh:

- Bác sĩ xem hộ, lạ lắm cơ!..

Bác-sĩ:

- Lạ thế nào, thưa cụ?

Cụ bà hơi ngần ngại:

- Lạ lắm... lạ lắm... Cả năm nay tôi bị chứng gì mà cứ... cứ ... đánh rầm liên tục.

Rồi cụ mỉm cười, vừa ngượng vừa lo, tiếp:

- Mà lạ lắm bác sĩ-a! Nó chả phát ra tiếng mà cũng chả có mùi gì cả! Tôi đọc sách xưa thấy nói hễ người già mà đánh rầm không có mùi tức là sắp ... gần ngày lâm rồi! Bác sĩ nghĩ có đúng không?

Bác-sĩ Văn Nghễnh lẳng lẳng chả nói gì, khám tới khám lui kỹ-lưỡng, xong biên toa, bảo gọn:

- Cụ uống mỗi ngày 3 lần, mỗi lần 1 viên, nhớ uống nhiều nước. Uống đủ 7 ngày thuốc, tuần sau tái khám.

Tuần sau cụ bà Thị Ngãng đúng hẹn tới khám, vừa thấy mặt bác-sĩ đã than-phiền như chợ vỡ:

- Ôi giờ ời bác-sĩ! Uống được mấy ngày thuốc của bác-sĩ thì bắt đầu có chuyện ra! Tôi vẫn cứ đánh rầm liên-tục như trước, có điều là bây giờ nó thối điếc cả mũi chứ không còn ... thanh-lịch như trước!

Bác-sĩ mỉm cười, gật đầu:

- Tốt lắm! Vậy là tôi đã trị xong chứng nghẹt mũi kinh-niên cho cụ. Bây giờ tôi bắt đầu trị sang chứng lằng tai.

Tin dữ, tin lành

Ngày lành tháng tốt, cô con gái cưng của Tám Tàng mang cậu bồ măng sữa về trình-diện bố mẹ:

- Bố mẹ! Đây là Osama. Chúng con định lấy nhau. Osama muốn gặp bố mẹ...

Ông bà Tám Tàng vui-vẻ tiếp-đãi cậu con rể tương-lai. Được một lát ông Tám mời cậu Osama vào phòng việc của ông, hỏi riêng:

- Thế cậu làm nghề gì?

Osama:

- Thưa ông, tôi là môn-sinh Thần học, chuyên về kinh Cua-rang.

Ông Tám chép miệng:

- Thần học? Một môn học cao-quí! Thế cậu định làm thế nào để cung-cấp cho con gái tôi một căn nhà đẹp-đẽ khang-trang như chỗ nó đang ở cùng bố mẹ nó bây giờ?

Osama:

- Thưa ông, tôi sẽ thành-tâm cầu-nguyện. Thượng-đế sẽ ban lộc cho tôi!

Ông Tám:

- Thế còn nhẫn cưới! Con gái tôi vẫn ao-ước có được một chiếc nhẫn cưới ... to hơn chúng bạn nó chút xiu... Cậu định thế nào?

Osama:

- Thưa ông, tôi sẽ tiếp-tục cầu-nguyện mỗi ngày sáu lần. Thượng-đế sẽ ban lộc cho tôi!

Ông Tám:

- Còn con cái? Cậu định nuôi nấng chúng nó như thế nào?

Osama:

- Thưa ông. Thượng-đế sẽ soi sáng cho tôi và nâng- đỡ các con tôi!..

Câu chuyện cứ thế mà tiếp-tục. Cậu Osama tỏ ra thành-tâm và

trung-thành tuyệt-đối với tín-ngưỡng tâm-linh, cậu chỉ cần chăm-chỉ học-tập và cầu-nguyện, còn lại phú cả cho Thượng-đế ban phát lộc.

Cuối cùng, có tiếng bà Tám gõ cửa nhè-nhe, vờ ông Tám sang phòng bên, sốt ruột hỏi nhỏ:

- Sao ông? Cậu ấy... thế nào?

Ông Tám nhẹ-nhàng đáp:

- Tin dữ: không công ăn việc làm, không kế-hoạch tiến thân, không phương-tiện để giúp- đỡ vợ con. Tin lành: cậu ấy tin tôi là Thượng-đế.

Chán ghét chiến-tranh

Giờ Sử, cả lớp thảo-luận về chiến-tranh và hoà-bình. Để đúc-kết, giáo-sư đặt câu hỏi:

- Giữa các bạn, ai là người chán-ghét chiến-tranh, giơ tay lên!

Hàng ngàn cánh tay giơ lên.

Giáo-sư gật-gù, trở một sinh-viên nửa thức nửa ngủ, ngồi gần cuối phòng:

- Anh bạn trẻ kia! Anh cũng chán ghét chiến-tranh phải không? Anh hãy trình-bày lý-do của anh.

Sinh-viên từ từ đứng dậy:

- Thưa thầy... Lý-do là... chiến-tranh làm thành lịch-sử, mà Sử làm em... buồn ngủ... cho nên...

Hôm sau mang lại

Atta vào tiệm cắt tóc, nhờ cạo hết râu-ria sạch-sẽ cho khỏi giống Taliban. Bác thợ cạo trong lúc xoa xà phòng lên mặt Tư, khám phá ra một chỗ lõm trên má, trở cho khách, bảo:

- Chỗ lõm này khó cạo lắm đây!

Rồi ông ta lục trong ngăn kéo, lôi ra một trái banh nhỏ xiu bằng cao-su, bảo:

- Ông ngậm vào mồm, dùng lưỡi giữ nó bên trong cái má có chỗ lõm. Nhớ đừng nuốt vô bụng nghe cha nội!

Nhờ trái banh độn má, bác thợ cạo đi lại mấy đường dao bay-bướm khiến mặt mày Atta nhẵn-nhụi dễ coi, da mặt không đau rát gì cả.

Atta nhả trái banh ra, móc túi trả tiền, khen:

- Bác có nhiều sáng-kiến lắm! Thế nhưng lỗ như tôi nuốt phải trái banh vô bụng thì sao?

Bác thợ cạo nhân mặt:

- Thì có sao đâu! Ông cứ mang nó về, hôm sau mang lại trả tôi, như mấy ông khách vô ý vô tứ của tôi vẫn thường làm!

Chuyện ma

Sau buổi họp mặt Halloween, cây có chút men ngà ngà trong máu, Hai Cáy rủ Ba Thỏ Để đi về tắt ngang nghĩa-địa để hôm sau có dịp lên mặt với bạn bè.

Ba Thỏ Để ban đầu ngần-ngại nhưng thấy Hai Cáy “khăng-quyết” thời nguyên-tử làm quái gì có ma cỏ”, nên yên tâm chiều bạn, gật đầu.

Đi được nửa đường, nhờ sương lạnh làm cho tỉnh rượu, hai đứa bắt đầu đánh lô-tô trong bụng, vừa đi vừa dáo-dác nhìn quanh, càng nhìn càng sợ, càng đi càng lạnh căng, tới cũng dở, mà lui thì cũng đã xa lắm rồi!

Hai đứa xoắn lấy nhau mà bước, trông xa như một cặp tình-nhân say rượu. Hai cái xương sống cùng lạnh toát, trời không nóng mà mồ hôi rịn ra từng hạt. Hai bông đái dầy ăm ắp mấy lần tưởng đã phọt ra. Hai đôi hàm răng chạm vào nhau còm-cộp. Bốn cái đầu gối chùng như sấn-sàng sụp xuống.

Giữa lúc căng thẳng tột độ ấy, hai đứa chợt nghe tiếng động bất thường như tiếng ai đục vào đá lách cách, đều-đặn ở bên đường. Biết chẳng chạy đâu cho thoát, hai đứa trợn mắt ra trông cho rõ, từ từ tiến tới.

Tới một chỗ rẽ, hai đứa chợt thấy một ông lão gầy còm da bọc xương, mặc quần áo hoá-trang thành người thời xưa, đang ngồi lom-khom dùng búa và đục, đục vào một tấm bia mộ.

Trông ra người, hai đứa hú hồn! Hai Cáy phát vào vai ông lão, cười:

- Cái ông cụ này! Làm cho chúng tôi giật cả mình!

Ba Thỏ Để cũng xán lại, nhìn vô tấm mộ chí, hỏi:

- Khuya quá rồi, chỗ này lại tối-tăm chẳng đèn lửa gì, sao cụ không đợi tới sáng mai rồi hãy làm tiếp?

Ông cụ lắc đầu vừa đục vừa lẩm-bẩm:

- Mai! Càng trông càng bức mình, làm sao mà đợi được! Cả trăm năm nay mình vô ý chẳng nhìn. Hồi nãy đi chơi về chợt trông thấy mà phát bức! Có mỗi cái tên cha sinh mẹ đẻ mà chúng nó cũng khác sai, phải sửa liền chứ làm sao mà đợi được!

Ân-huệ đặc-biệt

Chuyện đời xưa. Bảy Búa một hôm đi câu ở Hồ Tây, chợt thấy giữa cái hồ vắng-vẻ, có một người kia cứ ngoi lên ngụp xuống khác thường. Trông lại, rõ ràng có người sắp chết đuối. Bảy Búa vội vàng nhảy ùm xuống lôi nạn-nhân lên bờ xốc nước cứu mạng.

Nạn-nhân ú-ớ rồi thổ ra cả vũng, tỉnh lại. Tưởng ai, hóa ra bác Hồ. Không biết lữ bảo-vệ đi chơi đằng nào, bỏ bác ta bơi lặn một mình cho ra nông-nỗi.

Bác Hồ thấy Bảy Búa quần áo ướt sũng, bèn nói:

- Chú ... được lắm! Chú muốn Bác thưởng gì nào? Lên lương? Thăng chức? Hay muốn lấy tiền?

Bảy Búa lẩm-lét nhìn chung quanh thấy không có ai, thấp giọng lập-cập nói mau trước khi lui mất:

- Thôi Bác ơi, khỏi thưởng! Bác

thương, xin Bác đừng... đừng nói cho ai biết là tôi đã cứu Bác ... Bác nhé!

Không thể thiếu

Một bà chạy a vào bót cảnh-sát, giọng gấp rút:

- Chồng tôi mất tích! Mấy ông làm ơn kiếm giùm chồng tôi! Tôi không thể thiếu anh ấy được!

Thầy đội lấy phiếu ghi chép:

- Bình-tĩnh nào, thưa bà! Ông nhà mất-tích từ bao giờ?

Bà kia:

- Tuần trước. Anh mất-tích từ hôm Thứ Bảy tuần trước!

Thầy đội:

- Trời đất! Vậy sao hôm nay bà mới đi khai báo?

Bà kia:

- Thì hôm nay Thứ Sáu mới là ngày lãnh lương!

Theo gương “Bác”

Giờ Văn, một giáo-viên thành Hà hỏi cậu học-sinh:

- Bài thơ này của em phải không?

Học-sinh:

- Em làm đấy.

Giáo-viên hỏi lại:

- Em chắc chứ?

Học-sinh:

- Chắc! Toàn bài, chữ nào cũng của em cả đấy!

Giáo-viên:

- Vậy thì hân-hạnh biết cụ, thi-sĩ Lưu Trọng Lư, cháu cứ tưởng cụ qua đời lâu rồi!

Tươi với ai!

Tư Búa ra văn-phòng Bộ Giao-thông làm đơn rồi xếp hàng chờ chụp hình, đóng tiền gia hạn bằng lái xe.

Giống như mọi văn-phòng nhà nước trên cõi đời ô trọc này, người đông, phòng chật, nhân-viên đã ít

lại làm việc không hiệu-quả, sau gần hai giờ chờ đợi rục rỗng, cuối cùng Tư Búa cũng cầm được cái bằng mới.

Trông cái bản mặt cau-có của mình trong ảnh, Tư Búa phân-bua:

- Thưa cô... Xếp hàng chờ lâu quá, mặt mày tôi coi bộ kém tươi-tinh, có thể nào cô cho chụp lại...

Cô thư-ký cầm cái thẻ liếc qua rồi trả lại, an-ủi:

- Ô không sao đâu! Khi cảnh-sát rượt theo chớp đèn hú còi gọi ông lại thì cái mặt ông lúc đó trông cũng đại khái như thế!

Làm sao mang?

Sáu Diệu bước vào một tiệm quần áo sang-trọng, chọn được một cái cà-vạt vừa ý để diện đi ăn cưới buổi tối. Thấy trên cà-vạt không ghi giá, Sáu vẫy cô bán hàng lại, ỏn thốt hỏi:

- Cái này bao nhiêu, cưng?

Cô bán hàng nhìn Sáu Diệu bằng đuôi mắt, lỏn-lẻn cười, mang vào xem giá, xong trở ra bảo:

- Một trăm mười chín đô-la, thưa ông.

Sáu Diệu đảo trông mắt nhìn trời:

- Đắt thế, cưng! Với giá này "qua" mua được một đôi giày kha khá rồi!

Cô bán hàng thấy Sáu Diệu vui tính, đáp:

- Đồng ý, thế nhưng làm sao ông mang chúng nó vào cổ được?

Thông-minh như côm Vem

Thượng-úy phe-phẩy Trần Thông-Minh là trưởng toán công-an đặc-biệt thành Hà, vốn được huấn-luyện đủ thứ ngón nghề trước khi ra trường. Một hôm dẫn vợ đi giải-trí ở Nhà Hát Lớn ra, trời mưa như trút, đến xe mới hay bỏ quên mất chìa khoá trong xe và tất các các cánh cửa đều khoá cứng.

Thông-Minh bảo vợ nép vào hàng hiên đợi anh ta tìm một khúc kềm để mở khoá.

Chạy tới chạy lui mãi rồi ngài Thượng-úy cũng tìm ra một khúc kềm. hí-hoáy một lúc rồi cũng vào được trong xe, cả hai ướt mềm như chuột lột. Thông-Minh giấu khúc kềm dưới thảm xe, bảo vợ:

- Để lần sau nhớ lại quên chìa khoá trong xe, có mà dùng, khỏi phải chạy đôn chạy đáo đi tìm!

Chỉ cần một lỗ nữa

Ba người bạn cũ gặp nhau, một anh Công giáo, một anh Do-thái-giáo, một anh Mormon. Trong khi chén chú chén anh đánh dấu cuộc trùng-phùng, anh Công giáo bảo bạn:

- Tớ để được 4 thằng con trai. Chỉ cần kiếm thêm thằng nữa là đủ để lập đội bóng rổ.

Anh Do-thái-giáo mỉm cười:

- Còn tớ, để được 10 thằng rồi. Kiếm thêm thằng út là đủ lập một đội bóng tròn.

Anh Mormon cười ruồi:

- Còn tớ, đã 17 bà vợ rồi, kiếm thêm bà nữa là tớ có nguyên một cái sân golf!

Thông-báo

Đọc thấy trên bảng thông-báo dựng trước văn-phòng phường 4, quận 1 thành Hồ, chữ viết nắn-nót khá tươi-tắt:

" **THÔNG-BÁO**,

"*Hôm nay không có thông-báo gì để thông-báo. Khi nào có thông-báo sẽ thông-báo.*"

Coi chừng

Trong Sở Thú, một con dã nhân coi chỉ tay cho một con khỉ khác, bảo:

- Chỉ tay chú mày có điềm xui, phải ăn hiền ở lành, không thì coi

chừng bị tiến-hoá thành người đấy!

Thực-tế

Trái Táo hỏi vận Củ Hành:

- Vin vào đâu mà bạn cho rằng loài người thương bạn hơn tôi?

Củ Hành:

- Thì cứ nghĩ cho kỹ xem: khi lột da bạn, có ai thêm nhỏ cho bạn lấy một giọt nước mắt không?

Lụy vì đàn bà

Trong nhà thương điên, bác-sĩ trở cho khách thấy một bệnh-nhân người xanh như tàu lá, suốt ngày ngồi cạnh bờ mương, ôm đầu gục xuống nhìn vũng nước đen ngòm, chẳng nói chẳng rằng, không ăn không uống:

- Đây là ông A. Từ ngày người yêu của ông ta bỏ đi lấy chồng, ông ta cứ thần-thờ như thế.

Lát sau, bác-sĩ lại trở một ông khác ngồi đập đầu vào tường "bình binh" cả ngày, bảo khách:

- Còn đây là ông B, đã cưới người yêu của ông A.

Anh chồng ác đức

Đang ngủ, Ba Trợn bị cô vợ mới cưới dựng dậy:

- Dậy! Dậy anh ơi!

Ba Trợn cựa mình, thở ra:

- Một quá cưng... Để gần sáng đi!

Cô đỏ mặt, cãi nhỏ-nhỏ:

- Hồng phải chuyện đó đâu nà! Ăn trộm... Có kẻ trộm vào nhà!

Ba Trợn tỉnh hơn một chút, nhừa-nhựa hỏi:

- Trộm hả? Nó đang làm gì vậy?

Cô vợ mới nháp-nhốm báo-cáo:

- Nó... nó đang ăn vụng nồi súp em hầm trên bếp.

Ba Trợn lăn qua, ngủ tiếp:

- Kệ mẹ nó! Để sáng mai anh chôn nó sâu!

●

THƯ ĐI TIN LẠI

Nguyễn Hương



CÁO LỖI

Vì một trở-ngại nào đó ở Bưu Điện Canada, khiến số 217 (tháng 9) gửi đi Âu Châu đã không tới tay độc giả, hoặc tới rất trễ. Toà soạn xin chân thành cáo lỗi.

Bà Hoàng Thị Doãn, Munchen: Nguyên Hương đã gửi địa chỉ vị độc giả tốt bụng ở Pháp đến ông bà. Hi vọng bà đã nhận được số báo đầu tiên do toà soạn gửi. NH đọc “ké” đoạn thư bà cất gửi cho, tình cờ đọc cả mặt sau, thấy có tên Liên Hải, không biết có phải Liên Hải Trưng Vương ở Nam Cali không? Kính.

Ông bà Việt Thao, San Jose: Chúc ông bà sớm “an cư”. Dọn nhà giữa mùa “ly loạn” (kinh tế) này không biết là hay hay dở, và không biết ông bà có búng theo được các củ Chương Đào không? Bên này vừa trở hoa. NH vẫn chưa có dịp tra cứu xem tên thật của nó là gì, cứ “Chương Đào” mà gọi như một kỷ niệm với ông bà. Trong vườn NH có hai cây chưa biết tên, do bạn văn tặng, ngoài Chương Đào San Jose còn có cây quỳnh “Đức Huy” Midway City (do chị Minh Đức Hoài Trinh và anh Huy tặng). Thân kính.

Nhà văn Xuân Vũ, TX: Hai đoạn sư ca gửi kỳ trước đã “bò” tới toà soạn trước khi đoạn viết lại đến nơi. Kỳ này NH gửi báo gấp báo cho sư ca để nếu cần thì “tái

phối trí” các đoạn cho ăn khớp, hay có lỡ tay chôn sống nhân vật nào thì mau mau cho uống thuốc hồi sinh, diễn tiếp. Kính.

Nhà thơ Xuân Tước, Colorado: Đã nhận được ảnh chụp với mẽ đay và bằng “Thi sĩ của năm 2001” do Đại hội thường niên kỳ 7 do Hội các nhà thơ nổi tiếng của Mỹ tổ chức. Ảnh đẹp, nhưng mặt mũi đại ca nghiêm trọng quá, chẳng thấy nét cười cợt gì cả! Năm tới đại ca nhớ cười chúm chím cho nó “beau” lão! Thân kính.

Nhà thơ Thuý Sơn, San Jose: Xin ông vui lòng gửi cho phần thủ bút hán văn của các bài thơ gửi qua e-mail. Xin gửi bưu điện cho chắc vì không bị đủ thứ vi thư tràn ngập.

Bác BC nói: “chuột lột” (trong ngữ *uớt như chuột lột*), đúng ra phải nói là “chuột lứt” (*uớt như chuột lứt*), nghĩa là con chuột bị nước lứt, uớt loi ngoi lớp ngóp thảm hại. NH nửa tin nửa ngờ, nhưng tra tự điển kiểm hoài chỉ thấy chuột nhắt (chuột lắt), chuột nhà, chuột đồng (chuột đất), chuột rừng (chuột khuy), chuột cống, chuột cơm, chuột cà-xóc, chuột bạch (chuột tàu), chuột tam thể (chuột đồng nai, chuột lang), chuột chũi (chuột rúc), chuột chù (chuột xạ), không thấy chuột ...lột, nên chưa cãi được!

Ông Phạm Tử Thiên,

Arlington: Xin chia buồn cùng ông về hoả tai. Sẽ gửi báo về địa chỉ mới.

Nhí tiểu thư, Sydney: Đã nhận được tất cả, ngân phiếu, thư và thơ, cảm ơn Nhí. Hôm nào rảnh cứ gọi qua, kể chuyện “người ấy”. Điện thoại viễn liên Úc-Gia bây giờ khá rẻ, có dốc bầu tâm sự ra mà nói cho hết chắc cũng không đến nỗi phá sản!

Ông bếp có hứa sang Úc “sang năm” hả? Lần sau nhớ bảo ông hứa rõ là năm nào! Kiểu “mai ăn khỏi trả tiền”, biết bao giờ mới tới “sang năm”! NH từng nghe ông bếp hứa “sang năm” với tất cả mọi nơi rồi tùy ... cơ duyên đưa đẩy!

Cảm ơn Nhí về lời mời trốn tuyết sang tắm biển Sydney trong dịp lễ Giáng-sinh. Nghe thì ham, nhưng ông bếp dọa “biển bên Úc vừa có cá mập vừa có sứa, đụng vào là ngứa gãi rách da!” mà hải. Thân.

Bà Nguyễn Thị Cam Thảo, Ohio: Đa tạ bà có hảo ý mua một loạt báo để giới thiệu cho cộng đồng địa phương. Nếu bên đó có nhiều đại lý bán báo, NH xin nhờ bà thay mặt toà soạn, trông nom giùm là hay nhất. Làng Văn từng có đại lý ở Ohio, nhưng không có đại diện địa phương nên không đòi được tiền báo, đành thôi!

NH không chuyển thư bà cho nhà văn Thanh Nam được, vì người nhận thư đã quá cố gần 15 năm rồi! Nếu tiện, xin bà viết tí mĩ về bánh trắng sữa và bánh tét bà Năm, đăng vào mục Xóm Cũ để chia sẻ với bạn đọc bốn phương.

Anh chị Nguyễn Hữu Nhật & Vinh, Na Uy: Đã nhận được thùng sách, cảm ơn anh chị, đã chuyển tặng cho mọi người. Chúc

mừng anh chị ra mắt sách thành công ở Paris. Kiếm ra 400 người dự ở kinh đô ánh sáng thật không dễ! Làng Văn ra mắt sách hay kỷ niệm chu niên bên đó, thu hút được cỡ 300 đồng bào và văn hữu là mừng lắm rồi! Tiếc không có thêm chi tiết, hình ảnh để làm tin! Kính.

Phan Các Chiêu Hằng, San Jose: Tạ ơn Trời Phật đã làm cho kinh tế San Jose ... teo, trả em gái Chiêu Hằng lại cho Làng Văn. Thung lũng hoa vàng biến thành Thung lũng điện tử, chả thơ mộng gì! Em gái Chiêu Hằng tối ngày ngồi cai trị nhân viên và đếm bond với stock, chả dính gì tới văn chương, nghĩ cũng buồn. Thôi thì... nghỉ xả hơi đậm bữa rồi cần bút làm thơ tiếp. Nhân sinh như đại mộng, tiểu sư muội ơi!

BÀI NHẬN ĐƯỢC

Văn: Chu Vương Miện (2), Trăng Rằm, Vân Nương, Hồ Bạch Thảo (3).

Thơ: Phạm Cây Trâm, Chu Vương Miện, Thuý Sơn, Việt Thao (2), Trăng Rằm, Phạm Tâm Phố, Vân Nương (4), Nhí tiểu thư, Phong Vũ, Trần Hoa Lư.

BÀI SẼ ĐĂNG

Văn: Hoài-Nam-vương An dâng sớ, Lân quốc nể sớ (HBT), Vực xoáy thời gian (Việt-nam).

Thơ: Ngồi thiền (PTP), Nói với gió (NTT), Lớp học chỉ có hai người (THL), Hoa xuân vườn cũ, Trăng núi mây ngàn (VN), Cuộc đời, Đem thơ vào chiều (VT), Anh sao băng (TS), 27 năm (CVM), Nhậu ngày chủ nhật (PCT).

CÁO PHÓ

Gia đình chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc, chồng, cha, ông chúng tôi:

Nhạc sĩ ĐOÀN CHUẨN

sinh ngày 15 tháng 6 năm 1924, đã thất lạc ngày 15 tháng 11 năm 2001 tại Hà-nội, Việt-nam.

Vợ: Quả phụ Đoàn Chuẩn, khuê danh Nguyễn Thị Xuyên.

Trưởng nữ: Đoàn thị Phương Mai, chồng và các con, cháu.

Trưởng nam: Đoàn Chính, vợ và các con, cháu.

Thứ nam: Đoàn Đức Đỉnh, vợ và các con.

Đoàn Đức Liêm, vợ và các con.

Đoàn Đức Nghiêm (Đoàn Châu), vợ và các con.

Cáo phó này thay thế thiệp tang.

Tang gia đồng khắp báo

CHIA BUỒN

Nhận được tin buồn

Nhạc sĩ ĐOÀN CHUẨN

thân-phụ của ca-sĩ ĐOÀN CHÍNH (thành-viên Cố-vấn đoàn Phong-Trào Hưng ca Việt-Nam), đã thất lạc ngày 15 tháng 11 năm 2001 tại Hà-nội, Việt-nam, hưởng thọ 77 tuổi.

Chúng tôi xin thành-kính phân-ưu cùng anh chị ĐOÀN CHÍNH và quý tang-quyến.

Cầu-nguyện hương-linh cụ ông sớm về nơi an-nghỉ đời đời.

Phong-trào Hưng Ca Việt-Nam:

Cố-vấn-đoàn: Nhật Bằng, Trần Quang Hải, Nguyễn Hữu Nghĩa.

Ban Chấp-hành: Đào Trường Phúc, Nguyệt Ánh & Nguyễn Xuân Nghĩa, Huỳnh Công Ánh, Viễn Phương, Lâm Dương Diễm Hồng, Việt Dzũng & Hoàng Anh, Trương Sĩ Lương, Huỳnh Lương Thiện, Hồ Sĩ Thư Linh, Trần Văn Thuận, Phạm Quang Ngọc, Nguyễn Quyết Thắng, Triệu Phổ, Lâm Văn Trung, Việt Phương, Tuấn Minh & Tuyết Mai, Khúc Minh & Khúc Lan, Vũ Hữu Dũng...

Thân-hữu: Vợ chồng Võ Bá Thiện, Nguyễn Bá Đình & Thuý Trang, Linh Phương.

MÙA KHỦNG BỐ, NÀM NHÀ ĐỌC SÁCH... **SALES** VỪA AN TOÀN, TIẾT KIỆM, VỪA MỞ MANG KIẾN THỨC

Mua làm quà Noel, quà Tết tặng nhau: thanh-lich, ý-nghĩa!

BỚT 50% **TẤT CẢ CÁC TỰA** **SÁCH SAU ĐÂY:**

Bãi gió cồn trắng
Truyện ma quái, Hồ
Trường An- 288 trang
US\$15.00 - CA\$24.00

**Câu chuyện của một
dân tộc**
Truyện dài, Nguyễn
Hồng Hoà - 168 tr.
US\$10.00 - CA\$16.00

**Cõi ký ức trắng
xanh**
Tập văn Hồ Trường
An - 212 tr.
US\$10.00 - CA\$16.00

Chiến ca
Tập nhạc,
Nguyễn Hữu Nghĩa
US\$5.00 - CA\$7.50

**Chọn hướng nhà và
bố trí nội thất theo
thuật phong thủy**
Nguyễn Hà - 96 tr.,
US\$10.00 - CA\$16.00

Chuyện lạ xứ người
Tập khảo, Nguyễn
Nhạn Sơn - 316 tr.
US\$ 16.00 - CA\$25.00

Chuyện lành
Truyện ngắn, Nguyễn
Văn Thông - 200 tr.
US\$12.00 - CA\$ 19.00

Đất thiên đàng
Tập văn,
Trà Lũ - 272 tr.
US\$12.00 - CA\$19.00

**Đêm xanh huyền
hoặc**
Truyện ngắn, Hồ
Trường An - 224 tr.
US\$12.00 - CA\$19.00

**Đi tìm Kinh Dịch
nguyên thủy**
Biên khảo, Nguyễn
Đại Bằng - 270 tr.
US\$15.00 - CA\$24.00

Độc kỹ Truyện Kiều
Biên khảo, Hồng Huy
520 tr.
US\$24.00 - CA\$38.00

**Đức Giáo Hoàng
Gioan Phaolo II và
trang sử còn giấu
kín của thời đại**
Tài liệu, Nguyễn Văn
Thông - 240 tr.
US\$12.00 - CA\$19.00

Em học chữ Việt
Sách học, kèm minh
họa & phiên âm quốc
tế, Bút Chì &
Nguyễn Nhật Tân
156 trang khổ lớn,
US\$12.00 - CA\$19.00

Gả thiệp về vườn
Truyện miền Nam,
Hồ Trường An-344 tr.
US\$18.00 - CA\$28.00

**Giai đoạn mới trên
chiến trường cũ**
Nhận định, Nguyễn
Hữu Nghĩa - 200 tr.
US\$10.00 - CA\$16.00

Hồ Xuân Hương
Biên khảo, Dương
Thượng Ngã - 160 tr.
US\$8.00 - CA\$13.00

Hương sắc quê mình
Biên khảo liệt nữ VN,
Lãng Nhân - 328 tr.
US\$18.00 - CA\$28.00

Mưa đất lạ
Truyện ngắn, Trần
Diệu Hằng - 152 tr.
US\$7.00 - CA\$11.50

Mười hai hoa cúc
Truyện ngắn, Ngô
Nguyễn Dũng-272 tr.
US\$12.00 - CA\$19.00

Ngát hương mật ong
Truyện miền Nam,
Hồ Trường An-260 tr.
US\$18.00 - CA\$28.00

**Nghệ thuật nấu ăn
chay**
Nguyễn Thị Phụng
144 tr.
US\$8.00 - CA\$13.00

**200 món nấu ăn
chay**
Trần Văn Quý
160 tr.
US\$8.00 - CA\$13.00

**Quê hương trong
ngán lệ**
Truyện ngắn, Thanh
Phương - 188 tr.
US\$8.00 - CA\$13.00

Tại ngục vịnh Kiều
Biếm văn, Hoàng Hải
Thuỷ - 212 tr.
US\$12.00 - CA\$19.00

Tập chùng
Truyện ngắn, Hồ
Trường An - 288 tr.
US\$14.00 - CA\$22.00

Tình người
Tuyển truyện Na Uy,
Dương Kim - 206 tr.
US\$10.00 - CA\$16.00

**Tuyển tập văn bút
VN Ontario 1999**
Tuyển tập thơ văn
nhiều tác giả -196 tr.
US\$12.00 - CA\$19.00

Tuyết thư
Tập văn, Nguyễn
Hương - 204 tr.
US\$10.00 - CA\$16.00

Thạch Kiềm
(bộ 4 cuốn, 1416 tr.)
Truyện dài thiên học
kiếm đạo Nhật bản,
Tự Tình phóng-tác
US\$60.00 - CA\$90.00

**Tham luận thơ, ca
dao và tục ngữ**
Biên khảo, Khải
Chính - 176 tr.
US\$9.00 - CA\$14.00

**Tháp Bà, Tháp
Nhạn, giấc hương
quan**
Truyện ngắn quê
hương, Diên Khánh
222 tr.
US\$12.00 - CA\$19.00

**Thơ Nguyễn Chí
Thiện**
thơ, 176 tr.
US\$8.00 - CA\$12.00

**Thơ văn trên đất
tuyết**
Tuyển tập của các
tác giả thuộc Văn Bút
Ontario - 228 tr.
US\$12.00 - CA\$19.00

Trăng đất khách
Tuyển tập truyện ngắn
của 18 nhà văn nhà thơ
nữ hải ngoại: Tuý

Hồng, Vi Khuê, Trần
Diệu Hằng, Lê Thị
Huệ, Nguyễn Thị
Vinh, Nguyễn thị Ngọc
Nhưng, Phan thị Trọng
Tuyến, Tuệ Nga, Văn
Nương, Trần Mộng
Tú, Vũ Quỳnh Hương,
Trịnh Gia Mỹ...
352 tr.
US\$15.00 - CA\$24.00

**Trong muôn vàn xa
cách**
Tập văn, Thanh
Phương - 236 tr.
US\$10.00 - CA\$16.00

Trong cơn vật vã
Tuyển tập thơ văn của
52 tác giả trong Văn
Bút VNHN: Sơn Tùng,
Ngọc Anh, Minh Đức,
Diệu Tân, Cung Vũ,
Cao My Nhân, Đào
Trường Phúc, Hoàng
Chính, Tống Minh
Long Quân, Tuệ Nga,
Trần Long Hồ, Việt
Phương... - 304 tr.
US\$15.00 - CA\$24.00

CÁCH MUA

1) Lấy giá trên đây
bớt đi 50%.

2) Mua dưới 40 mỹ-
kim (50 gia-kim): cộng
thêm 50% cước-phí.

Mua trên 40 mỹ-kim
(50 gia-kim): miễn
cước-phí.

3) Gửi chi-phiếu về:

Làng Văn
P.O. Box 218 Stn. "U"
Toronto, Ontario
M8Z 5P1 - Canada
(hạn chót: 28-2-2002)

ĐT: 905-607-8010

Email:

langvan@home.com
www.tapchilangvan.com

sách mới về

BỔ-TÚC THƯ MỤC 2001 (IN TRÊN LÀNG VĂN 209)

150 món ăn chay
Quỳnh Hương
US\$8.00 - CA\$13.00

**25 năm tiến xuống
xã-hội chủ-nghĩa**
Nhận-định
Vickie Willis
US\$12.00 - CA\$19.00

**28 ngày đêm quyết-
định vận-mệnh Trung
quốc**
Tài liệu - Thái Nguyễn
Bach Liên
US\$15.00 - CA\$22.50

**55 ngày 55 đêm,
cuộc sụp đổ của
VNCH**
Tài liệu, Chính Đạo
US\$21.00 - CA\$33.00

**Anh hùng trong bóng
tối**
Hồi ký tập thể của
Lực lượng Phục Quốc
VN 1975 - 1976
Vinh Sơn Duy Việt
US\$14.00 - CA\$22.50

Ảo ảnh cuộc đời
Truyện ngắn
Trần Sĩ Lâm
US\$12.00 - CA\$19.00

Ba sinh hương lửa
Truyện dài
Doãn Quốc Sỹ
US\$15.00 - CA\$24.00

Bả giời
Truyện dài
Nguyễn Bình Phương
US\$9.00 - CA\$14.50

**Ban-mê-thuật ngày
đầu ngày cuối**
Truyện ngắn
Trần Hoài Thư
US\$15.00-CA\$24.00

Bến bờ còn lại
Tập văn,
Lương Thư Trung
US\$14.00 - CA\$22.50

Bên dòng sông Hằng
Tâm linh
Viễn Đăng Chu Tác
Nguyễn Văn Thực dịch
US\$14.00 - CA\$22.50

Bình biến 11.11.1960
Hồi ký
Vương Văn Đông
US\$18.00 - CA\$29.00

Bí quyết bế tinh
Giáo-dục Sinh-lý
Hoàng Hà
US\$15.00 - CA\$24.00

**Bí-quyết vận khí để
trị bệnh**
Khí-công,
Phan Chính
US\$7.00 - CA\$11.50

Bonsai toàn thư
Khổ lớn,
bìa cứng
H. Tomlinson
Phạm Minh dịch
US\$22.00 - CA\$35.00

Bùa yêu
Truyện dài
Hùng Sơn
US\$15.00 - CA\$24.00

**Bức phù điêu khắc
cạn**
Truyện ngắn
Nguyễn Thị Thảo An
US\$12.00 - CA\$19.00

Bước đầu học đạo
Phật học Anh Việt
A. Building
Thích Trí Thủ
US\$7.00-CA\$11.50

Cầm-nang cờ tướng
Thiếu Lăng Quân
Nguyễn Tài Bình
US\$12.00-CA\$19.00

Câu cửa miệng
Ngôn ngữ, bìa cứng
Nhân Văn Đình
US\$14.00 - CA\$22.50

**Chân dung những
tiếng hát I, II**
Tập văn
Hồ Trường An
Mỗi tập:
US\$18.00 - CA\$29.00

**Chân dung và đối
thoại**
Bình luận văn chương
về Tố Hữu, Nguyễn
Tuân, Xuân Diệu, Lưu
Trọng Lự, Nguyễn
Khải...
Trần Đăng Khoa
US\$13.00 - CA\$20.50

**Chìa khoá đại giác
ngộ**
Phật-học
Linh Thụy
US\$12.00 - CA\$19.00

Chiếc áo mộng mơ
Tiểu thuyết xã hội
Trung Hoa
Quỳnh Dao
US\$12.00 - CA\$19.00

**Chiến tranh Việt Nam
toàn tập
(Từ trận đầu đến trận
cuối)**
Tài-liệu và nhận-định
TS Nguyễn Đức
Phượng
gần 1000 trang
khổ lớn, bìa cứng,
jacket
US\$45.00 - CA\$70.00

**Chiến tranh Đông
Dương III - Biên giới
Miền Việt, Hoa Việt
1979**
Tài liệu,
Hoàng Dung
US\$13.00 - CA\$21.00

Chinh-phụ ngâm
Cổ-văn,
Việt Anh Pháp
Hoài Văn Tử
US\$12.00-CA\$19.00

Chữ nghĩa bề bề
Tập văn
Đặng Trần Huân
US\$12.00 - CA\$19.00

Chuyện tình đang dở
Truyện ngắn
Thế Dũng
US\$10.00 - CA\$16.00

Cờ tướng khai cuộc
Phạm Tấn Hoa
Trần Tấn Mỹ
US\$8.00-CA\$13.00

**Cờ tướng Xa Mã Pháo
công sát thần chiêu**
Công Sĩ
US\$9.00-US\$14.50

Cờ tướng tàn cuộc
Trần Tấn Mỹ
Lê Thiện Vị
US\$10.00-CA\$16.00

Cờ tướng tinh hoa
Tăng ích Khiêm
Nguyễn Tuyết Ngân
US\$10.00-CA\$16.00

Cổ hương
Truyện ngắn
Hà Thúc Sinh
US\$12.00 - CA\$19.00

**Cơn hồng thủy biển
Đông**
Tài liệu về thuyền
nhân, Cao Thế Dung
US\$13.00 - CA\$21.00

**Công-giáo, huyền-
thoại và tội-ác**
Charlie Nguyễn
US\$15.00-CA\$24.00

**Công-giáo trên bờ vực
thảm**
Nhận-định tôn-giáo
Charlie Nguyễn
US\$15.00 - CA\$24.00

**Cuối ngày một lần
ngồi lại**
Truyện ngắn
Song Thao
US\$10.00-CA\$16.00

**Cười là thang thuốc
bổ**
Truyện cười
Cả Cười
US\$7.00 - CA\$11.00

Cười lẫn
Truyện cười
Cả Cười
US\$7.00 - CA\$11.00

**Cửu Long cạn dòng,
biển Đông dậy sóng**
Tài liệu môi sinh
Ngô Thế Vinh
US\$25.00 - CA\$40.00

Dữ hơn rắn độc
Tiểu thuyết phóng tác
Hoàng Hải Thủy
US\$15.00 - CA\$24.00

**Đại-đội cũ và trang
sách cũ**
Tập-văn
Trần Hoài Thư
US\$12.00-CA\$19.00

**Đặng Tiểu Bình, nhà
chính-trị lỗi-lạc
Trung-quốc**
Biên-khảo
Ngô Thiện
US\$18.00-CA\$28.00

Đi vào cõi vô cùng
Biên-khảo thiên-văn
Hoàng Dung
US\$12.00 - CA\$19.00

Điên
Truyện ngắn
Hoàng Liên
US\$14.00 - CA\$22.50

**Điều cần biết khi bạn
phải sống với bệnh
tiểu đường**

BS Ngô Văn Quý
US\$12.00-CA\$19.00

Đoàn quân mũ đỏ
Truyện dài
Hoàng Ngọc Liên
US\$12.00-CA\$19.00

Đức tin Công giáo
Bình luận,
Trần Chung Ngọc
US\$15.00 - CA\$24.00

Giọt lệ tương tư
Tiểu thuyết
Quỳnh Dao
US\$11.00 - CA\$17.50

**Giúp cường dương, trị
bất lực bằng Yoga
Krya**
Giáo-dục sinh-lý
US\$15.00 - CA\$24.00

Hành hương đất Phật
Tài liệu, khổ lớn
Phan Thiết
US\$20.00 - CA\$32.00

Hạnh phúc có thật
Truyện ngắn
Bùi Bích Hà
US\$10.00 - CA\$16.00

Hèn đại-nhân
Truyện ngắn,
Lê Đạt
US\$12.00 - CA\$19.00

Hoa cỏ
Truyện ngắn Linh Thủy
US\$15.00-CA\$24.00

Hoá huyết thần công
Võ hiệp 6 cuốn
Trần Thanh Vân - Hàn
Giang Nhạn
US\$52.00 - CA\$83.00

Hoả lò
Truyện ngắn
Nguyễn Chí Thiện
US\$15.00-CA\$24.00

**Hồ Chí Minh, con
người và huyền thoại**
(1) - 1892-1924
Tài liệu,
Chính Đạo
US\$16.00 - CA\$26.00

**Hồ sơ mật dinh Độc-
Lập**
Tài-liệu
Nguyễn Tiến Hưng
US\$25.00-CA\$40.00

Hồng lâu mộng
(3 tập)
Cổ văn, bìa cứng
Tào Tuyết Cần
US\$49.00 - CA\$78.00

Hùm chết để da
Truyện ngắn miền
Nam, Võ Phước Hiếu
US\$12.00 - CA\$19.00

**Kho tàng truyện tiểu
lâm VN**
Nguyễn Cử &
Phan Trọng Thường
US\$12.00 - CA\$19.00

Không cần đàn bà?
Phiếm,
Kathy Trần
US\$14.00 - CA\$22.50

Khung cửa nắng
Truyện dài
Ngô Nguyễn Dũng
US\$10.00 - CA\$16.00

**Kiến-trúc Phật-giáo
Việt-nam II**
Tài-liệu
Nguyễn Bá Lăng
US\$15.00 - CA\$24.00

Kiều
Anh Việt, Hoài Văn Tử
US\$18.00-CA\$28.00

Kim Vân Kiều
(Anh văn) Bìa cứng
Lê Xuân Thủy
US\$16.00 - CA\$25.50

Kim Vân Kiều
(Pháp văn) Bìa cứng,
Nguyễn Văn Vĩnh
US\$22.00 - CA\$35.00

**Kinh-nghiem lịch sử
và hướng đi tới của
VN**
Nhận-định chính-trị
Nam Minh Bách
US\$14.00-CA\$22.50

**Kỷ vật đầu tay và
cuối cùng I & II -**
Tác phẩm của Khái
Hưng và các bài tưởng
niệm, nhiều tác giả
US\$45.00 - CA\$72.00

**Kỹ-thuật phòng the
cao-cấp**
Giáo-dục sinh-lý
US\$14.00 - CA\$22.50

**Lan man ngày tháng
cũ**
Truyện ngắn và bút ký
Nguyễn Mạnh An Dân
US\$13.00 - CA\$21.00

Lời tỏ tình đã cũ
Truyện ngắn
Hoàng Chính
US\$10.00 - CA\$16.00

Lư Sơn kỳ nữ
Võ hiệp (3 cuốn)
Tiền Phong Từ Khánh
Phụng
US\$36.00 - CA\$58.00

**Lý-thuyết & thực-hành
đàn guitar**
Ngô Ngọc Thắng
US\$14.00 - CA\$22.50

**Mai hoa dịch tân
biên**
Bói toán, bìa cứng
Vưu Sùng Hoa
US\$19.00 - CA\$30.00

Mộng trường so le
Truyện ngắn
Việt Phương
US\$12.00 - CA\$19.00

**Một thời Hoàng tộc
tập 2**
Biên-khảo, Bảo Thái
US\$15.00 - CA\$24.00

Năm con rồng Á-châu
Thời-sự kinh-tế
Đỗ Đức Thống
US\$12.00 - CA\$19.00

**Nằm trong cơn gió vô
tình**
Truyện ngắn
Saroyan Vann Phan
US\$10.00-CA\$16.00

Ngã tư hoàng-hôn
Truyện dài phóng sự
tiểu thuyết - Văn
Quang
US\$18.00 - CA\$29.00

**Người Cộng sản đã
tin linh hồn có thật?**
Tài liệu
Phạm Quế Dương,
Trần Phương, Hoàng
Hải Thủy
US\$8.00 - CA\$13.00

**Người đàn bà bên kia
vĩ tuyến**
Truyện dài
Doãn Quốc Sỹ
US\$17.00 - CA\$27.00

**Người Mỹ và chiến-
tranh Việt-Nam**
Liên hệ quân-sự
chính-trị 1945-1975
Nguyễn Kỳ Phong
US\$18.00-CA\$29.00

**Nhân chứng một chế
độ I, II, III**
Hồi ký, Huỳnh Văn
Lang
Tập I: US\$23 - CA\$37
Tập II, III mỗi tập:
US\$20.00 - CA\$32.00

**Nhận diện chân dung
nhà văn**
Phê bình Huy Cận,
Xuân Diệu, Thế Lữ, Tô
Hoài, Tú Mỡ, Vũ
Trọng Phụng
Lý Hồng Xuân
US\$16.00 - CA\$26.00

Nhờ Huế
Truyện ngắn
Phạm Thành Châu
US\$12.99 - CA\$19.00

**Những cái đại của
người xưa**
Lam Giang, Nguyễn
Quang Trứ
US\$11.00 - CA\$17.50

**Những cái khôn của
người xưa**
Lam Giang, Nguyễn
Quang Trứ
US\$11.00 - CA\$17.50

**Những người con của
đất**
Truyện dài Đỗ Bằng
Quang
US\$14.00-CA\$22.00

Những nỗi đau đời
Truyện
Thanh Thương Hoàng
US\$14.00 - CA\$22.50

**Những tên biệt kích
cầm bút**
Hồi ký lao tù
Hoàng Hải Thủy
US\$16.00-CA\$26.00

**Những vụ án ly kỳ
đời Tống**
Truyện dịch
Đào Thiện Trí
US\$14.00 - CA\$22.50

Nuôi trồng hoa lan
US\$10.00 - CA\$16.00

**Phía bên kia mặt
trăng**
Truyện ngắn
Trần Thị Diệu Tâm
US\$10.00 - CA\$16.00

**Phương-pháp trị bệnh
huyết-áp cao**
TT Thích Tâm Ấn
US\$8.00-CA\$13.00

Quán ven sông
Truyện ngắn
Hoàng Khởi Phong
US\$14.00 - CA\$22.50

Quê nội quê ngoại
Truyện miền Nam
Xuân Vũ
US\$18.00 - CA\$28.50

**Quốc ca hay quốc
nhục**
Tài-liệu
Trần Viết Đại Hưng
US\$14.00 - CA\$22.50

**Sài-gòn - Cali 25 năm
gặp lại**
Bút ký, Văn Quang
US\$13.00 - CA\$20.50
Sài-gòn tuyết trắng
Hồi ký, Vũ Thuý
Hoàng
US\$18.00 - CA\$29.00

Sau mùa bão biển Truyện dài xã-hội đỏ Cao Xuân Lý US\$12.00 - CA\$19.00	Hồi ký Nguyễn Thụy Long US\$14.00 - CA\$22.50	Trạch vận tân án địa lý dương trạch Phong thủy Thẩm Trúc Nhung US\$18.00 - CA\$29.00	Tự điển thành ngữ, tục ngữ Hoa Việt bìa cứng, Nguyễn Văn Khang US\$16.00 - CA\$25.50	Nhận-định chính-trị Nguyễn Chí Thiệp US\$28.00 - CA\$45.00
Sông Côn mùa lũ Truyện dài (4 cuốn) Nguyễn Mộng Giác US\$80.00 - CA\$128.00	Tiên thiên khí công Khí công Phạm Văn Chính US\$12.00 - CA\$19.00	Trăm hoa đua nở trên đất Bắc Tài liệu về Phong trào Nhân Văn, Giai Phẩm tại miền Bắc Cộng-sản năm 1956 của Mạc Đĩnh Hoàng Văn Chí US\$18.00 - CA\$28.50	Tự điển thành ngữ, tục ngữ Việt Hoa bìa cứng Nguyễn Văn Khang US\$15.00 - CA\$24.00	Việt Nam niên biểu Tập C: 1939-1975 Tài liệu, Chính Đạo US\$22.00 - CA\$35.00
Tâm lý con người qua nét bút Quang Bạch US\$12.00 - CA\$19.00	Tiền chiến hậu chiến Võ hiệp - đệ tam truyền kỳ Lục Tiểu Phụng; Cổ Long - Hàn Giang Nhận US\$18.00 - CA\$29.00	Truyện cổ Đông phương Phạm Thăng US\$7.00 - CA\$11.00	Tự học tiếng Anh, luyện nghe và thực hành (sách & 2 tape) Trình Tiến US\$20.00 - CA\$32.00	VN qua lăng-kính 24 nhân-vật thời-đại Phỏng-vấn Lý Tông Bá, Nguyễn Đình Huy, Stephen Young, LM Nguyễn Hữu Lễ, Thượng-tọa Thích Viên Lý,... Nguyễn Vạn Hùng US\$15.00 - CA\$24.00
Thấm mãi tình nhau Tiểu thuyết xã hội Trung Hoa Quỳnh Dao - Ái Cầm US\$14.00 - CA\$22.50	Tiếng kèn (tìm hiểu tiếng Việt) Phạm Văn Hải US\$25.00-CA\$40.00	Truyện cổ nước Lào Quốc Chính US\$6.00 - CA\$10.00	Tử vi địa lý phong thủy dương trạch (cho 100 tuổi 1904- 2003) Phong thủy, Ngô Quốc Phong US\$26.00 - CA\$42.00	Việt-nam quang hoa Tập-khảo văn-hoá Thái Văn Kiểm US\$13.00 - CA\$21.00
Thập vạn đại sơn vương Võ hiệp (2 tập) Hoàng Ly US\$24.00 - CA\$38.00	Tiếng nói Đoàn Thị Điểm trong Chinh-phụ ngâm-khúc Biên-khảo văn-học Lê Hữu Mục Phạm Thị Nhung US\$15.00 - CA\$24.00	Truyện cổ nước Pháp Tế Xuyên US\$6.00 - CA\$10.00	Tuỳ Đường diễn nghĩa (3 tập) Cổ văn, bìa cứng, Chủ Nhân Hoạch US\$45.00 - CA\$72.00	Vietnamese for you sách & 2 băng học tiếng Việt Nguyễn Văn Khôn US\$15.00 - CA\$24.00
Thế giới tâm linh Tài liệu Đoàn Văn Thông US\$15.00 - CA\$24.00	Tình báo khoa học Tài liệu, J. Bergier, BS Bùi Nguyên Hiếu US\$14.00 - CA\$22.50	Truyền thống văn hoá VN trong văn chương đối liên Biên khảo Trần Công Định US\$15.00 - CA\$24.00	Tuyển tập Võ Phiến Truyện ngắn, Võ Phiến US\$25.00 - CA\$40.00	Vòng quanh thế giới người Việt hải ngoại I, II Tài liệu, nhiều tác giả Mỗi tập: US\$15.00 - CA\$24.00
Thế-giới Phật-giáo Tây-tạng Đạt Lai Lạt Ma US\$14.00 - CA\$22.50	Tình hận Tiểu-thuyết phóng-tác Tống Minh Long Quân US\$19.00 - CA\$30.00	Tử binh và hoà bình Bút ký chiến tranh Phan Nhật Nam US\$13.00 - CA\$21.00	Tuyển truyện kinh dị và kỳ dị Nguyễn Đình Khánh US\$12.00 - CA\$19.00	Vũ-trụ và con người Sách tâm linh (2 cuốn) Võ Hữu US\$30.00-CA\$48.00
Thế-hệ chiến-tranh Truyện ngắn Trần Hoài Thư US\$12.00 - CA\$19.00	Tình yêu Truyện ngắn, Hoàng Nga US\$10.00 - CA\$16.00	Tứ hải quần long Võ hiệp, (4 cuốn) Gia-Cát Thanh Vân Lão Sơn Nhân US\$40.00 - CA\$64.00	Văn học Việt Nam từ điển nhìn hậu hiện đại Tiểu luận Nguyễn Hưng Quốc US\$17.00 - CA\$27.00	Yêu chui Truyện dài Vũ Kiến An Quân US\$15.00-CA\$24.00
Thiên trong nghệ- thuật bắn cung TT Thích Viên Lý US\$8.00 - CA\$13.00	Tổ-tâm kiếm (2 cuốn) Võ hiệp, Kim Dung US\$24.00-CA\$38.00	Tử bi và kẻ thù Đạt Lai Lạt Ma US\$15.00 - CA\$24.00	Vết hằn mùa xuân Truyện ngắn Ngô Viết Trọng US\$12.00-CA\$19.00	Liên-lạc: Làng Văn Box 218 Station "U" Toronto, ON M8Z 5P1 - Canada ----- Xin xem Thư Mục 2000 in trên Làng Văn số 209 để biết số % được bớt cho độc-giả dài hạn .
Thiếu Lâm Kiến An Việt Nam Võ thuật Nguyễn Văn Đại Nghĩa US\$15.00 - CA\$24.00	Tội ác và quả báo Đoàn Văn Thông US\$10.00 - CA\$16.00	Tự điển Phật học bìa cứng, khổ lớn Chân Nguyên & Nguyễn Tường Bách US\$28.00 - CA\$44.50	Việt Nam 1920-1945 Cách mạng và phản cách mạng thời đô-hộ thuộc-địa Tài liệu, Ngô Văn US\$18.00 - CA\$29.00	
Thủ-đức gọi ta về Truyện ngắn, Trần Hoài Thư US\$10.00 - CA\$16.00	Tôn-giáo đối chiếu Phật giáo, Ấn-độ-giáo Tài-liệu, Trần Văn Kha US\$23.00 - CA\$37.00	Tự điển nhân danh, địa danh và tác phẩm văn học Trung Hoa BS Hoàng Xuân Chính US\$30.00 - CA\$48.00	Việt-nam khát-vọng dân-chủ tự-do	
Thưở mơ làm văn sĩ	Tôn Tử binh pháp trong cờ tướng Dương Diên Hồng US\$7.00-CA\$11.50			



Xin hỏi tại các đại lý sau đây

WASHINGTON DC:

- * Washington Productions (703) 538-4979
- * Vĩnh Hảo Video (703) 534-6422
- * Sovina Service & Travel (703) 641-0555

LITTLE SAIGON, NAM CALI:

- * TTBN Bích Thu Vân (714) 897-4519
- * Đà-Lạt Music (714) 638-0612

S. FRANCISCO, BẮC CALI:

- * Nhà sách Mỗ Làng (415) 673-8115

ARLINGTON, TEXAS

- * TTBN Nhạc Trẻ (817) 274-8499

HOUSTON, TEXAS:

- * TTBN Phương Mi (713) 523-1131

KANSAS CITY, MO:

- * KIM's (816) 231-2434

EDMONTON, CANADA:

- * Lucky 97 Tailor (780) 425-1396



GIÁ BÁN: COMPACT DISC: \$12.00
CASSETTE: \$8.00
LỜI BÀI HÁT: \$5.00

Ngoài Hoa Kỳ và Canada,
xin thêm \$3.00 cước phí
(Air Mail/Par Avion)

N.A. PRODUCTIONS

© 2000 by Nguyệt Ánh - Warning All Rights Reserved
P.O. Box 4003, Falls Church, VA. 22044 USA
Phone: (703) 533-0264 - Fax: (703) 532-7453

LỆ LÀNG

MUA BÁO DÀI HẠN NHANH . RẺ . NHIỀU QUYỀN LỢI KHÁC

Độc-giả mua báo dài hạn nhận báo gửi về tận nhà, được bớt từ 10% đến 25% khi mua sách do Làng Văn phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân-phiếu hoặc bưu-phiếu về tòa-soạn tại Gia-nã-đại (Canada).

GIÁ BÁO DÀI HẠN

(hiệu-lực từ tháng 9 năm 2001, thay thế tất cả các giá trước đó)

- Báo gửi trong Canada:** - một năm 12 số: CA\$55 gia-kim
- hai năm 24 số: CA\$105 gia-kim
- Gửi đi Hoa-kỳ:** nên mua báo gửi bằng đường bộ
đường bộ: - một năm 12 số: US\$55 (CA\$85 gia-kim)
- hai năm 24 số: 105 mỹ-kim (160 gia-kim)
hàng không: - một năm: US\$70 mỹ-kim (CA\$110 gia-kim)
- Các nước khác:**
đường thủy: - một năm 12 số: US\$55 (CA\$85 gia-kim)
- hai năm 24 số: 105 mỹ-kim (160 gia-kim)
hàng-không: - một năm 12 số: US\$85 mỹ-kim (CA\$130)

Ghi-chú:

- CA\$: gia-kim, tiền Canada; US\$: mỹ-kim, tiền Mỹ
- Nếu trả bằng tiền địa-phương, xin theo giá sau (1 năm):
Đức, Pháp, Ý, Hòa-lan, Bỉ, Tây-ban-nha, Bồ-đào-nha, Thụy-sĩ, Phần-lan, Lục-xâm-bảo, Ai-nhĩ-lan, Áo và Hi-lạp:
đường thủy: 65 âu-kim (EC) - máy bay: 105 âu-kim (EC).
Anh: đường thủy 35 bảng/ hàng-không 55 bảng
Đan-mạch: đường thủy 450 krone / hàng không 700 krone
Na-uy: đường thủy 550 krone / hàng-không 850 krone
Nhật-bản: đường thủy 6.000 yen/hàng-không 10.000 yen
Úc: đường thủy 110 úc-kim / hàng-không 170 úc-kim

Gửi về tòa soạn Canada: Độc-giả cư-ngụ tại Canada, Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Ý, Hòa-lan, Bỉ, Tây-ban-nha, Thụy-sĩ, Phần-lan và Áo xin gửi chi-phiếu cá-nhân bằng tiền địa-phương về tòa-soạn. Độc-giả tại các nước khác xin gửi money-order bằng tiền Mỹ hoặc postal money-order (mua tại bưu-điện) bằng tiền Canada về tòa-soạn Làng Văn ở Canada (xem địa-chỉ ở trang 1); hoặc:

Đức:	Na-uy:	Hòa-lan:	Úc-đại-lợi:
Dr. Ngô Việt Dũng	Dương Kim	Hồ Thị Chiến	Nguyễn Văn Ta
Postfach 104122	Bjorn Bodesvei 153	Bazillehof 36yster 77	3/45 51 Ivy St.
44041 Dormund	1253 Oslo	1628 XD-Hoorn-NH	Greenacre, NSW 2190

Lưu ý: các văn-phòng đại-diện chỉ nhận chi-phiếu, chuyển hồ-sơ; không có dữ-kiện để giải-quyết các vấn-đề giao-dịch.

Quý vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên trong vòng 4 tuần (nếu mua báo gửi bằng máy bay) hoặc 12 tuần (nếu mua báo gửi bằng đường thủy) sau ngày tòa-soạn nhận được chi-phiếu. Sau thời-hạn này, nếu chưa nhận được, xin thông-báo cho tòa-soạn biết để xem lại.

Mỗi độc-giả sẽ có một mã-số riêng, in ở hàng đầu trên nhãn địa-chỉ của bạn ngoài phong-bì gửi báo. Xin vui lòng cắt nhãn này để dành. Khi cần giao-dịch với tòa-soạn (khiếu-nại, mua sách, gia-hạn báo, đổi địa-chỉ, v.v.), xin gửi kèm mã-số để tránh nhầm lẫn. Mã-số này gồm ba nhóm số và chữ. Nhóm thứ nhất là mã-số riêng, không bao giờ thay-đổi. Nhóm thứ hai là hạn báo của quý vị, ghi số báo chót sẽ nhận được. Nhóm chữ cuối cùng (nếu có), là cách gửi báo (máy bay, đường bộ,...).

Quý độc-giả mới, hoặc vừa tái hạn, trong vòng 90 ngày, xin vui lòng kiểm-soát lại nhóm số thứ hai (hạn báo). Nếu thấy không đúng với con số do quý vị tính, xin thông-báo ngay cho tòa-soạn.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, tên đệm, tên:.....

Địa chỉ:.....

mua:.....số báo; từ số:.....; kèm chi-phiếu:.....\$

Ngân, chi-phiếu xin đề và gửi về:

"LÀNG VĂN"

P.O. Box 218, Station "U", Toronto, ON M8Z 5P1, Canada

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....số báo, kể từ số:.....

để tặng cho:.....

Địa-chỉ:.....

Xin đề: "Do.....tặng

kèm theo ngân, chi-phiếu:.....\$

Lưu ý: Khi đổi địa-chỉ, xin quý độc-giả vui lòng báo trước cho tòa-soạn biết. Dùng phiếu đổi địa-chỉ in ngoài phong bì gửi báo; hoặc ghi rõ: tên người mua báo, mã-số và địa-chỉ cũ kèm theo địa-chỉ mới. Tòa-soạn không gửi bù các số báo bị trả lại.

BÀI VỎ

1. Khi gửi bài cho Làng Văn, tác-giả đương-nhiên đồng ý cho phép tòa-soạn đăng trên báo, in sách, phát-thanh, và phổ-biến trên băng. Nếu tác-giả cần giữ lại cho sách riêng sau khi đăng báo, hoặc giao cho các nhà xuất-bản khác, xin thông-báo cho tòa-soạn để tránh in trùng.

2. Khi in sách, tòa-soạn sẽ trả nhuận bút hoặc tặng sách.

3. Tòa-soạn không hoàn lại bản-thảo, dù kèm tem, xin quý tác-giả vui lòng sao giữ lại.

4. Nếu viết bằng máy vi-tính IBM hoặc tương-đương, xin vui lòng gửi đĩa bài hoặc email bản chữ về tòa-soạn.

5. Ngoại-trừ các bài có tính-cách tin-tức, thời-sự tòa-soạn cần phổ-biến rộng, Làng Văn tránh đăng bài trùng. Bài gửi riêng cho Làng Văn, xin ghi chữ "riêng" ở góc trái, phía trên đầu bài.

6. Nếu không cho phép tòa-soạn nhuận-sắc, xin ghi thêm các chữ "không sửa".

7. Bài đã ghi vào cột "sẽ đăng", muốn gửi cho báo khác, xin vui lòng báo trước.

8. Bài đã đăng trên Làng Văn, sau ba tháng, tác-giả có thể gửi đăng lại trên các báo khác.

9. Quý đồng-nghiep muốn trích đăng lại, xin vui lòng báo trước và chờ sự thỏa-thuận bằng thư hoặc email. Bài trích đăng, xin ghi rõ các chữ: (Làng Văn số...) ngay bên dưới tên tác-giả hoặc cuối bài.



*Hai thi-tập
mới nhất của
Trần Văn Lệ
thơ hay
in đẹp
do Người Tàu
và Người Mỹ
xuất-bản*

Hỏi Sao
Không Buồn
Cho Được

Đào Văn Văn và người bạn mới, năm 2000

*Giá mỗi tập:
US\$10 (CA\$16)*

Liên-lạc:
Làng Văn
Box 218 Stn. U
Toronto, ON
M8Z 5P1
Canada



**MAY MÀ CÓ EM
ĐỜI CÒN ĐỂ THƯƠNG**

Thơ Trần Văn Lệ Người Mỹ xuất bản 2001



HomeLife Realty Centre Corp.

2579 Hurontario St., Mississauga, Ont., L5A 2G4



**Steven
KIEN TRONG DAO**
Sales Representative
(Đào Trọng Kiên)
Bus: (905) 279-8300
Fax: (905) 279-5344
Res: 905) 566-5234
Pager 24/24 qua văn-phòng

Chuyên môn phụ trách mua bán, sang nhượng
Nhà Đất - Cơ Sở Thương Mại ...
trong vùng Mississauga, Brampton, Toronto và phụ cận.

- * Phục vụ tận tâm, uy tín, đúng đắn, tín nhiệm.
- * Theo dõi thị trường, định giá chính xác.
- * Giúp đỡ định giá, trả giá và hoàn tất thủ tục.
- * Giới thiệu tìm vay mortgage dễ dàng.
- * Giới thiệu Luật sư uy tín tận tâm



Bạn đã có chưa?

**Ba ấn-phẩm mới nhất của
NGUYỄN THỊ VINH
& NGUYỄN HỮU NHẬT**



NỔI SÓNG

truyện dài (tái-bản)
Nguyễn Thị Vinh
US\$15.00 - CA\$24.00

BỜ BÊN KIA

tiểu-thuyết thiên tập
Nguyễn Hữu Nhật
Trọn bộ 2 cuốn:
US\$25.00 - CA\$40.00

ĐÃ ĐỜI

thơ
Nguyễn Hữu Nhật
US\$10 - CA\$16.00

Liên-lạc:
LÀNG VĂN
P.O. Box 218 Stn. "U"
Toronto, ON M8Z 5P1
Canada

Bác-sĩ toàn-khoa
QUẢN ĐỨC MINH

Nha-sĩ, DDS

NGUYỄN THÙY DUNG

2580 Shepard Ave., Unit # 31,
MISSISSAUGA, ON L5A 4K3

ĐT: (905) 615-0468

Nha-sĩ NGUYỄN THANH NHÀN

1280 Finch Ave. W., Suite 707
Downsview, Ont. M3J 3K6
(trong Nor-Am Tower)
ĐT: (416) 663-3200

Nha-sĩ TỬ CHẤN PHONG

3085 Hurontario St., #209
MISSISSAUGA
ĐT: (905) 897-8527

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO,

TRANG TRONG:

- nguyên trang \$120 một kỳ
- nửa trang \$70 một kỳ
- 1/4 trang \$40 một kỳ

Bớt 20% cho độc-giả dài hạn.

BÌA LUNG: 1 ô (3.25"x7") \$200 / kỳ

TRANG BÌA TRONG:

- 1 ô nhỏ: \$120 nguyên năm (12 kỳ)
- 2 ô: \$200 nguyên năm (12 kỳ báo)
- 15 ô (nửa trang): \$100 một kỳ

Nha-sĩ

NGUYỄN THỊ KIM HOÀN

741 Broadview Ave., #201,
Toronto, Ont. M4K 2P6

Subway Broadview Phố Tàu Đông

CHUYÊN GIẢI-PHẪU NƯỚC,
LẤY GÂN MÁU,
TRỒNG RĂNG THẨM-MỸ
CỔ-ĐỊNH VÀ THẢO RỜI

ĐT: (416) 461-5437



A-T SERVICES

VĂN-PHÒNG KẾ-TOÁN

&

KHAI-THUẾ LỢI-TỨC

TRẦN ÁNH TUYẾT

806 College St. (góc Ossington)
(416) 588-4256

*Nhận chuyển hồ-sơ trực-tiếp
lên sổ thuế qua đường dây điện-tử*

**NHẬN ĐÁNH MÁY
COMPUTER CHỮ VIỆT**



TRÌNH-BÀY VÀ ẮN-LOÁT
SÁCH, BÁO, QUẢNG-CÁO

Phẩm chất cao, giá hạ
Trang: (905) 625-9194
(buổi tối & chủ-nhật)

Có tác-phẩm, có phương-tiện, tìm nhà xuất-bản?

**Hãy gõ cửa Làng Văn,
giao cho nhóm xuất-bản chuyên-nghiep**

. Xếp chữ bằng máy vi-tính, lên trang

. Trình bày bìa và phụ-bản

. In thành sách, gửi đến tận nhà

NHẬN IN TỪ 300 CUỐN TRỞ LÊN, GIÁ RẺ VÔ ĐỊCH

LIÊN-LẠC:

LÀNG VĂN

P.O. BOX 218 STATION "U"

TORONTO, ONTARIO M8Z 5P1 CANADA

ĐT: (905) 607-8010 - FAX: (905) 607-8011

EMAIL: tapchilangvan@yahoo.com



Gửi chi-phiếu về:
LÀNG VĂN
P.O. Box 218
Station "U"
Toronto, Ontario
M8Z 5P1
Canada



LÀNG VĂN GIỚI-THIỆU: mười cuốn sách của Cười

Thêm hương thêm hoa cho cuộc đời,
tươi mát, lành mạnh, thoải mái
thích-hợp cho mọi hoàn-cảnh, mọi sinh-hoạt:
cộng-đồng, sân-khấu, gia-đình, tiệc tùng, họp bạn, v.v.

Giá mỗi cuốn 7 mỹ-kim (11 gia-kim)

NHA-KHOA THẨM-MỸ VÀ GIA-ĐÌNH + IMPLANT (CẤY RĂNG)

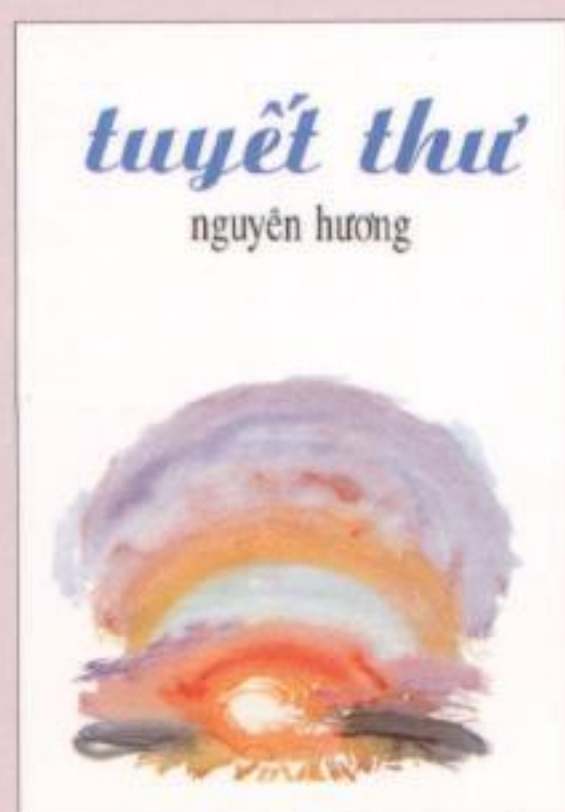
DR. MICHAEL LÊ ĐÌNH HÒA

20 Adelaide St. East, Unit #100

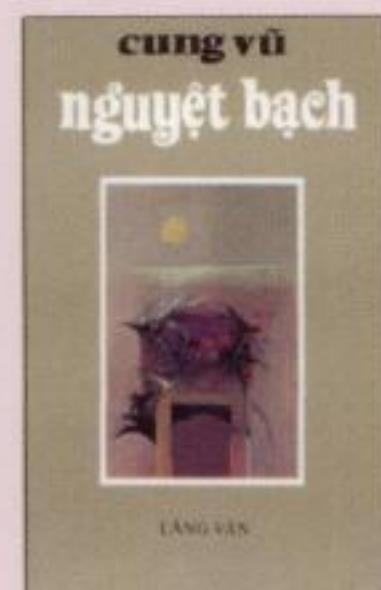
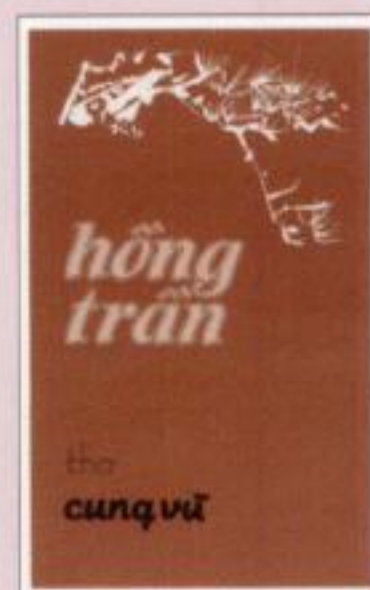
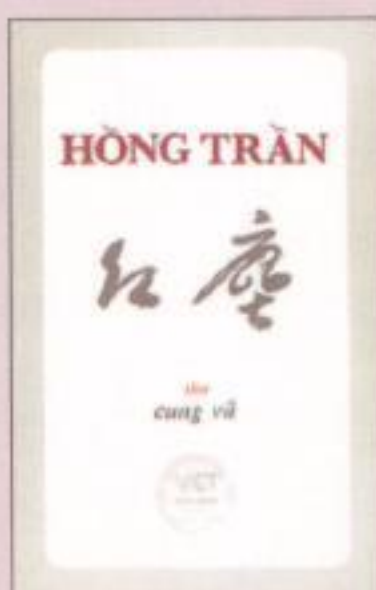
Toronto, Ontario M5C 2T6

Tel: (416) 429-0150 - (416) 971-6956

(giữa các trạm subway King và Queen - có chỗ đậu xe)



Bút-ký văn-ngệ (1998)
10 mỹ-kim (16 gia-kim)
Liên-lạc: Làng Văn



Các tập thơ Cung Vũ:

Hồng Trần (1985), Cỏ Biếc (1987), Hồng Trần (tái bản - 1991),
và Nguyệt Bạch (1992)

Mỗi tập 7 mỹ-kim (11 gia-kim)

Liên-lạc: Làng Văn (địa chỉ ở trang 1 Làng Văn)

www.tapchilangvan.com